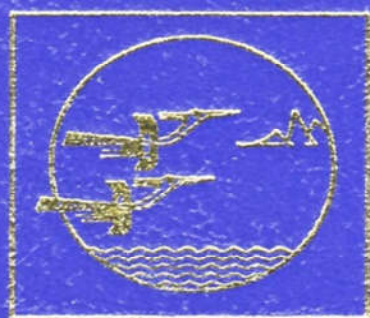


Yên tử Cư sĩ
TRẦN ĐẠI SỸ
Biên soạn

ANH HÙNG ĐÔNG A
GƯƠM THIÊN
HÀM TỬ

Tiểu thuyết Lịch sử

I



Nhà xuất bản **LINH-NAM** *New Orleans*
2012

QUYỂN I

Tựa

Đôi lời với quý độc giả

*Quý vị đang cầm trên tay bộ : **Anh hùng Đông a, gươm thiêng Hàm tử (GTHT)***

Đây là bộ lịch sử tiểu thuyết thuật cuộc bình Mông của tộc Việt lần thứ 2 và 3 vào thế kỷ thứ 13.

Trong chữ Hán, chữ Đông với chữ a thành chữ Trần. Cho nên các văn gia trong lịch sử Việt Nam, gọi triều Trần là triều Đông a.

Khi thuật chiến công của các anh hùng triều Trần, trong việc bình Mông, tôi đặt tên là: **Anh hùng Đông a.**

Tôi chia Anh hùng Đông a làm hai giai đoạn :

– Giai đoạn 1, mang tên : **Anh hùng Đông a, dựng cờ bình Mông(DCBM)**

Thuật cuộc xâm lăng Đại việt của Mông cổ lần thứ nhất.

– Giai đoạn 2 mang tên : **Anh hùng Đông a, gươm thiêng Hàm tử (GTHT)**

Thuật cuộc xâm lăng Đại việt của Mông cổ lần thứ 2, và 3.

Anh hùng Đông a, dựng cờ bình Mông, gồm 5 hồi, chia làm 5 tập, mỗi tập khoảng trên dưới 500 trang. Tổng cộng 2566 trang. Nội dung thuật cuộc bình Mông lần thứ nhất. Khởi đầu từ năm 1150 ; khi vua Lý Anh Tông lên ngôi vua, Cảm Thánh thái hậu nhiếp chính. Bà để cho tình nhân là Đỗ Anh Vũ nắm quyền. Trong nước rối loạn. Bao nhiêu kỷ cương bị xóa bỏ. Cuối cùng các anh hùng phải làm cái truyện xóa bỏ triều Lý lập ra triều Trần.

Năm 1257, Mông cổ mang 10 vạn kỵ binh, 10 vạn hàng binh Đại lý sang đánh Đại việt, bị thất bại.

Bộ sách này do Đại nam Hoa kỳ xuất bản năm 1999. Do nhà xuất bản Trẻ, tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2003.

Năm 1999, khi xuất bản bộ *Anh hùng Đông a, dựng cờ bình Mông*, tôi hứa rằng sẽ cho ra đời giai đoạn 2 của cuộc bình Mông 3 năm sau. Nhưng nghề sinh nhai lối dọc đường ngang không cho tôi giữ đúng lời hứa.

Nguyên do :

Khi tiền nhân đặt chương trình viết lịch sử tiểu thuyết (LSTT) cho tôi đã căn dặn hai điều :

Một là : Khi viết là phải khai chiến với không biết bao nhiêu ma quỷ bị giết khi chúng xâm lăng VN. Lại phải khai chiến với Ma-sống, Quỷ-sống chúng đã, đang muốn bán nước(*mà không có nước để bán*). Vì vậy cần chế chỉ tâm thần.

Hai là :Hết sức tránh không thể để bị lạc lối. Muốn viết gì, làm gì, cũng phải chờ khi hoàn tất chương trình viết LSTT đã.

Vì vậy trong thời gian viết bất cứ bộ LSTT nào, tôi cũng tự giam mình trong hào quang Liệt-tổ Đại-Việt. Cứ sau khi một bộ ra đời, thì tôi lại nghỉ 6 tháng.

Theo đúng chương trình, thì cuối năm 2002, tôi cho xuất bản bộ *Anh-hùng Đông-a Gươm thiêng Hàm-tử*(GTHT), tiếp theo bộ *Anh hùng Đông A dựng cờ bình Mông*(DCBM). Trong bộ thứ hai này,

tôi dùng hành trạng của Trấn bắc đại-tướng quân Hoài-văn vương Trần Quốc Toàn làm chủ động. Hay nói giản dị hơn, là thỉnh ngài làm nhân vật chính. Nhưng khi mọi sự chuẩn bị, thì một du học sinh tại Trung-quốc gửi cho tôi mấy trang gia phả của một dòng họ Trần bên Trung-quốc, cùng hình ngôi mộ. Gia phả, cũng như mộ chí thuật rằng : sau khi thắng Mông-cổ lần thứ ba, Hoài Văn vương theo vương phi nguyên là công-chúa Tống về Trung-quốc kháng chiến chống Mông-cổ. Vì vậy tôi ngừng lại. Năm 2002 tôi sang Trung-quốc tìm hiểu chi tiết này. Nên nội dung bộ GTHT phải sửa lại toàn bộ.

Nhưng rồi những biến cố dồn dập tới khiến cho bộ GTHT bị chậm trễ.

Kể từ năm 1977 là năm tôi bắt đầu dạy học, tôi cố gắng chế chỉ tâm thần, không cho in, không cho xuất bản những bài giảng của tôi về vấn đề Vu sơn học (Sexology). Vì tôi không viết về Y thì có hằng nghìn người viết. Nhưng năm 2000, do yêu cầu của Viện Pháp á (IFA = Institut Franco Asiatique) và *Hội nghiên cứu y học Á châu* (ARMA= Association pour la recherche de la Médecine asiatique), tôi phải biên tập tất cả những bài giảng về Sexology, cho xuất bản (làm sách giáo khoa). Do vậy việc viết LSTT của tôi phải tạm ngừng. Bộ *Giảng Huấn Tình Dục Bằng Y Học Trung-quốc* (The Chinese medical Sexology), đã do tvvn.com, California, USA, xb 2002, gồm 3 quyển. Tổng số trang nếu là khổ tiểu thuyết lên tới 2500 ! Tôi bị bắt buộc phải đi lạc hướng ! Tiếp tục, tôi phải biên tập xuất bản bộ *Giảng huấn tình dục nữ bằng y học Trung quốc* (The Chinese medical Sexology for Womens) cũng khoảng 2500 trang năm 2004 mới xong.

Đã hết đâu, cũng năm 2004, ARMA, IFA yêu cầu tôi tập hợp những bài giảng về *Khí-công, Tiểu đường, Phong thấp đở xb*. Thế là tôi phải mất 3 năm biên tập ba bộ *Dịch cân kinh, Tiểu đường, Phong thấp*. Bộ Dịch cân kinh do nhà Đại-Nam, CA, USA xb (2004) khoảng 390 trang. Nội dung gồm :

- Dịch Cân Kinh,
- Thập thức bảo kiện pháp,
- Đào hoa trường xuân pháp,
- Liên hoa pháp,
- Tổng giải về Khí-công.

Hai bộ *Tiểu đường, Phong thấp* do ARMA xb. Thế là tôi mất 5 năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005! Đây là thời gian sung sức, minh mẫn nhất trong đời. Tôi bị bắt buộc đi lạc hướng.

Đã vậy, tôi lại tự đi lạc hướng, tiếp xúc với báo chí, truyền thanh, truyền hình, Internet, mất rất nhiều thời giờ.

Không biết do liệt tổ Đại-Việt linh thiêng, hay ông cha trợ giúp, mà một người thân của tôi, thân lắm lắm tuy ngàn trùng cách biệt, mà đã E-Mail cho tôi đến 5 lần, yêu cầu tôi ngừng hết, để trở về với con đường đang đi: LSTT.

Thế là năm 2006 tôi trở lại với bộ *Anh hùng Đông a Gươm thiêng Hàm tử* (GTHT). Bộ này nối tiếp bộ AHĐA DCBM gồm 61 hồi, chia làm 6 tập, mỗi tập trên dưới 500 trang; bắt đầu từ hồi 51, đến hồi 111. Đến nay, tháng 12- 2009 mới xong, hơn 3185 trang.

Nội dung bộ *Gươm thiêng Hàm tử* thuật lại hai cuộc xâm lăng Đại việt lần thứ nhì, thứ ba của Mông cổ, mỗi lần 50 vạn quân. Bị đánh tan. Cái hài hước là vị trừ quân Nguyên, Tổng tư lệnh lực lượng xâm lăng phải chui vào ống đồng trốn chạy để tránh bị ném đá, bị bắn tên chết. Suốt trong chiều dài

lịch sử 5 nghìn năm của Trung quốc, chưa bao giờ một tướng Tư lệnh bị nhục như vậy. Tại Việt Nam, 724 năm qua, khi tuổi trẻ tộc Việt đọc sử, hoặc nghe giảng đến truyện này đều cười lẫn, cười lộn. Thời gian của bộ GTHT từ năm 1257 đến năm 1289, trong khoảng 32 năm. Trong 32 năm đó, ngoài chiến công lừng lẫy, văn hóa Đại Việt nở rộ ra bốn kho tàng:

- *Chữ Nôm,*
- *Hát Xẩm,*
- *Hát chèo,*
- *Điệu múa Bài bông.*

Về chữ nôm, tôi có đủ tài liệu, đủ kiến thức thuật. Nhưng ba bộ môn văn nghệ kia, tôi chỉ biết nguồn gốc, cơ cấu hình thành. Còn điệu ca, các thể loại thì mù tịt. Tôi đành trở về Hà Nội tìm kiếm. Tôi đến *Trung tâm phát triển nghệ thuật âm nhạc Việt Nam*, bấy giờ trụ sở tại 75 hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tháng 4-2008 trung tâm dời đến đình Hào Nam, địa chỉ 32/32, Hào Nam, quận Đống Đa. May mắn tôi gặp nghệ sĩ ưu tú Thanh Ngoan, một nghệ sĩ đa tài, sắc nước hương trời, yêu nghệ thuật hơn yêu chồng, yêu con. Nếu nói ngoa một chút thì cô yêu nghệ thuật hơn yêu chính mình. Thanh Ngoan là cuốn tự điển về âm nhạc VN. Tôi hỏi gì Thanh Ngoan giảng như mưa tuôn, như thác chảy.

Khi tôi hỏi câu:

- *Hát Xẩm gồm có những thể loại thơ văn nào?*

Thanh Ngoan trả lời:

- Bất cứ thể loại thơ văn nào, bất cứ điệu ca nào cũng có thể biến ra hát Xẩm được cả.

Nói rồi Thanh Ngoan cất tiếng hát một bài theo thể lục bát, tiếp theo các thể song thất lục bát, hát nói (ca trù), chầu văn. Chỉ cần ba buổi làm việc với Thanh Ngoan, tôi đã có cái vốn hiểu biết rất chính xác về ba loại nghệ thuật trên để viết sách. Vậy tôi xin ghi ở đây lòng tri ơn với Thanh Ngoan và tình cảm chân thành với nghệ sĩ Thúy Ngân, Thu Yên, Thu Phương; nhạc sĩ Thao Giang.

Nội dung bộ GTHT chia làm 2 giai đoạn rõ rệt :

Giai đoạn đầu (1257-1280)

Các nhân vật chính là :

Vũ Uy vương Trần Nhật Duy và vương phi Trần Ý Ninh. Vũ Uy vương trong ĐVSKTT, VSL có chép, song rất ngắn, rất ít. Nhưng trong sử Trung quốc, sử Mông cổ, gia phả chép rất nhiều. Vương phi Trần Ý Ninh thì trong sử Việt không thấy chép, nhưng trong các gia phả, trong các cuốn phổ thì chép nhiều hơn vương. Nhiều vô cùng.

Vương là con trưởng của vua Trần Thái tông và Tuyên phi Mai Đông Hoa. Nhưng vì Tuyên phi xuất thân là ca kĩ, nên dù vương là người tài trí bậc nhất trong 8 anh em, công lao với xã tắc cao ngất trời nhưng không được lập làm Thái tử. Mà ngôi Thái tử truyền cho em thứ 3 của vương là Hoàng, sau là vua Trần Thánh tông.

Nguyên do : theo lễ chính thông của nho gia. Vua Trần Thái tông được truyền ngôi vì là phò mã của vua Lý Huệ tông, thì vua Trần Thái tông phải truyền cho cháu ngoại của vua Huệ tông là hoàng tử Hoàng, con của công chúa Thuận Thiên.

– Thời Nguyên phong (1257), trong lần bình Mông thứ nhất, vương là Tổng trấn Bắc cương, đã đánh Ngột Lương Hợp Thai những trận kinh thiên động địa tại Thảo lâm, Bình lệ Nguyên, Phù lỗ, Cự bản.

– Vương là người nhã lượng cao trí, khuất thân cầu hiền, nên nhân tài trong nước tụ về trong vương phủ của vương rất nhiều. Sau trận giặc năm 1257, vua Thái tông muốn nhường ngôi cho thái tử Hoảng, để làm Thái thượng hoàng. Nhưng vì sau trận giặc 1257, uy tín Vũ Uy vương lên cực cao, vương nắm binh quyền trong tay, văn võ quan đều hướng về vương. Bấy giờ Mông cổ đòi triều đình Việt phải nhận 6 điều :

- *Một là đích thân quốc vương phải vào chầu,*
- *Hai là đem trưởng nam làm con tin,*
- *Ba là kê biên dân số,*
- *Bốn là phải chịu quân dịch,*
- *Năm là phải nộp thuế, lương thảo.*
- *Sáu là nhận Đạt lỗ hoa xích (Đa gu ra tri) .*

Vua Thái tông mượn cớ đó sai vương đi sứ Mông cổ, làm con tin. Vì vương là con trưởng, để có thể truyền ngôi cho thái tử Hoảng mà không sợ vương đem quân về làm chính biến; như Đường Thái tông đã giết anh là thái tử Kiến Thành, em là Nguyên Cát. Như các con vua Lê Đại Hành, các con vua Lý Thái tổ.

Trong sứ đoàn vương đem theo 5 nhân vật lừng danh lịch sử: Thiên trường ngũ ứng là :

- *Dã Tượng Trần Quốc Kinh,*
- *Yết Kiêu Trần Quốc Vỹ.*
- *Nguyễn Đại Hành,*
- *Cao Mang,*
- *Nguyễn Địa Lô.*

Thêm 7 giai nhân sắc nước hương trời, được danh sĩ Long thành tặng danh hiệu *Tô lịch thất tiên*, đó là 7 nhân vật trong tôn giáo, gia phả, huyền sử :

Hoàng Hoa, khuê danh Lê Thị Phương Dung, sau là thứ phi của Ngột Lương Hợp Thai.

Bạch Hoa, khuê danh Đặng Thị Anh. Sau là Tuyên phi của Hốt Tất Liệt.

Huyền Hoa, khuê danh Vương Hoài Linh. Sau là Nguyên phi của vua Mông cổ là A Lý Bất Ca

Thanh Hoa, khuê danh Tô Kim Huệ. Sau là Tuyên phi của đại hãn Mông Ca.

Hồng Hoa, khuê danh Vũ Nguyệt Hương. Sau là hoàng hậu của Bắc Liêu vương Thập Sát Nhi.

Tử Hoa khuê danh Cao Đại Nhu. Sau là vương phi của Cáp Thiết Sát Nhi.

Lan Hoa, khuê danh Cao Thiếu Nhu. Sau là thái tử phi của Ngọc Mộc Hốt Nhi.

Đó là 7 kĩ nữ, từ chỗ xấu xa cùng cực, đem thân cho thiên hạ mua cười; biết dùng nhan sắc, dùng tài ca hát giúp nước, làm rung động giang sơn Đại Việt, Mông cổ, Tống, Liêu, Kim, Đại lý. Đúng công trạng, các bà phải được phong là Quốc mẫu. Nhưng đời Trần, tước Quốc mẫu chỉ được phong 1 lần, cho 1 người là bà Trần Kim Dung, hoàng hậu của vua Lý Huệ tôn, sinh mẫu của vua Lý Chiêu Hoàng, cuối cùng là vợ của Thái sư Trần Thủ Độ.

Vì vậy 7 bà được triều đình phong tước Thánh mẫu. Khi thác, các bà rất linh thiêng, thường nhập đồng, nên trong tôn giáo, kính trọng 7 bà thường gọi là Đông a Thất vị thánh mẫu.

Ngoài ra, vương còn mang theo 5 nhân vật trong văn nghệ, trong huyền sử, trong tôn giáo, trong gia phả là *Đông hoa ngũ tiên*:

Hồng Nga, khuê danh Phạm Thúy Hồng. Sau là vương phi của A Truật, 1 trong các khai quốc công thần của Nguyên.

Thúy Hồng, khuê danh Lý Thúy Hồng. Sau là phu nhân của Dã Tượng. Về già ngộ đao đi tu, đắc quả Bồ tát. Ngài là một tổ Mật tông Đại Việt.

Thúy Nga, khuê danh Hà Thị Thúy. Sau là vương phi của thân vương A Lan Đáp Nhi, tể tướng Mông cổ.

Thanh Nga, khuê danh Nguyễn Thị Thanh Nga. Sau là vương phi của Trung nghĩa vương Đại Việt.

Thúy Trang, khuê danh Cao Thúy Trang. Sau là hoàng hậu Nãi man. Một đại quốc đối kháng với Nguyên.

– Với tài trí, với nhã lượng, ôn nhu, biết xử dụng Thiên trường ngũ ứng, Tô lịch thất tiên, Đông hoa ngũ tiên ; trong khi đi sứ Vũ Uy vương đã kết thân với anh hùng Đại lý, Thổ phồn, Sơn đông Trung quốc, Cao ly, Hồi Cương thành lập thể *Quần lang chiến hổ*. Chống lại Mông cổ.

– Vương dùng tài trí giúp Tống chống Mông cổ, ép Tống trả lại 3 châu Khâu bắc, Chiêu dương, Văn sơn bị Trung quốc chiếm từ thời Lĩnh nam (44 sau Tây lịch), mà Tống đang dung dưỡng cho bọn Thổ phi Thân Long cai trị như một nước riêng. Ba châu này nằm giữa Đại lý, Tống và Đại Việt.

– Vương tổ chức, dùng mỹ nhân kế, gây chia rẽ giữa vua Mông cổ là Mông ca với em ruột là thân vương Hốt Tất Liệt. Bấy giờ Hốt Tất Liệt đang nắm quân nghiêng nước đánh Tống. Với tài trí của Hốt Tất Liệt thì việc diệt Tống chỉ trong một hai năm. Diệt Tống xong Hốt Tất Liệt sẽ đánh Đại Việt. Kết quả Mông Ca thu binh quyền của Hốt Tất Liệt. Các cánh quân đánh Tống, tạm ngừng. Uy tín Vũ Uy vương trấn động Hoa, Việt, Cao ly, Hồi cương, Đại lý, Thổ phồn.

– Hốt Tất Liệt bị thu binh quyền, Mông ca thân chinh đánh Tống. Tống lâm nguy cầu cứu với Đại Việt. Bấy giờ vua Thái tông đã nhường ngôi cho vua Thánh tông. Vua Thánh tông chưa nắm được triều đình. Vua Thái tông lên làm Thái thượng hoàng, nhưng vẫn nắm quyền. Sợ Vũ Uy vương có thể cướp ngôi vua của em. Vua Thái tông sai vương đem quân trợ Tống. Mục đích cho vua Thánh tông nắm được binh quyền, nắm được nền cai trị. Vũ uy vương, vương phi đem theo Thiên trường ngũ ứng, Tô lịch thất tiên, Đông hoa ngũ tiên, với 5 vạn quân trợ Tống. Vương đánh các trận kinh thiên động địa là Thành đô, Điều ngư, Ô Giang, Trường thảo, giết chết Đại hãn Mông cổ là Mông Ca. Gây ra cuộc chiến tranh tương tàn giữa anh em Hốt Tất Liệt, A Lý Bất Ca.

Tuy mặt trận Tứ xuyên, Mông Ca tử trận, nhưng mặt trận Tương dương, Phàn thành, Hốt Tất Liệt đã vượt Trường giang, chiếm 11 châu, 41 thành của Tống. Hốt Tất Liệt vội ký hòa ước với Tống, chịu trả 11 châu, 41 thành, lập ra triều Nguyên để quay về chính quốc tranh ngôi vua với A Lý Bất Ca.

Vũ Uy vương lợi dụng dịp này khích động các lãnh tụ chư hầu Mông cổ tách ra làm 5 nước đối kháng với Nguyên :

- *Nãi man*,
- *Sơn đông*,
- *Bắc liêu*,
- *Kim trướng*,
- *Mông cổ*.

Sau khi chiến thắng, Tống phong cho Vũ Uy vương tước Hành sơn vương. Lãnh thổ gồm các vùng phía nam Trường giang như Trường sa, Hồ nam, Quý châu, Quảng đông, Quảng tây. Nghĩa là trọn vẹn phần lãnh thổ của tộc Việt thời cổ bị Trung quốc chiếm từ thời Tần Thủy hoàng, thời Hán, Đường.

Cuộc nội chiến Mông cổ cực kỳ khốc liệt. Cuối cùng Hốt Tất Liệt thắng A Lý Bất Ca, quân lực Mông cổ bị kiệt quệ. Nhờ vậy mà Tống được yên trong hơn 20 năm. Đại Việt không sợ cái họa Mông cổ nữa. Vì cuộc nội chiến, tinh lực Mông cổ bị tan nát. Thế hệ thanh niên từ 18 đến 40 gần như chết hết.

Giai đoạn hai (1281-1289)

Sau 20 năm yên ổn, với thiên tài của Hốt Tất Liệt, tinh lực vùng Thảo nguyên phục hồi. Hốt Tất Liệt huấn luyện lớp thanh niên mới từ 18 tới 30 tuổi, tạo thành những đội binh thiện chiến như thời Thành Cát Tư Hãn. Ông ta cũng huấn luyện thanh niên Trung quốc vùng Hoa bắc, vùng Tứ xuyên, lập những đội kỵ binh như Mông cổ. Ông ta xua binh vượt Trường giang đánh Tống. Nhờ biết dùng Hán pháp cai trị Trung quốc, tổ chức triều chính, dùng quan lại Trung quốc. Nên dân Hán không coi Hốt Tất Liệt là Hung nô, là Thát đát. Ông ta hết sức chiêu mộ, trọng đãi nho sĩ, nhân tài Hán, nên đánh đến đâu, quan, quân Tống đầu hàng đến đó. Nguyên thắng Tống như chẻ tre. Cuối cùng triều đình Tống bị phục kích ở Nhai sơn. Đế Bính cùng thái hậu, hậu cung, triều đình cùng đường nhảy xuống biển chết đến 20 vạn người.

Trong khi đó vùng trấn nhậm Kinh hồ của Vũ Uy vương, Nguyên không dám đánh, mà gửi sứ chiêu hàng. Vũ Uy vương hỏi ý kiến triều đình Việt. Thượng hoàng Thánh tông trả lời :

« Vương làm vua vùng Kinh hồ cho Tống, mà Tống không còn nữa. Vậy vương hãy xem ý dân vùng Kinh hồ, nếu họ còn tưởng nhớ đến Tống triều, thì vương suất lĩnh quân dân chống giặc. Còn như họ không còn nhớ đến Tống nữa thì có chống cũng vô ích. Chỉ gây ra vạ núi xương, sông máu mà thôi ».

Sau khi Vũ Uy vương tham khảo ý kiến các tướng lĩnh, các quan Kinh lược sứ, quận huyện Tống, họ đều muốn hàng. Vương trao đất cho Nguyên, rồi lên đường về Đại đô làm con tin cho Đại Việt. Hốt Tất Liệt kính trọng tài năng của vương, phong cho vương chức Tống trấn miền Tây Mông cổ gồm các nước Tây hạ, Hoa Thích Tử Mô, Afganistan, Iran, Irak ngày nay.

Khi Vũ Uy vương rời Kinh hồ thì là lúc Hốt Tất Liệt sai Toa Đô đem quân sang đánh Chiêm. Triều đình Đại Việt biết âm mưu của Nguyên là đánh Chiêm, để chuẩn bị một mũi dùi đánh vào nam Đại Việt. Nên quyết định gửi 5 vạn binh, 500 chiến thuyền viện Chiêm ; cử Hưng Nhượng vương làm tư lệnh mặt trận viện Chiêm.

Thời gian này, Vũ Uy vương sinh một thế tử đặt tên là Trần Quốc Toàn. Theo hội điển sự lệ triều Trần, khi một thế tử con tước vương sinh ra thì được phong tước hầu. Triều đình phong cho Quốc Toàn tước Hoài Văn hầu, ấp phong là Hàm tử, dù Quốc Toàn còn bế ngửa ở Trường sa. Thượng hoàng ban cho Quốc Toàn một thanh kiếm. Vương, vương phi lên đường sang Nguyên, thì Quốc Toàn đã 11 tuổi. Phi gửi Quốc Toàn về nước cho bà nội là Tuyên cao thái phi Mai Đông Hoa nuôi.

Những giai nhân Vũ Uy vương cống cho Nguyên, được sủng ái như Bạch Liên là sủng phi của Hốt Tất Liệt, Hồng Nga là sủng phi của A Truật đã khám phá ra có 2 thân vương Đại Việt âm thầm làm

gian tế cho Nguyên, mong được Nguyên phong cho tước An Nam quốc vương. Nhưng Hốt Tất Liệt hết sức giữ kín, y đánh dấu vào hồ sơ hai tên gian vương này bằng dấu hiệu hình vuông và tròn. Vũ Uy vương đã phước trình về Đại Việt. Nhưng trong họ Đông a có đến hơn trăm tước vương. Triều đình đành im lặng để giữ tình đoàn kết trong họ. May thay một giai nhân trộm được một bức thư của gian vương gửi cho Nguyên. Vương phi Ý Ninh lấy bức thư đó nhét vào chuôi kiếm của Quốc Toàn, rồi dặn con : khi về nước, yết kiến Thượng hoàng, thì lấy bức thư dấu ở chuôi kiếm ra trình, Thượng hoàng căn cứ bào bút tự, tìm ra một gian vương.

Khi Quốc Toàn về tới Tiên yên thì bị gian nhân bắt cóc, đó là bọn Trần Di Aùi, Trần Tú Hoãn, Trần Văn Lộng, Trần Quang Kiện. Chúng khám trong hành lý tìm bức thư chứng cứ, nhưng không thấy. Chúng phao rằng Tế tác (gián điệp) Nguyên bắt cóc Quốc Toàn, giết chết, rồi cho một thiếu niên giả Quốc Toàn. Chúng giam Quốc Toàn vào một cái giếng cạn, rất sâu, rất rộng, thông với một hầm đá. Không ngờ hầm đá đó là nơi cuối đời bồ tát Minh Không nhập diệt. Hầu tìm được các thẻ đồng chép bộ *Lĩnh Nam vũ kinh, bảo quốc trấn bắc, bình nam* của bồ tát Minh Không. Hầu luyện thành bản lĩnh vô địch. Trong khu rừng chỗ giếng khô bọn gian còn giam một con vượn. Con vượn này trước đây bồ tát Minh Không nuôi nó, dạy Thiền cho nó, nên công lực nó rất cao.

Có bản lĩnh nghiêng trời lệch đất, Quốc Toàn thoát khỏi giếng khô, thì gặp một thiếu niên, đó là Hoài Nhân vương Trần Quốc Kiện, con của vua Trần Thánh tông. Vương cũng là nạn nhân của bọn Trần Di Aùi, Trần Quang Kiện, Trần Văn Lộng, Trần Tú Hoãn. Vương được phụ hoàng Thánh tông trao cho bọn này dạy dỗ. Nhưng chúng không dạy gì cho vương, mà cáo với vua rằng vương không học văn, luyện võ, lười biếng. Thế là Quốc Toàn dạy võ cho Hoài Nhân vương. Anh em vô tình khám phá ra Trần Di Aùi chính là gian vương Tròn. Đó là lý do y cùng các con bắt giam Quốc Toàn, để có thể làm áp lực với Vũ Uy vương.

Hai anh em về Thăng long, đúng lúc triều đình cử Trần Di Aùi đi sứ Nguyên, thay vua sang châu Hốt Tất Liệt. Anh em tố cáo âm mưu của cha con Trần Di Aùi với Thượng hoàng. Nhưng bấy giờ sứ đoàn đã sang tới lãnh thổ Nguyên.

Quốc Toàn nhận ấp phong Hàm tử. Hầu được Trung Thành vương huấn luyện thanh niên nam nữ, tổ chức thành hiệu binh Hàm tử.

Thượng hoàng sai Quốc Kiện, Quốc Toàn làm Khâm sứ viện Chiêm. Trên đường đi, hai người trợ giúp một thiếu nữ bị Tuyên phủ ty Nguyên đuổi bắt. Đó là công chúa Câu-thi Lị-ha-thân Bài-ma-la (Sri Harivarman) Nang Tiên. Nang Tiên cảm động, thế là trai tài, gái sắc gặp nhau. Nang Tiên với Hoài Nhân vương kết thành tình thanh mai, trúc mã (sau này thành vợ chồng).

Quốc Toàn, Quốc Kiện, Nang Tiên phối hợp liên quân Việt Chiêm, đánh tan các đội quân Nguyên tại Chiêm. Hai vị trở về Thăng long, giữa lúc triều đình được tin Nguyên phong cho Trần Di Aùi làm An Nam quốc vương, sai Sài Thung hộ tống về nước. Triều đình quyết định cử Quốc Toàn, Quốc Kiện đem quân đi đánh Sài Thung, bắt Trần Di Aùi. Trong buổi triều hội này xướng chế vũ khí, đúc 2 thanh kiếm rất sắc bén. Thượng hoàng đặt cho thanh lớn là Trấn bắc, thanh nhỏ là Bình nam. Ngài treo thanh Trấn bắc tại cửa bắc thành Thăng long, treo thanh Bình nam ở cửa nam thành Thăng long, và ban chỉ :

– Bất cứ thân vương, hầu, tướng sĩ nào đi qua cửa, mà kiếm dao động, sẽ được ban cho thanh kiếm đó.

Quốc Toàn qua cửa bắc thanh kiểm rung động, nên hầu được ban kiểm, phong chức Trấn bắc đại tướng quân. Phạm Ngũ Lão qua cửa nam thanh kiểm rung động, được ban kiểm phong chức Bình nam đại tướng quân.

Quốc Toàn, Quốc Kiện chỉ huy lực lượng Cần vương Tống bắn mù mắt Sài Thung, diệt trọn vẹn một thiên phu kị binh Mông cổ, bắt sống Trần Di Ái và bọn Lê Tuân, Lê Mục. Hốt Tất Liệt nổi giận, lập *An Nam chinh thảo hành tĩnh (Bộ tư lệnh quân đội đánh An Nam)* sai hoàng tử thứ chín là Thoát Hoan, thuộc loại người văn mô vũ lược, đem 50 vạn quân sang đánh Đại Việt bằng ba mũi : thứ nhất tràn từ bắc sang. Thứ nhì do Vân Nam vương tiến theo đường phía tây. Toa Đô đánh từ Chiêm thành vào phía nam (1285).

Quốc Toàn, Quốc Kiện chiến thắng trở về, giữa lúc triều đình họp đại hội Bình than, nghị kế chống giặc. Hai người bị Chiêu Quốc vương Trần Ich Tắc không cho dự. Quốc Toàn giận quá, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không hay. Hầu trở về kéo hiệu binh riêng tên Hàm tử, trên cờ viết 6 chữ *Phá cường địch, báo hoàng ân*.

Tiếp theo đại hội Bình than, theo đề nghị của Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, triều đình tổ chức đại hội mời các bộ lão về điện Diên hồng dự yến để hỏi ý kiến xem nên chịu nhục, khuất phục, mở cửa cho quân Nguyên vào nước, chịu 6 điều do Nguyên đưa ra hay chống giặc. Tất cả các bộ lão đều bày tỏ ý kiến : chiến. Thế là sau đại hội, các bộ lão trở về xuất lĩnh dân chúng : nam nữ, già trẻ quyết tâm giữ làng chống giặc. Triều đình cử người về từng thôn, từng ấp, huấn luyện dân chúng thành Nghĩa dũng binh chống giặc, tổ chức mỗi làng thành một đồn lũy, phòng giặc. Đó là lý do quân Nguyên tuy đông, nhưng khi đánh chiếm được vùng nào, sau khi đi qua, vùng đó lại vẫn thuộc về triều đình.

Thế rồi quân Nguyên ba mặt tấn công Đại Việt. Quân Việt theo sách lược của Hưng Đạo vương chỉ chống cự qua loa, rồi ẩn vào dân chúng, chờ cho giặc vào sâu trong nước, trải quân rộng rồi phản công. Không ngờ Chiêu Quốc vương Trần Ich Tắc, tổng trấn Thăng long, Quản khu mật viện hàng giặc, nảy ra vương chính là gian vương Vuông. Vương cung cấp tất cả kế hoạch phòng thủ Đại Việt cho giặc, vì vậy những căn cứ phòng vệ chính đều bị Nguyên chiếm.

Thoát Hoan chiếm Thăng long, tự cho rằng đã bình định được Đại Việt. Y sai đúc một ống đồng, bắt chức Mã Viện trồng cột đồng trụ. Trên ống đồng khắc một bài minh ghi chiến công của mình. Giữa lúc y hân hoan sai chở ống đồng ra hồ Tây dựng lên thì quân Việt phản công. Y phải chui vào ống đồng bỏ chạy.

Trong khi đó Toa Đô, Ô Mã Nhi từ Thanh hóa theo đường biển tiến dọc sông Hồng, định bắt tay với lực lượng của Thoát Hoan. Y không biết Thoát Hoan chạy trốn rồi. Khi đạo binh của y tới Hàm tử thì bị Hoài Văn hầu đánh tan, chém đầu.

Thoát Hoan bị thua nhục nhã, Hốt Tất Liệt nhất định đốc quân nghiêng nước sang đánh trả thù (1287). Cũng 50 vạn quân thủy, bộ, kéo qua. Lần này không còn đạo binh đánh vào Nam thủy nữa, mà thay vào đó với một lực lượng thủy quân hùng hậu. Nhưng Hốt Tất Liệt phạm vào một lỗi lầm quan trọng, khi không chú ý đến thủy quân Đại Việt :

Thủy quân Việt dùng tới 4 loại thuyền khác nhau :

– *Đại chu là loại lớn có thể chở được từ 300 đến 500 quân. Dùng để chuyển quân, chuyên chở lương thảo.*

- Trung chu, có thể chở được từ 100 đến 200 quân, dùng để tác chiến trên sông lớn, trên biển.
- Tiểu chu là loại có thể chở từ 20 đến 100 quân, dùng để tác chiến trên tất cả sông lớn, sông nhỏ.
- Thần tốc chu, là loại nhỏ nhất, chở được từ 4 người đến 15 người. Loại này là lực lượng chủ yếu tác chiến trên sông, di chuyển cực nhanh. Đây là loại thuyền gây thiệt hại cho Nguyên nhiều nhất.

Lần trước đạo binh Vân nam chỉ là một cánh quân yếu. Lần này đạo binh Vân nam cực kỳ hùng hậu. Hốt Tất Liệt chú ý đến bọn phản quốc Trần Ich Tắc. Y gọi chúng về Đại đô, làm lễ tấn phong cho Ích Tắc lĩnh An Nam quốc vương. Con Ích Tắc được phong hầu. Lại phong chức tước cho bọn Trần Văn Lộng, Trần Tú Hoãn. Rồi sai chúng theo Thoát Hoan về nước.

Cũng như lần trước khi quân Nguyên vào sâu trong nước, bị muỗi đốt, bị lam chướng, quân Việt phản công. Các đường tiếp tế lương thực bị chặn đánh. Đoàn thuyền chở lương bị nhận chìm ở Vân đồn.

Tuyệt vọng, Thoát Hoan đành ra lệnh lui binh. Tất cả các cánh quân, trên đường rút về, bị quân Việt phục kích, chết, bị bắt không biết bao nhiêu mà kể.

Cánh rút theo đường thủy bị chặn đánh tại sông Bạch đằng. Toàn bộ chu sư bị bắt, bị đánh chìm. Ô Mã Nhi, Phàn tiếp bị bắt sống.

Thoát Hoan bại binh trở về, bị Hốt Tất Liệt đuổi ra Dương châu, suốt đời không nhìn mặt, không cho về triều.

Hốt Tất Liệt chuẩn bị báo thù, xâm lăng lần thứ 4. Nhưng chưa kịp ra quân thì băng hà. Thế là một hoàng đế vĩ đại nhất Trung quốc, ba lần mang quân nghiêng nước, đánh một nước Đại Việt nhỏ bé, bị thảm bại. Đại đế tức mà chết, chết rồi còn tức.

Bây giờ xin Quý độc giả cùng tôi ngược mắt nhìn về 7 trăm năm trước xem các vị Anh hùng Đông a, giết giặc Nguyên như thế nào, để tự hào là con cháu các ngài.

Paris ngày 31 tháng 12 năm 2009
Nhằm ngày 16 tháng 11 năm Kỷ Sửu.

Yên Tử Cư Sĩ
Trần Đại Sỹ

Hồi thứ năm mươi một
Sách lược trấn Bắc

Bấy giờ là niên hiệu Nguyên Phong thứ 7 (1258) đời vua Thái Tông nhà Trần. Tháng 12, thái sư Mông cổ Ngột Lương Hợp Thai thống lĩnh 20 vạn quân, gồm 10 vạn Lôi kỵ, 10 vạn hàng binh Đại lý tiến đánh Đại Việt.

Hưng Đạo vương thiết kế:

"*Binh tướng Mông cổ đều là Kỵ binh, thiện chiến, hung dữ. Vũ khí chính của họ là cung-tên. Từ tướng đến quân của họ đều sống trên vùng Thảo nguyên cực bắc, đồng cỏ mênh mông. Khí hậu vùng cực Bắc quanh năm lạnh đến xé da, cắt thịt. Người ngựa đều chịu lạnh rất giỏi. Chiến thuật của họ sở trường về dàn quân trên những vùng đất khô, trên cánh đồng rộng. Gần đây sau khi đánh sang Tây vực, họ chế ra máy bắn đá phá thành. Vì vậy họ tung hoành khắp Kim, Liêu, Tống, Tây Hạ, và mấy chục nước Tây vực không nơi nào đương nổi. Trong lần thiết triều, hồi họ mới tới Bắc cương, thái sư (Trần Thủ Độ) đã giảng giải rất kỹ về lịch sử, phong tục, tổ chức chính trị, luyện quân cùng chiến thuật của họ. Chúng ta đều thuộc nằm lòng rồi.*

Chính sách của Thái Tổ Hốt Tất Liệt là: mỗi khi đánh vùng, một thành, họ kêu gọi quan lại, tướng sĩ, dân chúng đầu hàng. Nơi nào tuân theo thì họ cấm quân sĩ tuyệt đối không được hãm hiếp, giết người, cướp của, đốt nhà. Quan lại, binh tướng họ vẫn cho tồn tại. Họ sẽ dùng binh tướng đầu hàng làm tiên phong đánh các vùng khác. Quan lại, tăng lữ phải đốc thúc dân chúng cung ứng lương thảo, cùng người lao dịch cho họ. Vì vậy họ không cần tiếp vận lương thảo từ Mông cổ sang.

Bây giờ họ sang đánh ta, ta phải đối phó ra sao?

"Vô hiệu sở trường của họ. Biến sở trường của họ thành sở đoản. Dùng sở trường của ta. Biến sở đoản của ta thành sở trường."

Ta phải áp dụng bảy điều:

Một là, về chiến thuật, tuyệt đối ta không dàn quân đánh với họ. Nếu ta cũng dàn quân đối địch với họ là đem sở đoản của mình, đấu với sở trường của họ. Địa thế của ta, đường của ta từ Bắc cương về Thăng long nhỏ hẹp, chỉ cho phép kỵ binh đi hàng một, đi chậm, không thể phi nhanh. Trên đường có nhiều cầu nhỏ, kỵ binh không thể qua. Ấy là không kể nhiều đoạn lầy lội, ngựa bị lún chân. Địa thế khiến kỵ binh của họ không còn tung hoành được.

Hai là, khí hậu của ta thấp nhiệt, muỗi, vắt, sâu, bọ nhiều. Người ngựa của họ vốn sống ở Thảo nguyên lạnh lẽo, không thể chịu nổi khí hậu, đây đặc lam chướng của ta. Người của họ chỉ ăn thịt, nay sang ta phải thì thịt hiếm, họ phải ăn cơm, cá, tôm, rau, đậu. Họ không có khả năng đánh cá, bắt tôm. Người, ngựa của họ ăn rau, đậu, cỏ của ta, đây sâu bọ, kiến ruồi. Cả người, ngựa uống nước có cung quặng, đồng đành độc. Chỉ cần mười ngày, chậm lắm là một tháng thì không cần đánh, thời khí, lam chướng, bệnh tật... giết giặc giùm ta.

Ba là, hiện ta không có những thành cao, hào sâu, đóng quân trấn giữ. Sở trường phá thành, công kiên của họ một lần nữa trở thành vô dụng. Trong khi đó, toàn quốc, mỗi làng-ấp của ta ngoài có hào sâu, trong có lũy tre bao bọc. Kỵ binh của họ không thể dàn ra tấn công, sở trường của

họ trở thành sở đoản. Khi kỵ binh phải rời ngựa, thì sức chiến đấu thua bộ binh, lại càng thua nông dân của ta vốn lợi bùn, bơi sông rất giỏi.

Bốn là, với thói quen, Mông cổ đi đến đâu dùng quan lại, dân chúng cung đốn lương thảo. Lương thảo 20 vạn người ngựa do vua quan Đại lý mới đầu hàng cung đốn chỉ có giới hạn. Họ nghĩ rằng đánh sang ta, họ sẽ dùng quan lại đầu hàng ép dân chúng cung đốn, hoặc cướp lấy. Nhưng lương thảo của ta đều cất rải rác ở làng xã. Vì vậy ta cần kéo dài thời gian, lẩn tránh, đợi lương thảo của họ cạn; muỗi, ruồi, lam chướng, sốt rét đánh binh tướng của họ bệnh tật, mệt mỏi; ta thắng họ dễ dàng.

Năm là, ta dẫn dụ cho họ vào sâu trong lãnh thổ, họ phải dàn quân ra đóng đồn phòng vệ. Còn, ta phân tán tướng sĩ về các trang, ấp, huấn luyện dân chúng, cùng dân chúng chiến đấu giữ làng. Ta biến cả nước là thành, toàn dân là binh. Rồi ta quan sát, thấy địch đi lẻ lẻ thì tấn công. Tấn công xong lại phân tán. Giặc không biết ta ở đâu. Như vậy kỵ binh trở vô dụng.

Sáu là, đợi cho giặc mệt mỏi, ta xuất quân bao vây đánh các đoàn quân đóng bảo vệ đường từ biên giới về Thăng long. Chính sách bắt hàng quan cung đốn lương thảo không thành. Đem quân đi cướp lương của dân thì gặp phải sức kháng cự của làng xã. Lương tiếp viện hoặc bị cạn, hoặc đường vận chuyển bị chặn. Lương tuyệt thì quân tan.

Thứ bảy, Mông cổ không quen thủy tính, ta dùng Thủy quân lưu động chuyển quân, đánh cắt đường tiếp vận; hoặc tập trung quân tấn công. Ngựa của họ không thể lội ruộng. Ta dùng ngư binh đánh kỵ binh. Đó là dùng sở trường của ta, đánh sở đoản của họ”.

Sách lược định rồi, triều đình, hậu cung, quan lại, vợ con tướng sĩ ... phân tán vào các làng xã. Triều đình lại truyền lệnh cho dân chúng di tản khỏi Thăng long. Nhưng vì một là dân chúng tiếc của, hai là trì nghi, ba là chậm chạp. Vì vậy khi giặc tới Thảo lâm, mà dân Thăng long vẫn còn phân nửa chưa di tản.

Hưng Đạo vương lệnh cho:

– Vũ Uy vương Nhật Duy trấn nhậm vùng Bắc cương, bao gồm từ biên giới tới Kinh bắc. Nhiệm vụ chính giai đoạn đầu là làm chậm bước tiến của giặc. Giai đoạn hai là phục binh đánh viện quân, cùng các đoàn tiếp vận lương thảo.

– Nhân Huệ vương Khánh Dư trấn nhậm vùng tây Thăng long.

– Khâm Thiên đại vương Nhật Hiệu trấn nhậm vùng đông nam Thăng long.

– Hưng Ninh vương Quốc Tung tổng lĩnh lực lượng phản công.

– Để khích cho giặc khinh địch, chính Nguyên Phong hoàng đế cùng tướng quân Lê Tần, dàn thủy, bộ, kỵ, ngư binh tại Bình lệ nguyên ngăn giặc. Trận đánh phải làm sao đạt ba nhiệm vụ:

Thứ nhất đánh cho giặc biết binh tướng Đại việt can đảm, thiện chiến, nhưng quân ít, nên phải thua.

Thứ nhì, cần bảo tồn lực lượng.

Thứ ba, đánh thực mau, rút thực nhanh, phân tán vào làng xã.

– Lập hai phòng tuyến tại Phù lữ, Cụ bản, mục đích làm chậm bước tiến của giặc, để triều đình đủ thời gian di tản dân chúng khỏi Thăng long.

Diễn tiến các trận đánh đúng như kế hoạch, duy một biến cố xảy ra: Khâm Thiên đại vương không tuân lệnh Hưng Đạo vương, dàn quân tại cánh đồng Văn chống giặc. Đại bại! Ba hiệu quân tinh nhuệ bị đánh tan.

Khi quân Mông cổ vào Thăng long, một số dân chúng cưỡng lệnh triều đình, không di tản, bị giặc tàn sát khủng khiếp. Ngột Lương Hợp Thai ra lệnh đốt sạch cung điện, nhà cửa. Cũng như khi đánh sang các nước phương tây, y sai tập trung dân lại từng khu, lựa lấy những thợ giỏi, những nghệ nhân, những đàn bà con gái đẹp. Còn bao nhiêu chúng giết sạch. Thăng long biến thành bãi đất hoang! Nhưng dân chúng, quan lại trên toàn quốc vẫn không kinh sợ, cương quyết chống giặc. Quân dân thấy giặc tập trung đông thì phân tán; thấy giặc đi lẻ lẻ thì tập trung tấn công. Quân dân Việt cứ như những bóng ma, đặt đạo quân Lô kị thiện chiến của Mông cổ trong thế bị động.

Sau hơn tháng, thấy người, ngựa Mông cổ, phần bị tiêu hao trong các trận đánh nhỏ, phần thì bệnh do thời khí, lam chướng, phần vì mệt mỏi do muỗi, mòng, vắt. Hưng Đạo vương quyết định phản công. Mặt trận Bắc cương, Vũ Uy vương đánh chiếm tất cả các đồn từ biên giới tới Kinh bắc. Bốn căn cứ chính Thảo lâm, Bình lệ nguyên, Phù lổ, Cự bản là nơi đồn trú lương thảo, bị quân dân Đại Việt tràn ngập.

Tại Thăng long, Hưng Ninh vương thách Ngột Lương Hợp Thai quyết chiến tại Đông bộ đầu. Mông cổ chỉ có Lô kị, trong khi quân Việt phối hợp nhịp nhàng kị binh, bộ binh, ngư binh, thủy binh. Trận đánh diễn ra thực kinh khủng. Một bên là đạo quân tinh nhuệ từng sai vó ngựa khắp vùng Thảo nguyên, đánh tan những đạo binh tinh nhuệ nhất của Kim, Liêu, Tống, Tây hạ, Đại lý; từng đại phá những đạo binh thần thánh của Thập tự quân, những đạo quân Thánh chiến Hồi giáo quyết tử. Một bên là dân-quân Việt hiền hậu, nhưng lâm đường cùng lấy cái chết để bảo vệ đất tổ, bảo vệ làng xã, bảo vệ bố mẹ, anh em, vợ con và chính bản thân mình. Trận đánh từ giờ thìn (7-9 giờ), tới giờ dậu (15-17 giờ), trên bờ kị binh, bộ binh hai bên bất phân thắng bại. Nhưng về chiều, Mông cổ bị thủy quân đánh vào hông trái, Ngư binh vượt đồng lầy đánh vào hông phải. Mông cổ bị bại, lập trận cố thủ trong những ngôi nhà dân chúng. Đúng lúc đó tin báo: mặt trận phía Đông Nam, thái tử Hoảng phá giặc, chiếm lại những vùng đất bị giặc đặt quan cai trị, rồi tái chiếm Thăng long.

Đạo binh hùng mạnh nhất thế giới bị tuyệt nguồn tiếp vận lương thảo, tiến lên thì không đủ sức, mà rút thì không đường. Thống lĩnh đại binh là Thái sư Ngột Lương Hợp Thai. Giám quân là phò mã Hoài Đô. Con trai Ngột Lương Hợp Thai là đại tướng A Truật (Aju). Tất cả đều khuất thân xin Trung Vũ đại vương Trần Thủ Độ nghĩ tình huynh đệ, mở vòng vây cho cha con, tướng lĩnh, cùng tàn quân rút về Trung nguyên.(1)

Thái sư Trần Thủ Độ, nghĩ lại những tình cảm thời thơ ấu sống tại Thảo nguyên với Ngũ thiết điều, cũng muốn mở vòng vây tha cho người xưa Ngột Lương Hợp Thai cùng đám bại binh. Tuy uy quyền ông lớn hơn Nguyên Phong hoàng đế, mà không thể tự chuyên: vì tướng thống lĩnh binh mã Bắc cương là Vũ Uy vương, tính khí hào hiệp, nhưng không dễ gì vương đồng ý việc này. Tướng trấn thủ Kinh bắc là Nhân Huệ vương, một vị vương vốn thù ghét Mông cổ tận xương tủy, thì hy vọng gì vương tha cho chúng? Chỉ tướng bao vây Đông bộ đầu là Hưng Ninh vương, người có tâm Bồ tát thì hy vọng. Cái khó khăn nhất của thái sư là phải nói sao với Hưng Đạo vương, người cầm quyền Tiết Chế, mà từ trước đến giờ thái sư luôn nghi ngờ, chèn ép vương?

Tóm lại cả bốn vị vương đó khí phách đều khác phàm, mỗi người một tư cách, một hành trạng. Thái sư không thể ra lệnh cho bất cứ vị vương nào. Ông đành xin thiết triều để triều đình quyết định.

Nguyên Phong hoàng đế thiết triều trên một chiến thuyền của hạm đội Thần phủ ở bến Chương dương. Vì toàn quốc trong thời kỳ chiến tranh, nên mọi lễ nghi đều tiết giảm.

Đầu tiên Trung vũ đại vương Trần Thủ Độ trình bày về tình bạn giữa Thảo nguyên ngũ điều với vương. Vương xin triều đình một đặc ân là mối vòng vây cho nghĩa đệ Ngột Lương Hợp Thai cùng bại binh rút khỏi Đại Việt. Vương nhấn mạnh về Ngột Lương Hợp Thai:

"Y là một đại tướng đại tài của Mông cổ. Hồi Thành Cát Tư Hãn xua quân sang đánh các nước phương tây, y theo đạo binh của cha là Tổc Bất Đài. Chỉ với 35 nghìn quân, đạo binh này truy sát đại đế Mộ Hợp Mễ khắp đế quốc của ông. Thế mà nay y thống lĩnh 20 vạn quân, bị ta phá trong thời gian không đầy một tháng. Truyền thống của Mông cổ là khi bị bại ở bất cứ mặt trận nào, họ sẽ dốc quân nghiêng nước sang đánh cho kỳ thắng mới thôi. Vì vậy già này xin thiết triều khẩn cấp, để bệ hạ cùng chư vị đại thần định kế sách đối phó".

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư cương quyết:

– Mông cổ là bọn tàn ác không thể tưởng tượng nổi. Khi vào Thăng long chúng đốt phá cung thất đã đành, chúng còn giết hết dân chúng, đốt sạch nhà cửa. Đàn bà thì chúng hãm hiếp xong rồi lột quần áo ném vào lửa. Trẻ con thì chúng cho ngựa dẫm lên. Thần nghĩ, chúng hung ác, dữ hơn beo, hơn cọp, độc hơn rắn rết. Ta có bắt được cọp, beo, rắn rết, thả chúng ra, chúng cũng vẫn là beo, là cọp, là rắn, là rết. Huống hồ bọn ác quỷ Mông cổ? Như Thái sư nói, tương lai chúng sẽ còn sang báo thù. Chúng báo thù *thì ta đánh. Ta há sợ chúng sao?*

Hình ảnh những xác chết trẻ con bị cháy đen thui, đám thiếu nữ 12-13 tuổi bị những tên lính Mông cổ khổng lồ đè ra hiếp dâm, hiếp xong chúng chặt chân, chặt tay, nhìn nạn nhân lăn lộn kêu khóc giữa tiếng cười man rợ của bọn ác quỷ hiện ra. Vương nghiêng rằng:

– Vậy bây giờ ta bao vây tiêu diệt hết bọn tàn ác này. Đối với tù binh, ta đem đốt chết, hay xẻo thịt. Có như vậy bọn sau tới, thấy cái gương bọn đi trước, chúng sẽ kinh sợ không dám tàn ác nữa.

Thái sư Thủ Độ đưa mắt nhìn người cháu gọi bằng ông chú (em của ông nội): mới ngày nào còn là cậu bé mà ông nuôi trong dinh như con, bây giờ thành một nam tử hùng vĩ, khí phách hiên ngang, dám chống lại ông. Ông lắc đầu thở dài.

Hưng Ninh vương Trần Quốc Tung đưa ý kiến:

– Mông cổ từng chiến thắng Kim, Liêu, Tống, Đại lý và không biết bao nhiêu nước vùng Tây vực. Bây giờ họ đánh ta với mục đích dùng hàng binh, dùng tài nguyên của ta đánh phía sau Tống. Họ ước tính rằng ta sẽ đầu hàng dễ dàng như Đại lý. Họ đâu ngờ bị ta đánh bại? Thần đề nghị mình dùng đức cảm hóa chúng. Ta mở vòng vây, chu cấp lương thảo, dùng lời ngọt dẫn dụ chúng rằng trước đây tiền nhân ta là Lý Long Phi, Trần Thủ Huy, Trần Thủ Độ từng giúp Mông cổ dựng nước. Thế mà Mông cổ lại sang cướp nước ta, như thế là làm mất cái hào khí của Thành Cát Tư Hãn. Ta nhất định không thù oán, ta vẫn duy trì tinh thần của tiền nhân Đại Việt với Mông cổ. Trước cuộc chiến, Mông cổ sai sứ đòi Bệ hạ phải tuân theo sáu điều kiện:

Một là đích thân quốc vương phải vào châu,

Hai là đem trưởng nam làm con tin,

Ba là kê biên dân số,

*Bốn là phải chịu quân địch,
Năm là phải nộp thuế, lương thảo.*

Sáu là nhận Đạt lỗ hoa xích (Đa gu ra tri) (2)

Chúng ta bác bỏ, không tuân theo bất cứ điều gì. Thế thì bây giờ nếu Mông cổ muốn, ta sẵn sàng gửi một hoàng tử có tài nghiêng trời lệch đất sang làm con tin, cũng để giúp họ, nối lại tình xưa. Sau đó ta lại dùng hậu lễ nhún nhường, chịu tuế cống. Như vậy tránh được chiến tranh thì là điều đại phúc cho trăm họ Hoa, Việt.

Thái tử Hoàng tử ra đồng ý với Hưng Ninh vương:

– Tâu, sách lược của Nhân Huệ vương, bao vây giết hết giặc, xử tử bọn tù binh thì làm cho dân chúng, tướng sĩ hả dạ. Mông cổ nghe tin sẽ căm thù ta ghê gớm. Nay cái thế của Ngột Lương Hợp Thai: Lôi kị tuy bị bại, bị giết, bị cầm tù trên năm vạn; họ còn gần năm vạn. Quân Đại lý cũng còn sáu vạn. Nếu bây giờ bao vây diệt hết 11 vạn quân của họ, thì ít ra ta cũng tổn thất vài ba vạn người. Binh thư nói: *đạo làm tướng sao cho toàn quân là thượng sách, phá quân là điều không thể, và không nên dùng. Hưng Ninh vương dùng lòng dạ tử bi, quảng đại của một Bồ tát đưa ra đề nghị ấy thực hợp với tình thế hiện nay. Con xin phụ hoàng xét thuận lời tâu của vương, may ra tránh được chiến tranh. Hoặc giả kéo dài thời gian báo thù của Mông cổ càng lâu càng tốt, để ta có đủ thời gian chinh bị binh mã, lương thảo.*

Nguyên Phong hoàng đế hỏi Vũ Uy vương:

– Còn con! Con thống lĩnh binh mã vùng Bắc cương, con nghĩ sao về vụ này?

Vũ Uy vương là con đầu lòng của nhà vua, văn mô, vũ lược. Vương hòa thuận với tất cả các em đã đành, vương còn tìm đủ cách kết hợp thâm tình với hoàng tộc lẫn văn võ bách quan. Từ năm 13 tuổi, vương được phong vùng Tây Bắc cương làm lãnh thổ riêng. Miền Bắc cương Đại Việt hồi ấy được chia làm hai: Đông cương và Tây cương. Đông cương thuộc Ngũ yên, được phong cho An Sinh vương Trần Liễu, anh ruột nhà vua. Tây cương được phong cho Vũ Uy vương, lấy con sông Hồng hà làm ranh giới Đông-Tây. Đông cương, phía Bắc giáp Quảng Tây, Quảng Đông của Tống. Tây cương giáp Quảng Tây, Đại lý, Lão qua.

Wương tâu:

– Chúng ta có hai đường lối hành động. Một là của Nhân Huệ vương. Hai là của Hưng Ninh vương và Thái tử. Ta phải chọn đường lối nào có lợi cho Đại Việt. Thực hành đường lối của Nhân Huệ vương ta được gì? Mất gì? Của Hưng Ninh vương ta được gì? Mất gì?

Wương ngừng lại để cử tọa suy nghĩ. Trong soái thuyền, thân vương, hoàng tộc bách quan triều Nguyên Phong đều là những người chính khí dọc ngang trời đất, trí tuệ chói lòa. Nay đứng trước quyết định một kế sách giữ nước trong hoàn cảnh cực kỳ quan trọng. Ai cũng trầm tư suy nghĩ. Khoang thuyền có hơn trăm người, mà không một tiếng động. Chỉ có tiếng gió heo may thổi vi vu ngoài song cửa, tiếng sóng vỗ rì rào vào mạn thuyền. Đâu đó tiếng vạc ăn đêm kêu lác lóc trong bầu trời đông.

Chiêu Minh vương Trần Quang Khải phá tan cái không khí tịch mịch ấy bằng câu hỏi Vũ Uy vương:

– Theo anh, cả hai đường lối, chúng ta có một cái gì chung chung, không thể bỏ qua chăng?

– Chú Quang Khải hỏi câu này, thực phải.

Vũ Uy vương trả lời: Thời Lý, tiền nhân Lý Long Phi từng giúp Mông cổ. Tổ tiên ta là Phò mã Thủ Huy và Công chúa Đoan Nghi, rồi ông trẻ Thủ Độ từng là những người tạo ra nước Mông cổ. Việc đó tuy trải gần trăm năm, nhưng ân đức của bốn vị vẫn được nhắc tới. Vậy trong dịp này, ta tha cho Ngột Lương Hợp Thai, Hoài Đô, A Truật cùng đám bại binh về, rồi triều đình gửi người sang làm con tin, làm quan tại triều Mông cổ giúp họ. Như vậy nhất cử nhất động của Mông cổ ta đều biết. Hiện con cháu của Thành Cát Tư Hãn được cắt đất cai trị. Phía Tây vực là một nước, khu Tây hạ là một nước, vùng Kim-Liêu là một nước, vùng Bắc Trung nguyên là một nước. Tất cả lãnh chúa các nước không ai chịu tuân lệnh Đại hãn. Họ đang hầm hè nhau. Người của ta sẽ tìm cách gây cho họ có nội chiến. Khi có nội chiến thì tinh lực không còn. Họ cũng khó mà diệt nổi Tống. Như vậy ta sẽ không lo họ xâm lăng nữa.

Vương đưa mắt nhìn Thái sư Thủ Độ:

– Vấn đề phân chia lãnh thổ của Thành Cát Tư Hãn thế nào? Tình hình các bộ tộc Mông cổ ra sao, thì không ai biết rõ bằng ông trẻ. Mong ông trẻ ban cho những tin tức chính thức.

Thái sư Thủ Độ mỉm cười tiếp lời Vũ Uy vương:

– Khi Thành Cát Tư Hãn sắp băng hà, đã chia lãnh địa rộng mênh mông cho bốn người con. Các lãnh địa này gọi là Hãn địa (Ulus), vua Hãn địa gọi là Vương hãn. Bạt Đô là con Truật Xích lĩnh vùng Kim trướng, tức cực Tây-Bắc (nay thuộc Đông Âu, kể cả Đức, Liên xô, Na uy, Đan mạch, Thụy điển. Trung Đông ngày nay: Iran, Irak, Syrie, Jordanie. Đông Âu, gồm cả Liên xô, Đức). Vương hãn Sát Hợp Đài lĩnh vùng Tây liêu, Thổ phồn, Tây hạ về Tây Nam (Turkestan, đế quốc Khorezm, Afganistan, Pakistan). Vương hãn Oa Khoát Đài lĩnh vùng Đông Bắc Thảo nguyên, Kim, Liêu. Vùng lãnh địa Thảo nguyên, chính quốc Mông cổ cho con út là Đà Lôi. Ông để di chúc cho Oa Khoát Đài thừa kế ngôi Đại hãn. Khi Oa Khát Đài băng, hoàng hậu Nãi Mã Chân chuyên quyền, cho nên đại hội gần đây bên bờ sông Long lý hà, các lãnh chúa tôn Mông Ca (Mongka) con trưởng của Đà Lôi lên ngôi Đại Hãn.

Từ sau chiến cuộc lão tướng Trần Tử An được phong tước Tây Viễn vương. Vương tiếp lời Thái sư Thủ Độ:

– Tuy Mông Ca được tôn làm Đại hãn, nhưng y không có đủ uy quyền như Thành Cát Tư Hãn. Khi cất quân đánh Tống, y trưng binh của các vương hãn. Các vương hãn chỉ gửi một vài đạo quân tượng trưng. Hiện các vương hãn đang có nhiều xung đột, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra nội chiến. Ngay trong ba con của Đà Lôi cũng có những mâu thuẫn. Mông Ca tuy được tôn làm Đại hãn, nhưng tài trí thua xa Hốt Tất Liệt. Vì vậy y nghi ngờ em. Cho nên y sai Hốt Tất Liệt viễn chinh, để giảm uy tín. Nhưng không ngờ Hốt Tất Liệt lại thành công, khiến anh em đang có mầm móng chia rẽ, căng thẳng. Còn người em thứ ba là A Lý Bất Ca lại rất được lòng bọn quý tộc, tướng lĩnh gốc Mông cổ. Y nắm một lực lượng quân sự rất lớn ở Thảo nguyên. Thôi để Thái sư tiếp.

Thủ Độ đứng lên giảng giải tiếp :

– Mông Ca diệt Kim, Liêu rồi đánh Tống. Nhưng khi đến Tương dương, Phàn thành thì bị cản lại. Mông Ca muốn mở mặt trận thứ nhì, từ Nam, đánh vào sau lưng Tống, y sai một thân vương, người em ruột tài nhí nhất, tên Hốt Tất Liệt (Qubilai), mở mũi dùi này. Hốt Tất Liệt đánh chiếm Hồi cương, Tây tạng, Tứ xuyên của Tống. Từ Tứ xuyên y vượt Kim sa giang đánh Đại lý. Vua Đại lý là Đoàn Hưng Trí hèn mạt, không dám chống lại, mở cửa thành đầu hàng. Hốt Tất Liệt bắt Đoàn Hưng Trí

cung ứng lương thảo, rồi lại dùng hàng binh Đại lý đánh Đại Việt ta. Hốt Tất Liệt tướng đầu Đại Việt cũng dễ uy hiếp như Đại lý, y sai Ngột Lương Hợp Thai dàn quân tại Bắc cương, rồi sai sứ sang bắt ta đầu hàng. Không ngờ ta không chịu khuất phục. Y truyền Ngột Lương Hợp Thai tràn vào đánh ta. Ngột Lương Hợp Thai thất bại. Thế là mưu kế dùng tù hàng binh Đại Việt, Đại lý đánh vào Ung châu, Liêm châu, Quảng châu bị ta phá tan.

Nguyên Phong hoàng đế đưa mắt nhìn Hưng Đạo vương, như hỏi ý kiến. Vương suy nghĩ một lát rồi tâu:

– Ý kiến của Vũ Uy vương thực là diệu pháp giữ nước, không thể không xử dụng. Đó là kế chính. Tuy nhiên ta không tha bọn chúng dễ dàng. Hiện giờ thì Mông cổ chỉ mới chiếm được một phần lãnh thổ phía Tây-Bắc của Tống. Họ còn đang giao chiến với Tống đang dai ở mặt trận Trường giang. Họ định đánh ta để lấy tù, hàng binh, lương thực đánh phía sau Tống, nhưng họ bị bại. Vậy ta phải làm ba việc:

- Sao cho họ bỏ ý định đánh ta mà dùng hết sức đánh phía Bắc của Tống.
- Ta lại giúp Tống, để Tống tồn tại.
- Trong khi ta tìm cách cho Mông cổ có nội chiến. Nội chiến giữa các vương hãn thì khó, vì các nước ấy ở quá xa, ta không biết rõ tình hình, lại ngôn ngữ phong tục bất đồng. Nhưng ta có thể gây cho ba anh em Mông Ca, Hốt Tất Liệt, A Lý Bất Ca tranh dành nhau, chém giết nhau. Tốt nhất là cho cả ba đánh lẫn nhau. Hay ít nhất là hai trong ba người này huynh đệ tương tàn.

Wương nhấn mạnh:

– Bây giờ ta mở vòng vây, không phải là ta tha cho bọn ác quỷ; mục đích của ta là dùng chính bọn chúng làm vũ khí tâm chiến. Bọn chúng được thả về sẽ kể cho đồng đội nghe về khí hậu của ta đầy lam chướng, địa thế của ta lầy lội, dân quân ta một lòng, binh tướng ta anh hùng. Thế là ta đánh tan cái kiêu hãnh của tướng binh Mông cổ: bọn người tuy thắng Liêu, Kim, Tống, *chinh phục khắp Tây vực; thế mà khi bọn mi đánh Đại Việt ta thì bị bại. Đại Việt ta tuy dân ít, đất hẹp, nhưng dân ta anh hùng, ta đủ sức đánh đuổi bọn người.*

Tướng quân Lê Tần góp thêm ý:

– Tuy nhiên ta cần dọa thêm cho tù hàng binh, cho tàn binh kinh sợ thêm. Khi về nước, mỗi khi nghĩ đến Đại Việt, họ lại rùng mình.

Cả triều đình đều đồng ý.

Hưng Đạo vương tâu:

– Được! Ta mở vòng vây cho chúng rút quân. Ta lại phục quân ở Phù lổ, Cụ bản, Bình lệ nguyên, Thảo lâm... dọa cho chúng khiếp sợ đến phiêu hồn bạt vía.

Hưng Ninh vương đặt vấn đề:

– Khi chúng vừa rút khỏi, là ta dùng cương. Rồi ta lại dùng nhu. Nếu như ta gửi người sang làm con tin ở Mông cổ, thì ai có thể đi được? Sứ đoàn đi theo cần bao nhiêu người? Là những loại người nào?

Thái sư Thủ Độ đưa tờ chiếu thư của Mông cổ ra:

– Mông cổ từng đánh chiếm Kim, Liêu, Tây hạ, Tống. Vì vậy họ hiểu rất kỹ văn hóa của các nước Đông phương: con cả sẽ là người kế vị vua cha, nên trong chiếu thư họ đòi ta phải cho con trai trưởng sang làm con tin. Mông cổ có truyền thống là khi một con tin có tài thì họ tin dùng, phong

chức tước, trao quyền hành cho, còn không tài thì phải tự xây nhà ở Hoa lâm. Mọi chi phí ăn ở đều phải tự túc. Nếu như ta gửi người tài trí võ công cao sang, họ phong cho chức tước, nhất cử nhất động của họ ta đều biết, sẽ lợi cho Đại Việt vô cùng.

Cử tọa đều đưa mắt nhìn Vũ Uy vương. Nguyên Phong hoàng đế ban chỉ:

– Nhật Duy con! Trong tất cả thân vương, hoàng tộc lẫn võ tướng, thì chỉ mình con có thể đáp ứng vào việc cực kỳ hệ trọng này. Vì con là trưởng nam của ta, con sang làm con tin thì Mông cổ không còn gây rắc rối được nữa. Hiện võ công của con chỉ thua có Quốc thượng phụ (Trần Thủ Độ) mà thôi. Tính con lại thâm trầm, điềm đạm, nhiều mưu trí, thì khi gặp sự khó, con sẽ vượt qua dễ dàng. Con mới cưới vợ, chưa có con, không vướng vít con cái. Vợ con là đệ tử đặc ý nhất của Vô Huyền Bồ Tát. Trước hôm cưới, vợ con được Bồ Tát dốc túi truyền pho kiếm thuật trấn môn của phái Mê linh, thì vợ con trở thành đệ nhất kiếm thuật Đại Việt rồi. Về võ công hai con như vậy đủ áp chế triều đình Mông cổ. Mông cổ trọng dụng, trao chức tước cho như tiền nhân Lý Long Phi đời Lý, hoặc Tổ Trần Thủ Huy, Công chúa Đoan Nghi, nhất là được như Quốc Thượng phụ (Trần Thủ Độ) thì lợi cho biết mấy. Ta cần gửi một người hiểu rõ phong tục, tập quán, ngôn ngữ Mông cổ theo giúp con.

Nhà vua nhìn Vũ sơn hầu :

– Xét trong các quan, phi Vũ sơn hầu Tạ Quốc Ninh, không ai đương nổi. Hầu là thầy dạy Mông cổ học cho con, gửi hầu theo giúp con, thì thầy trò tha hồ tương đắc.

Lời phán của Nguyên Phong hoàng đế khiến Tạ Quốc Ninh tuy tuổi đã cao, mà trong lòng cảm kích không bút nào tả siết. Thời phong kiến, một đại thần được hoàng đế tin tưởng về tài năng, đức độ thì không phần thưởng nào to lớn hơn. Ông bước ra định hành đại lễ, để đền ơn tri ngộ, thì Nguyên Phong hoàng đế sẽ phát tay, kình lực khiến hầu không thể quỳ gối. Hầu cung tay:

– Thần muôn vàn cả tạ đại đức của bệ hạ ban cho. Thần nguyện đem hết sở tri ra báo đáp bệ hạ.

Nhà vua hỏi hầu:

– Thế nào? Khanh có được tin tức gì của phu nhân không?

– Tâu, thần đã hỏi cung tất cả tù nhân Mông cổ, chúng đều trả lời không nghe, không biết gì cả. Cả vương phi của Nhân Huệ vương (Trần Khánh Dư) cũng không.

Trước khi Mông cổ đánh Đại Việt, toàn quốc bùng lên một phong trào mở Quán văn, là nơi cho vương tôn, đại thần, phú gia, danh sĩ, họp nhau bàn luận thể sự, ngâm thơ, bình văn, tụng phú; nhất là nghe hát. Cái thú thanh nhã tràn ngập khắp các trấn, các lộ, cho tới các xã. Tại Thăng long có đến hơn trăm Quán văn. Trong đó có năm quán nổi tiếng là Tây hồ, Văn miếu, Ngọc thụ, Nghi tâm, Tô lịch.

Quán Tô lịch nằm ngay bờ sông, mà quanh năm đều có hoa nở. Quán chủ là một văn gia nổi tiếng giao thiệp rộng. Từ khi ông chiêu mộ được bảy hoa khôi về đây ca hát, thì quán trở thành nơi thu hút hầu hết giới tao nhân mặc khách của đất nghìn năm văn vật. Bảy nàng được danh sĩ tặng cho mỹ danh Tô lịch thất *tiên*. *Khi các nàng mới tới, đều có nghệ danh riêng. Trong một dịp hội hoa, bảy nàng ôm bảy bó hoa, bảy màu khác nhau, văn giới Thăng long nhân đó tùy màu đặt mỹ danh cho các nàng. Các nàng đều mang tên Hoa, chỉ khác chữ đầu thôi: Hoàng Hoa, Bạch Hoa, Huyền Hoa, Thanh Hoa, Hồng Hoa, Tử Hoa, Lan Hoa. Tuy nổi tiếng, nhưng 7 nàng đều treo cao giá ngọc. Có không biết bao nhiêu vương tôn, đại thần, công tử, phú gia cầu thân, nhưng các nàng đều không để ai vào mắt xanh.*

Tiếng tăm bấy nàng sắc nước hương trời, đàn hát, thi văn vang tới Trung nguyên.

Thế rồi Trung thu năm trước, 7 nàng treo bảng tuyển phu trong 10 ngày. Hoàng Hoa tình tình trầm tĩnh, nàng đòi trượng phu phải là người bác học đa năng, có huân công với Xã tắc; Vũ sơn hầu Tạ Quốc Ninh là người bác văn, cường trí, giữ trọng trách tại Khu mật viện, coi về Mông cổ. Hầu nói, viết giỏi văn tự Thổ phồn, Tây vực là những văn tự chính thức của Mông cổ. Là một người nhã lượng cao trí, hầu giao hữu với tất cả văn gia Thăng long, Tống. Hầu trúng cách nàng Hoàng Hoa.

Nàng Bạch Hoa đáng người ẻo lả, nàng ước trượng phu võ công cao cường, lại phải là người hoàng tộc; Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư trúng cách.

Huyền Hoa, Thanh Hoa lại ước một trượng phu văn hay, chữ tốt, một danh sĩ; Khai sơn hầu Chu Mạnh Nhu lọt vào mắt xanh Huyền Hoa; Tham tri bộ Lễ Chu Bác Lãm, được nàng Thanh Hoa.

Hồng Hoa lại ước một đại tướng quân, thế là Vũ kị thượng tướng quân Lý Tùng Bách trúng cách.

Hai nàng Tử Hoa, Lan Hoa thì đòi người trượng phu phải là cao nhân võ học, hơn nữa tinh thông âm nhạc, cuối cùng hai đệ nhất cao nhân phái Sài sơn là Lê Kim Sơn, Lê Ngân Sơn lọt vào mắt xanh hai nàng.

Bấy đám cưới cùng tổ chức một ngày, dân Thăng long gọi là ngày hoa đăng. Đám cưới được một tuần trăng thì quân Mông cổ chiếm Thăng long. Tạ Quốc Ninh đem Hoàng Hoa cùng 6 người bạn về Nghi tam ẩn thân. Nhưng trong đám gian nhân người Việt theo Mông cổ có tên Trịnh Ngọc và con là Trịnh Long từng nghe tiếng Tô lịch thất tiên. Y chỉ điểm chỗ ẩn của bấy nàng. Mông cổ cử một Bách phu Lôi kị tới Nghi tam bắt.

Truyền thống của Mông cổ là khi chiếm được vùng nào là chúng cho bắt tất cả phụ nữ đẹp, không phân biệt công chúa, quận chúa, tiểu thư hay ca kỹ; cũng không phân biệt khuê nữ hay gái có chồng. Không ai hiểu tại sao Ngột Lương Hợp Thai lại đối xử với bấy nàng quá đặc biệt: bấy nàng được ở trong hậu cung của vua Trần, cử tỳ nữ hầu hạ, sai những đầu bếp giỏi nhất nấu cho bấy nàng ăn. Chính Ngột Lương Hợp Thai thu dụng Hoàng Hoa làm tỳ thiếp. Hoài Đô dành Bạch Hoa. A Truật giữ Huyền Hoa. Còn bốn nàng Thanh, Hồng, Tử, Lan thì không cho ai đụng chạm đến. Nhưng chỉ mười ngày sau, không ai thấy các nàng đâu cả.

Sau khi Mông cổ đại bại, Vũ sơn hầu thẩm vấn mấy trăm tù binh, cũng không ai biết tung tích Tô lịch thất tiên ra sao? Cho rằng vợ đã bị giết chết, hầu khóc hết nước mắt, làm một tuần chay cho Hoàng Hoa.

Thái sư Thủ Độ tiếp lời Nguyên Phong hoàng đế:

– Hộ tống sứ đoàn, ta phải mang theo một toán kị mã võ công cao, cung thủ thực giỏi. Ta đã có sẵn 10 toán Thần tiễn Long biên. Ta cử một toán theo sứ đoàn. Toán này cần một tướng trẻ, trí dũng, được triều đình tin dùng chỉ huy. Xét trong các thiếu niên thần thấy chỉ có Thiên trường ngũ ưng là xứng đáng.

Tây Viễn vương thắc mắc:

– Thiên trường ngũ ưng là những ai vậy?

Thái sư Thủ Độ tỏ ra cực kỳ cao hứng:

– À là năm thẳng cháu. Nói về tài nghệ, thì mỗi cá nhân đều có một tuyệt nghệ bậc nhất Đại Việt. Nói về xuất xứ thì mỗi người có một xuất xứ lạ lùng. Nói về tính tình thì mỗi cá nhân đều có những ưu việt hiếm có. Nhưng tất cả đều giống nhau ở một điểm nhã lượng, cao trí, anh hùng, hào sảng.

Chúng kết làm huynh đệ theo thứ bậc Dã Tượng, Yết Kiêu, Cao Mang, Đại Hành, Địa Lô. Trong thời gian chống giặc vừa qua, chúng gần gũi huynh nhiều, nên huynh hiểu chúng. Chúng gọi huynh là Ông trẻ, huynh gọi chúng là Thiên trường ngũ ưng.

Thái tử Hoàng tâu:

– Trong năm người thì Địa Lô họ Nguyễn, nhỏ tuổi nhất, dáng người thanh nhã, mặt đẹp như ngọc, xuất thân phái Sài sơn, tài kị mã siêu việt; học văn rất uyên bác, cử bút thành văn, bảy bước thành thơ, có tài phục dược. Lô được danh sĩ Thăng long tặng cho cái tên Nam thiên đệ nhất mỹ nam tử. Hiện Địa Lô lĩnh chức Trưởng sử trong phủ của thần nhi.

Thủ Độ tiếp:

– Thứ tư là Đại Hành. Trong một lần huynh làm lễ cầu siêu cho vong linh tử sĩ ở chùa Chiêu thiên (Láng), huynh bố thí lộc Phật cho kẻ khó. Trên đường về huynh gặp một thiếu niên nằm bên đường tay ôm phẩm oản, với ba quả chuối. Gia tướng đỡ thiếu niên mang về phủ của huynh. Y sĩ chẩn mạch cho biết y rất khỏe mạnh, sở dĩ bị xỉu vì đói quá. Gia tướng đem cơm, thịt gà cho ăn. Y chỉ ăn cơm, còn thịt thì gói lại. Huynh hỏi: tại sao trong tay có oản, chuối mà không ăn để đến nỗi xỉu nằm bên đường. Thiếu niên thưa rằng y có mẹ già ở nhà, hai ngày qua bị đói, không có gì bỏ bụng, nên khi được bố thí oản chuối, y mang về cho mẹ. Nhưng đi giữa đường kiệt lực, ngã xuống. Huynh lại hỏi: Tại sao không ăn thịt gà, mà lại dấu vào túi? Y trả lời rằng mẹ y thường ước ao được ăn một miếng thịt gà mà chưa bao giờ toại nguyện. Vì vậy hôm nay y dấu mang về cho mẹ. Huynh cảm thương đứa trẻ có hiếu, thu nhận làm mã phu trong phủ. Ngày nào cũng như ngày nào khi ăn cơm, có miếng gì ngon y lại dấu mang về cho mẹ. Trong một lần con chiến mã của huynh xô chuồng chạy, mã phu cỡi ngựa chiến đuổi theo mà không bắt lại được. Y hú lên một tiếng, đuổi theo bắt được ngựa về. Huynh cải thu nhận y làm gia tướng. Hiện y mang hàm Đô thống, y gọi huynh là ông nội, huynh gọi y là Đại Hành, vì y chạy giỏi.

Tây Viễn vương hỏi:

– Thế còn Cao Mang, Yết Kiêu, Dã Tượng?

Vũ Uy vương chỉ Hưng Đạo vương:

– Dã Tượng, Yết Kiêu là nghĩa tử của Hưng Đạo vương. Cao Mang là một tiểu hòa thượng tại gia. Cao Mang, Dã Tượng là Ngưu tướng. Cả hai đều cùng mang hàm Đô Thống. Dã Tượng là thống lĩnh Ngưu binh, Cao Mang là phó thống lĩnh. Cao Mang có tài bắn tên bách phát bách trúng. Yết Kiêu là Ngạc tướng, hàm Đô thống, thống lĩnh Ngạc binh.

Hưng Đạo cho gọi Thiên trường ngũ ưng vào. Cả năm định quỳ gối hành lễ.

Lễ quan hô:

– Miễn lễ.

Hưng Đạo vương nhìn Ngũ ưng với tất cả yêu thương:

– Các con được triều đình tín nhiệm chọn một trong các con theo sứ đoàn sang Mông cổ. Vậy ai tình nguyện đi?

Cả năm đều xin đi.

Nhà vua hỏi Vũ Uy vương:

– Trong năm Ưng, con định chọn Ưng nào đi theo?

– Con xin chọn Địa Lô với Dã Tượng.

Dã Tượng, Địa Lô hành lễ:

– Đa ta vương gia đã chọn hai thần nhi.

Hưng Đạo vương bảo Dã Tượng:

– Con trao quyền thống lĩnh Ngưu binh cho phó tướng Cao Mang. Nhiệm vụ của con , với Địa Lô sẽ được Khu mật viện hướng dẫn.

Khi rời khoang thuyền lên bờ, Tây Viễn vương lĩnh Phiêu kỵ Đại tướng quân Trần Thủ An cầm tay Vũ Uy vương như muốn nói điều gì, rồi ông ngập ngừng suy nghĩ. Cuối cùng ông nói:

– Khi con lên đường ta sẽ có ít lời dặn con.

Buổi thiết triều chấm dứt.

Theo tinh thần buổi thiết triều: Hưng Ninh vương truyền lệnh mở vòng vây Đông bộ đầu, Thái tử Hoảng mở vòng vây Thăng long, Nhân Huệ vương cho mở vòng vây Kinh Bắc. Triều đình chu cấp lương thảo, chữa trị cho thương binh, chiến mã, tiễn họ lên đường.

Thái sư Trần Thủ Độ thân dẫn Ngột Lương Hợp Thai cùng tướng sĩ Mông cổ vượt sông Hồng sang Gia lâm. Ông sai bày một tiệc rượu tiễn nghĩa đệ tại phủ đường Gia lâm.

Hưng Đạo vương sai sứ mật lệnh cho tướng sĩ tại Cụ bản, Phù lỗ, Bình lệ nguyên.

Vũ kỵ thượng tướng quân Lý Tùng Bách, Phá lỗ thượng tướng quân Trần Trữ, Hoài hóa thượng tướng quân Trương Đình được lệnh, phục binh tại Phù lỗ. Khi tướng Mông cổ là A Truật, con trai Ngột Lương Hợp Thai, dẫn tiền quân rút qua đây thì bị ba tướng đổ quân ra vây như thành đồng vách sắt. Giữa lúc binh tướng Mông cổ kinh hồn lạc phách, thì Vũ Sơn hầu Tạ Quốc Ninh cầm lệnh bài tới, ban lệnh cho ba tướng mở vòng vây. Ba tướng vui vẻ tha cho A Truật, lại còn dùng lời ngọt ngào đãi rượu với gà rừng quay.

Thoát vòng vây Phù lỗ, binh tướng Thiên triều chưa hoàn hồn, thì khi tới Cụ bản, nơi diễn ra hai trận đánh kinh thiên động địa. Trận thứ nhất Mông cổ tấn công chiếm chiến lũy. Sau đó Mông cổ đóng binh tại đây để bảo vệ đường tiếp viện lương thảo. Mới mấy hôm trước Cụ bản bị quân Việt tái chiếm. Nay dân chúng đã trở về, đang dọn dẹp, tái thiết chiến lũy. Thành lĩnh ba tướng Lê Phẩm, Phạm Long, Nguyễn Bích phát pháo, làm binh tướng Mông cổ rụng rời chân tay. Nhưng không có quân bao vây mà ba tướng sai người khiêng rượu thịt ra tiễn quân Thiên triều.

Nào đã hết đâu, lúc Ngột Lương Hợp Thai tới Bình lệ nguyên lại bị Thủy binh, Ngưu binh, Kỵ binh dàn ra như đe dọa, Thái sư Trần Thủ Độ phải đích thân can thiệp, vòng vây mới được mở.

Khi chia tay tại biên giới, Ngột Lương Hợp Thai xin Thái sư Trần Thủ Độ thả hơn vạn tù hàng binh Mông cổ, Đại lý. Thái sư Trần Thủ Độ can thiệp với Vũ Uy vương. Vũ Uy vương đưa điều kiện:

" Có hơn nghìn người của võ lâm Trung nguyên theo quân Mông cổ sang đánh Đại Việt. Để họ phải trung thành, quyết tâm với Mông cổ, Mông cổ sai quản chế vợ con họ. Trong trận đánh Thăng long, đứng trước việc quân Mông cổ tàn sát Hoa kiều, họ đã phản Mông cổ, hàng Đại Việt, cứu Hoa kiều. Vậy nay xin Thái sư Ngột Lương Hợp Thai đem vợ con họ trao đổi lấy tù binh".

Ngột Lương Hợp Thai đành chấp nhận.

Đại Việt vừa trải qua một cuộc chiến tranh, tuy chỉ trong vòng hơn tháng, nhưng cực kỳ khủng khiếp. Đất nước không bị tàn phá nhiều, chỉ có bảy nơi diễn ra trận đánh bị thiệt hại: Thảo lâm, Bình lệ nguyên, Cụ bản, Phù lỗ, Thăng long, Đồng văn, và Đông bộ đầu. Triều đình Nguyên Phong hô hào toàn quốc cùng giúp các nơi này kiến thiết lại. Sức sống của dân chúng phục hồi rất mau.

Sứ đoàn bao gồm Vũ uy vương Nhật Duy, vương phi Ý Ninh, Vũ sơn hầu Tạ Quốc Ninh, Dã Tượng, Địa Lô và đoàn kỵ mã Long biên 30 người, thêm 25 người phục dịch, 10 xe song mã. Tất cả 55 kỵ mã cũng như người phục dịch đều là những cao thủ, võ công thuộc loại thượng thừa, thông minh, biết nói tiếng Hoa, tiếng Mông cổ. Họ lại được Khu mật viện giảng giải tất cả tổ chức triều đình, lãnh thổ, quan chế, phong tục của Mông cổ cặn kẽ; huấn luyện về phương pháp trinh sát, thu thập tin tức tình báo, cùng phòng bị đối phương khai thác tin tức mình. Lại cấp cho sứ đoàn mười con chó Ngao để canh phòng dưới đất, mười con chim ưng để đưa thư, canh phòng trên không. Cuộc giảng giải này phải mất hơn tháng mới xong.

Vũ Uy vương bàn với Tạ Quốc Ninh:

– Thưa thầy, trước hết trong sứ đoàn cần chính danh. Không lẽ lúc nào Địa Lô, Quốc Kinh cũng gọi con là vương gia, xưng thần? Trong huyết tộc thì phụ hoàng là chú ruột Hưng Đạo vương. Quốc Kinh là con của vương, thì gọi con bằng chú. Như vậy trên đường đi sứ Địa Lô, Quốc Kinh cứ gọi con bằng chú cho thêm thân mật. Kinh chỉ mới học chữ, xin thầy nhận Kinh làm học trò; dọc đường thầy dạy văn cho Kinh. Kinh gọi thầy bằng thầy. Thầy dạy tất cả sứ đoàn nói tiếng Mông cổ, như vậy Địa Lô cũng gọi thầy bằng thầy.

Tạ Quốc Ninh vui vẻ:

– Đa tạ vương gia đã cho tôi hai người học trò uy vũ quán thế.

Địa Lô, Quốc Kinh vái Quốc Ninh bốn vái:

– Con xin bái lạy thầy.

Vương hỏi Dã Tượng:

– Về võ công, con đã học được những gì? Ai là sư phụ của con?

– Con chưa bái sư chính thức.

Vương kinh ngạc, vì vương từng thấy Dã Tượng xử dụng võ công trong suốt bảy trận đánh. Vương hỏi:

– Chính mắt chú thấy cháu xử dụng những chiêu võ kỳ ảo. Tỷ dụ: chiêu thứ nhất, khi xuất trận, bọn Lôi kỵ sở trường thúc chân vào bụng cho ngựa chồm lên đầu một bộ binh, rồi xung vào phá tuyến đầu trận địa. Một Lôi kỵ đã dùng chiêu số này với cháu. Cháu xuống đỉnh tấn, hai tay chụp chân ngựa vặn téo, ngựa bị ngã lộn đi hai vòng. Tên Kỵ mã cũng ngã lăn theo, cháu phi thân đến đá vỡ ngực y. Chiêu thứ nhì: hai Kỵ mã phi song song vào trận địa Ngưu binh. Cháu nhào tới, hai tay ấn vào đầu hai chiến mã, rồi vọt lên cao, lộn một vòng, đáp ra phía sau, hai tay cháu chụp đuôi hai chiến mã kéo lùi một hai bước, rồi buông ra. Hai chiến mã ngã lộn xuống đất, vạt hai Lôi kỵ theo. Cháu phi thân phóng hai cước vào đầu chúng.

Dã Tượng kính cẩn đáp:

– Thưa chú, trong thời gian huấn luyện Ngưu binh, cháu cùng các Ngưu tướng tự chế ra các chiêu thức chống với Lôi kỵ. Tất cả 9 lộ. Hồi theo Hưng Ninh vương đánh trận Đông bộ đầu, vương bảo cháu diễn lại từ đầu cho vương xem. Vương giúp cháu chỉnh khuyết điểm, biến hóa mỗi lộ ra 9 chiêu, cộng 81 chiêu, rồi vương đặt tên là Đảo mã cứu lộ thức.

Vương khen:

– Các chiêu số đều thuần nhất, chất phác, nhưng khắc chế với kị binh. Có điều cả chín lộ đều dùng sức của một mục đồng, nên không ảo diệu. Nếu người xử dụng có công lực cao, thì uy lực sẽ vô cùng dũng mãnh.

Dã Tượng không có tên, hồi mới ra đời, phong tục hồi đó thường không đặt tên cho con, mà chỉ gọi bằng những tên bình dân. Như con trai thì mang tên Cu, Chó, Trâu. Con gái thì mang tên Hĩm, Cái. Khi đứa trẻ 12-13 tuổi, vượt khỏi cái tuổi bị chết về bên đầu mùa mới làm lễ gia tiên đặt tên cho. Bà nội của Dã Tượng thấy cháu bụ bẫm dễ thương, bà đặt cho cháu cái tên Cu Chó. Năm bảy tuổi, Cu Chó mồ côi cả cha lẫn mẹ. Nó phải đi ở, chăn trâu cắt cỏ cho một ngôi chùa vùng Thiên trường. Sư trưởng của chùa là người nhân từ, ông đối xử với Cu Chó bằng tất cả tấm lòng từ bi. Ngoài việc chăn trâu của chùa, Cu Chó không phải làm công việc gì khác. Khi các chú tiểu trong chùa học văn, kinh Phật, ông cho Cu Chó cùng học. Trời cho Cu Chó một thân thể hùng vĩ, thông minh, lại thêm nhiệm đạo lý nhà Phật.

Ba năm trước khi giặc Mông cổ ngấp nghé ngoài Bắc cương, triều đình ban chỉ cho xã ấp tập trung trẻ chăn trâu lại, huấn luyện tổ chức thành đội ngũ Ngưu binh. Vốn thông minh, có sức khỏe siêu việt, tính tình trầm tĩnh, Cu Chó được cử làm Ngưu trưởng (chỉ huy 5 người), rồi Lượng trưởng (chỉ huy 20 người). Trong lần duyệt binh, nó lĩnh chức Vệ úy (tương đương với ngày nay là *Đại úy*), *chỉ huy một vệ Ngưu binh. Cu Chó biểu diễn*đấyngã một con trâu mộng. Nguyên Phong hoàng đế ban cho Cu Chó cái tên Dã Tượng. Thời xưa, một người được vua ban cho mỹ danh, là điều hãnh diện vô cùng. Trong dịp này Hưng Đạo vương nhận Dã Tượng làm con nuôi, ngài đặt tên Dã Tượng là Trần Quốc Kinh. Nhưng không ai gọi cái tên này cả, mà chỉ gọi là Dã Tượng. Ngay hôm được nhận Dã Tượng làm con nuôi, Hưng Đạo vương cho chàng vào cung bái kiến Tuyên minh thái hoàng thái hậu. Dã Tượng được bà dạy cho hai bộ võ công trấn môn của phái Đông A là Đông A chưởng pháp và Thiên la thập bát thức.

Sau trận Bình lệ nguyên, tài năng chỉ huy Ngưu binh của Vệ úy Dã Tượng làm cho Lôi kị Mông cổ kinh hoàng, chàng được thăng lên Tá lĩnh chỉ huy 10 Vệ Ngưu binh. Rồi sau các trận Cự bản, Phù lỗ, Đông bộ đầu, Dã Tượng được thăng lên Đô thống, tổng chỉ huy Ngưu binh toàn quốc.

Thời gian theo quân trong các trận Thảo lâm, Bình lệ nguyên, Dã Tượng được Vũ Uy vương dạy căn bản võ thuật phái Đông A. Trong trận Cự bản, Dã Tượng gặp Tuyên minh thái hoàng thái hậu, vương phi Kiến Quốc đại vương, vương phi Hưng Nhân vương. Ba bà yêu thương Dã Tượng cực kỳ. Cả ba đem hết tâm huyết dạy đứa cháu nuôi. Hồi về Thăng long dự trận Đông bộ đầu, Dã Tượng lại được Hưng Ninh vương dạy võ công Trúc Lâm yên tử.(3)

Vương nói với Địa Lô:

– Còn cháu, cháu là học trò của chưởng môn phái Sài Sơn, thì Nho, Y, Lý, Số, Xạ, Ngự, Thư, Họa đều thông. Ta yên tâm.

Quốc Ninh đề nghị:

– Dọc đường, đối với đội kị mã Long biên, ta vẫn để họ trang phục kị binh. Còn sứ đoàn , để giữ quốc thể, ta cứ mặc y phục nông dân Đại Việt cho phải lễ.

Trước khi lên đường, Vũ Uy vương cùng vương phi vào Hoàng thành vấn an sinh mẫu của vương là Tuyên phi Mai Đông Hoa.

Vũ Uy vương Nhật Uy với vương phi Ý Ninh mới kết hôn chưa quá một năm, đám cưới diễn ra ngay sau trận Phù Lỗ, quân Mông cổ đang tiến về Thăng Long, chiến cuộc diễn ra khùng khiếp. Vì vậy mọi lễ nghi đều hủy bỏ. Hai vợ chồng bái tạ phụ hoàng, hướng về Thiên trường lễ vọng tổ tiên, rồi lên đường trấn ngự Bắc cương. Vì vậy vương phi chưa được diện kiến sinh mẫu của vương. Phi hỏi vương:

– Anh ơi, chúng mình cưới nhau trong khi khói lửa mịt mờ! Cho đến nay em cũng không biết phụ hoàng có bao nhiêu hoàng nam.

– Để anh cho em biết. Trong các con của phụ hoàng, nếu tính theo tuổi thì Tĩnh Quốc vương Khang lớn nhất, thứ đến anh. Cả hai cùng tuổi Đinh Dậu (1237). Thái tử Hoảng nhỏ hơn anh ba tuổi, chú ấy tuổi Canh Tý (1240). Tiếp đến là Chiêu Minh vương Quang Khải. Sau tới Vũ Minh vương Quang Húc, Chiêu Quốc vương Ích Tắc, Chiêu Văn vương Nhật Duật, cuối cùng là Chiêu Hòa vương Quốc Uất. Tổng cộng 8 người.

– Phụ hoàng có nhiều hoàng nam, hầu hết đều văn mô, vũ lược, có tài để vương. So về tuổi thì chú Hoảng là con trai thứ ba, nguyên do nào chú lại được lập làm Thái tử, rồi sẽ được truyền ngôi vua?

Wương giảng giải:

– Theo thể chế các triều đại Hoa-Việt xưa, khi một hoàng tử đến tuổi 13 thì được phong tước vương, được gọi là thân vương, được trao cho nhiều chức vụ. Thường thì gồm cả chức văn lẫn võ, được cho mở phủ đệ riêng. Mỗi phủ đệ có nhiều chức quan do triều đình ấn định. Các thân vương cũng có quân túc vệ riêng. Việc này dẫn đến các vị vương dùng binh tướng của mình làm loạn như triều Lê. Khi vua Lê Đại Hành băng, các hoàng tử kéo quân về tranh ngôi vua, chém giết nhau không hề nghĩ tình ruột thịt. Cuối cùng Lê Long Đĩnh giết hết các anh-em, lên ngôi vua, tức Lê Ngọa triều. Bởi vậy khi Lê Ngọa triều băng, trong triều, ngoài trấn không còn thân vương nào nữa, đưa đến triều Lê mất về họ Lý.

– Em cũng đã biết như thế.

Wương phi trình bày: Này nhé, sang triều Lý, vua Lý Thái tổ đã từng thấu hiểu những cay đắng của triều Lê. Nhà vua không cho phủ đệ của thân vương tổ chức quân đội riêng. Nhưng các hoàng tử đều là những người có tài cầm quân. Vua trao cho bốn con bốn chức vụ lớn. Một người lĩnh Đô đốc thủy quân, một người thống lĩnh Kị binh, một người thống lĩnh Thiên tử binh, một người thống lĩnh Ngự lâm quân, Thị vệ. Ngài ban chỉ dụ: ngôi trừ quân bỏ trống, các hoàng tử đều *được phong làm thái tử. Người nào nhiều công trạng, có tài nhất sẽ được lập làm trừ quân*. Nhưng ngài băng hà thành linh, khi chưa chỉ định người kế vị, vì vậy đưa đến chư vương nổi loạn. Các đại thần quyết định theo cơ chế cổ, con trưởng sẽ được kế vị. Con trưởng của vua Lý Thái tổ là Khai Thiên vương. Các tướng giúp Khai Thiên vương, dẹp chư vương, rồi tôn lên ngôi vua tức vua Lý Thái tông.

– Huynh đệ tương tàn là điều đau đớn nhất của các triều trước.

Vũ Uy vương than thở: Vì thế khi vua Lý Thái tông lên ngôi, ngài ban chỉ không cho thân vương, hoàng tộc giữ các nhiệm vụ Thái úy, Quản Khu mật viện, Đô đốc Thủy quân, Tổng lĩnh Thiên tử binh, Tổng lĩnh Kị binh.(4)

– Anh nói lạ! Thế sao sau này ngài Lý Thường Kiệt cũng từng được trao cho trao chức Thái úy?

Wương cười lớn:

– Em không nhớ kỹ sử mất rồi; ngài Thường Kiệt nguyên họ Ngô, được ban quốc tính, chứ ngài không phải họ Lý.

– Em quên! Chính sách này giúp cho suốt triều Lý, không bị các nạn hoàng tộc chém giết nhau vì tranh ngôi vua. Sử chép Tô Hiến Thành, Đàm Thì Phụng, Đàm Dĩ Mông từng giữ chức Thái úy. Cuối cùng trong lúc rối loạn, chức Thái úy do tổ Trần Tự Khánh nhà ta nắm rồi đi đến triều Lý mất về họ Đông A nhà mình.

Vương nhìn thẳng vào khuôn mặt thanh tú của vương phi, giảng giải:

– Phụ hoàng đã thấy các vết xe đổ của triều Lê, triều Lý. Người ban hành luật: Khi chú Hoàng là Thái tử đã đủ lớn, thì được truyền ngôi, người sẽ lui về làm Thái Thượng hoàng. Có lẽ sang năm tới. Như vậy tránh được tình trạng tân quân bỡ ngỡ khi mới lên ngôi, tránh tình trạng các con tranh giành ngôi vua chém giết nhau. Tổ chức cai trị chia ra làm hai: chức vụ trong triều, cũng như ngoài trấn thì trao cho các quan. Còn các vương, hầu hoàng tộc thì ai về đất phong của người ấy. Đất phong như một tiểu quốc riêng, có tiểu triều với đầy đủ quan chức, quân đội. Mỗi tháng các vương hầu đều về Thăng long dự buổi thiết đại triều, bàn quốc sự. Xong việc lại trở về lãnh địa của mình. Vừa rồi, Mông cổ kéo đại binh sang, Hưng Đạo vương hội quân, các vương hầu kéo quân bản bộ về cùng nhận lệnh đánh giặc. Chính anh, anh kéo quân Bắc cương về chịu lệnh.

Vương phi vẫn không chịu:

– Theo lẽ chính thống thì bao giờ các vua chúa Hoa, Việt cũng truyền ngôi cho con trai trưởng, là người lớn tuổi nhất. Nếu không phải con trưởng thì cũng phải là người con thứ có nhiều công trạng hoặc tài đức vượt xa các anh em, như Đường Cao tổ truyền ngôi cho con thứ là Tần vương Lý Thế Dân. Nhưng tại sao chú Hoàng, tài không hơn anh, công lao lại càng thua xa anh. Theo tuổi tác, chú là con thứ ba lại được lập làm Thái tử?

– Chú ấy được phong làm Thái tử, vì tuân theo cái lẽ chính thống của Nho gia. Với nguyên tắc chính thống thì anh không thể lên ngôi vua. Anh mà lên làm vua, sĩ dân không phục, rồi nước sẽ loạn to!

– Em không hiểu.

– Này nhé, phụ hoàng nhờ là phò mã của vua Lý Huệ Tông, là chồng của vua Lý Chiêu Hoàng, mà được nhường ngôi. Phụ hoàng có hoàng hậu, nhiều phi tần, cung nga, sinh nhiều hoàng nam. Nhưng người kế vị phải là cháu ngoại của vua Lý Huệ Tông mới hợp lẽ chính thống, dân chúng, sĩ dân mới phục. Hoàng hậu Chiêu Hoàng không có hoàng nam, bị phế xuống làm công chúa, thì chỉ con của phụ hoàng với công chúa Thuận Thiên, chị của vua Chiêu Hoàng mới đủ tư cách kế vị. Điều này anh bị loại, vì anh là con một cung nga. Mẫu thân mình xuất thân là con hát được đưa vào cung. Như anh vừa nói, so về tuổi thì anh Quốc Khang với anh lớn nhất. Ngược lại so về vai vế thì Thái tử Hoàng lớn nhất, thứ đến Quang Khải, vì cả hai là con của hoàng hậu Chiêu Thánh. Tiếp đến Quang Húc, Ích Tắc là con của Tây cung quý phi đứng thứ ba, thứ tư; Nhật Duật là con của Hoàng phi đứng thứ năm. Anh với Quốc Uất là con của một Tu Dung, đẳng cấp thấp nhất đứng thứ sáu, thứ bảy. Anh Quốc Khang không phải con của phụ hoàng, nếu kể cả anh ấy thì phụ hoàng có 8 hoàng nam.

– Em hiểu rồi. Trong cuộc chiến vừa qua, anh lập công lớn, phụ hoàng lấy lý tử quý, mẫu vinh (con quý thì mẹ vinh), mẫu thân anh được cải phong lên bậc Tuyên phi. Do vậy dù anh lớn tuổi nhất

trong các hoàng nam của Phụ hoàng, dù anh là người văn mô vũ lược, lại từng thống lĩnh binh mã Bắc cương, chiến thắng Mông cổ, vẫn không được phong làm Thái tử.

Theo Đại Việt sử ký toàn thư thì sự việc này như sau:

Hồi vua Trần Thái Tông còn thơ, được tuyển vào cung hầu hạ nữ hoàng đế Lý Chiêu Hoàng. Chiêu Hoàng ưng ý tuyển làm chồng, rồi truyền ngôi cho năm 1225. Thái Tông phong Chiêu Hoàng tước Chiêu Thánh hoàng-hậu.

Niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (1237), hoàng-hậu Chiêu Thánh đã 19 tuổi mà chưa có hoàng nam, tông thất nhà Lý rục rịch đòi lại ngôi vua. Thái-sư, Trung Vũ đại vương Trần Thủ Độ ép vua giáng Chiêu Thánh xuống làm Thiên Cực công-chúa, lập vương phi của An Sinh vương Liễu là công-chúa Thuận Thiên, cũng là con của vua Lý Huệ Tông làm hoàng-hậu, vì bà đã có thai ba tháng. Thủ Độ nghĩ: ông có thể lý luận với tông tộc nhà Lý rằng: Đứa trẻ sinh ra là con của Thuận Thiên, thì cũng là cháu của vua Huệ Tông. Cháu vua Huệ Tông cũng nghiễm nhiên được nối ngôi. Bị làm nhục, An Sinh vương Liễu cất quân làm loạn. Sau nhờ Linh Từ quốc-mẫu Trần Thị Kim Dung, bà là:

- Cô của vua Trần Thái Tông, An Sinh vương Liễu,
- Hoàng hậu của vua Lý Huệ Tông,
- Hiện là vợ của Thái-sư Trần Thủ Độ,
- Bà cũng là mẹ của công chúa Thuận Thiên và Chiêu Hoàng,

Bà đứng ra dàn hòa, cuộc chiến tương tàn mới êm. Người đương thời cũng như các sử gia đều cho rằng Thái sư Trần Thủ Độ là người thất học, làm càn. Ông nặn ra việc Trần Cảnh, Lý Chiêu Hoàng có tình ý với nhau, rồi cho hai người kết hôn. Sau lại bắt vua Trần Thái tông bỏ Chiêu Thánh, đem vương phi An Sinh vương Liễu là công chúa Thuận Thiên ép làm hoàng hậu.

Các sử gia đều kết tội Thái sư Trần Thủ Độ.

Nguyên do, Thái sư Thủ Độ đã căn cứ vào những sự kiện lịch sử Hoa-Việt mà người xưa gọi là chính thống rồi hành động.

Cái lý chính thống của Thái sư Trần Thủ Độ thế là thế nào? Sử, cũng như chính sự các đời đều ca tụng ba vua Nghiêu, Thuần, Vũ là những vị vua thánh. Vua Nghiêu gả hai công chúa là Nga Hoàng, Nữ Anh cho phò mã là một nông dân, rồi nhường ngôi, phò mã trở thành vua Thuần. Vua Thuần lại nhường ngôi cho phò mã, thành vua Vũ. Đây là hình thức khuôn mẫu cho các đời sau, gọi là chính thống. Dẫn chứng sử Trung hoa, con rể nối ngôi cha vợ cho hợp với chính thống e dài quá, xin dẫn chứng sử Việt Nam:

Một là, khi anh hùng Dương Diên Nghệ bị Kiều Công Tiễn ám hại, con rể là Ngô Quyền, lên thay quyền, diệt kẻ ác, rồi làm vua. Hợp với lễ chính thống, nên tường sĩ, dân chúng qui phục ngài, vì vậy ngài mới thắng giặc Nam Hán, lên làm vua.

Hai là, vua Đinh Tiên hoàng, tuy có tài dẹp các sứ quân, nhưng ngài cũng cố tìm ra cơ gì hợp với chính thống? Vì vậy ngài phải phong cháu Dương Diên Nghệ là Dương Vân Nga, làm hoàng hậu, để qui phục nhân tâm: Con rể kế ngôi nhạc phụ, như vậy mới có chính nghĩa, hợp với lễ chính thống.

Ba là, khi vua Lê Ngọa Triều băng, tuy con còn thơ dại, nhưng vẫn còn đến ba hoàng tử em vua Ngọa Triều lĩnh tước vương, đang trấn ngự bên ngoài. Nhưng triều đình tôn Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn lên làm vua, sau là Lý Thái tổ. Tại sao? Vì ngài là phò mã của vua Lê Đại Hành.

Bốn là, khi vua Lý Thái tổ lên ngôi, ngài có nhiều con, tất cả các con đều được phong là Thái tử, ngụ ý rằng ngôi trừ quân chưa định. Thái tử nào có tài, có đức sẽ được truyền ngôi. Tuy Thái tử Lý Long Bồ tước phong Khai Quốc vương là người tài trí, đức độ trùm Hoa Việt, nhưng cuối cùng vua Lý Thái tổ truyền ngôi cho Thái tử Phật Mã tước phong Khai Thiên vương; dù vua biết rằng vương là người mà tài, đức thua Khai Quốc vương xa, lại khệnh khạng, hình thức. Nguyên do chỉ vì Phật Mã là con của hoàng hậu Tá quốc, Long Bồ là con của hoàng hậu Lập nguyên. Mà hoàng hậu Tá quốc là công chúa con vua Lê Đại Hành. Như vậy, cháu ngoại vua Lê lên ngôi vua, thì chính thống mới sáng tỏ.

Trần Thủ Độ muốn lấy ngôi vua từ họ Lý sang họ Trần, ông phải xếp đặt cuộc hôn nhân Trần Cảnh-Lý Chiêu Hoàng, cho hợp với chính thống. Đến khi Chiêu Hoàng chưa có con, hoàng tộc nhà Lý rục rịch muốn yêu cầu vua Trần Thái tông nhận một đứa trẻ con của một thân vương triều Lý làm thái tử, rồi truyền ngôi cho. Vì vậy ông mới đem vương phi của An Sinh vương ép vào ngôi hoàng hậu, để đứa trẻ đó sau lên nối ngôi thì là cháu ngoại của vua Lý Huệ tông, cháu ngoại lên nối ngôi ông, cho hợp với chính thống.

Thuận Thiên hoàng hậu sau có với vua Thái tông hai hoàng tử, kể cả đứa con oan nghiệt vốn là bào thai của An Sinh vương Liễu là ba. Đứa trẻ đó sau là Tĩnh Quốc đại vương. Tĩnh Quốc đại vương không được nối ngôi vì là con An Sinh vương Liễu, mà ngôi vua về thái tử Hoảng, tức vua Trần Thánh Tông.

Còn hoàng hậu Chiêu Thánh bị giáng xuống làm Thiên Cực công chúa. Thiên Cực trốn khỏi hoàng cung, đi tu, pháp danh là Vô Huyền. Đương thời truyền tụng bà đắc đạo thành Bồ Tát, nên gọi ngài là Vô Huyền bồ tát. Vô Huyền bồ tát là sư phụ của vương-phi Ý Ninh. Trần Thủ Độ không tìm được tông tích của Chiêu Thánh, sợ Chiêu Thánh trốn ra các trấn hô hào phục hưng triều Lý, bèn đem một cung nga có dáng giống Chiêu Thánh, tên Thục Anh giả làm ngài để trấn an dư luận. Nếu Chiêu Thánh khởi binh thì Thủ Độ có thể tuyên bố rằng đó là Chiêu Hoàng giả. Còn Thục Anh mới là Chiêu Hoàng.

Sau chiến thắng Mông Cổ, vua Trần Thái tông thấy việc ép cung nga Thục Anh này sống cô quạnh, thì động lòng trắc ẩn mới đem gả cho Lê Phụ Trần. Bấy giờ Thục Anh đã 36 tuổi.

Sử chép rằng Công-chúa Thiên Cực được gả cho Lê Phụ Trần, sau sinh ra nhiều con. Lý này không vững, vì năm ấy (1258) Chiêu Thánh đã 43 tuổi, với tình độ y học ngày nay một phụ nữ tuổi 43 cũng khó có thể sinh con; huống hồ y học đời Trần. Vì vậy chúng tôi thuật theo gia phả. Và người chép gia phả là Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Vương là con của vua Thái tông, thì vương chép về phụ-hoàng, mẫu-hậu không sai được.

Vũ Uy vương tuy là người văn võ toàn tài, lớn tuổi nhất trong các con của vua Thái tông, lại có công trong cuộc phá Mông Cổ lần thứ nhất (1258), nhưng vì là con một cung phi bậc thấp, nên không được truyền ngôi vua. Và tính tình vương khoáng đạt, cùng vương phi trấn ngự biên cương, không nghĩ đến tranh dành ngôi vua.

Wương phi Ý Ninh vẫn không chịu:

– Thế Tĩnh Quốc Vương Khang ! Anh ấy chẳng là con của Phụ hoàng với Hoàng hậu đấy ư ?
Dường như anh ấy với anh bằng tuổi nhau thì phải.

– Em hỏi thế thực phải. Em nên nhớ Tĩnh Quốc vương Khang, lớn tuổi hơn hoàng tử Hoảng. Vương cũng là con của mẫu hậu Thuận Thiên, tức cũng là cháu ngoại của vua Lý Huệ tông. Nhưng thực sự, vương không phải là con của phụ hoàng. Vì khi mẫu hậu Thuận Thiên có thai ba tháng với An Sinh vương Trần Liễu, thì bị Thái sư Trần Thủ Độ ép vào cung, rồi sinh ra vương, thì vương là con của An Sinh vương. Và tư chất của anh ấy đần độn, học văn không thông, luyện võ không thành; như vậy không thể được lập làm thái tử, không thể được truyền ngôi vua.

– Bây giờ em mới hiểu hết những uẩn khúc trong cung đình nhà mình. Theo chiếu thư Mông cổ thì họ đòi phụ hoàng phải gửi con trưởng sang làm con tin. Sao phụ hoàng cũng như triều đình không gửi anh Quốc Khang mà lại gửi anh?

Ghi chú,

(1) **Ngột Lương Hợp Thai, là tên Hán Việt. (phát âm theo Mông cổ là U ri ang khai đại, Uriyangqadai), con trai của đệ nhất thân vương, đệ nhất khai quốc công thần Mông cổ Tốc Bất Đài .**

Hoài Đô, tên Hán Việt (phát âm theo Mông cổ là Khai Du, Qaidu). Luật từ thời Thành Cát Tư Hãn, mỗi đạo quân có một tướng tư lệnh chịu trách nhiệm chỉ huy, quyết định tác chiến. Ngoài ra còn một người trong hoàng tộc quyết định về cai trị dân chúng, kiểm soát binh, tướng. Hoài Đô lĩnh nhiệm vụ này.

(2) Mông cổ đặt tại mỗi nước chư hầu một số chức quan hơi giống như hồi 1884 – 1945 người Pháp đặt tại Việt Nam. Trên cao nhất là một viên Toàn quyền. Phủ Toàn quyền có nhiều chức quan như một nước nhỏ kiểm soát triều đình. Mỗi tỉnh một viên Công sứ kiểm soát việc cai trị. Chức quan của Mông cổ gọi là Đa gu ra tri, dịch sang tiếng Hán là Đạt lỗ hoa xích.

(3) **Tuyên minh thái hoàng thái hậu, nữ danh Tô Phương Lan.** Bà là vợ của Trần Lý, bà nội của Nguyên Phong hoàng đế . Vương phi Kiến Quốc đại vương nữ danh Phan Mỹ Vân, vợ của Trần Tự Khánh chú ruột Nguyên Phong hoàng đế, khai quốc công thần Trần triều. Vương phi Hưng Nhân vương, nữ danh Trần Kim Ngân, là vợ của Phúng Tá Chu, em gái Trần Lý.

Về hành trạng của ba bà, xin xem AHĐADCBM.

(4) **Thái úy, tương đương với ngày nay là Tổng tư lệnh quân đội.**

Khu mật viện, tương đương với ngày nay bao gồm bộ Công an, Cục tác chiến, Cục quân báo, Cục phản gián. Tổng cục 2.

Đô đốc Thủy quân, tương đương với ngày nay là Tư lệnh Thủy quân.

Tổng lĩnh Thiên tử binh, tương đương với ngày nay là Tư lệnh lục quân.

Tổng lĩnh Kị binh, tương đương với ngày nay là Tư lệnh Thiết giáp binh.

Hồi thứ năm mươi hai
Văn nghệ thời Đông A

– Có lẽ phụ hoàng cũng như triều đình sợ anh ấy nghĩ mình cũng là cháu vua Lý Huệ tông. Anh ấy sẽ vận động với Mông cổ, xin phong vương rồi về tranh dành ngôi vua với Thái tử Hoàng.

– Em thì em nghĩ khác.

– Nghĩa là?

– Phụ hoàng cũng như triều đình thấy anh là người trung hậu, không thích quyền hành, mà chỉ nghĩ đến Xã Tắc, nên cử anh đi mà không sợ Mông cổ phong cho anh làm An Nam quốc vương, rồi về tranh ngôi vua. Lại nữa, triều đình Mông cổ không thiếu gì văn quan, võ tướng là tinh hoa của Tống, Liêu, Kim, Tây hạ, Tây vực. Nếu cử anh Quốc Khang sang làm con tin, thì anh chỉ là một cục bột, ngồi ở Hoa lâm mà thôi. Vì vậy người mới cử anh sang, Mông cổ sẽ trọng dụng tài của anh. Anh làm quan cho Mông cổ thì Đại Việt mới có lợi.

Vương suy nghĩ một lát rồi tiếp:

– Và chú Hoàng vốn có chân mệnh đế vương từ nhỏ. Truyện như thế này. Năm chú Hoàng bảy tuổi bị bệnh sốt mê man, mắt trợn ngược. Hoàng hậu cùng phi tần tưởng hoàng tử sắp hoảng, hậu nhờ Huệ Túc phu nhân là người bút mặc văn chương đề bài chủ đề thờ. Huệ Túc phu nhân xem số Tử vi của hoàng tử rồi quẳng bút từ chối rằng:

"Thần tính số của Hoàng, thấy sống rất thọ, không thể chết non. Hơn nữa đây là một vị minh quân của Đại Việt sau này. Hiện Hoàng đang gặp hạn Bạch hổ ngũ Kị, thì chỉ bệnh nặng mà thôi".

Thuận Thiên hoàng hậu hỏi:

" Bao giờ thì Hoàng khỏi?".

" Tâu, ngày mai giờ Ngọ".

Phụ hoàng cầm áo long bào để bên chú Hoàng, rồi tuyên:

" Nếu tỉnh dậy thì cho áo này. Sau sẽ được truyền ngôi"

Quả nhiên giờ Ngọ hôm sau hoàng tử Hoàng tỉnh dậy. Phụ hoàng mới lập làm Thái tử. Hơn nữa chú Hoàng từng cầm quân thắng Mông cổ ba trận lớn, trong đó có trận tái chiếm Thăng long. Vì vậy phụ hoàng mới truyền ngôi cho chú ấy.

Vương phi Ý Ninh à lên một tiếng, rồi hỏi tiếp:

– Em nghe mỗi tình của Phụ hoàng với mẫu thân đẹp vô cùng. Các danh sĩ không tiếc lời ca tụng. Sư phụ nói: mỗi tình đã làm thay đổi toàn bộ luân lý Đại Việt. Họ còn nói, mỗi tình của phụ hoàng với mẫu thân, khiến cho toàn quốc rộ lên phong trào thượng tôn văn học, đàm văn, luận phú, quý trọng ca xướng. Sở dĩ các lộ, các trấn, các phủ, các huyện dĩ chí các xã đều cho mở quán văn, là do mỗi tình này. Anh thuật cho em nghe đi.

Vũ Uy vương khoan thai thuật:

– Mẫu thân anh họ Mai, tên Đông Hoa, xuất thân làm con hát ở phường Tây hồ.

Vua Thái tông gặp bà Mai Đông Hoa trong trường hợp nào? Đây là mỗi điểm tình được ca tụng đẹp nhất triều Đông A , được huyền thoại cho đến nay. Tra trong các bộ sử thì không hề thấy nói đến, nhưng gia phả các chi họ Trần thì chép đầy đủ.

Nguyên hồi Chiêu Thánh hoàng hậu Lý Chiêu Hoàng 19 tuổi vẫn chưa có hoàng nam. Thái sư Trần Thủ Độ ép nhà vua phế hoàng hậu xuống làm công chúa, rồi đem vương phi của An Sinh vương Trần Liễu vào cung vì vương phi đã có thai ba tháng (1237). Nhà vua buồn rầu, thường giả làm nho sinh, cùng viên thái giám thân tín tên Đại Lực trốn ra ngoài thành Thăng long thăm dân cho biết sự tình. Một lần người tới phường Tây hồ chơi, vào một Quán văn.

Chủ quán thấy một thiếu niên anh tuấn, thân thể hùng vĩ, cùng một gia nhân theo hầu, thân thể to như ông hộ pháp. Cả hai đi ngựa, trang phục như nho sinh, thì biết đây là giới tao nhân mặc khách. Ông vội vàng ra mời vào.

Trong quán có một kệ xếp rất nhiều sách. Giữa quán một lư hương khói tỏa hương thơm ngát. Khách khá đông, hơn trăm ghế ngồi gần như kín hết. Tất cả đang nghe một thầy đồ giảng sách. Thầy đồ say sưa thuật đoạn bà Trưng Nhị cùng cùng các nữ tướng Hồ Đễ, Trần Năng, Phật Nguyệt, và nam tướng Lại Thế Cường đánh chiếm Trường sa. Đến chổ bà Trần Thiếu Lan tử trận, thầy ngừng lại:

– Hôm nay xin ngừng ở đây. Ngày mai tôi sẽ thuật tiếp đoạn vua Trưng cùng 162 anh hùng họp nhau tại Mê linh tuyên bố khởi nghĩa.

Thính giả vỗ tay hết tràng này, đến tràng khác.

Thầy đồ chỉ tay vào chủ quán:

– Xin giới thiệu với chư vị, đây quán chủ. Quán chủ họ Lý tên Tín, là thầy đồ dạy học tại trường huyện Thọ xương.

Lý Tín chấp tay vái khách:

– Thưa chư vị hiền nhân quân tử. Sau mục kể truyện anh hùng, thiêm quán kính mời quý khách thưởng thức âm nhạc.

Một toán sáu người từ phòng trong bước ra, gồm ba nam, ba nữ. Tất cả đều còn trẻ. Người đàn ông lớn tuổi nhất đánh trống mảnh. Hai người đàn ông còn lại, một người vỗ trống cơm, một người thổi sáo. Hai người đàn bà, một người kéo nhị, một người gảy đàn. Ca nhi là một cô gái, bên trong mặc áo cánh nhiều tím, khoác ngoài áo tứ thân kết hai màu hồng nhạt, xanh lá mạ non, dây lưng cũng hai màu như áo; váy lụa đen dài che lấp chân. Khăn màu tím, đuôi gà dài phía sau gáy. Cả toán nghiêng mình chào khách, rồi ngồi lên chiếc sập.

Vừa trông thấy đào hát, nhà vua đã choáng váng, đó là một thiếu nữ tuổi khoảng mười sáu, mười bảy, dáng người thanh lịch, nhan sắc diễm lệ. Mặc dù trong cung, nhà vua đã có hoàng hậu, nhiều phi tần là tiểu thư con các quan; triều đình còn lệnh cho các phủ huyện tuyển những thiếu nữ đẹp nhất đem vào cung làm cung nga. Thế nhưng lần này nhà vua thấy một thiếu nữ có nhan sắc diễm ảo, như có như không; lại hát hay, thì ngài rung động mãnh liệt. Nhà vua than thầm:

– Tại sao trong hậu cung mình không có những mỹ nữ như cô gái này? Tại sao trong ban nhạc Cung đình của mình không có những ca nhi giọng hát tuyệt vời như thế này?

Nhà vua nhìn cô gái như ngây, như dại. Giọng cô gái trong, nhuyễn như nhung. Cô vừa hát, vừa liếc mắt, nghiêng nghiêng đầu, sóng mắt long lanh. Thỉnh thoảng cô lại mỉm cười. Sau bản hát, cô cầm cái rá đi một vòng xin tiền. Người người đều cho tiền. Thường thì mỗi người cho một đồng, hai đồng. Thỉnh thoảng có người cho ba đồng. Khi cô gái tới trước nhà vua, nhà vua sờ tay vào túi,

nhưng có bao giờ nhà vua tiêu tiền đâu mà mang theo? Cô gái thấy nhà vua móc hết túi ngày đến túi khác mà không có tiền thì mỉm miệng cười chờ đợi. Cô cất tiếng hát:

“ Tây hồ sòng võ lẫn tăn,
Quân tử như ánh trăng rằm đêm thâu”.

Nhà vua quýnh quá, ngài tháo sợi dây chuyền bằng vàng đeo trên cổ, có mang tượng Quán Thế Âm bằng ngọc đỏ chói. Ngài nắm lấy tay nàng, đặt vào:

– Tiên cô ơi! Đây là kỷ vật của tôi, được một vị cao tăng tặng, với lời cầu nguyện rằng tôi luôn được đức Bồ Tát phù hộ. Nay tôi biếu tiên nga, cũng ước mong tiên nga được Quán Thế Âm che chở.

Xung quanh có hằng trăm người, ai cũng mở to mắt nhìn viên nho sinh hào phóng. Sợi dây ít ra đến hai lượng vàng, với tượng Phật bằng ngọc, rẻ ra cũng trên năm lượng nữa. Thời bấy giờ giá một lượng vàng là hai trăm quan tiền. Mỗi quan là sáu trăm đồng. Cô đi hát cả tháng may ra mới được một quan tiền. Bây giờ cô gặp một nho sinh hào phóng cho cô món quà quá lớn. Cô nhìn nho sinh: dáng người hùng vĩ, mặt đẹp như ngọc, tiếng nói uy nghiêm mà đầm ấm.

Cô gái còn đang ngỡ ngàng, thì nhà vua đã đeo sợi dây vào cổ cô, rồi hỏi:

– Cô ơi, cô có thể cho tôi biết khuê danh được không?

– Dĩ nhiên là được! Đa tạ nhã lượng quân tử, em họ Mai, tên Đông Hoa. Để đáp lại tri âm em xin hát một bài nữa mong công tử ban cho nhất cổ Chu Lang.

Tiếng nói của Đông Hoa thanh tao, nàng còn biết dùng điển nhất cổ Chu Lang, chứng tỏ nàng cũng thuộc giới bút mặc văn chương. Điển này như sau: thời Tam quốc bên Trung nguyên, Đại Đô đốc Ngô là Chu Du. Du lĩnh chức đô đốc khi còn trẻ, tính khí hào phóng, nhã lượng, cao trí, lại là một mỹ nam tử; Du rất giỏi âm nhạc. Tại tư dinh Du có một đội nhạc đến hơn trăm người, xử dụng đủ mọi thứ nhạc khí. Với hơn trăm âm thanh cùng vang lên, mà mỗi khi một người tấu lạc nhịp, hoặc sai, là Du biết ngay ai, ngồi chỗ nào, Du đưa mắt nghiêm khắc về phía người đó. Người nào tấu xuất sắc, Du hướng mắt về người ấy mỉm cười tỏ ý khen ngợi. Vì vậy sau này giới bút mặc văn chương dùng điển nhất cổ Chu Lang để chỉ tri âm, tán thưởng.

Nhà vua vốn là người tinh thông âm luật, không nhạc khí nào mà không xử dụng thành thạo. Nhà vua cầm ống tiêu đưa lên môi thổi. Âm thanh cao vút như hòa vào những sợi tơ trời. Đông Hoa cương:

“Em là con gái Thăng long,
Em nghiêng nghiêng nón, ấy y a, nước sông dạt dào”.

Đông Hoa mời nhà vua về nhà chơi. Cha mẹ nàng vốn là nghệ nhân, nếp sống không khép kín như những gia đình khác. Cả hai tiếp nho sinh với tất cả thịnh tình. Ông bà hỏi lý lịch, nhà vua xưng là nho sinh học trường Quốc tử giám tên Nhật Duy.

Từ đây khi thì hai ngày, khi thì ba ngày, nhà vua lại ra nhà Đông Hoa tấu nhạc cho nàng hát.

Cạnh nhà Đông Hoa có một thầy đồ dạy học ở trường huyện Thọ xương tên Lý Tín. Thầy Tín rất uyên bác, đứng chủ trương quán văn Tây hồ. Thấy Đông Hoa hát hay, thông minh, lại có nhan sắc, ông dạy riêng Đông Hoa học tại nhà. Vì Đông Hoa đẹp, hát hay, nên nhiều khách đa tình thường lai vãng tới quán văn Tây hồ cầu thân. Nhưng khi tiếp xúc với họ, ông thấy đó chỉ là những gã nhà giàu, hoặc công tử văn không thông, võ không thành. Bây giờ thấy nho sinh Nhật Huy gần như thường trực tới quán văn Tây hồ dự các buổi giảng sách, nghe nhạc. Nhật Duy rất hào phóng với các thầy đồ

giảng sách, cũng như những con hát. Nhật Duy lại hay tới nhà Đông Hoa chơi. Ông cho rằng Nhật Duy cũng thuộc phường tham dâm, hiếu sắc mà thôi, chứ không phải học sinh trường Quốc tử giám. Không chừng một công tử nào đó muốn bỏ tiền ra mua Đông Hoa.

Nhưng sau những lần gặp nhau, thầy Tín thấy dung quang Nhật Duy khác phàm, kiến thức bao la, hai người thường đàm đạo quốc sự, văn chương, thi phú cho đến kinh Phật. Nhật Duy luận như mây trôi, nói như suối tuôn. Lý Tín khâm phục nhen sinh Nhật Duy uyên bác. Ông khuyên cha mẹ Đông Hoa chiêu Nhật Duy làm rể.

Một bên là một ca nhi sắc nước hương trời, thuộc nòi tình, hưởng tính lãng mạn của cha mẹ. Một bên tuy làm vua, đang độ 20 tuổi; nhưng từ bé bị giáo huấn trong lễ giáo khắc khe. Bây giờ được mang lốt nhen sinh, bao nhiêu sợi dây luân lý ràng buộc bị cắt đứt.

Đông Hoa mang thai.

Giữa lúc đó nhà vua bận quốc sự hơn ba tháng không ra quán văn Tây hồ cũng như đến nhà thăm nàng.

Thời bấy giờ con gái chưa chồng mà mang thai, như một tin trấn động, như ngọn núi lửa nổ tung. Bố mẹ nàng sẽ bị làng xã bắt khoán, nhục nhã vô cùng. Thầy Lý Tín cho rằng Nhật Duy là phường hoa bướm, con nhà giàu, chơi hoa rồi vứt bỏ. Ông dẫn cha mẹ Đông Hoa đến trường Quốc tử giám kiện nhen sinh Nhật Duy. Nhưng quan Quốc tử giám tư nghiệp tra danh sách, không có một học sinh nào tên Nhật Duy cả. Ông ra lệnh cho phủ thừa Thọ xương truy bắt Nhật Duy về hai tội: giả học sinh Quốc tử giám và thông dâm với gái chưa chồng mang thai.

Một buổi tối, nhà vua cùng viên Thái giám Đại Lực ra phường Tây hồ gặp Đông Hoa. Khi vừa tới sân nhà nàng, thì một Ngũ (5 người) lính dàn ra bao vây. Tất cả được vũ trang đoản đao. Thầy đồ Tín, bố mẹ Đông Hoa và nàng cùng ra sân xem. Hai người lính vung đao bắt chéo nhau trước mặt nhà vua. Phản ứng tự nhiên, thái giám Đại Lực chìa ngón tay chỉ điểm một cái. Hai thanh đao vượt khỏi tay hai người lính, bay lên cao, cắm vào thân cây muỗm.

– Không được vô phép!

Viên thái giám quát lên rồi vung tay một cái nữa, hai người lính bay ra xa ước hơn hai trượng, rơi xuống như tự nhảy lùi vậy.

Thấy thủ pháp của Đại Lực, viên Ngũ trưởng biết dù cả Ngũ của y cũng không địch nổi người này. Tuy vậy y cũng hô lên một tiếng, cả Ngũ phu vung đao vây quanh nhà vua. Y hỏi:

– Trong hai người, ai là nhen sinh Nhật Duy xưng là học trò Quốc Tử Giám?

Đại Lực chỉ nhà vua:

– Là chủ nhân của tôi.

Giọng viên Ngũ trưởng có vẻ khách khí:

– Trông phong thái hai vị đều là người có lai lịch, sao lại dă thương binh lính của đức vua!

Đại Lực hỏi đám binh:

– Này các em, ta có làm em nào bị thương đâu mà Ngũ trưởng của các em bảo ta dă thương các em?

Y hỏi viên Ngũ trưởng:

– Người là Ngũ trưởng của Vệ Thọ xương, người phải biết luật chứ? Luật của đức vua rất nghiêm, khi muốn bắt một học sinh trường Quốc tử giám thì ít nhất phải có sự chứng kiến của một vị Kinh

diên quan! Các người đi bắt chủ nhân tôi, mà không có Kinh diên quan chứng kiến thì là một điều sai luật. Các vị chưa xác định cái người mà người định bắt có đúng là tội nhân mà quan trên muốn bắt không mà đã dùng đao đe dọa là hai điều sai luật. Vì vậy tôi phải chống lại.

Nói rồi Đại Lực vung tay lên liên tiếp, không ai nhìn rõ y ra chiêu gì, kinh lực ra sao, mà mỗi chiêu một người lính bay ra đường. Người nào cũng như bị nhắc lên rồi đặt xuống vậy.

Trong khi Đại Lực biện luận với viên Ngũ trưởng, thì nhà vua vào nhà Đông Hoa. Nhìn sắc mặt cha mẹ nàng, Lý Tín, nhà vua thấy dường như họ có điều gì lo lắng. Còn chính Đông Hoa thì đang ôm mặt khóc. Nhà vua hỏi:

– Hoa! Cái gì đã xảy ra?

Đông Hoa thuật lại thảm trạng trong ba tháng mà nàng phải chịu đựng, nỗi nàng chỉ ra sân:

– Bây giờ Đại Lực lại đánh lính của phủ Thọ xương thì tai họa sẽ vô cùng lớn lao!

Đại Lực trở vào đứng sau nha vua. Y nhìn Đông Hoa mỉm cười:

– Cô ơi! Tất cả những gì cô nương coi là khổ ải, chủ nhân tôi sẽ giải quyết. Tôi nói thực cho cô nương biết một điều: hiện tất cả giai nhân trong nước đều ước mơ diện kiến chủ nhân tôi, dù chỉ một lần, mà không bao giờ toại nguyện. Còn cô nương, cô nương được sủng ái cùng cực, mà cô nương không biết.

Đông Hoa vẫn không yên tâm:

– Trước mắt, tôi đang bị làng bắt khoán, vì gái chưa chồng mà chưa. Tiền đâu tôi nộp cho làng? Bây giờ làng xóm chê cười, tôi làm khổ cha mẹ tôi...

Đến có tiếng trống, thanh la dẹp đường, rồi bốn thị vệ hộ tống một vị văn quan ngồi trên kiệu tới. Ngũ binh cũng trở lại. Viên quan hỏi Ngũ trưởng:

– Người xưng là Nhật Duy, học sinh trường Quốc tử giám đâu?

Viên Ngũ trưởng chỉ vào trong nhà:

– Bẩm Thái phó, cái người trẻ quay lưng lại kia là Nhật Duy, còn cái người khoanh tay đứng hầu sau Nhật Huy đã đánh bọn tiểu nhân.

Viên Kinh diên quan vừa trông thấy Đại Lực thì thất kinh:

– Đại... đại... Lực Tổng Công công! Sao, sao?

Đại Lực xua tay ra hiệu, ngụ ý xin đừng nhiều lời, rồi chỉ vào nhà vua, lên tiếng:

– Kính chào Phạm sư phó. Chủ nhân của tiểu nhân là Nhật Duy, đang bị lính của phủ thừa Thọ xương bắt tội. Sư phó là thầy của chủ nhân, xin sư phó phát lặc vụ này cho.

Vị Kinh diên quan đó là Phạm Kính Ân, hiện là Quốc tử giám tế tửu, lĩnh chức Thái phó, thường giảng sách cho nhà vua. Tước của ông tới Công. Vì ra vào hoàng cung thường ngày, nên ông đã gặp quan Tổng Thái giám Đại Lực. Theo quan hàm thì tước Công, lĩnh hàm Thái phó, kiêm Quốc tử giám tế tửu của ông cao hơn tước Hầu, Tổng thái giám năm bậc. Nhưng quan xa, không bằng lính gần. Đại Lực luôn hầu cận nhà vua, nên được nể nang hơn. Hôm nay ông nghe báo có một người xưng là học sinh Quốc tử giám, thông dâm với con gái lương dân, lại dám chống lại lính của phủ thừa Thọ xương. Ông phải đích thân bắt người giả học trò Quốc tử giám ấy. Không ngờ tới đây, chỉ cần thấy Đại Lực, thì ông biết người xưng là nho sinh Nhật Duy chính thị đức vua. Trong những lần giảng sách cho nhà vua, ông từng nghe nhà vua thuật lại nhiều lần ra ngoài Kinh thành thăm dân cho biết sự tình. Vốn cực kỳ thông minh, ông biết ngay người xưng nho sinh Nhật Duy, chính là nhà vua.

Ông vẫy tay cho bốn viên thị vệ, cùng Ngũ lính Thọ xương:

– Các người lui ra, canh gác bên ngoài! Mọi việc ở đây do ta phát lạc.

Nhà vua chỉ Đông Hoa rồi vái Phạm Kính Ân:

– Thưa thầy, con với tiểu cô nương đây quả có chút duyên giai ngẫu. Mong thầy tác thành cho.

Phạm Kính Ân biết nhà vua là người quang minh, thượng tôn luật pháp, ngài muốn ông xử vụ này như xử học sinh Quốc tử giám thực. Ông chỉ nhà vua:

– Vị này là một quý nam tử, học trò của tôi, địa vị tôn quý, không phải phường tham dâm, hiếu sắc. Con gái ông bà không chọn lầm người đâu.

Ông vẫy một viên thị vệ:

– Người gọi Đại tư, Câu đương xã Thụy hương đến gặp ta gấp.(1)

Viên Thị vệ vừa quay ra thì Đại tư, Câu đương xã Thụy hương đã tới. Hai người thấy Phạm Kính Ân thì vái dài:

– Tiểu nhân xin ra mắt Thái phó.

Phạm Kính Ân cho hai người ngồi, rồi ông chỉ nhà vua với Đông Hoa:

– Tôi lĩnh Quốc tử giám Tế tửu. Tôi tới đây vì mối lương duyên của một học sinh với giai nhân xã Thụy hương. Tôi xin đứng ra tác thành cho mối lương duyên này. Tuy nhiên Nhật Duy với Đông Hoa đã phạm lỗi, vì chưa cheo cưới mà đã gần nhau đến mang thai. Phép vua, thua lệ làng, vậy Đại tư cho biết, xã sẽ phạt như thế nào?

Đại tư chấp tay:

– Về cô gái, sẽ bị bắt khoán 15 quan tiền, bị đánh 20 roi mây giữa chợ. Nếu cô gái có tiền nộp thêm 5 quan thì miễn đánh đòn.

– Vậy còn người con trai?

– Nếu là con trai trong xã phải làm việc công 20 ngày. Nếu có tiền nộp thay thế thì phải 10 quan. Còn con trai xã khác, bắt buộc nộp phạt 20 quan tiền.

Kính Ân tuyên án :

– Nho sinh Nhật Duy đã trên 20 tuổi, nhà lại khá giả, phải nộp khoán cho mình và cho Đông Hoa. Tổng cộng 40 quan tiền. Nhưng vì là học trò giỏi bậc nhất trường Quốc tử giám, nên phải nộp khoán gấp đôi, tức 80 quan tiền.

Tổng Thái giám Đại Lực móc trong túi ra một lượng vàng trao cho Đại tư :

– Thôi thì tôi xin nộp một lượng vàng thay chủ nhân. Một lượng ăn 200 quan tiền. Như vậy dư ra 120 quan. Trong xã Thụy hương có đền thờ thánh Chèm, tôi xin gửi 120 quan nhờ xã tu bổ đền thờ ngài.

Đại tư tiếp vàng, lòng mừng chi siết kể.

Phạm Kính Ân hỏi bố mẹ Đông Hoa :

– Sự cố của con gái ông bà quả có làm ông bà phiền lòng, nhưng đây là mối lương duyên giai ngẫu giữa danh sĩ với giai nhân. Thời Lý, vua Thánh Tông chẳng từng thăm dân rồi gặp một giai nhân, sau ngài phong cho giai nhân ấy tước Ý Lan phu nhân đó sao ? Ý Lan sinh ra vua vua Nhân Tông, vua tôn mẫu hậu là Linh Nhân hoàng thái hậu. Truyện cũ sáng như trăng rằm. Bây giờ Nhật Duy với con của ông bà như ván đã đóng thuyền, gạo đã thổi thành xôi, ông bà có bằng lòng gả Đông Hoa cho Nhật Huy không ?



Đền thờ thánh Chèm (Lý Thân) tại xã Thuy Hương, Hà nội (Hình VN santé)



- Đa tạ sư phó tác thành cho.
 - Ông bà có đòi dẫn cưới gì không ?
 - Được rể quý, tôi xin cho không cháu Hoa.
 - Đông Hoa đẹp đến như thế kia, lại đàn ngọt, hát hay thì đáng xây nhà vàng cho ở ; cho không thể nào được. Lễ dẫn ít ra nghìn lượng vàng, nghìn tấm lụa, trăm thúng gạo, chục trâu bò.
 - Dạ quá... lớn, sợ phúc đức nhà tôi không tới.
- Phạm Kính Ân bấm đốt ngón tay :
- Ngày 3 tháng sau là ngày tốt. Ông bà đợi Nhật Duy chuẩn bị, dẫn cưới rồi sẽ xin rước dâu.
- Tối hôm đó nhà vua về Hoàng thành. Ngài biết Thái hậu (bà Trần Thừa) không thể chấp nhận cuộc hôn nhân này. Nhà vua tìm đến cung Tuyên minh thái hoàng thái hậu (bà Trần Lý, bà nội nhà vua), thú thực về truyện Đông Hoa. Tuy uy quyền của Thái hậu hiện tối cao trong cung, nhưng bà chỉ có thể đón Đông Hoa về, cho ở chung trong cung của bà, lĩnh chức Tu dung, một đẳng cấp rất thấp chỉ trên cung nữ một bậc. Thân phận Đông Hoa trong hoàng cung quá nhỏ bé, song nàng được nhà vua sủng ái cùng cực. Nàng được trao cho cai quản đội nhạc cung đình.
- Ít tháng sau, Đông Hoa hạ sinh một hoàng nam. Hài nhi da trắng, môi hồng, mười phần tươi đẹp. Toàn hậu cung vui mừng. Nhà vua lấy tên Nhật Duy trong kỷ niệm mối tình với Đông Hoa đặt tên

cho con. Tuy nhiên không ai dám bàn chuyện lập Nhật Huy làm thái tử. Ba năm sau Thuận Thiên hoàng hậu sinh hoàng nam, nhà vua đặt tên là Nhật Hoàng, phong làm Thái tử. Rồi nhà vua có thêm nhiều hoàng nam.

Nhờ được Tuyên minh thái hoàng thái hậu dạy văn, luyện võ, nên võ công của Nhật Huy cao nhất trong các anh em. Năm Nhật Duy 13 tuổi, được mở phủ đệ riêng, được phong tước Thái tử thiếu bảo, Đồng bình chương sự, Phụ quốc thượng tướng quân, tước Vũ Uy vương, trao cho trấn ngự Tây Bắc cương.

Sau trận đánh với Ngột Lương Hợp Thai, công lao của vương chỉ thua có Hưng Đạo vương, Hưng Ninh vương. Nguyên Phong hoàng đế lấy cố tử quý mẫu vinh (con quý thì mẹ vinh hiển) thăng Tu dung Đông Hoa lên hàm Tuyên phi, tước vượt 18 bậc.

Tuyên phi được nhà vua sủng ái nhất trong tất cả các phi tần. Bởi ngoài tình vợ chồng, giữa nhà vua với phi còn là tri kỷ, tri âm. Khi phi hát thì nhà vua kéo nhị, đánh trống mảnh, trống cơm; lại có khi nhà vua thổi sáo. Hồi mới nhập cung, phi được nhà vua truyền xây cho một cung riêng. Nhưng tính giản dị, lại sống trong dân đã quen, phi xin Bộ Công cất cho ngôi nhà tranh, đỡ tốn công nho, tốn sức của dân. Nhà vua muốn có nơi cùng phi thưởng thức âm nhạc, ngài ban chỉ dựng một cái chòi gỗ bốn mái lợp tranh. Phi lấy tên làng của mẹ là Thụy khuê đặt cho ngôi nhà. Vì vậy trong hậu cung gọi ngôi nhà đó là cung Thụy khuê.

Dù bận quốc sự, dù có nhiều phi tần khác, nhưng ít nhất ba ngày một lần nhà vua cũng đến cung Thụy khuê nghe hát, tấu nhạc.

Từ khi Đông Hoa nhập cung, được nhà vua sủng ái, tiếng đồn ra ngoài. Trên toàn quốc nảy ra phong trào lập Quán văn. Từ kinh đô tới các trấn, các phủ, huyện nơi nơi đều lập Quán văn. Quán văn là nơi mà các văn nhân, thi sĩ, danh sĩ, tài tử, tới để cùng nhau xướng họa, ngâm vịnh. Quán văn cũng là nơi cho những tiểu thư, giai nhân đến treo bảng tuyển phu. Mặt khác Quán văn thường trực có những danh kĩ đến hát.

Vũ Uy vương, vương phi nhập cung giữa lúc nhà vua kéo nhị, Tuyên phi vừa hát vừa đánh trống mảnh. Cả hai vị như bị âm thanh đưa lên mây, nhập vào thế giới khác, đến nỗi con trai, con dâu đến bái biệt mà không biết.

Đối với Vũ Uy vương, tình trạng này, vương từng thấy từ hồi còn thơ ấu. Duy vương phi, phi chỉ thấy phụ hoàng ngồi trên lưng ngựa xung vào trận tuyến Mông cổ, hay uy nghiêm thiết triều giữa hai hàng văn võ đại thần. Bây giờ phi mới được thấy con người nghệ sĩ trong một hoàng đế.

Bản nhạc dứt, Nguyên Phong hoàng đế chợt thấy hai con, ngài chỉ ghế:

– Các con ngồi đó đi. Ngày mai hai con lên đường, lĩnh trọng trách vô cùng trọng đại. Như hôm qua, trong buổi thiết triều đã định: các con được toàn quyền hành động, miễn sao đạt được mục đích:

Thứ nhất, gây chia rẽ trong hoàng tộc Mông cổ, khiến các Hãn đem quân tàn sát nhau. Gây chia rẽ giữa ngoại thích với hoàng tộc. Gây chia rẽ giữa triều đình với hậu cung. Gây thù hận giữa quân Mông cổ với dân chúng.

Thứ nhì, giúp Tống chống với Mông cổ, khiến cuộc chiến Mông-Tống kéo dài, càng dài càng tốt.

Thứ ba, ngăn cản, tiêu diệt những kẻ chủ xâm lăng Đại Việt. *Điều khẩn cấp làm sao cho Mông cổ bỏ ý định đánh Đại Việt.*

Nhà vua hỏi Vũ Uy vương :

– Bắc cương chia làm hai khu vực. Khu Đông thuộc Ngũ yên giáp biển, và Quảng Tây. Trước đây là đất phong của An Sinh vương. An Sinh vương hoẵng thì Hưng Ninh vương, Hưng Đạo vương kế nhiệm. Ta yên tâm. Khu Tây do con trấn nhiệm mấy năm qua. Khu này phía Tây giáp với Lão qua, không có gì đáng ngại. Duy khu Bắc, một phần giáp với Quảng Tây lộ của Tống, một phần giáp với Đại lý. Giữa khu ba biên giới có nhiều Bạc dịch trường (chợ biên giới). Đây là cửa thông giữa ta với Đại lý mang tên cửa Lê hóa, phủ Thiện xiển. Các khu đất này khi Tống mạnh thì Tống thu thuế. Khi ta mạnh thì ta thu thuế. Khi Đại lý mạnh, thì Đại lý thu thuế. Vậy hiện ra sao?

– Tâu phụ hoàng, khi lên trấn nhiệm, con thấy Tống yếu quá. Còn Đại lý thì bị Mông cổ chiếm. Bọn Mông cổ không để ý đến những khu đất mà dân không đông, tài nguyên chẳng có gì. Thần nhi nhân đó tiến quân vào, đặt đồn lũy kiểm soát, bổ nhiệm quan cai trị.

– Ta có đọc tấu chương của con. Trước đây Tống mạnh, họ cắt những khu đất hoang ở vùng ba biên giới cho bọn trộm cướp. Con phải nhân dịp ta mạnh, chống Mông cổ ở phía Nam cho Tống, đặt vấn đề với Tống, bắt Tống buông chúng, nhân đó ta tiến quân vào giết bọn tướng cướp, lập thành khu động phiên dậu cho ta.

– Con đã làm được một phần, đang làm một phần. Những châu, trang, động đó, con cho họ tự trị. Con chỉ kiểm soát tổng quát mà thôi. Vì vậy trong trận đánh vừa qua, Mông cổ tràn về Thăng long, coi thường các trang, động này. Chúng đâu ngờ họ chính là những đội quân gây cho Mông cổ muôn vàn khó khăn ; đường tiếp vận của Mông cổ không qua vùng đất của họ được. Mông cổ muốn đánh các trang động này, còn khó hơn đánh vào các xã ấp của ta. Khu mật viện Bắc biên luôn cho Tể tác thu lượm tin tức đầy đủ. Khi hội với Tống, con sẽ chiếm được thượng phong.

Nguyên Phong hoàng đế ngồi thẳng dậy, ngài ban chỉ bằng giọng nói hết sức tha thiết :

– Có ba khu vực, mà thời Lĩnh Nam thuộc cương thổ Việt, bây giờ một thuộc Đại lý, hai thuộc Tống. Khu vực tiếp giáp với Bắc cương của con là châu Chiêu dương. Khi anh hùng Tượng quân nổi lên lập ra nước Đại lý thì châu Chiêu dương thuộc Đại lý. Hiện dân chúng khu này bảy phần Việt, ba phần Hán. Con phải nhân Đại lý hàng Mông cổ. Mông cổ không có quân đóng ở đây ; mà tiến quân tái lập nền cai trị thành cương thổ Đại Việt.

– Con sẽ hết sức làm.

– Hai khu thuộc Tống gai góc nhất là châu Văn sơn, Khâu Bắc. Hai châu này nằm ở Bắc Chiêu dương, cách xa Bắc cương của con đến hơn 200 dặm (100 km). Thời Lĩnh Nam thuộc Giao chỉ. Khi vua Trưng tuần quốc, thì Hán cho thuộc Tượng quận, rồi bây giờ thuộc Quảng Tây lộ của Tống.

– Aáy a ! Khó , quá khó ! Vì hai châu này được coi như một nước, chịu sắc phong của Tống. Hiện chúng hàng Mông cổ. Mông cổ có một Thiên phu đóng ở đây.

– Khó cũng phải làm cho được. Hai châu này đất đai trù phú. Trước kia là đất hoang. Tống đã cho bọn thổ phỉ họ Thân khai hoang, xưng là giòng dõi vua Lý Nhân Tông. Chúng lập thành triều đình, gửi người về nước chiêu dụ con cháu họ Lý, chiêu dụ bọn vong mạng, bọn đầu trộm đuôi cướp lập hai khu thành một vương quốc. Dân số hiện lên tới hai mươi vạn người. Quân bộ của chúng tới

năm vạn, quân kị năm nghìn. Trong trận đánh vừa rồi, bọn này gửi tới hơn vạn thổ phỉ theo giúp Mông cổ.

Nhà vua nhấn mạnh :

– Khi điều đình với Tống, ta đang ở thế mạnh : ta nói cho họ biết bọn giặc họ Thân được Tống cứu mang bấy lâu mà bây giờ chúng phản Tống, theo Mông cổ. Chúng như thanh gươm kề vào hông Tống. Ta yêu cầu Tống nhắm mắt để ta đánh bọn thổ phỉ cho Tống. Ta hứa trao cho họ hơn nghìn cao thủ võ lâm, ta lại đang tập hợp Hoa kiều thành một hiệu binh gửi sang trợ Tống. Dù Tống đồng ý hay không, ta cũng tiến quân vào diệt bọn thổ phỉ, sau đó ta sát nhập hai châu trở về với cương thổ Đại Việt.

– Thần nhi sẽ làm hết sức mình.

Tuyên phi chỉ vương phi Ý Ninh :

– Con có người vợ thế này thì con phải hứa với phụ hoàng rằng con sẽ thực hiện được việc thu hồi đất tổ ; chứ không thể hứa làm hết sức mình.

– Thần nhi tuân chỉ của mẫu thân.

Tuyên phi tháo sợi giây chuyền có mang tượng Quan Thế Âm, mà nhà vua ban cho phi trong buổi gặp mặt đầu tiên đeo vào cổ con dâu:

– Đây là bảo vật phụ hoàng ban cho mẹ trong buổi sơ giao. Mẹ cho con, để vạn dặm trên đường bảo quốc, con sẽ được Quan Âm phù hộ. Hôm nay mẹ đã làm cơm cho các con ăn. Cơm chẳng có cao lương mỹ vị gì đâu: cà pháo mắt tôm, canh cua nấu với rau đay, rạm rang và chả rươi.

Phi dặn Vũ Uy vương :

– Vừa rồi Mông cổ vào Thăng long, chúng truy lùng bắt đi rất nhiều danh ca. Quán văn Tây hồ bị bắt 4 người. Quán Văn miếu mất 11 người. Quán Ngocị thụ bị 3 người. Quán Nghi tầm bị 8 người. Quán Tô lịch đau xót nhất, Tô lịch thất tiên bị bắt rồi mất tích. Khi con đi sứ hãy để tâm nghe ngóng xem có tin tức gì không. Nếu có, tìm mọi cách cứu các nàng đem về.

Sứ đoàn chính thức gồm năm người, Vũ Uy vương Trần Nhật Duy, vương phi Trần Ý Ninh, Vũ Sơn hầu Tạ Quốc Ninh đi bằng ngựa. Đoàn tùy tùng do Đô thống Trần Quốc Kinh (*Dã Tượng*), *Nguyễn Địa Lô chỉ huy 30 Thiết kị Long biên hộ tống, 25 mã phu, đầu bếp, mười xe song mã chở y phục, vật dụng, lương thảo. Tất cả hướng bến đò Bắc ngạn.*

Giữa lúc sứ đoàn đang chuẩn bị lên đường thì chú của Nguyễn Địa Lô từ trần. Vũ Uy vương cho Lô về chịu tang, rồi lên đường sau.

Vương phi Ý Ninh xin phép vương đi Thiên trường, đến chùa Thần quang bái biệt sư phụ là Bồ tát Vô Huyền. Ngựa dừng vó ở cổng chùa, đã có một nữ đệ tử đón :

– Sư tỷ. Sư phụ đang chờ sư tỷ ở bảo điện.

Ý Ninh trở lại nơi nàng từng tu, từng học mấy năm liền. Từ hồi tuân chỉ sư phụ, cùng anh trấn thủ Phù Lỗ, phải rời chùa, thâm thoát đã hơn năm. Bây giờ trở lại đất cũ : cảnh vẫn như xưa. Lòng tưởng nhớ sư phụ, phi rào bước đến bảo điện, đẩy cửa bước vào. Sư phụ ngồi trên tấm bồ đoàn bằng rơm rất dày. Phi quỳ gối thỉnh lễ :

– Đệ tử bái kiến sư phụ.

Vô Huyền chỉ chiếc bồ đoàn nhỏ bên cạnh ngài :

– Con ngồi đó đi. Có phải triều đình sai Nhật Duy đi làm con tin Mông cổ không ?

– Dạ ! Đúng như sư phụ dạy.

– Có phải Mông cổ đòi Đại Việt phải chịu sáu điều không ? Sáu điều đó ra sao ?

– Trình sư phụ sáu điều là :

Một là đích thân quốc vương phải vào chầu,

Hai là đem trưởng nam làm con tin,

Ba là kê biên dân số,

Bốn là phải chịu quân dịch,

Năm là phải nộp thuế, lương thảo.

Sáu là nhận Đạp lỗ hoa xích (Đa gu ra tri) .

Bồ tát cười:

– Bọn Mông cổ ngông cuồng thực. Vừa bị đánh tan tác, mà chúng còn muốn dương oai. Ta chắc lão Thủ Độ sẽ không chịu bất cứ điều nào. Còn triều đình cử Nhật Duy với con đi với mục đích khác phải không?

– Sư phụ thực minh kiến.

– Triều đình cử một sứ đoàn đông đảo như vậy, chi tiêu tốn kém lắm. Riêng con, lúc ta cho con xuất chùa, trong túi có không quá hai quan tiền. Tiền đó, chỉ đủ cho con ăn quà không quá một tháng. Vậy từ hồi ấy đến giờ con lấy gì mà chi tiêu?

– Hồi trấn thủ Phù lỗ con không có dịp tiêu tiền. Sau khi rời Phù lỗ, con với anh Duy yết kiến phụ hoàng trên con thuyền. Người ban chỉ cho chúng con thành vợ chồng. Chúng con bái lạy phụ hoàng, hướng về Thiên trường bái lạy liệt tổ Đông A, bái lạy sư phụ, rồi rời thuyền, lăn xả vào cuộc chiến 10 ngày, 11 đêm ngăn không cho giặc về Thiên trường. Nên cũng không có dịp tiêu tiền.

Vô Huyền bật cười:

– Trong lịch sử Đại Việt chưa từng có một cặp trai gái nào lấy nhau kỳ lạ như vợ chồng con. Không bái thiên địa, cũng chẳng lễ Tơ Hồng. Không một chung rượu, chẳng một miếng thịt cho lễ cưới. Ta chắc động phòng ít ra vài ngày sau!

– Dạ, 18 ngày sau, khi chúng con tái chiếm núi Côi!

– Khi một hoàng tử cưới chánh phi, thì triều đình ban cho vàng ít ra ngàn lượng, còn ngọc, ngà, châu báu. Ta chắc con không được gì!

– Trong lúc phụ hoàng ban chỉ chúng con thành vợ chồng trên con thuyền, người chẳng còn gì! Hết giặc, quốc khố trống rỗng. Cho đến lúc này người cũng không còn gì mà ban cho.

– Con phải nhớ nhé:

Con không chê cha khó,

Chó không chê chủ nghèo.

Con với Nhật Duy đừng vì không được ban vàng ngọc mà oán phụ hoàng.

– Dạ!

– Khi rời ta đi trấn Phù lỗ, ta thấy con có đeo hoa tai, kiềng, vòng ngọc. Thế sao bây giờ trên người con không còn gì?

– Dạ! ?Nữ trang đó con ban thưởng cho mấy nữ tướng nguời binh rồi!

– Từ cổ chí kim, ta chưa từng thấy một vương phi nào, trên người không một chút nữ trang. Thế phụ hoàng phong cho con tước gì?

- Dạ Thạc hòa, Minh đức, Trang duệ, Vũ thắng công chúa. Cho hưởng 300 mẫu ruộng.
- Thế ruộng ấy con thu tô ra sao?
- Thưa! Con không thu tô, cho tá điền nghèo cấy.
- Đức con cao quá! Xứng đáng học trò của ta. Còn chồng con?
- Từ hồi Tống trấn Bắc cương anh ấy được phong:

Thái tử thiếu bảo,
 Đồng bình chương sự,
 Phụ quốc thượng tướng quân,
 Tước Vũ Uy vương, trao cho trấn ngự Bắc cương.
 Thực ấp Vạn hộ.

Nhưng anh ấy thu thuế rất nhẹ, dùng tiền để trả lương cho các quan phủ Vũ Uy. Vợ chồng con chi tiêu bằng bổng Phụ quốc thượng tướng quân.

– Bổng đó thì ăn uống dè sẻn lắm mới đủ. Thôi hôm nay ta cho con ít vàng, để trên đường đi sứ không túng thiếu.

Ngài gọi một ni sư:

- Con xuất cho Ý Ninh 100 nén vàng (1 nén=10 lạng).

Ý Ninh lập tạ sư phụ. Vô Huyền ban chỉ :

– Con đi kỳ này sẽ có nhiều khó khăn. Sư phụ đã chuẩn bị cho con một đội Mê linh kiểm trận, gồm 6 nam, 6 nữ. Chúng đều biết làm bếp. Chúng sẽ giả làm đầu bếp của sứ đoàn.

Ý Ninh bái biệt sư phụ, cùng 12 sư đệ, sư muội lên đường.

Thời Trần, thành Thăng long có năm cửa, bởi vậy trong bài ca dao Đố ai đã đặt câu hỏi :

Thành nào năm cửa chàng ơi ?

Do ảnh hưởng của ca dao, sau này thi sĩ Vũ Hoàng Chương làm cửa ô với cửa thành, ông có câu thơ nhắc lại Hà nội có năm cửa ô như năm cánh ngôi sao. Hồi 1954, Văn Cao lại cũng làm lẫn cửa ô với cửa thành trong bài hát Tiến về Thủ đô có câu Năm cửa ô đoàn quân tiến về.

Tại bốn cửa chính của thành Thăng long có tượng bốn vị thần trấn thủ. Hướng Bắc gọi là Kinh bắc, ngày nay bao gồm Bắc ninh, Bắc giang cho tới Lạng sơn, Cao bằng. Trấn đông gồm Hồng châu thượng, Hồng châu hạ, nay là vùng Hải dương, Hưng yên, Hải phòng. Trấn nam gồm Sơn nam thượng, Sơn nam hạ, nay là Nam định, Hà nam, Thái bình. Trấn Đoài gồm Hà đông, Hưng hóa, Hòa bình, Sơn tây.

Kinh thành có 24 cửa ô, là cửa ngõ có đường thông ra bốn trấn. Ngày nay chúng ta còn nghe nhắc tới những tên như cửa ô Yên hoa (nay là Yên phụ), cửa ô Thạch khối (nay là Thạch tân), cửa ô Quan chưởng.v.v.

Bến đò Bắc ngạn nổi Thăng long với Gia lâm, nằm trên bờ sông Hồng. Nay ở phía Nam và Bắc cầu Long biên Hà nội. Bến đò cắt ngang con đường Cái quan, giao thông giữa Thăng long với Kinh Bắc; giữa miền Nam với miền Bắc Đại Việt. Cho nên dọc hai bên bờ, hàng quán, nhà trọ nổi dài đến hai ba dặm (1 km- 1,5km), cung ứng nhu cầu ăn uống, chuyên chở, giải trí cho khách đi đường xa; và cũng là nơi bán các sản vật địa phương. Bến Bắc ngạn quanh năm nhộn nhịp, dưới sông có hằng mấy trăm con đò chở người, chở vật sang sông. Lại có những bang hội vận tải, chở khách từ Thăng long đi nội địa như Thiên trường, Kinh bắc, Tiên yên, Thanh hóa, Nghệ an và sang Trung nguyên, Chiêm

thành. Trên mỗi con thuyền lớn chở khách sang sông, đều có những nghệ nhân tấu nhạc, ca hát giúp vui. Các nghệ nhân này sống nhờ tiền tặng của thánh giá. Gọi là Xẩm.

Sứ đoàn không qua sông bằng dân thuyền, mà được vận chuyển bằng hai chiến thuyền của Thủy đội Thăng long. Với 59 người ngựa thêm hàng chục xe song mã cần tới 10 lượt. Cuộc vượt sông ít ra phải nửa buổi. Vũ Uy vương ra lệnh cho Dã Tượng chỉ huy đoàn tùy tùng vượt sông trước. Còn sứ đoàn sẽ sang sau.

Vừa hết chiến tranh, mà khu Bắc ngạn đã phục hồi. Mấy tháng trước, Kị binh Mông cổ không thể nào qua sông, vì dân chúng tuân theo lệnh triều đình, dẫu ghe thuyền vào các kinh lạch. Nhưng nào ngờ tám bang hội Hoa kiều theo giặc, chúng tình nguyện chở quân sang sông. Chúng còn hiến kế cho giặc: dùng cường lực đến từng nhà chủ đồ bắt chở quân qua sông, bằng không sẽ đốt cháy hết các dãy nhà hai bên bờ. Biện pháp này quả thực hiệu nghiệm, quân Mông cổ qua sông, vào Thăng long, do vậy nhà cửa hàng quán Bắc ngạn còn nguyên. Giặc vừa rút khỏi Thăng long, thì các cửa hàng buôn bán lại mở cửa đón khách nhộn nhịp hơn xưa.

Quân dân đời Trần rất gần nhau. Người dân thấy đoàn người-ngựa, gươm-đao, giáp-trụ sáng choang, hằng chục xe song mã qua sông; họ hướng mắt nhìn bằng vẻ thân thiết, rồi tránh sang vệ đường vẫy tay chào. Đám trai tráng còn bỏ công việc hàng quán, ra giúp quân, phụ mã phu đẩy những cỗ xe nặng nề.

Sứ đoàn đi sau đội Kị binh. Vũ Uy vương, Dã Tượng mặc quần áo nâu như nông dân. Tạ Quốc Ninh mặc như một nho sĩ. Vương phi mặc võ phục của đệ tử phái Mê linh. Người ngoài cuộc tưởng bốn người với đội hộ vệ là hai nhóm người khác nhau.

Những đứa trẻ chào mời khách thấy bốn người cỡi ngựa thì ào tới nắm dây cương:

– Các ông ơi mua mía đi, mía ngọt lắm.

– Các chú ơi, mua bánh gai đi. Bánh gai Thiên trường vừa thơm vừa ngọt.

Cô bán bún chả tuổi khoảng hai chục, tay quạt, tay trở những xâu thịt:

– Mời khách quan xơi bún chả đi. Bún chả Thăng long thơm ngát, béo ngậy đi.

Một bà tuổi trên dưới bốn chục, ngồi trong quán đơn đũa:

– Chả rươi Thiên trường đi, rươi tươi làm với trần bì chính tông, thơm ngon tuyệt trần. Không ngon, không lấy tiền.

Ngay sát mé sông là một Quán văn với tấm bảng sơn son thiếp vàng có bảy chữ:

Thiên Thư thánh văn tụng phú quán,

(Quán sách trời, nơi đọc văn, tụng phú)

Nét chữ sắc như gươm. Trước quán bày mười cành đào, mấy chậu cúc Vạn thọ, mấy chậu quất trái vàng óng ánh, hai ba cái vại lớn thả cá chép vàng. Giữa quán có một bàn thờ giản dị, một bài vị với bảy chữ:

Liệt tổ Đại Việt chi linh vị,

Cạnh bài vị, một lư hương, khói bốc nghi ngút. Trên bàn thờ bày la liệt sách, có khổ lớn, có khổ nhỏ, có sách dày, có sách mỏng. Trong quán có hỗn hàng ghế, mỗi hàng năm ghế. Mỗi ghế ngồi được năm người. Khách khoảng gần trăm, đủ loại già, trẻ, nam nữ đang uống trà, nghe thầy đồ kể truyện.

Trên một vách ngang treo khá nhiều bút thiếp, vách đối diện treo hai cây cung của Mông cổ, một thanh đao, một thanh kiếm. Lại có chiếc sập, với năm nhạc công, một ca nhi ngồi chờ tấu nhạc.

Một trung niên nam tử, trang phục như nho sĩ, dường như là chủ quán, đứng trước cửa, tay cầm cành đào, hoa nở đỏ rực:

– Hoa đào Thụy khuê đây. Đào nở mừng chiến thắng Đông bộ đầu này. Mời quý khách vào quán trước xin xâm đầu năm, sau nghỉ chân, ngắm hoa, nghe thơ, thưởng thức âm nhạc.

Thấy sứ đoàn, anh ta mở to mắt nhìn, chau mày phỏng đoán, phân biệt xem bốn người là loại người nào? Nhưng dường như anh ta không đoán ra được.

Vương phi Ý Ninh thấy vui vui hỏi anh ta:

– Này anh! Anh mời chúng tôi mua hoa đào hay nghe âm nhạc? Anh cho biết cao danh quý tính đi!

Thấy một phụ nữ trẻ lưng đeo kiếm, mặc võ phục, anh ta trả lời với ngôn ngữ khách khí:

– Thưa phu nhân kẻ hèn này chỉ là một nho sinh, thì làm gì có danh mà cao, có tính mà quý. Xin phu nhân cứ gọi là Nho Lâm đi. Kính mời phu nhân vào quán xơi nước, trước nghe hát, sau mua đào.

– À! Thì ra anh cũng thuộc hàng tao nhân, mặc khách đấy. Tôi hỏi anh câu này nhé: hoa đào là hoa đào, cứ xuân đến thì đào nở, tại sao anh bịa ra rằng hoa đào nở mừng chiến thắng Đông bộ đầu? Anh nói điều rồi.

Tất cả khách trong quán thấy có cuộc trao đổi thanh nhã, đều im lặng hướng mắt ra ngoài theo dõi.

Nho Lâm chấp tay vái dài:

– Thưa phu nhân, mọi năm phải cuối tháng giêng thì đào mới nở. Thế mà hôm nay là ngày rằm, đào đã trổ hoa rực rỡ thế này đây! Như vậy là hoa nở để chào mừng chiến thắng, thực rõ ràng. Giá ba đồng một cành. Tôi không hề nói điều.

Vương phi móc túi trao cho Nho Lâm ba đồng, rồi tiếp lấy cành đào:

– Ừ thì anh không nói điều. Nhưng anh nói sai rồi. Đại Việt chúng ta chiến thắng bảy trận: Thảo nguyên, Bình lỵ nguyên, Phù lỗ, Cự bản, Thăng long, Đông bộ đầu, Đồng văn. Trong đó Đông bộ đầu chỉ là một trận thôi. Vậy đào nở để mừng chiến thắng toàn quốc mới phải chứ!

Nho Lâm mỉm cười cố cãi:

– Dạ thưa phu nhân, trong bảy trận, thì sáu trận lúc đầu ta thua, sau mới thắng. Chỉ duy trận Đông bộ đầu là ta toàn thắng mà không bại. Đây là Thăng long mà, Đông bộ đầu thuộc Thăng long nên thần sông Tô lịch, Thần hồ Tây, thần Trấn quốc sai đào nở sớm mừng chiến thắng Nam quốc sơn hà Nam đế cư đấy. Có phải không phu nhân? Còn một loại đào nở mừng chiến thắng toàn quốc nữa kia! Đó là đào Nguyên Phong.

Vũ Uy vương thấy Nho Lâm nói năng văn vẻ thì cùng vương phi, Tà Quốc Ninh, Dã Tượng vào quán. Một tiểu đồng bưng nước mời khách, nó chỉ một ghế trống:

– Kính mời quý khách an tọa. Quý khách xơi nước muông đi. Nước muông vừa thơm, vừa dễ ngủ.

Vương phi thấy tiểu đồng dễ thương quá, phi tát yêu nó rồi tặng cho mười đồng tiền:

– Cô mừng tuổi cho con này! Trong quán con có những nước gì?

Tiểu đồng khoanh tay cúi đầu:

– Thưa cô có các loại nước sau đây: Nước vối hơi đắng ngủ ngon, dễ tiêu. Nước chè tươi tỉnh trí, lợi tiểu. Nước gạo rang với gừng khô ấm bụng. Nước pha con lầy trong giếng đáy. Chứ nước sông Hồng thì hôi, tanh lắm.

– Sao thế?

– Dạ cách đây hơn tháng, trong trận Đông bộ đầu, người ngựa Mông cổ bị quân ta giết, xác trôi đầy sông. Nước sông dơ bẩn, cho đến nay cũng chưa sạch.

Vương hỏi Nho Lâm:

– Đào Nguyên Phong nở mừng chiến thắng toàn quốc đâu? Nếu anh có loại đào đó đưa ra đây tôi xin mua hết!

– Xin khách quan giữ lời hứa nhé!

Cả quán cùng ồ lên một tiếng, theo dõi.

Nho Lâm phát tay. Tiếng nhạc vang lên. Một cô gái tuổi khoảng 17-18, áo cánh nâu, váy lụa đen cất tiếng hát. Cô có đôi môi hồng, làn da trắng mịn, ánh mắt sáng ngời, hai má lúng đồng tiền đỏ au. Tay cô cầm cặp chũm chọe, vừa hát vừa đánh, đầu gật gù, cái đuôi gà càng thêm duyên dáng. Cạnh cô, là năm nhạc công. Một người đàn ông đánh trống cái, một người khuya chiêng, một người kéo nhị, một người thổi sáo. Một người đàn bà trung niên bật trống cơm. Mọi người im lặng thưởng thức bản nhạc. Đó là bản nhạc chiến thắng mới được sáng tác ngay trong đêm vây Mông cổ tại Đông bộ đầu.

Tay bưng bát nước muông nóng, vương lắng tai thưởng thức âm điệu hùng tráng. Khi thì như tiếng gươm, tiếng giáo chạm nhau choang choảng. Khi thì như muôn ngàn tiếng quân reo, ngựa hí. Khi thì rầm rập như vó ngựa phi. Tất cả cử tọa đều bị tiếng đàn, tiếng hát khiến máu trong người chạy rần rập. Rồi không ai làm chủ được mình, tay múa, chân dậm, hò hét theo. Công lực cao thâm, thần trí cực mạnh như Vũ Uy vương, vương phi, Tạ Quốc Ninh, Dã Tượng mà cũng hòa theo, hát với thanh âm hùng tráng.

Từ hồi thơ ấu vương từng được nghe đội nhạc Hoàng cung tấu, được nghe mẫu thân hát đủ mọi điệu hát dân gian cũng như cung đình. Vương còn được học xử dụng tất cả các nhạc khí Đại Việt, vì vậy vương nhận ra năm nghệ nhân đều là những người tài hoa khó kiếm.

Bản nhạc dứt, cô gái ngừng hát, ngừng múa, mồ hôi lấm tấm trên trán, sắc mặt đỏ tươi, càng tăng thêm vẻ đẹp của cô. Người người rùng rục như vừa uống một chung rượu.

Vương phi Ý Ninh hỏi:

– Này cô em! Bài hát vừa rồi rõ ràng là bài Đông bộ *đầu trăm Thát đất (Giết Thát đất tại Đông bộ đầu)*. Sao *nhịp điệu lại* thay đổi đi khá nhiều vậy?

– Dạ, quả là bản nhạc đó, nhưng em đổi đi một chút cho thêm hùng khí.

Chợt vương phi Ý Ninh thấy sau chỗ cô gái ngồi có mấy chữ Nôm:

"Thanh Nga, mười tám mùa xuân, tìm người cùng tát biển Đông".

Phi đưa mắt nhìn vương rồi dùng lăng không truyền ngữ nói với vương:

– Anh có chú ý giọng chữ không? Thì ra cô gái này tên Thanh Nga, 18 tuổi. Cô không phải con hát, mà ra đây tuyển phu.

Chú giải,

(1) **Quốc tử giám, Đại học Hoàng gia, được thành lập** đầu tiên vào thời vua Lý Nhân Tông (1070), để dạy con, cháu nhà vua, con các đại thần. Trường cũng dành cho những học sinh ưu tú ngoài dân dã vào học, chuẩn bị thi Thái học sinh (Tiến sĩ). Học chế đời Trần như sau: mỗi làng, xã đều có thầy đồ dạy học hoặc ăn lương vua, hoặc không. Những học sinh xuất sắc làng-xã được tuyển vào học tại trường phủ-huyện. Mỗi phủ-huyện có một hay hai học đường. Học đường thiết lập ngay trước nha môn (văn phòng huyện). Nhà vua ban sắc chỉ bổ nhiệm những nho sĩ có văn tài lĩnh chức Huấn đạo phụ trách học đường. Chức Huấn đạo uy quyền rất lớn, ngang với quan phủ-huyện. Thầy dạy tại học đường song song với vị Huấn đạo, còn có rất nhiều các thầy của làng xã. Vị Huấn đạo ngoài việc phụ trách giảng dạy học sinh, còn trách nhiệm trông coi việc thi hành giáo dục dân chúng, bảo vệ luân lý, lễ nghi, phong tục trong quần hạt.

Những học sinh phủ-huyện giỏi, được tuyển vào Quốc tử giám học, chuẩn bị thi Thái học sinh. Học sinh học Quốc tử giám được triều đình nuôi, đài thọ ăn ở. Khu Quốc tử giám nay là khu Văn miếu Hà nội.

Quốc tử giám tế tửu, tức Viện trường Đại học hoàng gia. Thường thì quan Thái phó kiêm nhiệm.

Kinh diên quan, giáo sư trường Quốc tử giám. Vị này còn phụ trách giảng sách cho nhà vua. Tức ông thầy của vua.

Đại tư, chức quan đời Trần, do dân một xã bầu lên, rồi được triều đình ban sắc công nhận. Tương đương với ngày nay là chủ tịch hội đồng nhân dân xã. Hưởng lương xã.

Câu đương, chức quan đời Trần coi về phòng vệ, an ninh xã. Chức này do quan phủ hay huyện bổ nhiệm. Tương đương với ngày nay là chỉ huy dân quân xã. Hưởng lương xã.

Hồi thứ năm mươi ba

Anh-hùng Lĩnh-Nam

Vương dùng Lăng không truyền ngữ hỏi lại:

– Sao em biết cô ấy tuyển phu?

– Anh không thấy sao? Cô ấy tìm người cùng tát biển Đông, chữ này lấy ý trong câu tục ngữ: Thuận vợ, thuận chồng *tát biển Đông cũng cạn*.

– Anh chưa học chữ Nôm thành ra đọc không hết 12 chữ kia. Anh đọc được chữ thanh, còn chữ Nga thì nào có biết! Em thử hỏi xem cô ca nhi này có đúng tên Thanh Nga không? Biết đâu Thanh Nga là người khác, không có mặt ở đây thì sao?

Vương phi hỏi cô gái:

– Này cô em! Bây giờ em hát một bài nhẹ nhàng đi.

Cô gái đưa mắt cho ban nhạc, một người đánh trống mảnh, một người kéo nhị, một người thổi sáo, một người đánh đàn bầu. Người đàn bà vẫn bật trống cơm. Cô gái gõ phách, rồi cất tiếng hát. Mở đầu là bốn câu thơ lục bát, cô hát theo điệu ru em mượt mà. Hết bốn câu, cô đổi sang điệu hát rất lạ, rất êm dịu.

Bản nhạc hết, vương phi Ý Ninh hỏi:

– Em ơi! Bài hát vừa rồi theo điệu gì vậy? Tôi chưa từng nghe qua.

Cô gái nhoẻn miệng cười, đôi mắt có đuôi càng thêm duyên dáng:

– Thưa đó là điệu hát Xẩm đấy ạ.

Phi khen:

– À, xung quanh tôi người ta nói đến hát Xẩm hoài, bây giờ tôi mới được nghe em hát. Em hát hay thực, bỏ xa các ca nhi mà tôi từng được nghe. Này em, hát Xẩm là điệu hát dành cho người nghèo, xin tiền. Em có nghèo đâu mà cũng hát Xẩm? Em đẹp lồ lộ, tươi thắm như hoa đào, hoa lý (mận) thì phải gọi là hát Đào hoa, hoa Lý hoa mới đúng.

Cô gái cười, ánh mắt lung linh như nước hồ thu, chắp tay vái vương phi:

– Thưa phu nhân, hát Xẩm là điệu hát dân gian, không biết ai là tác giả, có từ bao giờ. Thế nhưng người ta cứ phong cho Trương Chi là tác giả. Trương Chi là nhạc sĩ tài hoa thời vua Hùng. Nếu đúng như thế thì hát Xẩm có từ thời vua Hùng.

Tạ hầu xen vào:

– Tuy đến nay sử sách không ghi rõ ràng, nhưng trong bộ Lĩnh Nam mật sử, phần Bắc bình vương thế gia chép rằng hồi niên thiếu, khi vương qua bến đò đi Cổ loa thì gặp một cặp vợ chồng hát Xẩm tên là Chu Thổ Quan. Như vậy hát Xẩm ít nhất có vào thời vua Trưng (39-43 sau Tây lịch).(1)

Dã Tượng thấy cô gái quá trẻ, xinh đẹp mà kiến thức rộng, chàng hỏi:

– Cô ơi, tại sao tại các con đò qua sông, trước các đền chùa, nhất là ngày mùa, tôi thấy người hát Xẩm đều nghèo, đi xin ăn. Mà ở đây cô cũng là Xẩm, vậy cô là Xẩm giàu, Xẩm đẹp sao? Cô đẹp thế kia mà đi hát Xẩm thì nên gọi là Xẩm tiên nga mới đúng.

– Anh đặt câu hỏi như vậy thì anh từng nghe hát Xẩm nhiều rồi. Em đâu phải Xẩm. Xẩm chỉ là một điệu hát thôi. Còn em, em biết hát tất cả các điệu hát Đại Việt như Quan họ, Đò đưa, Ả đào, Sa mạc. Lại còn hát Lý, hát chầu trâu.

Xuất thân là mục đồng chăn trâu, rồi thành tướng Ngưu binh, Dã Tượng thuộc hàng trăm bài hát Nghêu, hát đồng, hát gheo, hát gọi, hát đố. Chàng rút ống sáo đeo trước ngực ra thổi theo điệu Hát Nghêu. Lập tức cô gái cất tiếng hát theo:

Hôm nay trời nắng, gió êm,
Cỡi trâu, gõ sừng, ấy a, ta quên nhọc nhằn.

Dã Tượng khen:

– Giọng cô tốt quá. Thế tôi hỏi cô câu này nghe: tại sao thì Xẩm hầu lại gồm tất cả các điệu Quan họ, Ả Đào, Hát lý, Hát trống quân?

– Anh ơi, Hát Xẩm là điệu hát dân gian. Vì vậy Hát Xẩm rất phong phú có thể dùng tất cả thể loại thơ văn biến ra. Như bài hát Đông bộ đầu giết Thát đất, từ nguyên tác em có thể biến thành điệu hát Xẩm, nhưng không còn hùng tráng nữa. Bây giờ em xin hát một bài hát Ả Đào, mời anh nghe.

Nàng phất tay, rồi gõ phách, các nhạc công cùng tấu nhạc hòa lẫn vào nhau, nàng cất tiếng hát:
Lĩnh-Nam là đất anh hùng,

Vua Bà ngự trị, một lòng thương dân.
Mê-linh khởi nghĩa,
Ánh trăng soi, lửa chiếu đến ngang trời.
Vua Bà cầm bảo kiếm, quyết một lời:
Thề đem sức, giúp đời dành tự chủ.
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,

Lưu thủ đan tâm chiếm hãn thanh.(2)

*Khi đuổi giặc, rồi thì đất tổ thái bình,
Đem tất cả hùng tài dựng lại nước.*
Tài không thiếu, đức cũng đủ, dư thừa phương lược,
Chỉ hiềm vì, thế nước đã suy vi,
Cầm-khê sóng cả bốn bề,
Anh hùng gieo xuống, hồn về cõi tiên.
Nghìn năm lịch sử ghi tên.

Tạ hầu cười:

– Cô ơi! Cô hát hay quá. Nhất là hai câu mười cô lên cao đến như vậy, tôi chưa từng nghe qua. Điệu hát vừa rồi là điệu hát Ả Đào còn gọi là Ca trù. Còn nội dung bài hát là nói về cuộc khởi binh của vua Trưng. Đâu phải hát Xẩm?

Cô gái lại gõ phách, năm nhạc khí lại tấu lên, cô biến bài Ca trù thành điệu hát Xẩm.

Dã Tượng vỗ tay xá cô gái:

– Tuổi cô còn trẻ, mà tài thì lại cao, nhất là cô làm chủ một tấm nhan sắc tươi như hoa, thanh thoát như cỏ non đầu xuân. Xin bái phục.

Vương phi Ý Ninh móc trong bọc ra một nén bạc, nắm lấy tay ca nhi, bỏ vào, mỉm cười:

– Chị biểu em đấy. Em hát hay, lại xinh đẹp thế này. Nếu chị là trai, chị quyết xung vào đội quân Bắc cương đánh giặc lập công. Đức vua ban cho chức tước gì chị cũng không nhận. Chị chỉ xin cưới em làm vợ thôi. Được làm chồng em, thì lệnh vua bảo chị xung vào trăm nghìn đao kiếm, vạn vạn mũi tên chị cũng sẵn sàng.

Nói rồi tay trái phi nâng cằm cô gái, tay phải sẽ tát yêu một cái.

Một nho sinh khá lớn tuổi ngồi trong hàng ghế đầu tiếp lời:

– Nhưng nay giặc bỏ chạy rồi, thì dù có muốn làm anh hùng giết giặc cũng không dễ. Tôi e phải sang Mông cổ tìm giặc.

Một trung niên nam tử mặc võ phục cấp Tá lĩnh xen vào:

– Biết đâu giặc bị thua chạy về, chúng sẽ kéo cả ổ sang trả thù thì sao?

Thấy Nho Lâm đang ngậy người ra nhìn cử chỉ từ ái của phi. Vương hỏi y:

– Anh nói đào Nguyên Phong. Đâu? Đào mừng chiến thắng toàn quốc mang tên Nguyên Phong của anh đâu?

Anh ta chỉ vào hai má cô gái hây hây hồng:

– Thưa quan khách đây là hai chòm đào chiến thắng thời Nguyên Phong đấy ạ.

Anh ta lại chỉ vào vương phi :

– Hai chòm đào chiến thắng của phu nhân mới thực là đẹp. Tôi e xuất hết kho vàng thiên hạ cũng không mua được.

Tuy kiếm thuật thần thông, tuy được phong tước Hồng Đức, Trang Duệ, Vũ Thắng công chúa ; rồi trở thành vương phi, địa vị cực cao quý. Nhưng giữa Quán văn, được một nho sĩ ca tụng sắc đẹp của mình, phi cũng không dấu được nét hãnh diện, vẻ e thẹn. Người phi nóng bừng lên, càng tăng thêm vẻ diễm kiều. Phi hỏi cô gái :

– Em ! Em tên gì ?

– Thưa phu nhân, em tên Thanh Nga.

– À thì ra em đến đây treo bảng tuyển phu đấy.

– Sao phu nhân biết?

Phi chỉ vào tấm bảng có 12 chữ Thanh Nga mười tám *mùa Xuân tìm người cùng tát biển Đông*:

– Thì chị đọc tấm bảng này chứ đâu!

Một người trang phục như thương gia hỏi phi:

– Trên tấm bảng này tôi chỉ đọc được có mấy chữ *thanh, xuân, đông*. Còn 9 chữ kia tôi không đọc được. Đó là những chữ gì vậy?

– À đây là chữ Nôm. Toàn bảng là Thanh Nga 18 mùa *Xuân tìm người tát biển Đông*. *Thanh, xuân, đông* là chữ Hán, còn lại 9 chữ là chữ Nôm.

– Chữ Nôm à? Tôi chưa từng học qua.

Nho Lâm giảng giải:

– Thời Lĩnh Nam về trước, người Việt mình có chữ Khoa đầu, tượng thanh. Sau khi Mã Viện chiếm Lĩnh Nam, triều Hán sai thu tất cả sách viết bằng chữ Khoa đầu gồm mấy vạn bộ: kinh, sử, tử, tập, lại cấm dân chúng học chữ Khoa đầu. Thế là bao nhiêu văn minh, văn học, kinh điển Việt không còn nữa. Hiện nay trong nước không ai đọc được chữ này nữa. Gần đây các thức giả chế ra chữ mới gọi là chữ Nam, đọc trại đi thành chữ Nôm. Chữ Nôm dùng chữ Hán ghép lại mà thành. Hiện các khóa

sinh đều thi nhau học, nhưng chữ Nôm chưa có cấu trúc đầy đủ. Đã có rất nhiều danh tác bằng chữ Nôm.

Thanh Nga góp ý:

– Thưa quý khách, em nghĩ chữ Nôm phải có ít ra mấy trăm năm. Vì sử từng nói đến Bồ Cái đại vương. Đại, vương là chữ Hán. Còn bồ là chỉ cha, cái để chỉ mẹ là tiếng Việt. Lại nữa bài hát Ả Đào vừa rồi bằng chữ Nôm, được làm vào thời vua Lý Thái tổ (1010 – 1028). Vậy thì vào thời này chữ Nôm phải thịnh lắm rồi.

Dã Tượng trở lại với lời rao bán hoa đào. Chàng chỉ vào cành đào cắm trong bình, nở đỏ tươi hỏi Nho Lâm :

– Dĩ nhiên nhánh đào trên má Thanh Ngoan thì đẹp hơn cành đào này rồi. Nhưng sao anh lại bảo đào trên má thím tôi với đào trên má Thanh Ngoan là đào chiến thắng Nguyên Phong ? Nguyên Phong là tên của đức vua mà.

– Này quan khách ơi ! Nếu như các trận vừa rồi ta bại hết, thì các bà, các cô sợ xanh mặt ra, sao má có thể nở hoa ? Vì ta toàn thắng các bà các cô mới vui. Vui thì má đỏ au lên, tươi thắm hơn bao giờ cả. Còn tại sao danh sĩ trên toàn quốc gọi giai nhân mùa xuân này là đào Nguyên Phong ? Thưa quan khách, giai nhân khắp trời Nam mình, hỏi ai không là con của đức vua ?

Anh ta chỉ vào mấy thiếu nữ ngồi trong quán:

– Các cô này đều là con đức hoàng đế Nguyên Phong cả đấy!

Vũ Uy vương mỉm cười , móc túi trao cho anh ta một lượng bạc, rồi chỉ vào cành đào lớn nhất :

– Giỏi ! Tôi xin mua cành đào Đông bộ đầu này.

Dã Tượng chỉ vào ca nhi Thanh Nga :

– Tôi muốn mua hai cành đào trên má giai nhân này, anh bán bao nhiêu ?

Tất cả cử tọa cùng cười ồ lên.

Một người đàn bà dường như trên sáu mươi tuổi nói với Dã Tượng:

– Cành đào này nghìn vàng chưa dễ mua được. Cậu về đức nhà vàng đi rồi rước giai nhân cũng chưa muộn.

Thấy một thiếu niên thân thể hùng vĩ, nét mặt xạm đen, nhưng khôi ngô, hỏi câu đó, tim Thanh Nga đập thành thạch, muốn nghẹt thở. Nàng e thẹn cúi đầu xuống, đôi má đỏ rực lên, trông càng đẹp hơn. Nàng ước thầm:

– Giả như mình được làm vợ người này thì không uống tẩm hồng nhan.

– Hai cành đào trên má Thanh Nga này đẹp nhất Thăng long đấy cậu ạ.

Nho Lâm nói với Dã Tượng : kẻ phàm phu tục tử thì nghìn vàng cũng không bán. Còn người nào muốn rước hai cành đào trên má Thanh Nga phải thuộc loại ba có và ba không.

Tạ Quốc Ninh bật lên tiếng a lớn :

– Thì ra cô Thanh Nga ra Quán văn này để tuyển phu đấy. Hèn gì quán mang tên Thiên Thư. Chữ Thiên Thư lấy trong bài thơ đánh Tống của ngài Thái úy Lý Thường Kiệt thời Anh vũ Chiêu thắng (1075-1076). Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư . Tên quán đã có ý nghĩa chiến thắng, mà tên giai nhân còn có ý nghĩa hơn. Trong lịch sử ca nhạc của Đại Việt, kể từ đời Lý đến nay người ta thường lấy nghệ danh khởi đầu bằng chữ Thúy, Thanh, Hồng, Huyền. Quán văn phường Tây hồ có Thanh Hương, Thanh Hoài, Thanh Thúy, Hồng Yến. Quán văn Thụy Khê, Thụy Hương có Thúy Hoa, Thúy

Uyên, Thanh Thanh. Đó là những danh kỹ đời nay. Tôi biết từ xưa đến giờ ít ra mười người lấy nghệ danh là Thanh Nga. Mà Thanh Nga nào cũng khiến cho các danh sĩ thâm yêu, trộm nhớ. Nếu bây giờ cô tuyển được một đấng anh hùng cùng tát biển Đông thì trăm năm sau, nghìn năm sau không thiếu danh kỹ lấy tên Thanh Nga.

Nói đến đó trong lòng hầu lại quặn đau, tưởng nhớ lại năm trước hầu từng đến Quán văn Tô lịch dự tuyển phu của đệ nhất danh kỹ Hoàng Hoa, rồi nàng trở thành vợ của hầu. Giữa lúc vợ chồng đang hưởng tuần trăng mật, tình yêu mặn nồng, dạt dào thì Mông cổ tràn vào Thăng long. Hoàng Hoa bị chúng bắt đi mất, cho đến nay vẫn không có tin tức gì.

Nho Lâm chỉ vào mấy thiếu niên trẻ, trong đó có viên Tá lĩnh:

– Bấy vị này cũng đã ứng tuyển, nhưng không đủ điều kiện đấy.

Qua đối đáp của Tạ Quốc Ninh với Nho Lâm, Vũ Uy vương chợt nhớ lại truyện tình của phụ hoàng với vương mẫu. Trước kia, người Thăng long thường khinh khi những nghệ nhân, gọi họ là bọn xướng ca vô loài. Nhưng từ sau khi vương mẫu gặp phụ hoàng, rồi tiến cung, thì những người hát rong không còn bị coi rẻ nữa. Họ kết nhau lại thành phường, lập ra những Quán văn. Trên toàn quốc, các trấn, các phủ, danh sĩ thi nhau lập Quán văn. Một luồng gió Văn học, Văn nghệ như trăm hoa đua nở. Chủ quán thường là nho sĩ, hoặc các thầy đồ. Họ mượn những thiếu nữ xinh đẹp, hằng ngày đọc sách cho khách nghe. Văn nhân, danh sĩ thường đến các Quán văn nghe thiếu nữ đọc sách. Họ còn cùng nhau xướng họa thi phú, cùng đàm đạo thể sự, nghe hát. Những cô gái có nhan sắc đua nhau đi học hát, đến các Quán văn đọc sách, ca hát cho khách nghe, với ước mong tìm được người có văn học làm chồng. Nhiều cô treo bảng tuyển phu. Rất nhiều cô gái thuộc hàng dân dã, nhờ Quán văn mà một sáng, một chiều trở thành phu nhân, hay vợ những học sinh trường Quốc tử giám. Từ đấy Quán văn mọc lên khắp các phường, nghiễm nhiên trở thành nơi để các giai nhân tuyển phu. Cô bé Thanh Nga này không phải ca nhi bình thường, mà là người có lý lịch hằn hoi, ra đây tuyển phu.

Tạ hầu hỏi lại Nho Lâm :

– Nay anh ! Anh ra điều kiện tuyển phu cho Thanh Nga là ba có, ba không. Thế ba có là có gì ? Ba không là ba không gì ?

– Thưa quý khách! Trước hết hãy nói ba không. Một là *không có vợ*. Hai là *không bệnh tật*. Ba là *không trốn việc xung quân giữ nước*.

Hầu mỉm cười gật đầu:

– Hay! Trong đoàn của tôi, thì tôi đã có vợ, hơn nữa nhiều vợ; lại có nhiều con, nhiều cháu. Thế thì tôi bị loại rồi. Tiếc quá, cô đẹp thế này, để tôi nhận cô là cháu nội, rồi dẫn lên Bắc cương gả cho một anh hùng bình Mông. Cô biết không, trong trận vừa qua, tại Bắc cương có hơn vạn trai tráng được đức vua khen thưởng đã lập công giết giặc đấy. Cô tha hồ mà chọn. Người xưa nói:

Trai khôn tìm vợ chợ đông,

Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

Lập tức Thanh Nga biến hai câu ca dao thành điệu hát Trống quân. Tất cả khách trong Quán văn cùng vỗ tay tán thưởng.

Hầu nhìn Vũ Uy vương, rồi chỉ vương phi:

– Vị này vừa cưới vợ xong. Như vậy cũng bị loại mất rồi.

Thanh Nga được vương phi tỏ cử chỉ từ ái, nàng muốn kiếm lời đẹp để tạ lòng phi, mà chưa có dịp. Bấy giờ nhân câu nói của Tạ Quốc Ninh, nàng xen vào:

– Kể ra trai năm thê bảy thiếp là sự thường. Khách quan đây có thể tuyển thêm bốn thê nữa cho đủ năm, rồi tuyển bảy bà nữa làm thiếp cũng cứ được đi. Nhưng đại phạm khi có chính thê rồi, mà chính thê già, xấu, thì mới tuyển thiếp. Phu nhân đây tuổi còn quá trẻ. Nhan sắc thì e người đẹp như Tể tướng Phương Dung thời vua Trưng cũng không hơn. Em nghĩ khách quan phải sủng ái phu nhân đến chết. Chết rồi còn sủng ái e cũng chưa đủ.

Quan khách vỗ tay hoan hô câu nói khéo léo của Thanh Nga.

Thanh Nga chỉ vào thanh kiếm của phi:

– Vả phu nhân trang phục thế này thì là đệ tử phái Mê linh, luôn đeo kiếm trên lưng, ắt kiếm thuật thần thông. Khi chính thất là kiếm khách thuộc đệ tử danh môn, hỏi cô gái nào có gan bằng trời cũng không dám làm thiếp của khách quan. Ai mà làm thiếp của khách quan này thì phải có một trăm cái đầu.

Vương phi Ý Ninh lại tát yêu Thanh Nga như tát thường câu nói ý nhị, rồi hỏi Nho Lâm:

– Anh đã ra điều kiện ba không. Vậy ba có là có gì?

– Một là phải có huân công trong trận bình Mông vừa qua.

Vương phi Ý Ninh tủm tỉm cười chỉ vào vương, Tạ Quốc Ninh với Dã Tượng:

– Ba vị này đều xưng tên, đụt pháo; trăm phần chết, chỉ có một phần sống trong trận giặc vừa qua. Như vậy cả ba đều trúng cách

Phi lại hỏi :

– Hai có là có gì?

– Hai là phải có sức khỏe. Mông cổ tuy đã bỏ chạy, nhưng rồi chúng sẽ sang báo thù. Người trượng phu của Nga phải khỏe để cầm Đao quất, Khiên mây đuổi giặc.

Dã Tượng thấy vui, vui chàng thắc mắc :

– Anh nói sức khỏe thì chung chung quá. Khỏe đến bậc nào kia chứ ? Ví như vật ngã voi, đâm vỡ mười viên gạch hay múa Đao quất chẳng hạn.

– Cậu hỏi thực phải. Khi treo bảng tuyển phu cho Thanh Nga, tôi đã định rồi.

Anh ta chỉ cây cung Mông cổ treo trên vách :

– Muốn được làm chồng Thanh Nga, phải dương được cây cung kia.

Cung Mông cổ bằng thép, cánh cung to, dây cung bằng gân bò, phải người có nội lực thâm hậu mới dương nổi. Vương phi dùng Cầm long công phẩy tay một cái, cây cung rời vách bay lại phía Dã Tượng. Dã Tượng bắt lấy.

Cả quán cùng vỗ tay hoan hô thủ pháp của phi. Họ không thể ngờ một thiếu phụ 20 tuổi lại có nội lực siêu phàm như vậy. Phi chỉ Thanh Nga :

– Cháu dương cung cho Thanh Nga xem cháu có xứng đáng cùng nàng tát biển Đông không ?

Dã Tượng đứng theo dương cung tấn, nẹp tên, kéo mạnh. Cây cung uốn cong như ánh trăng mùng ba, rồi chàng buông tên. Mũi tên xé gió rít lên, bay sang bên kia đường trúng vào cây gao. *Bộp một tiếng mũi tên ngập tới hơn gang.*

Cử tọa vỗ tay hoan hô hết tràng này đến tràng khác :

– Cậu này khỏe thực, lại to lớn thế kia thì giết Mông cổ dễ như chơi.

– Ôi ! Vừa khỏe, vừa đẹp thế kia thì xứng làm chồng Thanh Nga.

Có nhiều tiếng la hoảng:

– Ôi con ngựa điên xổ chuồng.

– Tránh ra! Tránh ra! Chết!!!

Một con ngựa không yên cương lao vào đám đông, tiếng người la hét inh ỏi. Dã Tượng tung mình ra đón trước đầu ngựa. Người ta hét:

– Tránh ra! Chớ dại! Ngựa dẫm chết bây giờ.

Con ngựa chồm hai vó trước bổ vào đầu Dã Tượng. Người người nhắm mắt lại, không dám nhìn chàng bị ngựa đạp chết. Dã Tượng dùng lộ thứ nhì trong Đào mã cứu lộ, tên Mã hung bắt *kham*. *Chàng xuống trung bình tấn, chụp hai chân trước ngựa*, rồi giữ cứng. Con ngựa hí inh ỏi, dậm chân sau, quẫy đuôi. Nó hí thêm mấy tiếng, cũng không thoát khỏi tay Dã Tượng. Dã Tượng buông chân nó ra. Nó hí râm ran rồi nhảy tới. Dã Tượng chụp đuôi nó ghì chặt. Nó cố sức cào chân xuống đất, vọt đi, nhưng vô ích. Sau nửa khắc, nó đứng im thở phì phò rồi vẩy đuôi cúi đầu tỏ ý phục tùng.

Có hai kỵ mã phi từ xa tới, thấy Dã Tượng đã kiềm chế được con ngựa thì mừng lắm:

– Cảm ơn dũng sĩ.

Vương phi ra khỏi quán, dùng lời lẽ vương giả trách cứ hai kỵ mã:

– Phải chăng con ngựa hung dữ này thuộc quyền hai anh? Nó đạp ba người đàn bà bị thương, làm đổ nồi bún ốc của cô gái. Anh tính sao đây?

Hai kỵ mã thấy một thiếu phụ nhan sắc khuynh quốc, lưng đeo kiếm, thì biết đây là người có lai lịch. Một người cung tay:

– Xin nữ hiệp dung thứ. Cách đây hơn tháng, chúng tôi mua con ngựa hoang này từ trấn Lạng sơn, đóng cũi mang về. Chủ của nó nói rằng, họ gặp nó khi đi săn. Họ đặt bẫy bắt được. Trong năm tháng liền, những kỵ mã giỏi nhất cũng không chinh phục được nó. Suốt hai tháng qua, chúng tôi dùng đủ phương pháp trị mã, mà nó vẫn không thuần. Sáng nay, nó vượt hàng rào bỏ chạy. Chúng tôi phi ngựa đuổi mà không kịp.

Một kỵ mã khác nói:

– Chúng tôi xin bồi thường cho cô hàng bún ốc, lại xin chữa trị thương tích cho người bị hại.

Một kỵ mã nói với Dã Tượng:

– Thưa tráng sĩ, những con ngựa chúng, rất khó khuất phục nó. Khi một người khuất phục được nó thì chỉ người ấy làm chủ nó được thôi. Chúng tôi xin tặng tráng sĩ con ngựa này.

Dã Tượng định chối, thì Vũ Uy vương phẩy tay:

– Con cảm ơn nhị vị cho ngựa đi.

Dã Tượng chấp tay:

– Đa tạ!

Một kỵ mã lấy bộ yên cương của ngựa mình đang cỡi nói với Dã Tượng:

– Nó đã khuất phục tráng sĩ. Chỉ tráng sĩ mới đặt yên cương lên nó được mà thôi.

Dã Tượng lĩnh yên cương, đặt lên con hoang mã, rồi vọt mình lên lưng nó. Nó hí lên một tiếng, hướng theo con đường cái quan lao như bay. Hơn khắc sau Dã Tượng trở về, chàng vuốt lưng con ngựa, rồi nói với vương phi:

– Xin thím đặt tên cho nó.

– Cháu được ngựa trên bến Bắc ngạn vậy thím đặt cho nó tên là Bắc mã.

Nho Lâm suýt xoa:

– Thanh Nga treo bảng tuyển phu đã sáu ngày, trước sau có hơn ba mươi người ứng tuyển, mà không ai có nội lực như tráng sĩ đây.

Mọi người trở vào trong quán văn Thiên thư. Vương phi chỉ vào vương, Tạ Quốc Ninh:

– Hai vị này là sư bá, sư phụ của tráng sĩ, dĩ nhiên công lực mạnh hơn y nữa. Coi như cả ba người đều trúng cách. Thế còn có thứ ba?

Nho Lâm chỉ lên bàn thờ. Cạnh lư hương, có bức tranh thêu Hai bà Trưng cỡi voi đang đuổi Tô Định, dưới bức tranh có cuốn sách, gáy mạ vàng óng ánh, bìa viết chữ triện rất đẹp *Lĩnh Nam mật sử, và một cái hộp. Nho Lâm cầm cuốn sách :*

– Có thứ ba là phải thông hiểu quốc sử. Đây là bộ sử chép về cuộc khởi binh của vua Trưng và 162 anh hùng. Trong hộp này có 162 lá xăm. Ứng sinh rút xăm, mỗi xăm sẽ có câu nói về hành trạng một anh hùng. Sau khi rút xăm ứng sinh phải trả lời câu hỏi trong xăm ấy. Lệ ở đây, mỗi người xin xăm phải nộp năm đồng. Tiền này dùng để tu bổ đền thờ Ngài.

Vương phi Ý Ninh thấy cuộc tuyển phu thực ý nghĩa, thực rõ ràng. Phi mỉm cười:

– Hay! Hồi còn theo học ở Thần quang tự, chị em chúng tôi thường dùng bộ sách này để xin xăm, linh ứng kỳ lạ. Để tôi xin một quẻ.

Phi cầm 5 đồng tiền bỏ vào chiếc hộp gỗ có khóa. Hai tay phi cầm bộ sử đưa lên ngang mày, khấn:

– Tấu lạy vua Bà! Tấu lạy chư vị anh hùng Lĩnh Nam. Con là Trần Ý Ninh. Nay con đang mang trên người trọng trách, không biết thành bại thế nào. Xin các ngài ban cho con một quẻ.

Phi bốc một xăm trong hộp, rồi mở ra, trong có bốn câu thơ:

Sinh vi lương tướng, tử vi thần,
Vạn cổ cương thường hệ thử nhân.
Loa địa song đôi, thu nguyệt ảnh,
Anh hùng liệt nữ tướng quân phần.

Thanh Nga cầm phách gõ, các nhạc công cùng tấu nhạc, nàng ngâm bốn câu thơ xong, chuyển sang hát chầu văn bằng tiếng Việt:

Sống là tướng giỏi, thác làm thần,
Vạn đại cương thường nặng tấm thân.
Hai bóng thành Loa trắng thu sáng.
Anh hùng liệt nữ mộ nghìn năm.

Nho Lâm hỏi:

– Quý khách có biết xuất xứ hai câu thơ trên không?

Ý Ninh mỉm cười:

– Nếu tôi trả lời đúng, thì tôi có được Thanh Nga không? Thanh Nga xinh thế kia, tôi là gái không làm chồng nàng được thì tôi tuyển làm con, rồi tìm anh hùng mà gả.

Một bà già cười :

– Coi tướng mạo, hành trạng của phu nhân thì phu nhân thuộc người có lai lịch. Nhưng tuổi của phu nhân e chưa quá hai mươi, sao phu nhân có thể là mẹ Thanh Nga đã 18 tuổi. Không lẽ 2 tuổi phu nhân đã sinh con ?

Cả quán vỗ tay cổ vũ cho lời của bà già.

– Vậy thì tôi nhận làm em gái cũng chả sao !

Nhưng Thanh Nga lễ phép chấp tay hướng bà già :

– Thưa bà xưa nay chữ cha-mẹ có nhiều ý nghĩa. Người sinh ra ta là cha mẹ về thể xác. Người không sinh ra ta, nhưng có công dưỡng dục thì là cha mẹ chín chữ cù lao. Người cứu thoát ta trong hoạn nạn chín chết một sống là cha mẹ tái tạo. Người đem tâm não ra, truyền hiểu biết cho ta là cha mẹ trí tuệ, còn gọi là thầy. Theo Tam cương thầy đứng thứ nhì sau đức vua.

Phi mỉm cười, giảng :

– Bốn câu thơ này chép trong truyện của Bắc bình vương Đào Kỳ, ngài lĩnh ấn Đại tư mã và vương phi Nguyễn Phương Dung, lĩnh chức tể tướng triều Lĩnh Nam. Hiện đền thờ hai vị vẫn còn tại Cổ loa.

Mặt Nho Lâm không vui :

– Cứ như quẻ này thì phu nhân và trượng phu đang trên đường mưu đại sự cho nước. Công sẽ thành, danh sẽ toại. Nhưng cuối cùng sự nghiệp không trọn vẹn.

Vương hỏi :

– Không trọn vẹn, có nghĩa là mưu sự không thành ?

– Ý tôi không nói vậy. Ý tôi muốn nói rằng quý khách và phu nhân sẽ thành công. Nhưng cuối cùng cả hai sẽ tuần quốc như Bắc bình vương và vương phi. Hai vị sống làm tướng giỏi, chết thành thần. Anh linh vạn vạn năm sau dân chúng còn thờ kính, tưởng nhớ huân công.

Vũ Uy vương là một đại anh hùng thời Đông A, nghe Nho Lâm đoán quẻ xâm như vậy hùng khí bốc dậy, vương nhìn vương phi :

– Trước trận giặc vừa qua, Huệ Túc phu nhân từng tính số Tử vi rằng Phạm Cự Trích, Trần Tử Đức sẽ vị quốc vong thân. Hai người từng hãnh diện mà ra trận. Nay hai người đã thành thần. Làm trai Đại Việt, chỉ sợ không có tài, không có dịp xả thân cứu nước mà thôi. Sau này chúng ta có vị quốc vong thân thì là điều cầu mà không được.

Nho Lâm hướng Tạ Quốc Ninh :

– Xin mời tiên sinh xin một quẻ.

Hầu sửa y phục ngay ngắn, bỏ tiền vào hộp, rồi cầm bộ sách lên khẩn :

– Tấu lạy Hoàng đế bệ hạ. Kính chư vị anh hùng Lĩnh Nam. Thần là Tạ Quốc Ninh, thần đang tuân chỉ đấng quân phụ, vạn dặm mưu truyện xẻ núi lấp sông. Sự thành bại thế nào, xin cho thần một quẻ.

Ông rút ra một xâm. Ông không muốn đọc, ông trao cho Thanh Nga. Thanh Nga cầm phách đánh nhịp, nàng cất tiếng hát, lập tức năm nhạc công cùng hòa theo:

Nhất thi khảng khái anh hùng lệ,

Bách chiến sơn hà, cổ quốc tâm.

Hết hai câu thơ Hán, nàng ca sang tiếng Việt:

Anh hùng khảng khái đôi giòng lệ,

Bách chiến một lòng với nước non.

Tạ Quốc Ninh khen:

– Cô hát đã hay, lại học giỏi. Cô dịch sát ý, giọng hát còn tiết ra được tình ý sâu sa của tác giả.

Nho Lâm hỏi:

– Quý khách có biết xuất xứ hai câu thơ trên không?

Tạ Quốc Ninh gật đầu :

– Hai câu thơ này xuất xứ trong truyện Hồ Nha đại tướng quân. Tên thực của ngài là Đào Hiễn Hiệu. Khi ngài vừa cưới vợ được ba ngày thì phải lên đường tòng chinh Trung nguyên. Phu nhân của ngài là Lê Hồng Thanh đã làm hai câu thơ trên trong lúc ngậm ngùi chia tay. Ngài Đào Hiễn Hiệu có ba anh em đều là đại công thần thời Lĩnh Nam. Ngài là anh cả lĩnh chức Hồ nha đại tướng quân tước phong Khúc dương công. Em kế là Đào Quý Minh, lĩnh chức Vân uy đại tướng quân, tước phong Ký hợp công. Thứ ba là Đào Phương Dung, tước phong Đẳng châu công chúa lĩnh ấn Trấn Nam đại tướng quân. Đến thờ ba ngài tại Thăng long, thôn Thổ quan, ngõ Oánh lệnh (Nay 2001 vẫn còn). Nữ tướng Đào Phương Dung nổi tiếng hét ra lửa, mưa ra khói thời Lĩnh Nam. Sau khi tuần quốc bà hiển linh kỳ lạ. Trong giới đồng bóng, người ta gọi ngài là cô Sáu. Khi cô Sáu bắt một cô gái làm lính, thì không cách gì khất được.

Thanh Nga, cầm dùi gõ phách. Các nhạc công tấu nhạc, nàng hát chầu văn bài Cô Sáu.

Nho Lâm giải:

– Cứ như quẻ này thì quý khách cùng phu nhân vừa làm lễ vừa thành hôn xong, thì do quốc sự phải phân ly. Hiện nay quý khách đang giữ trọng trách đức vua trao cho. Chiến thắng đang chờ đón quý khách. Quý khách chỉ gặp lại phu nhân trong lúc tử biệt sinh ly như ngài Đào Hiễn Hiệu và phu nhân Đinh Hồng Thanh. Ngày về trong vinh quang không xa.

Nghe Nho Lâm giải, Tạ Quốc Ninh đau nhói trong tim. Hình ảnh Hoàng Hoa tươi như hoa, trong nụ cười lại hiện ra. Ông nghĩ thầm :

– Nếu mình được ôm nàng một lần trong tay như ngài Đào Hiễn Hiệu ôm phu nhân Đinh Hồng Thanh, rồi cách biệt âm dương cũng thỏa lòng.

Vũ Uy vương bảo Dã Tượng:

– Con cũng xin một quẻ, dù không được Thanh Nga, ít ra cũng biết tương lai ra sao?

Dã Tượng móc trong túi ra một xâu tiền, chàng bỏ cả vào thùng, rồi cầm bộ sớ đưa ngang mày khấn:

– Tấu lạy vua Bà, tấu lạy chư vị anh hùng Lĩnh Nam, con là Trần Quốc Kinh, con theo chú con lĩnh trọng trách trong người. Đất nước đang bị Mông cổ đe dọa, con chưa muốn vương vít thê nhi. Con không muốn làm chồng Thanh Nga, bởi chinh chiến ít ai trở về. Nếu cưới nàng làm vợ, e nàng phải ở góa thì uống phí tẩm hồng nhan. Xin các ngài ban cho con một quẻ, dạy cho biết sự nghiệp sau này ra sao, chuyển đi này thế nào?

Chàng thò tay vào hộp bốc một thăm, mở ra, trong thăm có hai câu thơ, Dã Tượng đọc được, nhưng không hiểu hết ý nghĩa, chàng đưa cho Thanh Nga. Thanh Nga đọc :

Đức bác thánh văn truyền Việt địa,

Uy dương thần vũ trấn Nam thiên.

Thanh Nga gõ phách, các nhạc công cùng tấu lên. Thanh Nga ca hai câu thơ Hán rồi bắt sang ca hai câu bằng tiếng Việt:

Trời Nam đức trái khắp nơi,
Oai danh vạn đại cùng người Việt linh.

Dã Tượng là đấng anh hùng thời Đông A, chàng không hề xấu hổ việc mình ít học. Chàng chấp tay vái Thanh Nga:

– Quốc Kinh này mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, không được học. Lớn lên đi chăn trâu, cắt cỏ. Gần đây được một vị danh vọng cực lớn nhận làm con nuôi. Vì phải theo cha nuôi đuổi giặc, nên không thuộc quốc sử. Tôi không biết hai câu thơ này ai làm, làm trong trường hợp nào. Tôi xin chịu thua.

Vương phi Ý Ninh chỉ vào Tả Quốc Kinh an ủi Dã Tượng:

– Con không nên nói lời bi phẫn như thế! Anh hùng đâu *quản xuất thân*. Trước con chưa được học quốc sử thì nay con đang học mà. Con đã có thầy rồi. Thầy sẽ dạy con. Chú thím sẽ dạy con. Huống hồ con đã lập đại công với Xả tặc. Con cưới công chúa cũng xứng, chứ đừng nói là Thanh Nga.

Dã Tượng chấp tay hướng vương phi:

– Đa tạ thím đã cho con lời vàng ngọc.

Vương phi giảng:

– Hai câu thơ này nói về công nghiệp của đức thánh Văn *thành*, *Võ đức Long biên công*. *Tục danh của ngài là Nguyễn* Tam Trinh. Ngài là một trong Tam công triều Lĩnh Nam. Ngài cũng là sáng tổ môn vật. Khi ngài được lệnh trấn thủ khu chiến Trường sa, hồ Động đình; Mã Viện đem đại quân tràn ngập, ngài tử chiến. Hai câu thơ trên là hai câu đối tại đền thờ ngài ở thôn Mai động, phủ Thọ xương, ngoài thành Thăng long. (Nay 2001 vẫn còn)

– Đa tạ thím đã giảng cho con. Hồi còn chăn trâu, cắt cỏ bọn con thường đến lễ ở ngôi đền này. Nhưng con không biết đền thờ vị thánh nào.

Nho Lâm cầm bộ sử, nhìn Dã Tượng:

– Cứ như quẻ xâm này, thì sự nghiệp của tráng sĩ sẽ thực vĩ đại: dùng thần võ trấn Nam thiên, trăm họ đất Việt được nhờ huân công của tráng sĩ. Người người cúi đầu bái phục, mà trăm năm sau, nghìn năm sau được thờ kính. Tôi nghĩ, tráng sĩ nên tòng quân giữ nước ngay từ bây giờ thì vừa.

Sứ đoàn nhìn nhau như cùng nhủ thầm: Nho Lâm giải quẻ xâm này thực hay.

Đến đó một Kị mã bước vào khoanh tay hành lễ với Dã Tượng:

– Trình Đô thống, tất cả xe, ngựa đều đã sang sông. Xin Đô thống cho lệnh.

– Được rồi, chúng ta sẽ độ giang ngay.

Từ Nho Lâm, Thanh Ngoan đến mọi người trong quán đều kinh ngạc: thì ra tráng sĩ này đã ở trong quân ngũ, hàm tới Đô thống. Chợt nhớ ra điều gì, Nho Lâm hỏi vương phi Ý Ninh:

– Thừa phụ nhân, tiểu nhân nghe nói trong trận giặc vừa qua có hai mươi Ngưu tướng, mười tám Ngạc tướng. Tất cả đều là thiếu niên, làm cho Lôi kị Mông cổ kinh hồn táng đờm. Sau khi giặc tan, Nguyên Phong hoàng đế phong cho tất cả các Ngưu tướng, Ngạc tướng lĩnh chức Vệ úy, hàm Tá lĩnh. Riêng tướng có công nhất trong Ngưu tướng được đức vua ban cho mỹ danh Dã Tượng. Tướng có công nhất trong Ngạc tướng được ban mỹ danh Yết Kiêu. Cả hai được phong hàm Đô thống, lại được Hưng Đạo vương nhận làm con nuôi. Ngài cho Dã Tượng tên Trần Quốc Kinh, Yết Kiêu tên Trần Quốc Vĩ. Vị Đô thống có thể lực vĩ đại này hẳn là Dã Tượng đây?

– Đúng như anh nói.

Vương phi đáp.

Tất cả mọi người trong quán đều đứng dậy vỗ tay hướng Dã Tượng:

– Chúng tôi quả có phúc, hôm nay được báỉ kiến anh hùng Đại Việt. Thảo nào từ lúc các vị vào đây, chúng tôi thấy dung quang khác thường, cử chỉ hùng tráng mà thanh nhã.

Dã Tượng đáp lễ:

– Không dám. Khi nước có giặc thì già, trẻ, trai, gái đều phải lăn mình vào chốn gươm đao, tên đạn; hy sinh mạng sống bảo vệ đất tổ.

Nho Lâm nói với Dã Tượng:

– Thưa tráng sĩ, kính Đô thống, báỉ người là anh hùng thời Đông A! Huân công của Đô thống trong bảy trận vừa qua, quả thực vĩ đại, khắp đất nước này ai cũng khâm phục. Hôm nay anh hùng qua đây, dự cuộc tuyển phu của Thanh Nga. Chúng tôi vô cùng hãnh diện thưa rằng chỉ cần chiến công một trận Bình lệ nguyên, anh hùng cũng xứng đáng làm chồng Thanh Nga rồi.

Tuy là ca nhi lừng danh, từng tiếp xúc với hằng mấy chục người trẻ xin ứng tuyển, nhưng những lời nói của Nho Lâm, cũng làm cho Thanh Nga cúi đầu e thẹn, liếc mắt nhìn Dã Tượng, lòng xao xuyến.

Dã Tượng hiên ngang chỉ vương, vương phi nói với Thanh Nga:

– Nếu Dã Tượng tôi tìm vợ, thì e trên thế gian này không ai hơn Thanh Nga. Đúng lý, tôi phải nhất bộ, nhất báỉ tới nhà Thanh Nga cầu xin. Nhưng Thanh Nga ơi, đất nước mình vừa sạch bóng quân thù. Thế nhưng giặc vẫn đang ngấp nghé tại *biên cương*. *Dã Tượng này đang theo chú thím vì dân làm truyện vá trời*, ngắn thì ít ra vài năm, dài có khi hàng chục năm. Biết đâu cả đời. Nên nào dám nghĩ truyện thê nhi. Vì vậy xin đa tạ chùm hoa đào Thanh Nga tặng cho tôi.

Nho Lâm vỗ tay:

– Thưa Đô thống, chỉ mong Đô thống đính ước một lời với Thanh Nga cũng đủ. Thanh Nga mới 18 tuổi mà. Thanh Nga sẽ đợi Đô thống, cho đến khi Đô thống đeo gươm chiến thắng trở về.

– Một lời hứa như đinh đóng cột. Vì vậy tôi không dám hứa. Thanh Nga xinh đẹp thế này, lỡ ra tôi đi rồi vị quốc vong thân thì tội cho nàng quá.

Thanh Nga ngửa mặt nhìn lên bầu trời xuân, từng cụm mây trắng đang trôi lang thang. Nàng cất tiếng hát:

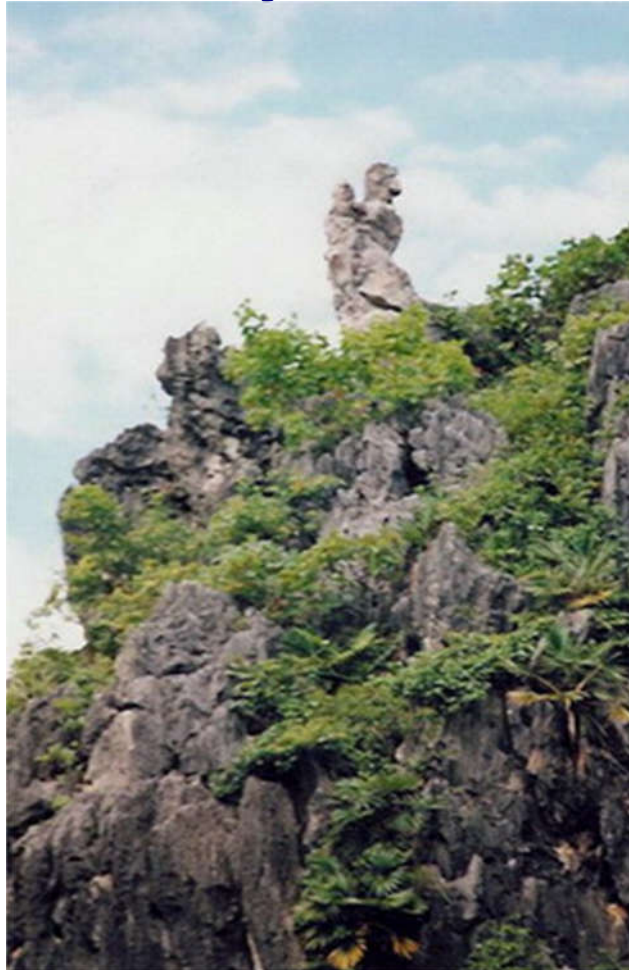
Con cò bay lả bay la,
Bay ra ruộng lúa, bay vào Đồng đăng.
Đồng đăng có phố Kỳ lừa,
Có nàng Tô thị, có chùa Tam thanh.
Ai lên phố Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em.
Tay cầm bầu rượu năm nem,
Mãi vui quên hết lời em dẫn dò,
Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm đêm tơ tưởng đi mò sông Thương.

Bài hát hết mà Thanh Nga như người lên đồng, nàng nhập vào lời ca, nét hoa hiện rõ vẻ buồn man mác. Dã Tượng cũng cảm thấy cái buồn theo nắng xuân nhập vào người. Chàng hỏi Vũ Uy vương phi:

– Thừa thím bài hát này con được nghe Xẩm hát trong những đêm đập lúa vụ mùa vừa qua. Nhưng con không hiểu hết ý nghĩa.

Vương phi đưa mắt nhìn Tạ Quốc Ninh, hầu giáng:

– Đây là bài hát bình dân, xuất hiện vào thời Anh vũ chiêu thắng (1075-1077) đời vua Lý Nhân Tông, thuật lại mối duyên tình của một chinh phụ họ Tô tại trấn Lạng sơn. Bấy giờ vua còn nhỏ, mới chín tuổi, Linh Nhân hoàng thái hậu (Ý Lan) cầm quyền. Bên Trung nguyên vua Tống Thần Tông dùng Tân pháp của Tể tướng Vương An Thạch, làm cho nước giàu, dân mạnh. Nhà vua cùng Thạch chuẩn bị đánh ta, nào luyện quân, nào tích trữ lương thảo. Linh Nhân hoàng thái hậu thấy vậy, ngài quyết định: ngồi chờ giặc sao bằng tìm giặc mà đánh. Ngài sai Thái úy Lý Thường Kiệt cùng Long thành ấn sĩ Tôn Đản mang quân vượt biên đánh vào các châu Ung, Liêm, Dung, Nghi, Bạch, phá thành trì, cầu cống, đốt hết các kho tàng Nam biên của Tống. Trong 12 đạo binh đánh Tống, đạo Ngự long do Long nương thượng tướng quân Phạm Dật cùng phu nhân Lê Kim Liên chỉ huy. Đạo này có một tướng trẻ hai mươi tuổi, vợ họ Tô. Hai người mới có một con trai đầu lòng chín tháng. Khi tướng trẻ lên đường thì vợ hỏi bao giờ sẽ về? Chồng an ủi vợ rằng sớm thì *nửa năm, muộn thì ba năm. Thế rồi đôi lứa thiếu niên bịn rịn rời nhau*. Nào ngờ trong trận Hòa giáp, đánh chặn viện binh Tống, tướng trẻ tuấn quốc. Trong khi người chinh phụ Tô thị ngày ngày bế con lên núi nhìn về phương Bắc chờ chồng. Thế rồi chiến tranh hết, chờ đợi đã ba năm, nhưng vẫn không thấy chồng đâu. Nàng đau khổ, cùng đứa con hóa đá. Dân gian làm bài ca trên để thương tiếc nàng.(3)



Hình chụp tượng Tô thị, tại Lạng sơn Tháng 8 năm 2001

Dã Tượng reo lên:

– Hồi năm trước con chỉ huy Ngưu binh đuổi giặc ở trấn Lạng sơn, con đã thấy tượng này.

Chàng nói với Thanh Nga:

– Chuyện xưa còn đó, tượng đá chưa mòn. Bài hát bình dân mà Thanh Nga biến thành hát Xẩm thực là thảm thiết. Tôi có thể sẽ là viên tướng trẻ một đi không về. Tôi quyết không để Thanh Nga hóa thành nàng Tô thị thứ nhì.

Nghe Dã Tượng nói lòng Thanh Nga như giá băng. Nàng chưa biết nói sao thì Nho Lâm kéo mọi người ra khỏi mối vạ cổ sâu Tô thị, y chỉ Vũ Uy vương hỏi Dã Tượng:

– Thế còn hai vị đây là?

Dã Tượng đáp:

– Đây là Vũ Uy vương, trấn nhậm Bắc cương và vương phi. Vương phi nhũ danh Ý Ninh, từng đánh trận Phù lỗ vang danh thiên hạ.

Mọi người hướng vương, vương phi bái lạy.

Dã Tượng chỉ Tạ Quốc Ninh:

– Vị này là Vũ sơn hầu Tạ Quốc Ninh, minh sư của tôi.

Nho Lâm bái Quốc Ninh:

– Tôi từng nghe danh Quý đứu thượng tướng quân Tạ Quốc Ninh, được phong Vũ sơn hầu, lĩnh hàm Thái tử thiếu bảo, Hiệp biện đại học sĩ, Đồng tri Khu mật viện là một danh sĩ Thăng long. Năm trước đây đệ nhất hoa khôi, đệ nhất danh kỹ Thăng long tên Hoàng Hoa treo bảng tuyển phu, người trúng cách. Hôm nay thực vinh hạnh cho chúng ta được gặp người tài hoa.

Tất cả mọi người hiện diện đều hướng hầu hành lễ. Thanh Nga vốn cực kỳ thông minh, nàng nghĩ:

– Một đời được mấy anh hùng? Hôm nay mình may mắn gặp đấng anh hùng này, mà để chàng đi mất thì chẳng hóa ra một tuồng hư ảo ư? Mình phải làm cách nào theo sứ đoàn để được gần chàng! Ở đây vương phi là người ôn nhu, văn nhã, mình có thể xin vương phi để được đi theo.

Nàng chấp tay vái vương phi Ý Ninh:

– Hồi nãy phi hứa nhận em làm em nuôi. Vậy phi nói đùa hay thực?

Phi nắm lấy tay Thanh Nga:

– Chị sinh ra là tiểu thư Ý Ninh, chị là đệ tử của Vô Huyền Bồ Tát; là Hồng Đức, Trang Duệ, Vũ Thăng công chúa, là vương phi Vũ Uy. Chị không nói đùa. Hôm nay chị nhận em làm em. Chị sẽ nuôi, dạy em trở thành anh hùng Đại Việt. Nhà em ở đâu, để chị đến có vài lời với cha mẹ em, rồi chị đem em theo.

Thanh Nga hướng vương, vương phi lạy bốn lạy:

– Nghĩa huynh! Nghĩa tỷ.

Wương phi sửa:

– Để chị dạy cho. Phàm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi đều là cha mẹ. Con đẻ, con nuôi đều là con, không thể và không nên phân biệt con đẻ hay con nuôi. Em nhắc lại: anh, chị !

Má Thanh Nga ứng hồng, nở nụ cười:

– Dạ! Anh, chị.

Wương phi tháo chuỗi ngọc trai trên cổ, đeo vào cho Thanh Nga:

– Chị cho em chuỗi ngọc này, gọi là quà diện kiến.

Dã Tượng móc trong bọc ra một con chim ưng bằng vàng dát năm viên ngọc đỏ chói, đeo lên tóc nàng:

– Thanh Nga là em của chú thím thì là cô của tôi. Ấy à! Cô vượt lên trên tôi một bậc rồi.

Vương can thiệp:

– Dã Tượng là cháu của chú thực. Còn Thanh Nga là em của thím. Hai bên đều không có tý huyết tộc nào, vậy cả hai cứ theo tuổi mà xưng hô. Năm nay cả hai cùng 18 tuổi. Dã Tượng sinh tháng giêng, Thanh Nga sinh tháng chạp. Vậy Thanh Nga gọi Dã Tượng là anh.

Dã Tượng vui vẻ:

– À! Có cô em xinh đẹp đàn ngọt, hát hay thì là điều ai cũng ước mơ. Anh cũng tặng em món quà này. Đây là chiến lợi phẩm anh thu được trong trận Đông bộ đầu đấy.

Hai người đứng cách nhau không xa, hơi thở ấm áp của Dã Tượng, mùi khét khét mồ hôi của đàn ông làm Thanh Nga như người say rượu.

Tạ Quốc Ninh nhắc:

– Dã Tượng! Con phải nói rõ, con có báu vật này trong trường hợp nào cho Thanh Nga nghe.

– Dạ, con quên. Theo quân luật, phạm tất cả những gì thu được trên chiến trường như lửa, ngựa, vũ khí, vàng bạc, phải xung vào công khố. Trong trận Đông bộ đầu, một bách phu trưởng Mông cổ bị bắt làm tù binh. Đói quá, y đưa con chim ưng này ra xin đổi lấy con vịt nướng của anh với cặp bánh chưng. Sau trận đánh anh nộp cho Hưng Ninh vương. Vương phán: đây không phải chiến lợi phẩm, mà là việc buôn bán giữa anh với viên bách phu trưởng. Vương ban cho anh được giữ làm của riêng.

Nhà Thanh Nga nằm trong khu Bắc ngạn, vương phi nhờ Nho Lâm mời bố mẹ nàng tới. Vũ Uy vương cùng vương phi gặp riêng bố mẹ nàng, nói rõ thiện ý của mình. Ông bà nghe tin con gái được một vị tước vương nhận làm em nuôi thì mừng chi siết kể. Ông bà vái dài tạ vương.

Qua câu truyện mẫu thân từ con hát, trở thành Tuyên phi, qua vụ Thanh Nga tuyển phu, Vũ Uy vương chợt nảy ra sáng kiến:

– Tại sao mình không mang theo những ca nhi xinh đẹp, có thể cần dùng tới.

Vương hỏi Thanh Nga:

– Em biết xử dụng những nhạc khí nào?

– Dạ, em được bố mẹ gửi tới phường Đông hoa học hát, học nhạc. Em được học bảy nhạc khí căn bản: kéo nhị, thổi sáo, bật trống cơm, đánh trống mảnh, gõ phách, đánh đàn tranh, đàn bầu.

Vương phi Ý Ninh vốn cực kỳ thông minh, nghe chồng hỏi Thanh Nga, phi biết ý chồng:

– Em à! Trong chuyến đi này chúng ta cần một toán ca hát theo để dùng vào quốc sự. Trong đám bạn học của em, có người nào tài ngang với em mà còn là khuê nữ không?

– Dạ có. Bọn em gồm năm đứa tài sắc, tuổi ngang nhau. Cả năm đều còn con gái. Nhà chúng nó đều ở gần đây. Thúy Hồng gốc Kinh Bắc, Thúy Nga gốc Thiên trường, Thúy Trang ở Thụy khuê, Hồng Nga gốc Nghi tam.

Vương lại nhờ Nho Lâm mời cha mẹ cùng bốn ca nhi tới. Cả cha mẹ, lẫn bốn cô nghe Vũ Uy vương ngỏ ý mang theo sứ đoàn vì nước lập công thì mừng chi siết kể. Tuy vậy vương cũng ban cho mỗi cô mười lượng vàng, coi như bổng của triều đình, để các cô dâng bố mẹ tạ ơn sinh thành. Vương hỏi tuổi năm cô gái rồi nói với vương phi:

– Em ơi, trong năm đoá hoa này, chúng học cùng trường, cùng thầy, là chị em đồng môn. Nay đi theo mình thì tình chẳng khác như ruột thịt. Vậy ta hãy theo tuổi, định thứ bậc cho chúng. Lớn nhất là Hồng Nga, thứ đến Thúy Hồng, thứ ba là Thúy Nga, Thanh Nga thứ tư, nhỏ nhất là Thúy Trang.

Vương bảo năm nàng:

– Từ nay các em phải coi nhau như chị em, cùng chúng ta làm việc nước. Theo thứ tự thành chị em cùng nhà. Trong khi các em theo ta, thì cha mẹ ở nhà được lĩnh bổng như một Vệ úy, được cấp phát công điền. Hy vọng các em lập đại công, ta sẽ tâu xin phụ hoàng phong cho các em mỹ hiệu. Nay ta tạm gọi các em là Long thành ngũ phụng.

Vương phi vui vẻ:

– Ta đặt cho năm em một cái tên văn vẻ: Ban nhạc đào hoa Đông bộ đầu.

Dã Tượng lắc đầu:

– Thưa thím cái tên này dài quá, con xin thu ngắn lại cho dễ gọi.

Thúy Nga tính ưa vui, ưa đùa, nàng hỏi:

– Anh định đề vai bọn em cho lùn lại đấy à? Anh thu ngắn như thế nào?

– Cái cô này đẹp thì thực đẹp. Hát thì thực hay, nhưng miệng thì dẻo như kẹo kéo. Các cô xinh đẹp thế kia, thì dù bọn ác quỷ Mông cổ cũng không nỡ làm các cô đau, huống hồ anh là đồ tử đồ tôn của vua Đinh Tiên Hoàng. Anh muốn thu ngắn 7 chữ của thím còn ba chữ: Ban Đông hoa!

Quốc Ninh tán thưởng:

– Hay! Thu ngắn như vậy mới dễ gọi.

Sứ đoàn vừa sang sông, thì một kỵ mã trang phục như một võ quan Mông cổ từ phía trước phi đến như bay. Khi tới trước ngựa Vũ Uy vương thì y ngừng lại. Viên kỵ mã nhảy xuống ngựa dơ tay vẫy vương. Vương nhìn kỹ thì ra Tây viễn vương lĩnh Phiêu kỵ Đại tướng quân Trần Tử An. Vương vội xuống ngựa hành lễ:

– Cháu xin ra mắt ông trẻ.

Tử An gọi vương phi, Tạ Quốc Ninh, Dã Tượng lại gần rồi nói nhỏ:

– Ta có một điều cơ mật muốn nói với các cháu. Đúng ta thì ta phải nói từ khi các cháu chuẩn bị lên đường. Nhưng ta sợ nói sớm có thể bị lộ. Hồi theo quân của Hốt Tất Liệt đánh Tống ta có để lại người vợ và đứa con trai tại Hoa lâm. Ta đặt cho nó cái tên Mông cổ là Ngột A Đa hay còn tên khác là Thoát Nhân. Vợ chồng ta dạy A Đa nói tiếng Việt cũng như văn hóa Việt rất giỏi. Nó được Đại hãn Mông cổ là Mông Ca tin dùng. Gần đây ta nghe tin rằng nó mới được trao cho chức vụ Tham tri chính sự. Vậy khi sang Mông cổ, các cháu bí mật liên lạc với nó, nó sẽ âm thầm giúp Đại Việt mình.

– Không biết chú Ngột A Đa có biết võ không?

Vũ Uy vương hỏi: chú ấy có biết văn tự Trung quốc không?

– Võ công của nó do ta truyền thụ. Bản lĩnh của nó không thua gì ta. Công lực của nó có phần hơn ta vì nó còn trẻ. Về văn học Trung quốc, nó rất uyên thâm. Trước khi ra đi, ta đã cùng nó ước hẹn khi sai người liên lạc, sẽ làm như thế...như thế để nhận nhau. Vậy các cháu nên cẩn thận để tránh gà nhà đá gà nhà.

Tây viễn vương rút trong bọc ra con dao nhỏ dài hơn gang tay, ông trao cho Vũ Uy vương:

– Hồi đánh Tây vực, Thành Cát Tư Hãn được dâng hai con dao bằng thép, do người Tây phương đúc, sắc bén vô cùng. Tư Hãn ban cho ta. Ta trao cho Ngột A Đa một con, còn một con ta cho cháu.

Khi gặp Ngột A Đa, nếu nó còn nghi ngờ thì cháu cứ đưa con dao này ra là nó tin ngay. Thôi các cháu lên đường. Chúc các cháu thành công.

Ông đưa mắt nhìn Long thành ngũ phụng, rồi ngửa mặt lên trời cười, nheo mắt với Ý Ninh. Vương phi Ý Ninh nghĩ thầm:

– Không xong rồi, vị thái thúc (ông trẻ) này kinh lịch khắp Mông cổ, Tây vực, Trung nguyên, kiến thức ông không tầm thường. Không chừng ông đoán được ý vợ chồng mình cũng nên.

Wương phi cũng tủm tỉm cười:

– Ông trẻ biết chủ ý của chúng cháu rồi ư?

– Dĩ nhiên.

Ông nói trầm giọng :

– *Một người con gái ngồi, đứng, thì dù có nhan sắc cũng khó mà cột chân anh hùng. Nếu như cô gái đó đi lại, thướt tha, hoặc múa hát, thì anh hùng sẽ ngã ngựa ngay.*

– Ông trẻ hiểu rõ cháu đến cùng kỳ cực rồi vậy.

– Trên đời này, cái gì lạ cũng quý. Con người cũng vậy. Con gái Mông cổ thân thể cực mịch, đi đứng cứng ngắt, nói năng ồn ào, mắt ty hí; không thể so với con gái Việt, dáng đi nhẹ nhàng, mềm mại, nói năng khoan thai, thanh thoát, mắt không lá liễu thì cũng giống mắt bồ câu. Năm con bé này, thuộc loại sắc nước hương trời, thì bọn Mông cổ sao thoát khỏi bị chúng nó giam vào trong những đôi mắt đẹp. Con gái Mông cổ thích mặc áo da, hay vải thô, trông cứng như gỗ. Nay cho năm con bé này mặc quần áo Việt bằng lụa, bằng nhiễu, gió bay phất phới thì anh hùng đến mấy cũng phải gác kiếm, cung tay.

– Đa tạ ông trẻ. Rồi sao nữa?

– Tuy nhiên Ý Ninh phải giảng giải hằng ngày về nhiệm vụ cao cả của chúng. Bằng không, chúng chỉ là những đứa con gái thiếu kinh nghiệm trong tình trường, thì nguy tai!

Ông gọi năm nàng ban Đông hoa lại:

– Ông cho các cháu mấy bảo bối trước khi lên đường.

Năm nàng khoanh tay:

– Chúng cháu xin ghi vào lòng.

– Bảo bối thứ nhất:

" Trên đời này có nhiều loại hạnh phúc. Hạnh phúc nhất cho những ai được hy sinh thân mình cho Xã tắc. Đất nước này là đất nước của vua Hùng, vua An Dương, vua Trưng để lại, nếu cần bảo vệ thì dù hy sinh thân mình, gia đình mình là điều hãnh diện nhất".

– Dạ, bọn con nhớ rồi.

– Bảo bối thứ nhì:

"Anh hùng nan quá mỹ nhân quan" nghĩa là anh hùng hô một tiếng trăm nghìn người chết, thành đổ, núi nghiêng, nhưng trước người đẹp chỉ là con nai ngơ ngác.

– Dạ, bọn con hiểu.

– Bảo bối thứ ba:

'Sự nghiệp vạn dặm không chứa đầy đôi mắt giai nhân'.

– Dạ! Chúng con hiểu.

– Là gái Việt, tức là con cháu vua Trưng. Không bao giờ *khuất phục bọn đàn ông, để họ sai như mèo, như chó*.

– Dạ chúng con hiểu.

Thình lình vương quát lớn rồi vọt mình lên lưng ngựa, phút chốc đã khuất vào cánh đồng xanh.

Ghi chú,

(1) Bắc bình vương Đào Kỳ là đại anh hùng trong cuộc khởi nghĩa của vua Trưng. Ngài lĩnh chức Đại tư mã tương đương với ngày nay là Tổng tư lệnh quân đội. Vương phi là Nguyễn Phương Dung lĩnh chức Tể tướng triều Lĩnh Nam. Hiện (2001) đền thờ hai vị còn tại Lộc hà, Hội phụ, Lê xá, Thị thôn thuộc Cổ loa Hà nội. Xin xem Anh hùng Lĩnh Nam, Động đình hồ ngoại sử, **Cầm kê di sự, cùng tác giả**.

(2) Người ta sinh ra, ai mà không phải chết, nhưng phải sao lưu chút lòng son với đời sau (thẻ tre).

(3) Xin đọc Nam quốc sơn hà, cùng tác giả.

Hồi này thuật đại cương về tình hình Văn nghệ thời Đông a, và sự phát triển của hát Xẩm.

Thời Đông a là thời kỳ xuất phát một số công trình Văn hóa lớn.

1. Một là chữ Nôm. Chữ Nôm chắc có từ trước. Nhưng người có công xếp đặt thành hệ thống, có căn bản là ông Nguyễn Thuyên. Ngay lập tức các danh sĩ, văn nhân thi nhau học, sáng tác thơ, văn. Nay còn lưu truyền.

2. Hai là điệu múa Bài bông, tác giả là ba vị vương từng là đại tướng chiến thắng Mông cổ : Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Trọn vẹn điệu múa có 9 màn, lưu truyền đến cuối thế kỷ thứ 20. (1945). Hiện (2008) trong nước đang cố gắng phục hồi. Lời ca bao gồm : Hát nói (Ca trù, hay hát Ả Đào), hát Xẩm, Hát Ví, hát Nghêu, hát Trống quân, hát Quan họ, hát Châu Văn.

3. Ba là hát Xẩm, khi tôi viết những dòng này, thì trong nước phong trào Hát Xẩm như hoa xuân rực nở. Tại chợ Đồng Xuân Hà nội, mỗi tối thứ bảy, những nghệ nhân danh tiếng cùng hát Xẩm cho du khách nghe.

Hát Xẩm chắc có từ lâu, đến đời Trần mới thực sự có căn bản, mà người có công đầu lại là một cặp đại anh hùng : Vũ Uy vương và vương phi Ý Ninh. Trước đời Trần thì Hát Xẩm chưa dành cho người mù. Trong những hồi sau, độc giả sẽ biết chi tiết tại sao các nghệ nhân hát Xẩm hầu hết đều mù.

Hát Xẩm là điệu hát bình dân nhất trong những điệu hát bình dân. Vì vậy khi vừa khôi phục là được quần chúng đón nhận, và sống dậy rất mau.

Những người có công đầu làm sống dậy là nhạc sĩ Thao Giang, nghệ sĩ nhân dân Xuân Hoach, nghệ sĩ ưu tú Thanh Ngoan, Văn Ty, Đoàn Thanh Bình, Thúy Ngân, Mai Tuyết Hoa v.v.

Họ là nghệ sĩ nhân dân, là nghệ sĩ ưu tú, nghĩa là họ thuộc loại thành danh, nhưng đã bỏ ra ngoài cái hào quang, để đi về từng thôn, từng xóm xa xôi, sưu tầm, biên tập lại những di sản hát Xẩm. Rồi họ còn can đảm, trải chiếu ra chợ Đồng Xuân hát như những nghệ nhân hát Xẩm hồi trước 1945. Công lao của họ được đền đáp : quần chúng hoan hô nhiệt liệt.

Trong đại hội y khoa châu Âu, tháng 10, năm 2006, tổ chức tại hotel Novotel, thuộc quận 14 Paris, tôi được mời diễn giải về Văn hóa hát Xẩm. Cử tọa hoan hô nhiệt liệt.

Hồi thứ năm mươi tư
Ánh mắt như gương treo

Vương phi Ý Ninh nhắc nhở:

- Ba bảo bối của Tây Viễn vương, các em phải thuộc nằm lòng.
- Dạ!

Dã Tượng cho Long thành ngũ phụng đi trên một xe song mã. Dọc đường ra Bắc biên, cứ hai chục dặm sứ đoàn lại nghỉ. Vương phi lại huấn luyện các nàng những phương cách bắt anh hùng như bắt thỏ non, mà Tây Viễn vương dạy.

Mỗi khi nghỉ, dân chúng tụm nhau chào đón. Ban Đông hoa lại có dịp ca hát, tấu nhạc. Năm cô dạy Dã Tượng hát. Dã Tượng từng là mục đồng, từng hát nghêu, thổi sáo, nên học rất mau. Nhạc khí Dã Tượng thích nhất là gõ trống mảnh. Bốn cô biết giữa Dã Tượng với Thanh Nga có tình ý, nên cứ để Thanh Nga dạy chàng. Tối đến, Tạ Quốc Ninh lại dạy văn, dạy tiếng Mông cổ cho Dã Tượng với năm cô.

Cả năm cô gái đều đẹp như hoa nở, đàn ngọt, hát hay. Dã Tượng đối xử với các cô hết sức lịch sự từ lời nói, đến cử chỉ. Nhưng chàng vẫn giữ cung cách là người anh. Còn Thanh Nga thì cứ nghĩ: dù có biến cố gì chẳng nữa chàng cũng là chồng mình.

Sứ đoàn đi tới vùng Siêu loại, thì thấy hơn mười người ngựa đang đứng chờ ven đường. Vương phi nhìn kỹ : Nhân huệ vương Trần Khánh Dư, Khai sơn hầu Chu Mạnh Nhu, Vũ kỵ thượng tướng quân Lý Tùng Bách, Tham tri bộ Lễ Chu Bác Lãm, Sài sơn song kiệt Lê Kim Sơn, Lê Ngân Sơn.

Vũ Uy vương, vương phi cùng xuống ngựa, hành lễ :

- Không biết các vị có điều gì cần dậy dỗ Duy này mà chờ ở đây ?

Tạ Quốc Ninh nói với vương :

- Sáu vị này với Ninh cùng có nỗi khổ tâm, ngày đêm khóc chảy máu mắt. Vì vậy họ đón đường vương gia, xin vương gia hứa cho một vài lời !

Vũ Uy vương còn đang bối ngỡ thì vương phi đã nói :

- Các vị yên tâm. Vụ Tô lịch thất tiên bị Mông cổ bắt đi, đến nay cũng không có chút tăm hơi nào. Có hai trường hợp xảy ra : một là họ bị Mông cổ giết chết rồi. Hai là họ bị Mông cổ đem về Trung nguyên. Trong chuyến đi này chúng tôi sẽ hỏi trực tiếp Ngột Lương Hợp Thai. Dù tình trạng xấu, hay tốt, chúng tôi cũng dùng chim ưng báo cho các vị biết.

Sau ba ngày đi trên con đường cái quan gập ghềnh, sứ đoàn tới Phủ Tổng trấn Bắc cương. Theo truyền thống của Hoa-Việt, khi một hoàng tử tới tuổi 12-13 thì được phong tước. Tước thường khởi từ Quận vương, Quốc vương, cuối cùng là Đại vương. Chức thì tùy theo tài năng, thường gồm cả chức văn lẫn võ. Duy triều Trần, các vương, hầu thuộc hoàng tộc không giữ chức vụ chúa triều đình. Mỗi vị cai trị đất phong của mình như một nước nhỏ. Thàng hoặc mới có người giữ chức vụ như Trần Thủ Độ lĩnh chức Thái sư, Hưng Đạo vương lĩnh chức Tiết Chế (*Tổng tư lệnh quân đội*). Hoàng tử Trần Nhật Duy vì có đại tài nên khi 13 tuổi đã được phong tước Vũ Uy vương, được trao cho trấn thủ Bắc cương. Chức tước của vương là : Thái tử thiếu bảo, Đồng bình chương sự (*Hàm Tế tướng*), Phụ quốc thượng tướng quân (*Cấp bậc cao nhất trong hàng võ quan*), tước Vũ Uy vương, Lĩnh chức vụ Tổng trấn Bắc cương. Tòa Tổng trấn Bắc cương cũng là phủ đệ Vũ Uy vương. Sứ đoàn nghỉ tại Tòa

Tổng trấn trong năm ngày, để vương sắp xếp mọi sự, ủy quyền cho văn võ quan trực thuộc trong những ngày vương đi sứ.

Biên giới Đại lý- Đại Việt hồi đó, lùi lên phía Bắc thuộc tỉnh Vân Nam ngày nay hơn 70 cây số. Phương sách của Mông cổ là khi đánh chiếm nước nào, họ cũng duy trì ngôi vua, hệ thống quan lại bù nhìn để thi hành luật pháp của họ. Vì vậy tuy Đại lý đầu hàng Mông cổ, nhưng Mông cổ vẫn duy trì ngôi vua cho Đoàn Hưng Trí với hệ thống quan lại, binh tướng.

Khi thấy sứ đoàn tới biên cảnh, viên quan trấn thủ Đại lý loan báo cho viên Bách phu trưởng Mông cổ đóng gần đó. Viên Bách phu trưởng này gốc người Hán, tên Võ Kim. Hồi Mông cổ sang đánh Đại Việt, y chỉ là chúu Thập phu trưởng. Vì viên Bách phu trưởng bị giết trong trận Phù Lỗ, y được đôn lên thay thế. Nhìn thấy sứ đoàn với cây cờ trên có hàng chữ: *Đại Việt Đông A Vũ Uy vương*,

Võ Kim đã từng thấy Vũ Uy vương trong trận Thảo lâm, y vái dài:

- Tiểu nhân tham kiến vương gia. Không biết vương gia giá lâm có việc gì?
- Võ tướng quân. Xin tướng quân báo với Thái sư Ngột Lương Hợp Thai, hoặc Phò mã Hoài Đô rằng tôi xin cầu kiến, để trao trả tù binh Mông cổ, Đại lý.
- Khải vương gia, Thái sư với Phò mã hiện đóng quân tại Côn minh. Tiểu nhân kính thỉnh vương gia tạm nghỉ nơi đây. Tiểu nhân sẽ sai người đi báo cho hai vị đại nhân.

Sứ đoàn được đóng bên bờ suối, nằm trong Bạc dịch trường Tây biên (chợ biên giới Hoa Việt). Bạc dịch trường này được thành lập vào thời vua Lý Thái tông bên Đại Việt. Đó là ba châu thuộc đất Việt, ba châu thuộc Đại lý, nay là vùng Văn dương bên Vân Nam (Trung quốc). Đây là nơi giao thương giữa Đại lý, Đại Việt. Đại lý hồi đó nói tiếng Thái, lẫn tiếng Việt.

Dã Tượng ban lệnh cho kị mã, lẫn người phục dịch:

- Các người được ra Bạc dịch trường mua sắm, nhưng phải mặc y phục Việt. Không được mặc quân phục. Không được nói tiếng Mông cổ, tiếng Hán, để giặc yên tâm không đề phòng. Yêu cầu của chúng ta là: tìm hiểu những điều bí ẩn của Mông cổ.

Chàng phát cho mỗi người một ống tre, giảng:

- Đây là pháo thăng thiên, lúc nào cũng phải mang theo bên mình. Khi gặp hung hiểm thì tay phải cầm thân ống tre, đầu có sơn đỏ hướng lên trời, rồi cầm sợi giây cuối ống tre giật mạnh, pháo sẽ vọt lên không ít ra là 3 trượng (6 m ngày nay) rồi nổ tung. Ứng binh sẽ bay tới, rồi báo cho tôi. Tôi sẽ tiếp cứu.

Hai ngày sau, vào buổi tối, Vũ Uy vương sai mở cũi thả 4 con Ngao cầu ra canh phòng khu đóng trại, lại thả 10 Thần ưng ra canh phòng trên trời, rồi họp mọi người trong ngôi lều của vương.

Tạ Quốc Ninh kiểm điểm lại nhân số, thì thiếu Thanh Nga. Hầu hỏi Thúy Trang:

- Con có thấy Thanh Nga đi đâu không?
- Hồi trưa năm đứa chúng con cùng ra Bạc dịch trường Tây biên... ăn quà. Aên xong, Thanh Nga bị đau bụng, xin về trước. Lúc chúng con trở về đến giờ không thấy Thanh Nga đâu.

Dã Tượng kinh hoàng, bảo Tá lĩnh chỉ huy đội Kỵ mã Long biên La An :

- Em sai tất cả 10 Ngao binh tìm khắp doanh trại một lượt xem.
- La An tuân lệnh rời lều. Hơn khắc sau y trở lại, lắc đầu:
- Ngao binh xục xạo khắp trại, không còn một người nào.
- Nhìn nét mặt kinh hoàng của bốn cô gái ban Đông hoa, Tạ Quốc Ninh an ủi:

– Các cháu đừng sợ hãi. Trước khi khởi hành ta từng dặn các cháu rằng dù gặp tình huống xấu đến đâu cũng phải bình tĩnh mới mong thoát khỏi. Tỷ như Thanh Nga có mệnh hệ nào, thì thực là một điều danh dự, khi tuổi 18 đã vị quốc vong thân, sẽ được phong thặng. Cha mẹ được triều đình phủ tuất, làng xóm kính trọng, hân hạnh biết bao!

Dã Tượng đặt vấn đề:

– Thanh Nga vắng mặt có thể xuất phát từ bốn nguyên do: một là đi lạc, hai là nhớ nhà trốn về, ba là bị quan quân Đại lý bắt giam, bốn là bị bắt cóc.

Chàng hướng Thúy Nga:

– Em kể cho anh nghe chi tiết về việc chị em ăn quà ra sao. Thanh Nga bị đau bụng từ trước hay sau khi ăn mới đau?

Thúy Nga mở to mắt, chớp chớp mấy cái, cau mày để nhớ lại rồi thuật:

– Em nhớ rõ lắm, sáng nay cả năm đứa cùng ra Bạc dịch trường ăn món ăn Việt. Cửa hàng do người Việt làm chủ. Chúng em cùng ăn bún ốc. Aên xong chúng em định kéo nhau đến khu bán y phục, thì Thanh Nga kêu đau bụng, rồi xin về trước. Như vậy là đau sau khi ăn.

Dã Tượng phất tay:

– Thưa chú, từ Bạc dịch trường về đây không quá hai dặm, đường lại thẳng, không thể có việc Thanh Nga đi lạc. Vậy thì phải xét xem Thanh Nga có nhớ nhà trốn về không?

Hồng Nga xua tay:

– Từ hôm rời Thăng long đến giờ, Thanh Nga vô cùng hồ hởi vì đang từ một cô gái ca hát, bỗng được lên đường làm việc quốc gia trọng đại, được hưởng danh dự của một Vệ úy. Nó nói với em rằng, biết đâu nó không thành anh hùng như công chúa Gia Hưng Trần Quốc thời vua Trưng. Hoặc như công chúa Kim Thành, Trường Ninh thời Lý.

Nàng mỉm cười:

– Và anh là người trúng cách tuyển phu của nó, thì dù dao kề cổ nó cũng không rời sứ đoàn đâu. Thế thì không thể có việc nó trốn rồi.

Dã Tượng tính toán:

– Thanh Nga có thể bài chứng nhận theo sứ đoàn thì quan quân Mông cổ, Đại lý muốn bắt nó thì nó phải phạm tội nặng như cướp của giết người. Tuy nhiên họ khi bắt rồi họ phải báo cho ta ngay. Vậy thì có thể nó bị bắt cóc. Vậy ai bắt nó? Bắt nó để làm gì?

Vũ Uy vương phân tích:

– Nếu Thanh Nga bị bắt cóc thì phải do một thế lực lớn chủ trương. Thế lực này muốn dùng Thanh Nga để mặc cả với chúng ta điều gì đây. Như vậy thì Thanh Nga không gặp hung hiểm đâu. Kẻ bắt cóc sẽ tự tìm đến ta.

Vương phi dùng lẵng không truyền ngữ rót vào tai vương, Tạ Quốc Ninh, với Dã Tượng:

– Tôi nói gì mặc tôi. Xin lỗi đi như không biết.

Rồi phi lên tiếng:

– Thôi bây giờ La An cho Ngao binh, Ứng binh canh phòng doanh trại thực cẩn thận. Ta đi ngủ, ngày mai ắt bọn bắt cóc sẽ tìm đến.

Cuộc họp giải tán.

Phi vẫy Tạ Quốc Ninh, với Dã Tượng về lều mình. Dã Tượng mỉm cười:

- Thím định dùng bốn cô bé Đông hoa còn lại để làm mồi nhử bọn bắt Thanh Nga phải không?
- Đúng vậy.

– Thế thì ngày mai cháu sẽ sai bọn nó ra ngoài, đưa thì mua trái cây, đưa thì mua bánh kẹo ... Trong khi đó cháu thả Ưng binh bay theo quan sát. Chỉ cần một đứa bị bắt cóc, Ưng binh sẽ theo dõi, rồi dẫn đường cho ta đến chỗ giam Thanh Nga.

Hôm sau, Dã Tượng, sai thả 10 Thần ưng bay lên trời tuần phòng, truy tìm tung tích Thanh Nga, rồi đến lều Đông hoa giữa lúc bốn cô đang tập hát. Thấy ông anh khổng lồ, nhưng dễ tính đến, bốn cô cùng ngừng hát. Thúy Nga hỏi:

- Này ông anh voi đồng quê! Có tin tức của Thanh Nga chưa?
- Chưa!

– Coi chừng bọn Mông cổ bắt Thanh Nga làm thịt, nướng chả ăn mất rồi cũng nên. Anh tha hồ khóc: Em ơi! Em ở đâu? *Em nỡ bỏ anh, anh tìm đâu ra người đẹp như em?*

Dã Tượng cười:

– Thanh Nga xinh đẹp như vậy, nếu Mông cổ bắt thì chúng sẽ đem nàng về Hoa lâm dâng cho Mông Ca. Nhất định Mông Ca sẽ phong làm hoàng hậu. Trường hợp này thì anh muốn khóc cũng không được.

Thúy Nga gật gật đầu:

– Nếu đúng như thế thì ta khỏi cần làm gì hết. Thanh Nga sẽ xui Mông Ca bỏ đánh Đại Việt, dồn quân đánh Tống. Nguyên Phong hoàng đế sẽ phong cho bố mẹ Thanh Nga tước hầu, tước bá không chừng. Nhưng anh bị mất cô vợ xinh đẹp, tối tối anh sẽ ôm mặt khóc.

Nàng cất tiếng hát theo điệu hát Xẩm:

*Em ơi chua ngọt đã từng,
Non xanh, đất đỏ xin đừng quên nhau.*

Dù là anh hùng từng xông vào đội quân Lôi kỵ của Mông cổ như chỗ không người, nhưng trước câu nói đùa của Thúy Nga, Dã Tượng cũng ngượng ngùng. Dã Tượng làm nghiêm:

– Thôi không đùa nữa! Thúy Nga ra Bạc dịch trường mua cho anh mấy quả chanh. Trưa nay đầu bếp cho chúng mình ăn nhộng rang, mà quên mua chanh. Nhộng có độc tố, ăn nhộng mà không có chanh thì đau bụng.

Thúy Nga rùng mình:

– Em không đi đâu! Lỡ em đi rồi bị bắt cóc như Thanh Nga thì sao? Rồi Mông cổ cắt thịt em nướng chả thì sao?

Từ hôm lên đường Dã Tượng thấy Thúy Nga là cô gái yêu đời, lúc nào cũng đùa. Chàng trêu ngược lại:

– Thì anh đến trại Mông cổ nói với chúng: này thịt Thúy Nga vừa thơm vừa bổ, cho tôi xin vài miếng về nấu canh.

– Ừ anh cứ ăn thịt em đi. Ở trong bụng anh, em sẽ cấu, cắn, đập cho đứt ruột ra cho mà coi.

Tuy miệng nói vậy, nhưng Thúy Nga cũng dửng dưng ngửa tay hỏi:

– Anh cho em tiền chứ? Tiền mua chanh thêm tiền ăn quà.

Dã Tượng trao tiền cho Thúy Nga, lại đưa cho một ống tre, rồi dặn:

– Em mang pháo thăng thiên theo. Lỡ có sự thì báo cho anh biết. Con gái Trưng vương gì mà Thanh Nga mới mất tích, không rõ sự tình ra sao mà đã sợ.

Nghe Dã Tượng nhắc đến chữ con gái Trưng vương, Thúy Nga cảm thấy mình có một sức mạnh trong tâm bùng bùng dâng lên. Nàng mỉm cười rồi ra khỏi trại. La An sai một Thần ưng bay theo Thúy Nga phòng vệ.

Nhưng trái với dự đoán, hơn khắc sau Thúy Nga trở về. Vô sự. Dã Tượng định trình với vương phi, thì một cặp chim ưng từ phương Bắc bay về, cả hai kêu lên hai tiếng. Đó là ký hiệu báo có thư. La An gọi cặp chim ưng xuống, trong ống đựng thư cả hai con không có thư mà chỉ thấy cái châm bằng vàng. Chàng lấy châm trao cho Dã Tượng:

– Anh coi không có thư mà chỉ có vật này.

Dã Tượng tần ngần nhìn cái châm rồi hỏi bốn cô em:

– Các em xem, liệu cái châm này có phải của Thanh Nga không?

Hồng Nga reo:

– Đúng rồi. Cây châm này của Thanh Nga đây.

– Như vậy thì chim ưng đã tìm ra Thanh Nga. Thanh Nga gọi nó xuống, gửi châm về báo cho ta.

– Được rồi, các em về lều, để ta trình với chú thím.

Chàng cầm cây châm đến lều Vũ Uy vương. Vương phi tiếp cây châm, mỉm cười:

– Thím tưởng con bé Thanh Nga chỉ đẹp thôi, không ngờ nó thông minh quá, biết gửi châm về báo cho bọn ta. Bây giờ chờ trời tối, ta theo chim ưng dẫn đường đi tìm nơi giam giữ Thanh Nga.

Trời chập choạng tối, vương hạ lệnh cho Dã Tượng:

– Con ở nhà giữ trại, để chú thím với thầy Quốc Ninh, đi cứu Thanh Nga. Ngoài cặp ưng dẫn đường, con cho một đôi Thần ngao theo chú thím.

Hôm đó là ngày 16, trăng sáng vắng vặc, bốn người nai nịt, lưng dắt bảo kiếm theo cặp ưng dẫn đường, lại xua hai con Thần ngao đi trước. Thần ưng dẫn đường bằng qua khu đồng hoang về hướng Bắc. Khoảng năm dặm thì tới con sông nhỏ. Vương tần ngần không biết con sông nông sâu ra sao. Vương phi chỉ vào bụi chuối:

– Ta dùng thân chuối vượt sông được rồi.

Phi vung kiếm lên, hai cây chuối đổ xuống. Vương cắt mấy cành cây, kết bốn khúc chuối thành cái bè con, đẩy bè ra giữa sông. Phi ôm một con Thần ngao, tung mình đáp xuống bè, rồi vọt mình lên, phi đã sang bên kia sông. Vương cũng ôm một Thần ngao rồi làm theo phi. Khinh công Quốc Ninh, không cao, hai người vọt mình xuống bè, cái bè nghiêng ngửa, suýt nữa cả hai ngã. Cố gắng giữ thăng bằng, hai người vọt mình một lần thứ nhì mới lên được bờ.

Thần ưng dẫn đường tới một trang trại khá lớn, tuy nhiên hàng rào không mấy cao. Hai Thần ngao theo một lỗ nhỏ chui vào trong. Lát sau cả hai chui ra vẩy đuôi, đó là ký hiệu bên trong không có ai. Bốn người tung mình vượt rào, vừa đáp xuống, một cảnh tượng làm cả bốn choáng váng: thì ra đó là một khu đóng quân của Mông cổ với hàng trăm chiến mã cột thành mười hàng. Quốc Ninh quan sát một lượt rồi nói nhỏ:

– Đây không phải là nơi đóng binh, mà là một trang trại của phú gia, Mông cổ cướp làm nơi ở cho một quan chức lớn. Khu nhà lớn kia kiến trúc theo lối Đại lý: ba gian theo hình tam giác. Các gian có

hàng hiên thông với nhau. Viên quan này được một bách phu (đơn vị Mông cổ gồm 100 quân) hộ tống. Ta cần khống chế tên binh canh gác.

Vương phi huyết sáo, hai Thần ngao vẩy đuôi dẫn đường. Không xa, tới cổng; một tên lính Mông cổ lưng đeo cung, sườn đeo hai ống đựng tên, tay cầm đao đang đi đi, lại lại. Vương xẹt tới như tên bắn, tên lính vừa thấy có bóng người, y định quát hỏi, thì đã bị điểm huyết Á môn, giữa lúc y há miệng. Miệng y cứng đờ không mở ra được. Vương lại điểm huyết Đại trùy. Đại trùy là huyết tổng hội các kinh dương trên cơ thể, người y tê liệt hoàn toàn. Thấy góc vườn có ngôi nhà nhỏ, dường như là nơi chứa củi hay dụng cụ làm vườn. Vương nhắc bổng tên lính đem vào đó. Vương phi rút kiếm kề vào cổ y. Tạ Quốc Ninh nói tiếng Mông cổ:

– Mi biết điều thì không được lên tiếng, ta sẽ giải huyết cho, bằng không thanh kiếm này sẽ cắt đầu mi.

Vương giải huyết Á môn cho y. Tạ Quốc Ninh hỏi:

- Mi thuộc binh đoàn nào? Tên là gì?
- Tôi tên là A Qua thuộc đội Thị vệ của Đại hãn, tôi theo hộ tống A Lan Đáp Nhi, Lưu Thái Bình và Ngột A Đa. Ngột A Đa còn có tên là Thoát Nhân.
- A Lan Đáp Nhi lĩnh chức gì?
- Là Tả Thừa tướng hành Trung thư tỉnh.
- Còn Lưu Thái Bình, Ngột A Đa?
- Đều là Tham tri chính sự. Nhưng Lưu Thái Bình không có mặt trong trại này.
- Hai người này tới đây với mục đích gì?
- Điều tra tội trạng của Thân vương Hốt Tất Liệt.
- Tại sao Hốt Tất Liệt là em của Đại hãn Mông Ca, được Mông Ca trao cho thống lĩnh đại quân đánh Tống, mà lại bị điều tra?
- Tôi không biết.
- Mi có biết ai trong đoàn đã bắt một cô gái ở chợ hôm qua không?
- Tôi không thấy, không biết.

Vương điểm huyết Á môn A Qua khiến y không kêu cứu được, lại điểm huyết Nhĩ môn cho y không nghe được. Vũ Uy vương chỉ vào ngôi nhà lớn có ánh đèn chiếu ra:

– Người bắt Thanh Nga ắt phải là một đại cao thủ võ lâm. Bây giờ chúng ta đột nhập vào đó, khống chế mấy tên đầu sỏ thì biết chúng giam Thanh Nga ở đâu. Tạ hầu thám thính gian phải, em thám thính gian trái, anh thám thính gian sau sau.

Vương xách A Qua trở lại, để y dựa vào cánh cổng, người ngoài nhìn tưởng y đứng canh. Bốn người tung mình tới khu nhà chính. Vương phi, tới gian trái, bên trong ánh sáng chiếu ra, có tiếng người nói, rõ ràng là tiếng Việt. Vương dùng tay chấm nước bọt, sẽ chọc thủng giấy dán ở cửa sổ, ghé mắt nhìn vào. Cảnh tượng làm hai người kinh ngạc: bên trong có ba người đàn ông, một người đàn bà ngồi trước bàn tiệc. Người đàn bà ngồi quay lưng lại. Trong ba người đàn ông thì một người trang phục theo đại quan Mông cổ, một người trang phục như quý phái Tống, và một người trang phục như nông dân Việt.

Người trang phục như nông dân Việt còn rất trẻ, ngồi đối diện với người đàn bà. Thân thể y hùng vĩ, nhưng da mặt sạm đen đang dùng tiếng Việt nói với quý nhân Tống, rồi y lại dùng tiếng Mông cổ

nói truyện với đại quan. Vương phi tuy có học tiếng Mông cổ, nhưng cứ mười tiếng, phi chỉ hiểu được ba tiếng.

Người trang phục nông dân nói với quý nhân Tống:

– Nếu đúng như thế, thì Đại hãn sẽ phong cho Thái tử làm An Nam Quốc Vương. Ông sẽ được phong làm Tể tướng.

– Nhưng Ngột Lương Hợp Thai mới bị bại, biết bao giờ binh Thiên triều lại nhập Việt?

– Ngột Lương Hợp Thai là chân tay của Hốt Tất Liệt. Mà Hốt Tất Liệt sắp bị thu binh quyền rồi. Ông không nên theo chúng nữa.

– Vâng! Tiểu nhân hiểu.

– Vừa rồi Thái tử có gửi gần năm nghìn người trợ chiến với Ngột Lương Hợp Thai. Khi vào Thăng long, trong khi đại binh Mông cổ phải chiến đấu, thì quân của Thái tử chuyên lo bắt gái đẹp. Nghe nói quân của Thái tử bắt được bảy cô gái sắc nước hương trời. Nay Thái tử giữ họ ở đâu?

– Bảy người đó do Ngột Lương Hợp Thai bắt, rồi gửi Thái tử đem về Văn sơn trước. Vì vậy khi Mông cổ bị bại, bảy người đó không bị Đại Việt bắt lại. Hôm qua người của Ngột Lương Hợp Thai đã đem bảy cô gái đi, nghe nói đưa về Côn minh. Ngột Lương Hợp Thai định dùng bảy cô gái ấy dâng cho Hốt Tất Liệt để xin tha tội bại binh.

Qua câu truyện, phi hiểu lời mờ rằng:

"Quý nhân trang phục Tống có gốc Việt. Y là bộ hạ của một người nào đó tự xưng Thái tử. Cái người đó từng mang năm nghìn quân trợ giúp Mông cổ. Y cầu xin Mông cổ phong cho chức An Nam Quốc Vương. Vừa rồi quân Mông cổ vào Thăng long, mãi chiến đấu thì đám quân này lo đi bắt gái. Chính Ngột Lương Hợp Thai cũng bắt 7 cô gái đẹp, giữ ở Văn sơn. Hiện Ngột Lương Hợp Thai đang đem 7 cô gái về Côn minh, cố gắng cho Hốt Tất Liệt mong được tha tội bại binh ở Đại Việt".

Phi chợt nhớ lại chỉ dụ của phụ hoàng: Tống đã chứa chấp bọn vong mạng, bọn trộm cướp bị triều đình truy lùng. Họ cấp đất cho chúng. Chúng lập thành châu động rồi xưng là hậu duệ của vua Lý. Trong tất cả bọn này thì bọn con cháu Thân Lợi mạo xưng con vua Lý Nhân Tông mạnh nhất. Chúng cát cứ Văn sơn, Khâu Bắc. Hiện tên Lý Long Vân đang là lãnh chúa hai châu này. Đây chắc là tên Tể tướng của Long Vân đây.

Phi biết bảy cô gái này là Tô lịch thất tiên, mà Hoàng Hoa là vợ của Tà Quốc Ninh. Suốt hơn năm qua, cả bảy ông chồng ra công tìm kiếm, bây giờ đã thấy tông tích: Tô lịch thất tiên vẫn còn sống, do Ngột Lương Hợp Thai giam giữ.

Người nông dân Việt ngừng lại nói với người đàn bà bằng tiếng Việt:

– Cô bé ơi! Liệu Vũ Uy vương nhận được châm của cô, vương có đi cứu cô không?

– Nhất định vương sẽ đi tìm em. Vương là anh của em mà, vương yêu thương năm đứa em lắm. Không chừng giờ này vương đến rồi cũng nên.

Tiếng người đàn bà nói làm phi rung động tâm tư, thì ra người đàn bà đó là Thanh Nga. Phi tự hỏi: rõ ràng Thanh Nga bị bắt cóc, mà sao lại được ngồi dự tiệc với bọn quý phái Mông cổ? Tại sao cái người trang phục như nông dân Việt lại ngồi ngang với tên quan Mông cổ?

Người trang phục Việt lại nói:

– Trong khi chờ vương đến, em hát cho anh nghe một bài nữa đi.

– Không! Ban này nể anh lắm em đã hát một bài cho anh nghe. Đợi bao giờ vương đến, em xin phép vương rồi em sẽ hát nữa. Em sẽ rú cả năm đứa cùng hát, bấy giờ anh muốn nghe bao nhiêu bài cũng được; chứ hát bây giờ mà không có nhạc đệm thì sao lọt được tinh hoa của nhạc Việt.

– Thôi! Em ngoan một tý đi. Hát cho anh nghe đi.

Thanh Nga đổi:

– Anh bắt em đến đây thế này là không tử tế rồi, em không hát nữa.

– Thôi mà! Anh mời em đến đây là vì quốc sự, chứ đúng ra anh phải đến cửa nhà em chấp tay: *tôi là gã con trai thô lỗ, nhưng yêu thương em, tôi đến để cầu hôn.*

– Em cũng không hát. Nói cho mà biết, em từng đi hát chầu văn cô Bơ, cô Đệ Tứ Khâm sai về đồng. Em là con cháu Trưng vương. Em cứng đầu lắm. Muốn gì thì chiều em, chứ bắt buộc thì không được đâu. Con gái Việt chứ không phải con gái Mông cổ hay Tống đâu.

– Cô Bơ là ai vậy? Cô Đệ Tứ Khâm sai là ai? Liệu cô có đẹp bằng em không?

– Đẹp gấp vạn lần. Cô Bơ là tiếng nói trại của tiếng cô Ba. Cô là một nữ đại công thần thời vua Trưng, đệ tử thứ ba của anh hùng Đào Thế Kiệt. Khuê danh Hoàng Thiều Hoa. Cô từng chỉ huy nghĩa quân đánh chiếm Luy lâu. Cô từng chỉ huy liên quân Việt-Thục đánh trận Trường an. Còn cô Đệ Tứ Khâm sai khuê danh Phùng Vĩnh Hoa, cô lĩnh chức Tư đồ triều Lĩnh Nam. Cô là một bác học thời bấy giờ. Cô từng trấn Tượng quận, đánh nhau với quân Hán những trận kinh thiên động địa.

– Nếu em không hát cho anh nghe, thì anh sẽ đem em về Mông cổ, rồi bắt em làm vợ. Bao giờ chúng mình có 10 con anh mới cho em về thăm nhà.

– Như vậy anh là đạo tặc rồi. Em thà tự tử chết chứ không làm vợ đạo tặc đâu! Nói cho anh biết. Hồi còn ở trong nước, em treo bảng tuyển phu. Một anh hùng Đại Việt đã trúng cách. Như vậy em là gái có chồng.

– Em đẹp thế này, thì dù làm đạo tặc mà được em anh cũng cứ làm. Em có chồng thì kẻ có chồng. Em đang ở cạnh anh, anh không chịu để em vượt mất đâu.

Có tiếng nói thanh thoát:

– Không nên! Không thể làm như vậy!

Vương phi Ý Ninh đã đánh tung cánh cửa, đứng giữa nhà. Thanh Nga thấy vương phi thì chạy lại núp sau:

– Chị ơi! Anh này bắt cóc em đấy! Nhưng anh ấy tử tế với em. Chị đừng chặt đầu anh ấy.

Vũ Uy vương với Tạ Quốc Ninh cũng đã tới. Hầu nói tiếng Mông cổ:

– Tạ Quốc Ninh, tước Vũ sơn hầu nước Đại Việt xin tham kiến Tả Thừa tướng hành Thượng thư tỉnh và Tham tri chính sự Mông cổ.

Tạ Quốc Ninh nói bằng tiếng Mông cổ, hầu chỉ vào Vũ Uy vương:

– Vị này là trưởng tử của Đại Việt hoàng đế, tước Vũ Uy vương. Chúng tôi đang trên đường đi sứ Mông cổ. Vị này là Vũ Uy vương phi.

Ông chỉ vào người y phục Việt nói với Vũ Uy vương phi:

– Vị này là Ngột A Đa, lĩnh Tham tri chính sự.

Lại chỉ vào quý nhân Mông cổ:

– Vị này là A Lan Đáp Nhi, Tả Thừa tướng hành Thượng thư tỉnh Mông cổ.

A Lan Đáp Nhi, cùng Ngột A Đa chấp tay hành lễ:

– Vì sợ tai mắt của Hốt Tất Liệt, chúng tôi bày kế mời cô nương Thanh Nga đến đây, với hy vọng được bái kiến vương gia. Quả nhiên vương gia giá lâm thực. Xin mời quý vị an tọa.

Người đàn ông trang phục quý phái Tống đứng lên cáo lui.

Ba người thản nhiên ngồi xuống. A Lan Đáp Nhi chỉ Ngột A Đa:

– Thì ra các bậc tài trí trong thiên hạ thường hiểu nhau. Chúng tôi từ Hoa lâm tới đây do chiếu mệnh của Đại hãn. Mọi việc tốt đẹp, duy một điều cực khó là chúng tôi muốn liên lạc với triều đình Đại Việt thì không được, bởi muốn tới Thăng long thì phía trước có quân của Ngột Lương Hợp Thai. Hôm trước nghe có sứ đoàn Đại Việt sang, nghĩa đệ Ngột A Đa nói rằng triều đình Đại Việt toàn những người tài trí nhất thiên hạ, thì người đi sứ không thể ngu dân được. Ta cứ bắt cóc một người của sứ đoàn, giữ vài ngày rồi thả về, kèm theo một mật thư, hẹn gặp nhau. Không ngờ vừa bị bắt, chúng tôi nói rõ ý định với cô nương Thanh Nga. Cô có con mắt tinh đời, nên hiểu chúng tôi không có dối trá. Cô gọi chim ưng xuống rồi gửi chằm về làm tin. Quả nhiên vương gia tới.

Vương phi hỏi:

– Đa tạ Thừa tướng quá khen. Không biết Thừa tướng muốn gặp chúng tôi có việc gì?

– Đó là điều cực quan trọng giữa Mông cổ với Đại Việt. Nhưng liệu vương gia có toàn quyền thương thảo với chúng tôi không?

Tạ Quốc Ninh xác nhận:

– Vương gia đây là trưởng tử của Nguyên Phong hoàng đế. Trước khi đi sứ hoàng thượng ban cho vương gia thay người, được toàn quyền quyết định trong việc bang giao Mông Việt.

Trong khi Quốc Ninh nói, Vũ Uy vương chợt nhớ một truyện: khi vương vừa sang sông Hồng, thì Tây Viễn vương Trần Tử An phi ngựa theo dặn rằng: vương có người con tên Ngột A Đa, hiện lĩnh Tham tri chính sự triều Mông cổ. Khi sang tới nơi phải bí mật liên lạc với người này, để được giúp đỡ. Vương lại trao cho con dao làm tin. Bây giờ Ngột A Đa đang có mặt tại đây, vương phải làm cách nào cho y hiểu rằng vương là người có thể tin cậy.

Vương nói với A Đa:

– Thừa ngài Tham tri, tôi không biết nói tiếng Mông. Vậy ngài Thừa tướng có hiểu tiếng Việt không?

– Không. Có lẽ khi vương gia nói phải nhờ Tạ hầu dịch.

Vương nói với A Lan Đáp Nhi:

– Thừa ngài, phụ hoàng sai chúng tôi đi sứ với ba nhiệm vụ. Một là cử tôi sang Hoa lâm làm con tin, vì tôi là con trai trưởng của người.

– Hoàng đế Nguyên Phong thực là người thức thời. Còn nhiệm vụ thứ nhì?

– Thứ nhì là sai chúng tôi sang để giúp Mông cổ như các vị tiền bối Lý Long Phi, Trần Thủ Huy, Lý Đoan Nghi, Trần Thủ Độ, Trần Tử An.

Nói đến đây vương dùng chân trái, sẽ khều chân phải Ngột A Đa. A Đa dùng chân phải khều lại chân trái vương. Thế là hai người nhận được tín hiệu của nhau.

A Lan Đáp Nhi reo lên:

– Tuyệt vời. Tôi nghe nói võ công cao như Ngột Lương Hợp Thai, A Truật, Hoài Đô đều bại dưới tay vương gia và vương phi. Vương gia lại là người mưu trí trù mìn hoàn vũ, như vậy chúa tôi ắt sẽ phong vương gia làm đại tướng đánh Tống. Thế còn nhiệm vụ thứ ba?

– Trong cuộc chiến vừa qua, Đại Việt bắt được hơn vạn tù binh vừa Mông cổ, vừa Đại lý. Chúng tôi đem lên trao đổi lấy người nhà những người thuộc võ lâm Trung nguyên hàng Đại Việt.

A Lan Đáp Nhi lắc đầu:

– Nhiệm vụ thứ ba của vương gia không liên quan gì đến chúng tôi. Những tướng sĩ mà Đại Việt bắt đều là người của bọn Hốt Tất Liệt. Khi vương gia hội họp với bọn Ngột Lương Hợp Thai, xin đừng cho chúng biết đã gặp anh em tôi.

Y quay lại hỏi Ngột A Đa :

– Hiền đệ ! Chúng ta bắt đầu được không ?

A Đa dùng chân móc chân Vũ Uy vương :

– Bây giờ trời về khuya rồi, vương gia phải đi về bằng không sứ đoàn tướng vương gia gặp sự cố, lại tìm bọn Đại lý hay người của Ngột Lương Hợp Thai thì vỡ lở hết. Trưa mai, chúng ta hẹn vương gia tại đây để tiếp tục nghị sự.

Vương phi chỉ Thanh Nga:

– Không biết tôi có thể mang Thanh Nga đi không?

A Lan Đáp Nhi mỉm cười:

– Vương phi mang Thanh Nga về, đối với tôi thì không có gì phiền hà cả. Chỉ duy Ngột A Đa thì hơi buồn mà thôi.

A Lan Đáp Nhi đứng lên tiễn khách. Chợt nhớ đến ba bảo bối của Tây Viễn vương, ra tới sân Thanh Nga nhìn Ngột A Đa, nàng mỉm cười:

– Hôm nay tạm biệt. Mông cổ, Đại Việt đường xa diệu vợi biết ngày nào gặp nhau? Vậy em tặng anh một chút gì để tưởng, để nhớ.

Nàng tháo chiếc khăn lụa trên cổ, lấy son tô môi, rồi in hai môi lên chiếc khăn:

– Chiếc khăn này mang dấu hai môi em...

Nàng cất tiếng hát:

*Của riêng một chút làm tin,
Trăm năm em đợi, chữ tình anh mang.
Xa nhau thương nhớ đoạn trường,
Nước non vạn dặm, đò ngang em chờ.
Em chờ, ngày nhớ đêm mơ...*

Ngột A Đa tiếp khăn, người bàng hoàng như say rượu. Trong khoảnh khắc, viên phó Tể tướng Mông cổ như đi trong mơ, liếc nhìn Thanh Nga, tự hỏi:

– Phải chăng mình đang nằm mơ?

Trong khi Thanh Nga ném cho y nụ cười, ánh mắt liếc nghiêng:

– Thôi nhé, như vậy đủ rồi! Đừng bắt cóc em nữa nghe?

Ngột A Đa thở dài:

– Bây giờ thì chính em bắt anh, bắt công khai, chứ không phải bắt cóc. Ngày mai mình sẽ gặp nhau, em thả hồn anh ra nghe.

– Không thả! Giữ luôn.

– Em giữ để làm gì?

– Để làm gì thì mai em sẽ nói.

Khi ra tới cổng, vương phi sẽ vỗ vai A Qua, huyết được giải, y ngõ ngàng nhìn mọi người.

Bốn người về đến trại thì đã sang canh ba (nửa đêm). Cả trại vẫn còn thức, đang chờ. Thấy Thanh Nga bình yên trở về, bốn cô gái mừng chi siết kể, người người hỏi thăm sự tình. Vương phi vẫy tay ra hiệu:

– Khoan! Không nên nhiều lời, đợi vào trong lều rồi sẽ hỏi.

Mọi người tề tựu. Tạ hầu bảo Thanh Nga:

– Con hãy thuật chi tiết những gì đã xảy ra từ qua đến giờ, đừng bỏ một chi tiết nào. Như vậy thầy mới hiểu rõ mọi sự.

Thanh Nga chớp chớp mắt rồi thuật.

Sau khi ăn hết hai bát bún ốc, Thanh Nga cảm thấy bụng sôi lọc ọc, rồi quặn đau, nàng nói với chị em:

– Oái, em đau bụng quá, em trở về trại trước nhá!

Nói rồi nàng trở gót, khi qua khúc quẹo, có một thanh niên cao lớn, tuổi trung niên, tay cầm cái túi vải, mặc quần áo nâu như nông dân Việt đi ngược chiều hỏi:

– Cô ơi, cô cho tôi hỏi thăm tí nào!

Tha hương gặp người Việt, Thanh Nga không e ngại, nàng dừng bước:

– Anh hỏi thăm việc gì?

Thanh niên xẹt tới chìa ngón tay điểm một chỉ, người nàng cứng đờ. Nàng định hét lên, y lại điểm một chỉ nữa, nàng không mở miệng ra được. Y tung cái túi vải lên, nàng bị chụp vào trong. Thanh niên vác cái túi vải lên vai, rồi phi thân chạy. Khoảng nửa giờ sau thì nàng được thả ra khỏi cái túi vải. Mở mắt nhìn quanh, thấy mình đang ở trong một căn phòng cực lớn, trang trí hoa lệ. Thanh niên chìa ngón tay điểm một cái, chân tay Thanh Nga cử động được, nàng nghĩ rất nhanh:

– Gã này võ công tuyệt cao. Y bắt mình thì y không tử tế gì, mình có chửi bới, la hét cũng vô ích. Nhất định y phải lòng mình y mới làm việc này. Dù gì chẳng nữa y cũng là người yêu mình. Phải bình tĩnh. Phải thi hành ba bảo bối của Tây Viễn vương.

Gã thanh niên mỉm cười hỏi bằng tiếng Việt, giọng lơ lớ:

– Cô nương có biết tôi là ai không?

– ?!?!?!?

– Tôi tên là Ngột A Đa, hiện là đại quan Mông cổ.

– Tôi thấy võ công anh không tầm thường, lại là quan chức Mông cổ, tại sao anh lại bắt cóc tôi! Như vậy anh là đạo tặc rồi còn gì nữa!

– Tôi không bắt cóc cô, mà vì quốc gia đại sự tôi mời cô về đây.

Thanh Nga chưng hửng, vì nàng những tưởng y bắt nàng về đây vì nhan sắc của nàng. Nàng thắc mắc:

– Thì ra điểm huyết, lấy túi chụp người ta là cung cách mời của Mông cổ đấy.

– Xin lỗi cô, tôi đã mời cô bằng cách này. Thôi để tôi nói rõ chủ ý của tôi cho cô nghe. Tôi hiện lĩnh Tham tri chính sự tại triều Mông cổ. Cô có biết Tham tri chính sự là chức gì không?

– Aáy à, ngài là Phó Tế tướng, xin lỗi tôi đã nặng lời. Tôi hỏi ngài...

– Cô đang gọi tôi là anh sao lại đổi anh thành ngài mau như vậy? Cái tiếng ngài nghe chẳng thân mật chút nào.

Những lời của Tây Viễn vương lại vắng vắng bên tai, Thanh Ngoan nhủ thầm: Mình cần biến gã Mông cổ này thành con nai, dễ sai khiến, hơn là khẳng khái coi y như cừu thù.

– Thôi được rồi, em lại gọi ngài là anh. Nay anh, tại sao anh lại nói tiếng Việt lưu loát như vậy?

– Tại sao lại có người Việt nói tiếng Hán, tiếng Mông lưu loát?

– Vậy anh mời em để làm gì?

– Tôi từ Hoa lâm tới đây muốn liên lạc với Vũ Uy vương, nhưng không tiện xuất hiện, vì sợ bọn Đại lý, bọn Ngột Lương Hợp Thai biết, nên phải mời cô. Thấy cô mất tích, Vũ Uy vương sẽ suất lĩnh thủ hạ đi tìm cô. Thế là tôi được gặp người của vương.

– À thì ra thế. Anh đã biết gì về Vũ Uy vương chưa? Tôi thấy võ công anh cũng cao đấy, nhưng so với vương thì thua xa. Anh bắt tôi thế này, vương biết thì vương sẽ đánh cho anh một trận đấy.

– Tôi giam cô vào trong túi, mồ hôi cô toát ra nhiều quá. Mời cô đi tắm, thay y phục đã, rồi hãy nói chuyện.

Ngột A Đa sai thị nữ dẫn nàng đi tắm, lấy y phục Đại lý cho nàng thay. Bữa cơm chiều hôm đó y ngồi ăn với nàng. Bữa ăn khá thịnh soạn. Y hỏi thăm nàng về chiến cuộc Mông cổ.

Nàng nghĩ thầm:

– Y là phó Tể tướng thì tình hình hai bên y phải biết rõ. Ta chẳng nên dấu.

Nghĩ vậy nàng cứ sự thực thuật lại.

Ăn xong, Thanh Nga đi dạo một mình trong hoa viên, hy vọng Thần ưng đi tìm nàng bay qua, nàng sẽ gọi chúng xuống, gửi tín vật về báo cho La An. Nhưng trời đã chấp choạng tối, thấy chim ưng bay qua, tuy nàng vẫy gọi, mà nó không nhìn thấy. Nàng lo nghĩ:

– Mông cổ là bọn quý sứ, tên Ngột A Đa tuy tử tế, nhưng còn hằng trăm tên khác. Liệu đêm nay chúng có để cho ta yên không? Ta quyết định: ta đã dành tất cả cho Dã Tượng, nếu chúng làm nhục, ta sẽ tự tử để bảo toàn danh tiết với chàng.

Bất giác nàng cất tiếng hát:

Giang sơn một gánh, đôi vai,

Nhục nhằn xá kẻ, đêm dài tủi thân.

– Chà em hát hay thực. Em hát cho anh nghe một bài nữa được không?

Thấy A Đa đổi cách xưng hô, từ cô tôi sang anh em. Nàng nhủ thầm: Nai mắc lưới rồi. Nhưng gã Mông cổ ới! Bản cô nương là cháu vua Trưng, là con bà Triệu, không dễ gì mi thành công đâu:

– Dĩ nhiên là được. Nhưng anh phải hứa giúp em một việc.

– Việc gì?

– Thân gái giữa chốn hang hùm, liệu bọn binh lính của anh có để cho em yên đêm nay không?

– Ở đây, đại ca A Lan Đáp Nhi tuy đứng đầu nhưng người không phải là phường dâm dăng. Anh là người quyền hành đứng thứ nhì. Anh hứa với em rằng không có gì xảy ra, bất cứ đứa nào hỗn với em, anh chặt đầu nó ngay.

– Em tin lời anh. Để em hát cho anh nghe.

Nàng cất tiếng hát một bài châu văn, vừa hát nàng vừa nháy, múa. Ngột A Đa ngáy người ra nghe. Bài hát hết, y hỏi:

– Điệu hát vừa rồi là điệu gì vậy?

– Đó là hát châu văn.

– À anh có nghe nói, nhưng bài hát là bài tụng vị thánh nào thế?

– Cô Đệ Tứ Khâm sai.

Thế rồi đêm đó qua thực êm ả. Sáng hôm sau nàng ra sân ngắm chim ưng. Quả nhiên chim ưng tìm được nàng. Nàng gọi nó xuống, lấy cây châm bỏ vào ống thơ, rồi tung nó lên trời. Chim vừa bay lên trời thì có tiếng Ngột A Đa khen:

– Em gửi châm như vậy, liệu Vũ Uy vương có tin không?

Bị khám phá bí mật, Thanh Nga xấu hổ:

– Em không chắc cho lắm.

– Nhất định tối mai Vũ Uy vương sẽ theo chim ưng dẫn đường tới đây.

Trọn ngày hôm sau Ngột A Đa luôn ở cạnh Thanh Nga. Y dạy nàng cỡi ngựa. Nàng tập nói tiếng Mông cổ với y. Thấy y say mê nghe hát, nàng hát cho y nghe các điệu Quan họ, Ả Đào, Trống quân, Xẩm, Lý. Nàng nghĩ thầm:

– Tại sao trong hàng ngũ Mông cổ lại có người tử tế như Ngột A Đa! Rõ ràng y say mình, dùng hết cái nhu nhĩ để chinh phục mình. Y không phải là phường tham dâm hiểu sắc. Bằng không, thì tấm hồng nhan của mình đã hoen ố, tan nát.

Tuy trong tâm nàng đã có Dĩ Tượng, song trước cung cách của y nàng cũng cảm. Nhưng lời vương phi Ý Ninh lại văng bên tai: phải cứng bóng vía, bằng không thì sẽ bị biến thành món đồ chơi của bọn tham dâm.

Sau khi thuật nàng nhìn Tạ Quốc Ninh:

– Thầy có tin mừng! Mừng lắm lắm!

– Mừng gì? Mừng con sắp làm phu nhân của Tham tri chính sự Mông cổ ấy à?

– Không, của riêng thầy. Con hát cho thầy nghe này:

" Nhớ ai dạ những bồi hồi,

Như đứng đồng lúa, như ngồi đồng rơm.

Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,

Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai"

Tạ hầu hỏi:

– Con nói gì thầy không hiểu.

– Lúc thầy rình ở khu bên trái, thì khu bên phải này Ngột A Đa nói truyện với cái ông mặc y phục Tống. Ông ta là người Việt. Ông thuộc trang động nào đó, mà động chủ đang muốn được Mông cổ phong cho làm An Nam Quốc vương. Còn ông ta, ông ta muốn làm Tể tướng. Trong câu truyện ông ta tiết lộ rằng Ngột Lương Hợp Thai bắt Tô lịch thất tiên gửi giam trong động của ông ta. Hiện Ngột Lương Hợp Thai đang sai người đem cống cho Hốt Tất Liệt để chạy tội bại binh ở Đại Việt.

Nghe Thanh Nga nói, chân tay Tạ Quốc Ninh run lẩy bẩy. Hầu chấp tay vái lên trời:

– Đa tạ Trời, Phật, nàng vẫn còn tại thế.

Qua cơn xúc động, Tạ Quốc Ninh hỏi Thanh Nga:

– Tại sao khi về, con lấy môi in lên chiếc khăn, rồi tặng cho Ngột A Đa?

Thanh Nga cười hóm hỉnh:

– Ngay lúc đầu gặp hần, nhìn con mắt của hần, con biết hần say con rồi. Vì vậy con tỏ cử chỉ thân thiện, đốt lên ngọn lửa trong lòng hần để hần nhớ cái kỷ niệm bắt cóc con. Con thi hành bảo bối của Tây Viễn vương, làm cho y say mê con, tương lai con có thể sai y như con nai, con chó.

Nàng liếc nhìn Dã Tượng rồi nghĩ thầm:

– Tà hầu đâu có hiểu lòng ta? Ta nguyện trọn đời ta, ta chỉ yêu thương có cái anh voi đồng quê kia mà thôi.

Vương phi bẹo má Thanh Nga:

– Em đã thành công, nhưng phải cứng bóng vía, không nên đùa với ái tình. Đùa với ái tình có hai điều nguy hại. Thứ nhất em dễ bị lưới tình làm hỏng đại sự. Em mà đùa nữa, thì chính em vướng vào lưới tình rồi gỡ không nổi đâu. Em phải *tính tảo mới bắt được con nai này. Thứ nhì nếu lòng dạ em sắt đá* quá, Ngột A Đa say mê em, y sẽ dùng tất cả quyền hành, võ công, mưu trí đoạt em cho bằng được, cái tai hại của sứ đoàn không tránh được. Em phải luôn cho y nụ cười, khoe mắt.

Vương phất tay:

– Thôi khuya rồi. Đi ngủ thôi.

Mọi người về lều riêng. Vương hỏi vương phi:

– Em thấy Ngột A Đa là người thế nào?

– Y là con của Tây Viễn vương. Anh với y đã nhận được nhau. Ta cần gặp riêng y để định kế sách.

Vương hỏi phi:

– Em nghĩ sao về vụ xuất hiện của A Lan Đáp Nhi với A Ngột Đa?

– Anh em Mông Ca, Hốt Tất Liệt đang có sự chia rẽ.

– Em thử kiến giải xem có giống anh không?

– Này nhé, Hốt Tất Liệt đang thẳng như tre, lại là em ruột Mông Ca, thế mà Mông Ca sai A Lan Đáp Nhi, Lưu Thái Bình với Ngột A Đa đi điều tra, thì rõ ràng là y muốn hạ bệ Hốt Tất Liệt rồi.

– Hay! Đúng ý anh.

– Xưa nay một thân vương có tài hơn nhà vua thì thế nào y cũng nghĩ tới đoạt ngôi. Dù y không có manh tâm thì bọn cận thần cũng dèm pha cho nhà vua giết thân vương đó đi để tránh hậu họa.

– Đúng!

– Lại nữa khi một bầy tôi cầm đại quân đang thẳng như chẻ tre, ắt bọn cận thần sẽ dèm pha. Nếu nhà vua tin, thì sẽ giết bầy tôi có công, hoặc ít ra cũng nghi ngờ. Đời Hán, công lao, uy tín Hàn Tín vượt quá Hán Cao tổ mà bị giết cả ba họ. Thời Đông Hán, Nghiêm Tử Lăng cầm quân nghiêng nước, uy quán sơn hà mà bị vua Quang Vũ bắt giam. Ngay thời gian gần đây, tổ của chúng ta là Trần Thủ Huy, tài trí vượt xa Thái tử Long Xưởng, lại cầm đại quân, nên bị Long Xưởng hạ bệ. Đại phàm vua nghi ngờ thì bầy tôi chỉ có hai con đường, một là bầy tôi phản vua, hai là bầy tôi bị vua giết. Hốt Tất Liệt là người em tài trí vượt xa anh, đó là một đầu mối khiến Mông Ca nghi ngờ. Hốt Tất Liệt đang cầm đại quân, quyền nghiêng thiên hạ, đó là hai đầu mối khiến Mông Ca nghi ngờ. Hiện binh lực đang nằm trong tay Hốt Tất Liệt, Mông Ca không thể giải trừ binh quyền của em. Y phải kiềm cố. Vì vậy y mới sai bầy tôi đi điều tra. A Lan Đáp Nhi sẽ tìm cái xương trong quả trứng gà, chẻ sợi tóc làm tư, tạo ra tội Hốt Tất Liệt. Binh tướng dưới quyền Hốt Tất Liệt đâu có thể ngồi yên nhìn chúa tướng bị hại? Chúa tướng bị hại, họ cũng khó bảo toàn tính mạng. Họ sẽ xui Hốt Tất Liệt phản Mông Ca.

– Hay! Mông cổ sắp có nội chiến đến nơi rồi. Ta cố tìm cách xen vào cho họ chém giết nhau thực kinh khủng. Như vậy, sau trận chiến dù phe nào thắng thì tinh lực cũng kiệt quệ. Đại Việt ta nhờ vậy mới được yên.

Vừa lúc đó Dĩ Tượng cầm con dao vào trình với vương:

– Có người tới ngoài trại, trao cho cháu con dao này, nói rằng y muốn yết kiến chú.

Phi nhìn chồng:

– Ngột A Đa đấy. Chúng ta phải đối xử với y ra sao? Xưng hô thế nào? Nếu theo đúng vai vế trong họ thì mình phải gọi y bằng chú. Còn theo tuổi thì y ngang với anh.

– Điều này trong tộc Đông A đã định rồi. Nếu trong vòng bốn đời thì xưng hô theo vai vế. Còn trên bốn đời thì theo tuổi. Vậy ta cứ coi như ngang hàng với y.

– Còn đối xử? Vì y hiện giữ chức Tham tri chính sự của Mông Ca. Liệu y có còn nhớ đến cố quốc nhỏ bé không? Hay y thiết tha với chức quan lớn của một đại quốc?

Wương hỏi phi:

– Em định sao?

– Mình cứ đưa đây câu truyện, rồi sẽ tính. Qua lời Thanh Nga, thì y say mê con bé nhà mình. Y làm tới Tham tri chính sự, không thiếu gì những mỹ nhân xinh đẹp người Hán, người Kim, người Mông. Thế nhưng gặp Thanh Nga y say mê đến điên đảo thần hồn. Còn cái con Thanh Nga nhà mình cũng không vừa, nó đã quyết gửi thân cho Dĩ Tượng, nhưng nhớ lời Tây Viễn vương, nó quyết bắt A Đa, để làm lợi cho mình. Nó đốt lên ngọn lửa lòng với A Đa. Em nghĩ: Y yêu Thanh Nga vì tiếng hát, vì cái duyên của cô gái Việt. Để em cho cả năm con bé Đông hoa xuất hiện bắt hồn y luôn, thì tự nhiên con người thực của y sẽ hiện ra. Nếu y thực lòng hướng về cố quốc, y say mê con bé nào, ta gả cho y.

– Ý kiến em thực sâu sắc. Kể ra y là con của Tây Viễn vương, thì bất cứ con bé nào của mình làm vợ y cũng đáng hãnh diện.

– Anh tiếp y, để em ra ngoài sắp xếp bọn Đông hoa. Em sẽ mời thầy Tạ Quốc Ninh ngồi sau lều theo dõi câu truyện, thầy sẽ giúp ta ý kiến.

Wương truyền lệnh cho Dĩ Tượng:

– Dẫn người ấy vào đây.

Ngột A Đa vào lều. Lễ nghi tất. Vương bảo Dĩ Tượng:

– Con dùng Ngao binh canh phòng quanh lều của chú. Bất cứ ai cũng không cho vào.

Wương lấy con dao của Trần Tử An ra trao cho Ngột A Đa:

– Báo cho A Đa biết, phụ thân của anh khi về Đại Việt lập công lớn, được Nguyên Phong hoàng đế phong tước Tây Viễn vương, lĩnh Phiêu kỵ đại tướng quân. Trước khi tôi lên đường người cho tôi con dao này để làm tín vật khi gặp huynh. Huynh có tin tôi không?

– Dĩ nhiên tôi tin anh thì tôi mới tới đây.

– Tôi muốn hỏi anh tin tức...

– Của Thanh Nga?

– Vâng!

– Thanh Nga nói với tôi rằng anh là bố cô ấy? Tôi nghĩ các thiếu nữ đều lí lắc, chứ bà vợ anh tuổi cao nhất thì hai mươi là cùng, làm sao có thể có con lớn như Thanh Nga.

– Đúng vậy! Thanh Nga là em kết nghĩa của tôi.

Thình lình tiếng Tạ Quốc Ninh dùng lảng không truyền ngữ rót vào tai hầu:

" Qua vài câu nói, thần nhận thấy con người A Đa ít nhất là một đấng trượng phu đa tình. Y yêu thương Thanh Nga thực tình. Như vậy có thể tin y được. Suốt trong lịch sử chiến cuộc giữa các nước với Mông cổ, chưa từng có việc dụng mỹ nhân kế. A Đa không biết mà đề phòng đâu. Xin vương gia cũng tỏ ra thực thà, thuật lại cuộc gặp gỡ giữa vương gia với Thanh Nga cho A Đa nghe".

Vũ Uy vương khoan thai thuật lại kỷ niệm gặp Thanh Nga tại quán văn Thiên Thư cho A Đa nghe.

Đến đó vương phi vào:

– Anh em nói truyện mãi! Bây giờ khuya rồi, chúng ta cùng đói. Hãy ăn đã.

Cửa lều vén lên. Thúy Trang bưng chiếc khay có hai đĩa, một đĩa đựng mười xâu bún chả Thăng long bốc lên thơm nức, một đựng đĩa rau muống chẻ cong queo với kinh giới. Thúy Nga bưng khay đựng bát, dưa, muỗm, muối, nước chấm. Hồng Nga bưng khay có nậm rượu với mấy cái chén. Thúy Hồng bưng một liễn lớn đựng riêu cua. Nhanh nhẹn, bốn nàng bày ra bàn, cùng nhìn A Đa liếc mắt nghiêng mình chào.

A Đa gặp Thanh Nga, sắc đẹp thiếu nữ dậy thì như hoa nở khiến y ngây ngất, nàng lại hát cho y nghe, y đã bị hấp mất hồn, rồi lúc về nàng còn in môi lên chiếc khăn tặng. Từ lúc ấy y cảm thấy như người say rượu. Bây giờ trước mặt y lại xuất hiện bốn thiếu nữ tuyệt sắc, đang độ nở hoa như Thanh Nga. Y ngây người ra nhìn.

Vương phi đưa mắt cho Thúy Trang, Thúy Hồng:

– Các em mời ngài Tham tri đi chứ,

Thúy Trang dùng đĩa gỡ thịt ra khỏi que xiên, gắp rau muống chẻ vào một cái bát, múc nước mắm chấm đổ lên trên rồi nghiêng mình để trước mặt A Đa. Tắm thân nàng uốn lượn, chạm vào người y. Hương thơm trinh nữ làm y ngây ngất. Thúy Hồng rót một chén rượu, bưng lên, nàng cất tiếng hát:

Rượu thơm, thơm cả tay tiên,

Chén quỳnh xin cạn, làm duyên hẹn hò.

Cả bốn nàng cùng lui lại, Thúy Hồng kéo nhị, Thúy Trang thổi sáo, Thúy Nga gõ trống mảnh, Hồng Nga vỗ trống cơm. Bốn nàng thay nhau hát những bài tình ca dân gian. Ngột A Đa từng nghe các ca nhi Tây vực, Mông cổ, Trung nguyên tấu nhạc, ca hát. Nhưng lời ca cũng như nhạc cụ không làm y cảm động bằng hôm nay, vì bốn nàng mặc y phục Việt, ca bằng tiếng Việt, làm hồn phách A Đa phiêu phiêu như đi trên mây. Y muốn hỏi Thanh Nga đâu, mà ngượng ngùng không dám mở miệng.

Bữa ăn vừa tàn, bốn nàng dọn bát đĩa đi. Vương phi ho lên một tiếng, Thanh Nga bước vào. Phi nháy mắt cho Thanh Nga. Nàng cầm nậm rót hết rượu ra một cái chén lớn, đến trước mặt A Đa, một tay bưng chén, một tay vén tay áo, nàng nghiêng mình trao cho y. Nàng cất tiếng hát:

Tay tiên rót chén rượu đào,

Đổ đi thì tiếc, uống vào thì say.

A Đa ngây ngất, một tay đỡ chén rượu, một tay cầm lấy tay Thanh Nga. Thanh Nga để cho A Đa cầm tay, nàng mỉm cười, đầu nghiêng nghiêng, rồi từ từ gỡ tay y ra.

Vương phi thấy như vậy cũng đủ bắt hồn phách Ngột A Đa rồi, phi đưa mắt, năm nàng chào A Đa, liếc mắt đưa tình, chân lướt trên đất rời lều.

Vũ Uy vương nắm tay Ngột A Đa:

– Nào bây giờ chúng ta bàn quốc sự. Nay huynh, triều đình Đại Việt đang muốn biết rõ tình hình Mông cổ ra sao. Huynh có thể cho tôi nghe được không?

– Được chứ! Tôi tìm đến đây cũng chỉ vì muốn cung cấp đầy đủ tin tức cho Đại Việt mà thôi, rồi chúng ta định kế sách sao cho Đại Việt tránh khỏi tai ách chiến tranh.

Ngột A Đa trình bày:

Năm Tân Hợi (1251), bên Đại Việt là niên hiệu Nguyên Phong nguyên niên đời vua Trần Thái tông, Mông cổ tổ chức đại hội các Hãn, bầu Mông Ca, con trưởng của Đà Lô lên làm Đại hãn. Sau khi lên ngôi, Mông Ca thi hành di chiếu của Thành Cát Tư Hãn phải diệt cho bằng được nước lớn nhất thiên hạ là Tống. Lãnh thổ phía Đông Nam đối với Mông cổ là Liêu, Kim, Cao ly, Hoa Bắc, cả vùng rộng lớn này bị Mông cổ chiếm từ thời Thành Cát Tư Hãn. Chính Thành Cát Tư Hãn để di chiếu cho Hốt Tất Liệt làm vua vùng này.

Từ nhỏ Hốt Tất Liệt đã từ chối học văn hóa, văn tự các nước vùng Tây vực, mà thiết tha học chữ Hán. Khi đến 13 tuổi, được phong tước thân vương, Hốt Tất Liệt chủ trương dùng Hán pháp. Hán pháp để chỉ dùng phương sách cai trị, luật pháp, văn minh của Hoa hạ. Các quan trong vương phủ của Hốt Tất Liệt toàn là những nho sĩ tài ba. Khắp lãnh thổ của Hốt Tất Liệt phồn thịnh, dân chúng yên vui, binh lực hùng mạnh. Dân chúng, sĩ phu cảm thấy cuộc sống an ninh, hạnh phúc hơn dưới quyền cai trị của Tống. Hoa Bắc, Liêu, Kim như một lãnh thổ Hán, chứ không phải bị rợ Thát đát cai trị.

Vì vậy Mông Ca sai Hốt Tất Liệt lĩnh đại binh đánh Tống. Hốt Tất Liệt chia binh làm hai mũi (1252, bên Đại Việt là Nguyên Phong nguyên thứ nhì đời vua Trần Thái tông)

– Mũi chính trực diện đánh từ Bắc xuống Nam qua sông Trường giang. Mũi này quân sĩ là quân hỗn hợp người Hán, Mông.

– Mũi thứ nhì chính Hốt Tất Liệt đánh vòng qua phía Tây, rồi tiến về phía Đông, đánh bọc hậu Tống.

Hốt Tất Liệt định rõ sách lược: muốn đánh bọc phía Nam của Tống gồm Tứ xuyên, Quý châu, Quảng Tây thì phải bắt đầu từ Cam túc, tiến đánh Tây tạng. Tuy đường xá vất vả, nhưng đạo binh này thành công dễ dàng.

Từ Tây tạng Hốt Tất Liệt biết rằng phải tiến đánh Đại lý, Đại Việt, sau đó dùng tù hàng binh, lương thảo hai nước nhỏ, chia mũi dùi đánh vào Tứ xuyên, Quảng Tây, nằm ở phía Nam của Tống.

Trước hết đánh Đại lý.

Đại lý là một nước được thành lập đã trên nghìn năm, lãnh thổ gồm Vân Nam và một phần Tứ xuyên, Quảng Đông ngày nay. Nhờ tài nguyên phong phú, địa thế phía Tây, Nam biệt lập với Tây tạng, Đại Việt bằng những dãy núi hiểm trở. Lại được con sông Kim sa giang ngăn cách với Tống, vì vậy họ không chịu tổ chức binh bị đề phòng.

Hốt Tất Liệt chia binh làm ba mũi:

– Mũi thứ nhất đánh từ phía Đông, do Sao Hợp làm chánh tướng, phó tướng là Giả Chỉ Liệt.

– Mũi thứ nhì đánh từ phía Tây do Ngột Lương Hợp Thai, Hoài Đô, A Truật, A Tan.

– Chính Hốt Tất Liệt chỉ huy trung quân.

Vua quan Đại lý bị bất ngờ, vì phía Đông, phía Bắc là lãnh thổ Tống. Tống đang dồn hết lực chống Mông cổ ở phía Đông và Bắc. Nào ngờ thành lĩnh Mông cổ xuất hiện. Toàn quốc náo loạn. Hốt Tất Liệt sai sứ vào thuyết phục: nếu đầu hàng sẽ cho tồn tại. Vua Đại lý là Đoàn Hưng Trí xin đầu hàng (Tháng 12 năm 1253, bên Đại Việt là niên hiệu Nguyên Phong thứ 3, đời vua Trần Thái tông).

Hốt Tất Liệt, định vượt biên đánh Đại Việt, nhưng các tham tướng can rằng: không nên. Vì ba lý do.

– Thứ nhất Đại Việt vốn là nơi rộng rãi hổ phục, từ xưa Nam Hán, Tống bao phen đánh đều thất bại. Nếu có đánh chưa chắc thành công.

Thứ nhì, mục đích của Mông Ca là đánh Tống. Nay đã chiếm được Đại lý rồi, ta đánh từ Nam vào Tứ xuyên, để bắt tay với đạo quân từ Bắc đánh xuống. Sau khi chiếm được Tứ xuyên, ta tiến về Đông, đánh Quý châu, Trường sa, thì Tống sẽ mất.

Thứ ba, quân của ta trải quá rộng từ Cam túc, xuống Tây tạng, Đại lý. Bây giờ phải quay lên Bắc đánh Tống, như vậy e không đủ.

Hốt Tất Liệt nghe theo. Y để Ngột Lương Hợp Thai trấn Đại lý. Y đem quân hướng lên Bắc đánh vào Tứ xuyên. Tứ xuyên bị tấn công ba mũi: phía Bắc từ Dương bình quan, phía Tây từ Cam túc, phía Nam từ Đại lý. Cho đến giữa năm (1255 Aát Mùi, bên Đại Việt là niên hiệu Nguyên Phong thứ 5, đời vua Trần Thái tông) thì Tứ xuyên bị chiếm hết quá nửa. Hốt Tất Liệt muốn tiến chiếm Hồ Nam, Quý châu, Quảng Đông, Quảng Tây. Nhưng gặp phải sức chống cự mãnh liệt của quân Tống.

Một mưu sĩ hiến kế:

– Trước kia thần nghị với vương gia rằng không nên đánh Giao chỉ ngay, vì Bắc phải đánh Tứ xuyên, Đông phải đánh Quảng tây, quân ta trải rộng khắp Cam túc, Tây tạng. Nay Bắc thì Tứ xuyên ta chiếm được quá nửa, lực lượng Tống tại đây như ngọn nến dập dờn gặp bão. Cam túc, Tây tạng sau 6 năm, đã bình định yên ổn. Bây giờ là lúc ta cần đánh Giao chỉ. Giao chỉ tuy mạnh, nhưng là một nước nhỏ, vua quan Giao chỉ đã thấy ta chiếm Tây tạng, Đại lý, Tứ xuyên ắt ngày đêm lo sợ. Vậy ta chỉ cần dàn quân tại biên giới rồi sai sứ sang chiêu hàng, thì vua quan Giao chỉ theo gió cuốn cờ chịu lệ thuộc. Được Giao chỉ, ta sẽ có gì? Binh tướng Giao chỉ can trường, thiện chiến. Từ ngàn xưa, truyền thống của Giao chỉ là khi đánh nhau với Tống thì bao giờ họ cũng thắng. Người Giao chỉ rất giỏi thủy chiến. Họ có bốn hạm đội, với những chiến thuyền đi biển nhanh như tên bắn. Ta dùng Thủy quân của họ vượt biển đánh vào Quảng Đông, Phúc kiến, thì Tống không thể chống nổi. Giao chỉ là đất bờ xôi giếng mật, họ có thể cung ứng lương thảo cho mặt trận Tứ xuyên, Quảng Tây của ta.

Hốt Tất Liệt đồng ý. Trước hết y sai sứ sang chiêu dụ Đại Việt đầu hàng, với lời hứa để cho triều Trần tồn tại. Mông cổ chỉ đặt một vị quan cạnh triều đình mà thôi. Đất nước được bảo vệ. Còn như không chịu hàng, quân Mông cổ tàn phá, toàn quốc chỉ còn lại bãi đất hoang.

Nhưng sứ đi, sứ lại suốt hai năm khi thì Đại Việt viện cớ này, khi thì viện cớ khác không chịu hàng. Cuối cùng Đại Việt còn bắt giam ba sứ đoàn của Mông cổ. Không được được, Hốt Tất Liệt ra lệnh cho Ngột Lương Hợp Thai đem 10 vạn Lôi kỵ, 10 vạn hàng binh Đại lý vượt biên tràn vào Đại Việt.

Ngột Lương Hợp Thai đại bại.

Truyền thống từ thời Thành Cát Tư Hãn là khi quân Mông cổ đánh tới đâu phải toàn thắng. Nếu vì lý do nào bị bại, thì chúa tướng phải dùng toàn lực sang đánh trả thù để bảo toàn cái uy: Mông cổ không đánh thì thôi, còn đánh thì phải thắng. Được tin Ngột Lương Hợp Thai đại bại, Hốt Tất Liệt bỏ mặt trận Quan trung đích thân đem đại binh xuống Đại lý quyết diệt Đại Việt.

Đúng lúc đó, Hốt Tất Liệt cảm thấy khắp lãnh địa của mình gồm Hoa Bắc, Tứ xuyên, Quan trung, Đông xuyên, Tây xuyên đang có gì khác lạ. Sứ thần của Mông Ca đến khắp nơi bắt giam, xử tử rất nhiều quan lại, tướng lãnh, rồi thay thế bằng những người mới do Mông Ca cử đến. Kinh khủng hơn nữa Mông Ca còn thành lập một cơ quan là Câu Khảo Cục, chuyên điều tra Hốt Tất Liệt. Cơ quan này có toàn quyền xử tử, cách chức bất cứ quan chức, tướng lãnh nào của Hốt Tất Liệt.

Hốt Tất Liệt thấy nguy, muốn bỏ ý định đánh Đại Việt. Nhưng bỏ ý định này thì mất hết uy danh. Về phía Đại Việt, đang lúc chiến thắng, muốn tránh cuộc trả thù Mông cổ, triều đình nghị: nên vượt ve lòng tự ái của kẻ thù bằng cách thuận theo yêu sách trước cuộc chiến:

Một là đích thân quốc vương phải vào chầu,

Hai là đem trưởng nam làm con tin,

Ba là kê biên dân số,

Bốn là phải chịu quân dịch,

Năm là phải nộp thuế, lương thảo.

Sáu là nhận Đạp lỗ hoa xích (Đa gu ra tri) .

– Trao trả tù hàng binh.

Đại Việt thuận điều một và ba. Còn điều hai thì lấy cớ, toàn quốc vừa trải qua cuộc chiến, dân chúng đói khổ không thể cung ứng lương thảo. Binh tướng thì bị tử thương trong cuộc chiến, không còn tinh lực giúp Mông cổ tham chiến.

Hồi thứ năm mươi lăm
Bắt tướng giữa ba quân

Vương phi Ý Ninh hỏi:

- Như vậy những sứ đoàn sang Đại Việt đều là của Hốt Tất Liệt chứ không phải của Mông Ca?
- Đúng vậy, y mạo danh!
- Như thế chúng tôi không phải tới Hoa lâm làm con tin?
- Vâng.
- Trong Câu khảo cục, anh giữ nhiệm vụ gì?
- Điều tra về tài chánh. Phụ trách toàn quyền vùng Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Yên kinh.
- Ý của triều đình Đại Việt là làm sao cho Mông Cổ chịu lui binh, và không trở lại báo thù. Vậy chúng ta phải làm những gì ?

– Trong hoàn cảnh hiện nay thì không khó. Đưa ra điều kiện bắt Đại Việt phải tuân theo là Hốt Tất Liệt, chứ không phải là triều đình Mông cổ. Nếu bây giờ chúng ta làm thế nào để Mông Ca giải trừ binh quyền của Hốt Tất Liệt, tất cả bọn tướng sĩ vùng Đại lý, Tây tạng, Cam túc, Tứ xuyên phải theo về Mông Ca. Chúng như rắn mất đầu, bị Mông Ca nghi ngờ thì yên.

Vũ Uy vương lắc đầu :

– Nếu như Hốt Tất Liệt bị giải trừ binh quyền, thì di chúc của Thành Cát Tư Hãn vẫn còn đó. Mông Ca sẽ phải thân chinh đánh Tống, thay Hốt Tất Liệt. Mông Ca vẫn phải duy trì đạo binh từ Nam đánh vào Lưỡng quảng bằng bộ binh, kỵ binh và thủy binh. Mông cổ vốn sống ở vùng Thảo nguyên, giỏi về Kị binh, mà dở về thủy binh. Y sẽ phải đánh Đại Việt để lấy thủy binh đánh vào ngang hông phía Đông của Tống.

Đến đó Thanh Nga vào với cái khay, trên đựng ba chén nước chè tươi. Nàng bưng một chén, nghiêng người trao tận tay A Đa :

– Em mời anh xơi chè tươi đất Việt.

Vương phi nháy Thanh Nga:

– Em không được vô phép. Đây là ngài Tham tri chính sự của đại quốc, em phải gọi là Ngài mới đúng. Còn xưng hô theo bình dân thì A Đa ngang vai với chúng ta, em được quyền gọi là anh.

Thanh Nga liếc mắt nhìn A Đa:

– Dạ, ngài A Đa bảo em gọi ngài bằng anh, thì em gọi là anh cho thân mật. Vả lại một nam tử tuổi trẻ, khô ngô thế này mà gọi là Ngài nghe không thân mật tí nào cả.

– Thôi được, em lui thôi.

Thanh Nga lại liếc mắt nhìn A Đa mỉm cười rồi lui ra ngoài. Thanh Nga ra rồi, A Đa còn rung động. Khi mới gặp Thanh Nga, vẻ đẹp tươi thắm, cử chỉ thanh nhã, lời nói ngọt ngào khiến hồn phách A Đa như bay bổng lên trời. Rồi hôm nay Thanh Nga như bóng tiên nga, thướt tha ra vào, một lần nữa y rung động mãnh liệt. Quên mất đang ngồi đối diện với Vũ Uy vương, y ngơ ngẩn nhìn theo Thanh Nga. Một ước vọng kín đáo nổi lên trong thâm tâm y:

" Bất cứ Vũ Uy vương muốn gì ta cũng tuân theo. Như vậy ta xin vương gả Thanh Nga cho ta, thì hạnh phúc biết bao!"

Vũ Uy vương biết con nai đã lọt lưới, vương nhắc:

– Đại hãn Mông cổ thành lập Câu khảo cục chắc có mục đích sâu sa hơn là điều tra tội trạng Hốt Tất Liệt?

A Đa bưng tỉnh trở về với thực tại :

– Mông Ca sai A Lan Đáp Nhi, Lưu Thái Bình và tôi vào Trung nguyên với mục đích điều tra Hốt Tất Liệt, tĩa vây cánh của y. *Vậy thế này, ngày mai, hội với A Lan Đáp Nhi, anh cứ* luôn miệng ca tụng Hốt Tất Liệt, khen Hốt Tất Liệt áp dụng Hán pháp thành công. Dân Hán, Kim, Liêu, Tây tạng, Đại lý coi Hốt Tất Liệt như một hiền vương. Trong câu truyện, anh như không biết có Mông Ca trên đời. Hoặc coi Mông Ca như phiên vương của Hốt Tất Liệt. À ngày mai A Lan Đáp Nhi sẽ hỏi anh chị về việc Hốt Tất Liệt đã đòi Đại Việt nộp những gì ? Lương thực ? Châu báu ? Chiến mã ?

Chợt tiếng Tạ hầu lọt vào tai vương phi :

« *Hãy nói theo tôi* ».

Wương phi đưa mắt nhìn chồng, rồi nói theo Tạ hầu:

– Suốt hai năm qua, Hốt Tất Liệt luôn sai sứ sang đòi cống phẩm. Đại Việt đã vét quốc khố dâng cho y hai lần. Đến lần thứ ba, vì quốc sản kiệt quệ, không còn gì dâng nữa, y mới sai Ngột Lương Hợp Thai xua quân vào tàn phá Thăng long.

A Đa mở to mắt :

– Có việc ấy ư? Đại Việt đã nộp cho y những gì?

Wương phi vẫn nói theo Tạ hầu:

– Chúng tôi không nhớ hết. Tuy nhiên những cống phẩm, sứ Đại Việt nộp cho Hốt Tất Liệt, chính viên Thị thần của Hốt Tất Liệt là Tắc Chi Chiên biên nhận, có kiểm thự ấn của Hốt Tất Liệt. Ngày mai tôi sẽ trình sổ cống phẩm cho A Lan Đáp Nhi.

– Hốt Tất Liệt lạm quyền quá đáng. Y sẽ bị Mông Ca tước hết binh quyền.

Wương phi tán thưởng :

– Ý kiến hay. Liệu ta có thể khiến Hốt Tất Liệt ly khai với Mông Ca không ? Nếu y tỏ ý ly khai với Mông Ca, thì Mông Ca phải xuất quân đánh dẹp. Mông Ca chỉ còn vùng Mông cổ, binh lực bị phân tán. Còn Hốt Tất Liệt trở thành một ông vua Hán. Anh em Mông cổ đem quân đánh lẫn nhau.

– Khó ! Nếu tôi gặp anh chị trước đây một năm thì được. Trong việc điều tra, tôi làm cho bọn quan lại, tướng sĩ của Hốt Tất Liệt bị uy hiếp tính mạng, bị đe dọa mất chức. Chúng lâm đường cùng. Mặt khác, Hốt Tất Liệt trước tình thế không đừng được phải chống Mông Ca. Nhưng nay thì hơi trễ rồi.

– Vì sao ?

A Đa lắc đầu :

– Suốt một giải lãnh thổ của Hốt Tất Liệt, bọn quan lại, tướng sĩ bị Câu khảo cục xử tử, hoặc cách chức, thay bằng những người của Mông Ca, hoặc những người bất mãn với Hốt Tất Liệt, khiến y muốn làm phản cũng không được.

– Có cách nào khác không ?

A Đa cương quyết :

– Bị bại trận, bị chạm tự ái là Hốt Tất Liệt. Điều này khiến Mông Ca vui lòng. Tôi dám chắc anh chị đi sứ sẽ khiến Mông Ca bỏ ý định đánh Đại Việt. Nếu khi Mông Ca yêu cầu Đại Việt chịu binh dịch, ta

cứ làm như thế... như thế... Thôi trời gần sáng rồi tôi phải về, chiều mai anh chị tới họp với A Lan Đáp Nhi ta cứ làm như kế sách đã bàn.

A Đa đứng lên, y ngấp ngừng chưa muốn rời bước. Vương phi lên tiếng :

– Năm cô tiên nữ Đông hoa đâu ?

Cả năm thiếu nữ đều xuất hiện. Nhưng các cô đã thay những bộ áo tứ thân, khăn, dây lưng màu sắc bằng bộ quần áo thiếu nữ nông thôn, áo cánh, váy lụa đen dài tới đất.

Thanh Nga tiến lại bên A Đa, nàng kéo cổ y xuống, ghé miệng vào tai nói sẽ :

– Anh về đừng quên em nghe ! Cố gắng tìm cách gặp lại em. Đừng để em phải mỏi mắt trông chờ.

Nàng lại trao cho y một gói nhỏ :

– Trong này có cái váy và cái áo lót em mặc hôm bị anh bắt cóc. Em gửi anh, anh đem theo để trên đường xa vạn dặm như lúc nào cũng có em bên cạnh.

Thanh Nga cầm phách gõ, cả bọn Đông hoa cùng tấu nhạc. Nàng cất tiếng hát theo điệu hát Xẩm:

Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?

Ngồi càn trúc, dựa càn mai.

Phận em liễu yếu biết ai thương cùng.

Rồi nàng lại đổi sang hát Ả Đào:

Vạn dặm gian nan, xin chàng bảo trọng,

Căn nhà tranh thiếp dựa bóng trông chờ.

Lòng này ngày nhớ đêm mơ.

Đại bàng tung cánh, phận thơ khóc thầm.

Bao giờ gặp lại tri âm?

Tiền Ngột A Đa về rồi, vương với vương phi mời Tạ Quốc Ninh bàn luận. Vương hỏi:

– Ban nầy thầy nói sao thì Ý Ninh nói vậy. Nhưng thưa thầy, mình đâu có nộp gì cho Mông cổ? Chúng chỉ đòi lương thảo, chứ đâu có đòi châu báu?

Tạ hầu cười:

– Chúng sang cướp của, giết người mình thì mình không cần đạo đức tử tế với chúng. Chúng không đòi châu báu thì mình cứ vu khống cho chúng, để chúng ghen ăn với nhau. Chúng sẽ chém giết nhau, cho nước mình được yên.

Hầu nghiêm nghị tiếp:

– Vương gia ơi! Từ khi Hốt Tất Liệt vào Trung nguyên, y chỉ giữ binh quyền. Còn đảm trách thuế má, tài vật thì do một tên Thị thần của Mông Ca là Tắc Chi Chiên nắm. Tắc Chi Chiên thu tài vật không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng y chỉ nộp vào quốc khố của Mông Ca một phần, còn bao nhiêu y nộp vào công khố của Hốt Tất Liệt.

Vương phi xen vào:

– Nay ta vu cho Tắc Chi Chiên đã thu của ta thực nhiều châu báu, để tăng thêm tội trạng Hốt Tất Liệt lên.

– Đúng như phi bàn. Cuộc chiến vừa qua, ta bắt được khá nhiều tù binh. Trong đó có một tên phụ trách tài vật của Hốt Tất Liệt. Y dưới quyền trực tiếp của Tắc Chi Chiên. Y mang theo một sổ sổ biên

nhận cống vật, có chữ ký sẵn của Tắc Chi Chiên, kiểm thử ấn của Hốt Tất Liệt. Khi một Hành tỉnh, hay một phiên thần nộp vàng bạc, châu báu thì chúng biên vào hai cuốn sổ khác nhau. Một cuốn y giữ, một cuốn sứ thần giữ làm tin. Bây giờ ta chỉ cần đem hai ba cuốn sổ ấy ra ghi thực nhiều vàng bạc, châu báu vào, rồi ngày mai, trình cho A Lan Đáp Nhi, là y tin ngay. Theo như lời Ngột A Đa thì viên Thị thần Tắc Chi Chiên đã bị A Lan Đáp Nhi xử tử rồi, thì mấy cuốn sổ ta đưa ra là chứng cứ không ai có thể chối cãi.

Vũ Uy vương soạn một tấu chương, thuật tất cả những gì đã xảy ra, sai chim ưng mang báo cho Khu mật viện ở Thăng long.

Sáng hôm sau, vương vừa thức giấc thì La An bước vào trình cho vương ba ống đựng thư do chim ưng mang tới. Vương mở ống thứ nhất ra trong có một chỉ dụ rất dài, do Hưng Đạo vương ký. Oáng thứ hai, và ba là hai tập sách nhỏ, viết bằng chữ Thổ phồn, là văn tự chính thức của Mông cổ.

Tạ hầu cầm hai tập sách mỏng đọc, hầu cười:

– Đây là hai cuốn ghi cống phẩm giả mà thật. Ngày mai ta trao cho A Lan Đáp Nhi, y sẽ mừng vô cùng.

Vũ Uy vương trao tất cả cho vương phi:

– Chúng ta cứ theo đúng lệnh của Hưng Đạo vương mà làm. Anh nghĩ ít nhất cũng khiến Câu khảo cục có đủ chứng cứ tâu về cho Mông Ca, để Mông Ca thu binh quyền Hốt Tất Liệt. Khi Hốt Tất Liệt bị thu hồi binh quyền, thì toàn bộ văn quan, võ tướng Mông cổ tại Kim, Liêu, Tây hạ, Đại lý, Trung nguyên vốn là người của y sẽ bị thay thế, xáo trộn, có thể sẽ xảy ra nội chiến. Sức mạnh của Mông cổ tại những vùng này bị tan rã.

– Em nghĩ đến việc khi Hốt Tất Liệt bị giải trừ binh quyền, thì Mông Ca lại đích thân cầm quân đánh Tống. Y lại theo kế sách cũ của Hốt Tất Liệt bắt mình chịu binh dịch đánh phía Nam của Tống, cung ứng lương thảo.

– Bây giờ ta đã ở Hoa lâm! Tùy thời cơ hành sự. Việc quan trọng là ta nắm chặt Ngột A Đa. Được Ngột A Đa thì coi như Câu khảo cục trong tay ta. Hôm nay, khi thảo luận với A Lan Đáp Nhi, anh sẽ giữ thái độ im lặng. Một mình em nói cũng đủ rồi.

Vũ Uy vương cho tổ chức buổi họp toàn sứ đoàn gồm vương, vương phi, Tạ hầu, Dã Tượng, ban Đông hoa và La An.

Vương thông báo tất cả những tin tức cho sứ đoàn biết. Vương phi nhắc lại:

– Chúng ta sắp sửa lên đường đi Hoa lâm. Trước hết phải vào Tứ xuyên, tới Lạc dương, rồi đi Yên kinh (Bắc kinh ngày nay), từ Yên kinh đi Khai bình, rồi từ Khai bình đi Hoa lâm. Mông cổ sẽ cung cấp phương tiện cùng cử người hộ tống ta. Dọc đường. Ta với vương luyện võ cho các em. Tạ hầu tiếp tục dạy văn, dạy tiếng Mông cổ cho cả đoàn. Tới Hoa lâm chúng ta được cấp dinh thự ở. Một cuộc sống mới bắt đầu. Nhưng...

Phi nói chậm chậm:

– Chúng ta ở Hoa lâm ít thì một năm, nhiều có khi cả đời. Vương với ta, Tạ hầu, Dã Tượng, La An cùng những người phục dịch thì không có gì phải quan tâm. Nhưng năm em. Năm em là gái, đang tuổi dậy thì, nhan sắc, tài hoa thực hiếm. Nếu một năm, hai năm về nước rồi lấy chồng thì không sao. Nhưng lỡ năm năm, mười năm mới về thì sao? Trong khi hoa nở có thì.

Vương cương quyết:

– Ta quyết định, nếu sau hai năm mà chúng ta chưa về nước, thì ta sẽ kiếm những đấng trượng phu, gả chồng cho các em. Nếu chồng các em là những văn thần, võ tướng Mông cổ thì sẽ có lợi cho Đại Việt.

Vương phi chỉ Dã Tượng, Thanh Nga:

– Tại bến Bắc ngạn, Thanh Nga treo bảng tuyển phu. Dã Tượng trúng. Nhưng Dã Tượng cương quyết chưa muốn vương thê nhi, để lo quốc sự. Thím biết cháu là con nuôi của Hưng Đạo vương, thì trên đời này không gì quan trọng bằng quốc sự. Cháu coi Thanh Nga như cô em gái, cái chí đó chú thím không thể bắt cháu thay đổi. Ngược lại Thanh Nga nhất định trao cả cuộc đời cho cháu. Bây giờ xảy ra vụ Ngột A Đa. A Đa là con của Tây Viễn vương, lại đang giữ chức Tham tri chính sự triều Mông cổ. Từ gia thế, cho đến tài năng, tư cách đều xứng đáng làm chồng một trong năm em. A Đa sủng ái Thanh Nga cực kỳ. Vậy, trước hết Dã Tượng, con định sao?

Dã Tượng hiền ngang:

– Thưa thím, Thanh Nga là em của chú thím. Con nghĩ chú thím gả Thanh Nga cho Ngột A Đa là phải. Ngột A Đa yêu thương Thanh Nga vô bờ bến. Như vậy A Đa tuy làm quan với Mông cổ, nhưng tâm trí y thì Thanh Nga nắm trong tay. Con tin rằng Thanh Nga sẽ làm được đại sự cho xã tắc, hơn thế nữa Thanh Nga gặp thanh phúc.

Nghe Dã Tượng nói, Thanh Nga òa lên khóc, nàng núp sau lưng vương phi:

– Chị ơi! Em không lấy chồng Mông cổ đâu!

– Em ơi! Ngột A Đa là người Việt mà.

Thời bấy giờ uy quyền của vua chúa, cha mẹ rất lớn. Khi vua chúa gả chồng cho một cô gái nào, thì gia đình cũng như cô gái vinh dự vô cùng. Còn trai gái, việc dựng vợ gả chồng hoàn toàn do cha mẹ đôi bên. Con cái không được hỏi ý kiến. Tục ngữ nói: cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Chính Vũ Uy vương với vương phi đã từng trải qua: sau trận Phù Lỗ, Nguyên Phong hoàng đế truyền gả quận chúa Ý Ninh cho vương. Cả hai răm rắp tuân theo. Hoàn cảnh của Thanh Nga còn nghiêm ngặt hơn: Vũ Uy vương vừa thay quyền Nguyên Phong hoàng đế, vừa thay quyền cha mẹ. Vương có quyết định gì về hôn nhân, Thanh Nga chỉ biết cúi đầu tuân phục mà thôi.

Tuy vậy vương là người tài trí, là một đấng anh hùng bậc nhất thời Đông A, nên tính tình rộng rãi. Thấy Thanh Nga khóc, vương mỉm lòng:

– Em không yêu Ngột A Đa thì thôi. Rồi đây A Đa sẽ cùng ta rong ruổi đi Hoa lâm, biết đâu dọc đường A Đa không phải lòng Thúy Hồng, Thúy Trang, Hồng Nga, Thúy Nga?

Vương phi quyết định:

– Hôm nay chúng ta đi họp với A Lan Đáp Nhi và Ngột A Đa. Ta cần Dã Tượng, hai trong năm em theo hầu. Vậy Thanh Nga, Thúy Nga đi với chúng ta. Nhớ mang theo cái nhị, ống sáo với trống mảnh.

Vương phi giảng chỉ tiết những gì hai nàng phải làm với Ngột A Đa.

Cỗ xe song mã, chở Vũ Uy vương, vương phi, Thanh Nga, Thúy Nga do Tà hầu điều khiển. Trên trời một cặp chim ưng bay theo. Dã Tượng cỡi con Bắc mã đi trước.

Xe đi được năm, sáu dặm thì chim ưng réo lên báo có sự. Vương chỉ về phía trước:

– Có đám cháy đằng kia. Uôa có tiếng vũ khí chạm nhau, dường như có cuộc giao tranh.

Thanh Nga chỉ đám cháy:

– Chị ơi! Đám cháy ở ngôi nhà đoàn Câu Khảo Cục ở.

Vương hạ lệnh:

– Hầu! Hầu cứ cho xe chạy tới.

Xe càng đến gần, tiếng vũ khí chạm nhau càng rõ rệt. Phía trước có ba người quần áo đen, một người cầm đoản đao, một người cầm kiếm, một người cầm côn sắt; chặn ngang đường. Người xử dụng đao nói tiếng Hán:

– Chúng ta đang có chuyện phải giải quyết với nhau. Các người không nên đi tới e mất mạng.

Tạ Hầu lờ đi như không nghe thấy gì, không hiểu gì, hầu ra roi cho ngựa lao tới. Tên cầm đao quát lên:

– Quay lại ngay!

Nói rồi y vung đao lên như đe dọa. Hầu gò cương cho ngựa dừng lại, rồi đáp bằng tiếng Hán:

– Chúng tôi có việc khẩn. Xin đại vương cho mượn đường.

Chợt nhìn lên xe thấy vương phi, Thanh Nga, Thúy Nga, tên cầm đao lên tiếng gọi bạn:

– Cha mẹ ơi! Sao trên đời lại có người đẹp thế này. Hai đứa bay lại mà coi! Chúng ta ba đứa, mỗi đứa bắt một con đem về, chỉ cần ôm một đêm rồi có chết cũng thỏa lòng.

Thấp thoáng bóng xanh, vương phi vọt người lên, đáp xuống trước mặt y. Lách cách hai tiếng, thanh đao của y gãy làm ba bốn khúc bay ra xa, còn người y lộn đi hai vòng, nằm thẳng cẳng. Phi bay trở về xe, ngồi lại chỗ cũ.

Hai tên áo đen nhìn rõ ràng phi vọt khỏi xe, rồi trở về, nhưng không hiểu phi dùng thủ pháp gì. Cả hai hô lên một tiếng, cùng lao đến vùng vũ khí chặt đầu ngựa. Dã Tượng vọt khỏi mình ngựa, chàng quơ tay một cái, đã bắt được kiếm, côn của hai tên, rồi đứng nhìn. Cả hai cố gắng giật, nhưng kiếm, côn không nhúc nhích. Chàng kéo mạnh rồi buông tay, cả hai tên bay xuống vệ đường nằm thẳng cẳng. Chàng cười nhạt, túm hai tên nhấc lên cao, quay tròn như chong chóng. Ném chúng xuống đất, chàng dẫm chân lên ngực chúng:

– Này! Nếu ta nhả kinh lực thì ngực hai anh sẽ xẹp xuống như tờ giấy. Hai anh sẽ ra sao nhỉ?

Hai gã kinh hoàng:

– Tôi xin khuất phục.

– Bọn mi là ai? Tên là gì? Tại sao lại cản đường chúng ta?

– Chúng tôi là ba anh em. Tôi là An Tam. Người dùng kiếm là An Nhất, người dùng côn là An Nhị. Chúng tôi là quân túc vệ của quan trấn thủ Ích châu Vương Kiên. Chúng tôi được lệnh bắt sống bọn Câu Khảo Cự của Thát đất.

– Vương Kiên à? Có phải Vương Kiên trấn thủ Ích châu không?

– Đúng thế.

Vũ Uy vương kêu lên:

– Áy à! Người nhà đánh lẫn nhau rồi.

Vương nhảy xuống khỏi xe giải huyệt cho cả ba tên:

– Các bạn! Các bạn với tôi là người đi cùng đường cả. Chúng tôi là người Việt. Giữa Đại Việt với Mông cổ đang có chiến tranh. Mông cổ cũng đang đánh Tống. Tục ngữ có câu: *kẻ thù của kẻ thù là bạn ta. Kẻ thù của chư huynh đệ là Mông cổ*, thì chư huynh đệ là bạn của chúng tôi. Ba huynh trở về thưa với Vương trấn thủ rằng Vũ Uy vương bên Đại Việt có lời vãn an.

– Vương Tống trấn đang đánh nhau với Mông cổ phía trước kia kìa!

– Chúng tôi phải đi tiếp ứng. Ba bạn! Ba bạn nên đi cùng chúng tôi.

Tạ hầu ra roi cho ngựa tiếp tục đi. Dã Tượng thúc Bắc mã chạy theo. Ba em họ An lóc cóc chạy bộ phía sau.

Ngôi trang trại Đại lý đã hiện ra phía trước. Trong sân có hai nhóm người đứng đối diện nhau. Một nhóm gồm những người Mông cổ. Một nhóm gồm những người mặc y phục Tống. Có mấy xác chết Tống, Mông cổ nằm rải rác. Nhóm Tống khoảng mười người. Còn nhóm Mông cổ trên dưới hai chục, lại còn hơn một trăm Lôi kị, ngồi trên mình ngựa dàn ra bao vây.

Giữa sân, hai người đang đấu với nhau, một người to lớn còn trẻ mặc quân phục Mông cổ, y xử dụng đao; một người phụ nữ mặc y phục Tống, xử dụng kiếm. Người mặc quân phục Mông cổ, dường như là người Tây vực chứ không phải người Mông, hay người Hán: râu tóc vàng hoe, mũi cao, mắt xanh.

Kiểm pháp của người phụ nữ rất tinh diệu, còn đao pháp của người Tây vực rất thô kệch nhưng hung dữ.

An Nhất chỉ phụ nữ nói:

– Người đang đấu kiếm kia là sư tử Minh Anh, thuộc phái Nga mi. Sư tử là phu nhân của Tổng trấn Vương Kiên.

Thấy xe của sứ đoàn đến, một lão già thủ lĩnh phe Tống lên tiếng:

– Chúng ta, Tống, Mông đang giao tranh, gươm giáo vô tình, người ngoài cuộc hãy lui lại, để khỏi bị tai vạ.

An Nhất nói với vương phi:

– Người lên tiếng là Vương Tiết độ sứ.

Thúy Nga nói với vương phi:

– Chị ơi! Chị định bên nào?

– Bên Tống.

– Chị cho em ghẹo bọn Mông làm chúng điên đầu nghe?

– Ừ. Nhưng em làm gì?

– Chúng em hát một bài ngụ ý ca tụng Tống. Như vậy Tống biết ta bên họ. Rồi bọn em lại hát một bài bằng tiếng Mông cổ, bọn Mông cổ sẽ phát điên không biết mình bên ai?

Thúy Nga kéo nhị, Thanh Nga thổi sáo. Rồi Thúy Nga cất tiếng hát một bài hát rất nổi tiếng bằng giọng Hàng châu. Vừa nghe tiếng hát, tiếng nhạc, hai người đang đấu với nhau chí mạng, cùng nhảy lùi lại quan sát những người mới tới.

Phong tiêu tiêu hễ,

Dịch thủy hàn.

Tráng sĩ nhất khứ hễ,

Bất phục hoàn.

Tạm dịch:

Sông Dịch nước chảy lạnh lùng tẻ,

Tráng sĩ một đi không trở về.

Nguyên thời Xuân thu, Chiến quốc, vì Tần Thủy Hoàng đang lăm le diệt nước Yên. Thái tử Đan muốn ám sát y, mới mộ một kiếm khách tên Kinh Kha, giả sang Tần tu cống, rồi hành sự. Khi Kinh

Kha lên đường lúc qua sông Dịch, hùng khí bốc lên, tóc dựng đứng, ngâm hai câu thơ trên. Hai nàng Thúy Nga, Thanh Nga ca bài này ngụ ý khen những người bên Tống anh hùng như Kinh Kha.

Nghe bản hát, bọn người bên Tống hiểu rằng sứ đoàn là người Hán đến tiếp viện.

Bản nhạc dứt, nàng lại hát một bài hát vùng Thảo nguyên mà Tạ Quốc Ninh mới dạy năm cô Đông hoa trên đường ra biên giới bằng tiếng Mông cổ:

Thanh thanh, mùa Xuân đến,

Đồng cỏ thơm thơm.

Chúng ta phi ngựa, bắn cung!

Nào chim, nào thỏ, nào nai,

Dem về đốt củi nướng ăn.

Thơm thơm, hoa, cỏ,

Chúng ta có Thành Cát Tư Hãn.

Chúng ta ruổi ngựa, cung dương, tên bắn,

Chúng ta là con cháu dòng sói xám,

Đại hãn là con thần mặt trời.

Đám Mông cổ lại tưởng đây là người bên mình. Gã người Tây vực chĩa đao về phía Minh Anh:

– Người mau mau thả A Lan Đáp Nhi ra, chúng ta sẽ mở vòng vây cho. Bằng không thì các người phải chết hết.

Minh Anh không trả lời, bà ra một chiêu thần tốc đâm vào ngực gã. Hai người lại thi triển cuộc đấu.

Nhìn trong đám Mông cổ không thấy A Lan Đáp Nhi với Ngột A Đa đầu, vương bảo vương phi:

– Em vào can họ ra.

Tạ hầu nói lớn bằng tiếng Mông cổ, vương phi nói tiếng Hán giọng Hàng châu:

– Xin ngừng tay.

Vương phi rút kiếm, chỉ thấy thấp thoáng bóng xanh, phi xung vào giữa hai làn đao, kiếm, rồi có hai tiếng loảng xoảng; đao kiếm hai người bay vọt lên không. Phi tung người lên cao, tay bắt đao kiếm, rồi lui lại.

Người Tây vực hỏi bằng tiếng Mông cổ:

– Các người là ai? Tại sao lại xen vào việc của chúng ta?

Tạ Quốc Ninh lên tiếng:

– Chúng tôi là sứ đoàn Đại Việt sang kết hiếu với Mông cổ. Chúng tôi lại có thâm tình với Tống trên hai trăm năm qua. Xin các vị vì chúng tôi tạm ngừng tay.

Vương phi nói tiếng Hàng châu với lão già người Tống:

– Tiên sinh! Phải chăng tiên sinh là Tiết độ sứ Ích châu Vương Kiên của nhà Đại Tống? Tiên sinh từng đánh Mông cổ những trận kinh thiên động địa, tiếng vang tới Đại Việt? Không biết tại sao lại có cuộc giao tranh này?

Vương Kiên chấp tay vái dài:

– Thì ra ngài là Vũ Uy vương của Đại Việt đấy. Năm trước đây bọn Thát đát sang dụ Đại Việt đầu hàng, rồi đánh phía sau chúng tôi. Nhưng Đại Việt hoàng đế không khuất phục, người đánh tan hai

mười vạn binh Mông cổ. Vương gia trấn thủ Bắc cương phá Mông cổ, làm cho Ngột Lương Hợp Thai sợ đến té đài vải phân ra. Y bỏ chạy về Đại lý, cho đến nay vẫn còn run.

Wương Kiên chỉ nhóm Mông cổ:

– Chúng tôi được tin, khâm sai của Mông Ca hẳn là bọn A Lan Đáp Nhi, Lưu Thái Bình, Ngột A Đa vào Tứ xuyên thanh tra. Chúng tôi quyết bắt sống bọn này, để biết rõ nội tình Mông cổ. Chúng tôi theo dõi chúng đến đây, vừa ra tay, đã bắt được một tên đầu xỏ, thì bọn này tới tiếp viện, rồi chúng tôi bị bao vây.

Ông chỉ vào cái túi bên cạnh:

– Tên A Lan Đáp Nhi bị giam trong túi này.

Dã Tượng hỏi:

– Bọn tiếp viện Mông cổ do ai cầm đầu?

– Là tên mũi lõ, tóc vàng, mắt xanh kia, võ công y rất cao, mà nội lực thì phi thường. Y gốc người Nga la tư, theo hàng Mông cổ, tên y là Đì Mi Trinh.

Wương phi nói với Vương Kiên:

– Xin Tổng trấn mau rút đi, bằng không bọn Lôi kị của chúng tới thì e chúng ta lâm vào tình trạng nhất hổ nan địch quần hồ.

– Chúng tôi đang rút đấy chứ! Nhưng bị bọn này ngăn cản.

Trong khi sứ đoàn đối đáp với nhóm Tổng, thì Lôi kị Mông cổ đã dàn ra bao vây cả hai đoàn. Gã Đì Mi Trinh cầm đao chĩa ra:

– Buông vũ khí đầu hàng, bằng không ta ra lệnh buông tên.

Thấp thoáng bóng xanh, vương phi đã kiểm chế Đì Mi Trinh, dí kiếm vào cổ y. Tà hầu nói:

– Ra lệnh cho bọn Lôi kị hạ cung, lui lại, bằng không kiếm sẽ chặt đầu mi.

Đì Mi Trinh bị kiểm chế quá nhanh, bọn Lôi kị la hoảng, nhưng không dám buông tên, vì sợ chúa tướng bị giết. Đì Mi Trinh hét lớn:

– Các người mau hạ cung, lui lại.

Tà hầu tiếp:

– Chưa đủ! Lui lại xa hơn nữa.

Bọn Lôi kị lại lui xa hơn.

Wương hỏi Vương Kiên:

– Những tên bị Vương tướng quân bắt đâu?

Wương Kiên chỉ vào túi bên cạnh:

– Chúng tôi chỉ bắt được tên A Lan Đáp Nhi.

– Kẻ thức thời mới là người tuân kiệt. Xin Vương Tiết độ sứ thả A Lan Đáp Nhi ra, rồi rút lui. Tôi sẽ kiểm chế tên Đì Mi Trinh cho đến khi nào các vị đi xa.

– Đa tạ vương gia.

Wương Kiên xách A Lan Đáp Nhi trao cho Vũ Uy vương rồi vẫy tay, cùng các thủ hạ lên ngựa, phóng về phía Bắc. Nhưng năm Lôi kị chặn mất lối đi. Dã Tượng quát lớn:

– Lui này!

Chàng xông vào giữa đội hình Lôi kị. Gã ngũ trưởng thúc ngựa chồm lên đầu chàng. Dã Tượng dùng Đao mã cưỡi lộ thức, thức thứ nhất tên Mã phi sơn lĩnh. Chàng xuống đỉnh tăn, hai tay chụp hai

chân trước con ngựa, rồi dơ lên cao. Con ngựa hí lên inh ỏi. Dã Tượng đẩy mạnh, con ngựa bị ngã lăn đi hai vòng. Tên ngũ trưởng cũng ngã theo. Bốn Lôi kị còn lại thúc ngựa dẫm lên người Dã Tượng. Dã Tượng lại dùng Đao mã cứu lộ thức, thức thứ chín tên Mã vĩ phi thiên. Chàng xông vào, chống hai tay lên đầu hai ngựa, lộn một vòng, chàng đã đáp sau lưng chúng. Hai tay chàng nắm hai đuôi ngựa kéo mạnh. Hai con ngựa hí lên inh ỏi, rồi ngã lăn ra. Đám người Tổng nhân vòng vây bị hớ, phóng vào rừng.

An Tam hỏi vọng lại:

– Kim Sơn tam anh hôm nay được thấy thần lực của anh hùng Đại Việt. Khâm phục vô cùng. Xin cho biết cao danh.

– Trần Quốc Kinh hay Dã Tượng cũng vậy.

Đợi cho đám võ sĩ Tổng đã đi xa, vương mở túi lòi A Lan Đáp Nhi ra rồi vung kiếm lên cắt đứt dây trói cho y. A Lan Đáp Nhi bị đám võ sĩ Tổng bắt, tưởng khó thoát khỏi cái chết, bây giờ được cứu thoát, y nói với vương phi:

– Xin phi tha cho Đi Mi Trinh.

Vương phi thu kiếm, buông Đi Mi Trinh ra. Diễn biến xảy ra, bọn Đi Mi Trinh ngơ ngác không hiểu gì: sứ đoàn vừa mới cứu bọn Tổng thì rõ ràng là kẻ thù. Ngược lại, sứ đoàn lại cứu A Lan Đáp Nhi thì rõ ràng là bạn. Vũ Uy vương hỏi A Lan Đáp Nhi:

– Thừa tướng! Tham tri chính sự Ngột A Đa đi đâu?

– Sáng sớm nay y nói có việc khẩn, nên lấy 10 Lôi kị đi theo, giờ này cũng chưa về. Không biết có sự gì xảy ra không?

Trang trại bị cháy mất ba ngôi nhà. Ngôi nhà chính vẫn còn nguyên. A Lan Đáp Nhi mời vương với vương phi vào trong nhà. Y gọi Đi Mi Trinh:

– Người phải canh phòng thực cẩn thận.

Vương cũng dặn Dã Tượng :

– Con chờ chú thím ngoài này. Nhớ chiếu cố cho Thanh Nga, Thúy Nga.

Đợi cho Vũ Uy vương, vương phi vào họp rồi, Dã Tượng dặn hai cô em :

– Các em cứ ngồi trên xe chờ anh. Anh đi có tý việc.

Nói rồi chàng vọt lên lưng con Bắc mã chạy vào rừng, đuổi theo đám người của Vương Kiên.

Phân ngôi chủ khách xong, A Lan Đáp Nhi trình bày rõ sứ mạng : y tuân chỉ Đại hãn Mông cổ lập ra Câu Khảo Cục, điều tra 141 điều mà Hốt Tất Liệt cùng tay chân đã phạm ở Trung nguyên, Kim, Liêu, Tây tạng, Đại lý. Tại Hà Nam, Thiểm Tây, Sơn Tây, Quan trung, Đông xuyên, Tây xuyên, Câu Khảo Cục đã xử tử mấy trăm bộ hạ của Hốt Tất Liệt. Bây giờ y muốn biết Đại Việt đã nộp cho Hốt Tất Liệt những gì ?

Vương phi móc trong bọc ra một cuốn sổ, bìa có ghi hàng chữ Thổ Phồn là văn tự chính của Mông cổ . Đây là cuốn sổ Khu mật viện sai chim ưng gửi cho sứ đoàn sáng nay:

– Cách đây hai năm, đại vương Hốt Tất Liệt sai sứ sang nước tôi chiêu dụ, yêu cầu nộp vàng, bạc, châu báu. Bằng không người sẽ mang đại quân san bằng Giao chỉ. Họ xưng là sứ của Đại hãn Mông Ca. Chúa tôi đã nộp đủ. Đây là cuốn sổ do chính Thị thần là Tắc Chi Chiên biên nhận.

Khi A Lan Đáp Nhi vào Trung thổ, đã bắt giam Tắc Chi Chiên cùng bộ hạ y, tra khảo cực kỳ thảm khốc, rồi kết án phạm 141 điều. Tổng số 217 người bị xử tử hình. Việc Trung nguyên xong, nhóm

Câu Khảo Cục tiếp tục lên đường điều tra tại Đại lý, Tây tạng. Song các nơi này Mông cổ mới chiếm được, thuế khóa chưa định, nên Câu Khảo Cục không tìm ra tội trạng. Y định cùng Ngột A Đa sang Đại Việt, nhưng đường đi bị quân của Ngột Lương Hợp Thai trấn đóng, y bàn với Ngột A Đa bắt cóc Thanh Nga, dẫn dụ sứ đoàn tới để tìm thêm tài liệu.

Qua cuộc tiếp xúc hôm qua, A Lan Đáp Nhi tưởng rằng Hốt Tất Liệt chỉ đòi Đại Việt nộp lương thảo như lúa, gạo, đậu, cá khô, tôm khô, chứ không bao giờ y nghĩ rằng hãn bắt Đại Việt nộp vàng, bạc, châu báu.

Y cầm cuốn sổ lên, rõ ràng chữ ký của Tắc Chi Chiên, cạnh đó kiểm ấn của Hốt Tất Liệt. Danh sách gồm :

- Vàng ròng năm nghìn lượng,
- Bạc khối mười lăm nghìn lượng,
- Ngọc trai sáu nghìn viên,
- Vòng hồng ngọc ba trăm đôi,
- Vòng bích ngọc bốn trăm đôi,
- Vòng bạch ngọc hai trăm đôi.
- Đôi mỗi một trăm cái.
- Da cạp một trăm tấm.

Đọc xong, y kinh hoàng :

– Không ngờ Đại Việt lại giàu như vậy. Hà ! Hốt Tất Liệt mạo xưng sứ thần của Đại hãn, nhận cống phẩm mà không giao về quốc khố. Tôi đã kiểm lại, không hề thấy Đại Việt cống bất cứ cống phẩm nào. Những của báu này không biết Tắc Chi Chiên im đi hay Hốt Tất Liệt im đi ? Dầu người nào im đi thì tội vẫn do Hốt Tất Liệt phải chịu.

Vương phi tiếp :

– Vì sợ đất nước bị tàn phá nên chúa tôi vét hết kho tàng dâng cho đại vương. Không ngờ đầu năm vừa rồi người lại sai sứ sang đòi nữa. Chúa tôi không kiếm đâu ra châu báu, đành nộp một số cống phẩm khác.

Vương phi xuất trong bọc ra cuốn sổ thứ nhì trao cho A Nan Đáp Nhi. Y cầm lên xem, cũng vẫn chữ ký nhận của Thị thần Tắc Chi Chiên, có kiểm ấn của Hốt Tất Liệt. Trong cuốn sổ ghi :

- Lụa Nghi Tàm 2 vạn tấm,
- Nhiễu Thụy Khê 1 vạn rưỡi tấm,
- Bạc khối hai vạn lượng.
- Hương liệu ba trăm cân,
- Mật ong hai trăm hũ.
- Da hổ một trăm bộ.
- Ngựa chiến đủ yên cương ba nghìn con.
- Trâu, bò năm nghìn con.
- Gạo nếp hai vạn hộc (1 hộc = 10 kg ngày nay)
- Cá khô hai nghìn cân,
- Tôm he khô một vạn con.

Vương phi tiếp:

– Cuối năm, đại vương sai sứ sang đòi nữa, quốc khố nước tôi trống rỗng. Chúa tôi xin khất, nhưng đại vương không cho, người xua quân vào tàn phá nước tôi. Chúa tôi đành xuất lĩnh quân dân chống lại. Kết quả ra sao Thừa tướng đã biết.

Vương tiếp lời vương phi:

– Đại vương Hốt Tất Liệt nói rằng: vùng đất Hoa Bắc, Kim, Liêu, Tống, Đại lý, Đại Việt được Thành Cát Tư Hãn phong cho người. Người đã tổ chức những vùng thuộc Tống cũ thành một lãnh địa riêng biệt, Mông Ca hẳn không có quyền gì ở những vùng này. Nay mai người sẽ đem quân về Bắc, hạ bệ *Mông Ca, lên làm Đại hãn. Vì vậy phụ hoàng sai chúng tôi sang làm con tin với đại vương Hốt Tất Liệt*, chứ không đi Hoa lâm.

A Lan Đáp Nhi hừ một tiếng:

– Như vậy đây là bằng chứng rõ rệt Hốt Tất Liệt phản bội rồi! Hà ! Y không chối cãi được nữa.

Vương phi nghĩ thầm: cần thêm chi tiết cho Mông Ca sợ Hốt Tất Liệt mà ra tay nhanh. Phi than dài:

– Do bị đại vương ép, nước tôi chuẩn bị gửi bốn hạm đội thủy quân cho đại vương dùng để đánh Tống. Còn vợ chồng tôi sẽ làm tướng của người.

A Lan Đáp Nhi được chỉ dụ của Mông Ca làm khâm sai điều tra trên toàn vùng đất Trung nguyên, do Hốt Tất Liệt cai trị những tội lỗi của Hốt Tất Liệt và hệ thống quan lại. Bất cứ ai có tội, được toàn quyền xử tử, cách chức. Nếu Hốt Tất Liệt không có lỗi, cứ bịa đặt ra lỗi. Bây giờ nắm được trọng tội của Hốt Tất Liệt, y mừng chi siết kể. Y nói:

– Vương gia tâu về với phụ vương rằng: Đại hãn Mông Ca là vua Mông cổ, người là con của thần Mặt trời. Quân đội Mông cổ là quân đội của Đại hãn. Người sẽ thu binh quyền của Hốt Tất Liệt, rồi xử tử y. Quân của Đại hãn quyết không sang *đánh Giao chỉ để trả thù. Thù Giao chỉ là Hốt Tất Liệt*.

Vũ Uy vương nhìn vương phi, dùng lẳng không truyền ngữ nói: “ Không ngờ đại sự của ta lại thành công dễ dàng như vậy. Tuy nhiên ta phải khích A Lan Đáp Nhi cho y nổi khùng lên nữa”.

Vương phi làm bộ kinh sợ:

– Thừa tướng nói thì tôi tin. Nhưng mai đây chúng tôi vẫn phải tới trước của đại vương Hốt Tất Liệt châu hầu, làm con tin. Đợi khi nào đại vương Hốt Tất Liệt bị thu binh quyền, thì chúng tôi sẽ tới Hoa lâm. Xin Thừa tướng hiểu rằng khắp vùng Hoa Bắc, cho đến Tứ xuyên, Đại lý, Đại Việt không ai biết Mông Ca là Đại hãn, có người còn tưởng đó là một viên tướng dưới trướng của đại vương Hốt Tất Liệt. Họ chỉ biết có Hốt Tất Liệt thuộc dòng Sói xám ở Thảo nguyên, là con của Thần mặt trời mà thôi.

A Lan Đáp Nhi nổi giận càn hông:

– Tôi phải tâu với Mông Ca hẳn giết cái thằng em phản bội Hốt Tất Liệt mới hả giận.

Vương phi lại đổ thêm dầu vào căn nhà đang cháy:

– Liệu Mông Ca hẳn có đủ sức đấu với đại vương không? Đại vương thường nói: Mông Ca hẳn bất tài sao làm Đại hãn Mông cổ? Nay gặp Thừa tướng, ngài nói sao thì chúng tôi tin vậy. Còn việc Mông Ca có thực là Đại hãn hay không, chúng tôi nào có thể tin được? Nay Thừa tướng, cái nguy ngay trước mắt chúng tôi là chỉ thấy uy quyền Hốt Tất Liệt bao phủ khắp gầm trời. Ai ai cũng biết. Còn Đại hãn Mông Ca thì chẳng ai nghe biết gì cả. Ngày mai tôi phải đi yết kiến Hốt Tất Liệt.

Vương phi ngáp ngừng:

– Về bọn thích khách vừa qua, tôi nghi do Hốt Tất Liệt sai đến. Chứ bọn Tống ở Tứ xuyên lo thủ thân còn chưa xong, lấy hơi sức đâu mà đến đây bắt Thừa tướng?

A Lan Đáp Nhi đành quyết định:

– Thôi thì vương gia cứ đi sứ với Hốt Tất Liệt. Chúng ta sẽ gặp nhau ở Hoa lâm.

Y cho gọi Đi Mi Trinh vào:

– Người là đệ nhất dũng sĩ của ta. Chúc người tới vạn phu trưởng đâu có nhỏ? Người theo bảo vệ ta, thế mà người để bọn Tống bắt ta, suýt nguy đến tính mạng. Cũng may vương gia, vương phi cứu kịp. Tội người phải xử tử hình.

Đi Mi Trinh biện luận:

– Thừa thừa tướng bọn này võ công vô cùng cao siêu. Chúng từ phía rừng thành linh đột nhập, nên bọn tiểu nhân bị bất ngờ. Tuy nhiên ngay lập tức bọn tiểu nhân đã bao vây bọn chúng.

– Được ta tha tội cho người. Người tự thị võ công cao nhất thiên hạ, mà sao chỉ một chiêu đã bị vương phi đánh bại.

– Bà này dùng tà thuật chứ không phải bản lĩnh chân thực. Tiểu nhân không phục.

Tạ Quốc Ninh lắc đầu :

– Nếu tướng quân muốn, thì tái đấu với vương phi.

– Được. Tôi muốn đấu quyền trước.

Từ trước đến nay A Lan Đáp Nhi chỉ biết Đi Mi Trinh là đệ nhất dũng sĩ Mông cổ. Mông Ca dùng y làm cận vệ. Bất cứ võ sĩ Tống, Tây vực nào cũng bị bại dưới tay y. Vì vậy trong lần kinh lý này A Lan Đáp Nhi mới xin Mông Ca cho Đi Mi Trinh theo. Khi bọn thích khách Tống tới, chính Đi Mi Trinh đã đánh bại bốn tên, giết hai tên. Cuối cùng duy một kiếm khách đấu ngang tay với y. Thế rồi chỉ một chiêu vương phi Ý Ninh kiếm chế y dễ dàng. A Lan Đáp Nhi cũng tin rằng Ý Ninh dùng tà thuật. Y muốn Đi Mi Trinh tái đấu với vương phi cho rõ trắng đen.

Tất cả đều ra sân. Bọn Lôi kị đứng vây xung quanh. Vương phi với Đi Mi Trinh đứng đối diện nhau. A Lan Đáp Nhi hô lớn :

– Hãy chuẩn bị.

Y cầm dùi đánh một tiếng trống. Đi Mi Trinh phóng tới phát ra chiêu quyền đến vù một tiếng vào mặt phi. Phi tung mình lên cao. Y đâm vào quăng không, người y lao đảo. Ở trên không, lưng phi uốn cong, trông đẹp không thể tưởng được. Phi đáp xuống phía sau y. Y quay lại đâm liên hai quyền, phi lách mình một cái, cho quyền y qua đầu mình, rồi thuận tay mượn sức đánh sức, đẩy vào vai, chân quét chân y. Y bị ngã lộn lẩn ra xa. Cứ như vậy, sau mười chiêu, Đi Mi Trinh nổi cáu :

– Người chỉ tránh né, không dám trực diện với ta, như vậy không kể.

Vương phi cười :

– Được ! Bây giờ tôi sẽ phản công.

Phi vận dương kinh phát một chiêu trong Cửu chân chương tên Loa thành nguyệt ảnh. Chương phong phát ra ào ào. Đi Mi Trinh vùng tay đỡ. Bình một tiếng, người y bật tung về sau nằm dài trên đất. Y vọt người dậy như con cá, tấn công vào ngực phi hai quyền. Phi xuất chiêu Thiết kinh phi chương đỡ. Bình một tiếng, y bay bổng lên cao, rơi xuống đất, quần quai đau đớn.

Đợi cho Đi Mi Trinh đứng dậy, phi nói :

– Đệ nhất dũng sĩ Mông cổ chuẩn bị, tôi tấn công đây.

Phi vận khí phát chiêu vũ trăn môn của phái Mê linh tên *Hải triều lẫm lẫm*. Chiêu này có 5 lớp. Lớp thứ nhất ào ào tuôn ra. Đi Mi Trinh thấy chiêu số kỳ ảo, y vùng tay phải gạt ngang. Binh một tiếng, y rung động toàn thân. Còn vương phi thì đứng nguyên. Phi phát lớp thứ nhì, lớp này mạnh gấp hai lần lớp đầu. Đi Mi Trinh đứng đỉnh tấn, dùng hai tay đỡ. Bùng một tiếng, người y choáng váng bật lui liền ba nước, như người say rượu. Đợi cho y đứng vững phi nói lớn :

– Lớp thứ ba. Đỡ này.

Lớp này mạnh gấp đôi lớp thứ nhì, gấp bốn lớp thứ nhất. Đi Mi Trinh nghiêng rằng dùng cả hai tay đỡ. Người y bay bổng lên cao. Trong khi chơi với trên không, rơi xuống cạnh con chiến mã, thì phi phát lớp thứ tư. Lớp này mạnh gấp đôi lớp thứ ba, gấp 8 lớp thứ nhất. Đi Mi Trinh kêu thét lên nằm ẹp xuống đất sau con chiến mã. Aàm một tiếng, con chiến mã đang gặm cỏ ở sân bật tung lên cao, nó hí lên một tiếng thê thảm, dầy mấy cái rồi nằm im.

Chiêu Hải triều lẫm lẫm có 5 lớp, khi đã phát hết 4 lớp đầu thì không dừng lại được, phi phải phát lớp thứ 5. Mọi người kêu thét lên, vì chiêu đó trúng Đi Mi Trinh, thì người y sẽ nát ra mà chết. Vũ Uy vương thấy nếu để Đi Mi Trinh chết dưới tay vương phi, thì mưu cầu của Đại Việt với A Lan Đáp Nhi sẽ không thành. Vương hú lên một tiếng inh tai nhức óc, rồi xẹt tới xốt Đi Mi Trinh vọt lên cao. Ở trên cao vương đánh xuống chiêu Phong ba hợp bích, trong bộ chương trăn môn của phái Đông A. Hai kinh phong gặp nhau phát ra tiếng binh lớn. Người vương với Đi Mi Trinh lại vọt lên cao bật tung ra xa đến 5 trượng. Còn vương phi cũng lùi liền 5 bước để giảm bớt kinh lực.

Đi Mi Trinh được vương cứu thoát, y đứng run lẩy bẩy. A Lan Đáp Nhi cũng kinh hồn, tự than :

– Võ công Đại Việt như thế này, hèn gì xưa kia Thiên sứ Trần Thủ Huy và Công chúa Đoan Nghi đã dùng giúp Thành Cát Tư Hãn dựng ra triều Mông cổ từ Đông sang Tây, không ai địch nổi.

Tạ hầu hỏi Đi Mi Trinh :

– Tướng quân có muốn đấu vũ khí không ?

– Không ! Đủ rồi.

A Lan Đáp Nhi rùng mình :

– Võ công vương phi thấp hơn vương gia một bậc mà đã như thế này rồi, thì hỏi sao A Tan không bị giết, hỏi sao Ngột Lương Hợp Thai, Hoài Đô, A truật không bị bại ? Nếu nhị vị giúp Hốt Tất Liệt thì Mông Ca nguy tai.

A Lan Đáp Nhi không thấy Dã Tượng đâu, y hỏi :

– Cái người khổng lồ vật ngã ngựa là gì của vương gia ?

– Y là cháu gọi tôi bằng chú.

– Kinh khủng, trên đời tôi chưa thấy người nào có thần lực như vậy. Nếu sau này người đó sang Hoa lâm, tôi sẽ xin phong cho y làm tướng chỉ huy cận vệ cho Đại hãn.

Vũ Uy vương tỏ ý cương quyết :

– Nếu như sau này đại vương Hốt Tất Liệt đối trận với Mông Ca hãn, người sai chúng tôi đánh Mông Ca hãn thì chúng tôi chỉ có cách đánh cầm chừng. Chúng tôi hứa không làm lợi cho Mông Ca hãn thì cũng không làm hại.

A Lan Đáp Nhi cảm động :

– Tôi sẽ tâu với Mông Ca hẳn rằng để cho Đại Việt là phiên thần trung thành phương Nam, hơn là đem quân đánh. Đại Việt là nơi rộng rãi hổ phục. Đánh sẽ lĩnh thất bại như Ngột Lương Hợp Thai, *chi bằng để yên mà được một nước anh hùng làm phen dậu*.

Có tiếng ngựa hí, rồi mười kị mã đang vào trong sân. Trong 10 kị mã có Ngột A Đa. Nhìn những xác chết của Lôi kị, chiến mã cũng như của đám võ sĩ Tống rải rác trong sân, A Đa kinh ngạc hỏi:

– Đại huynh! Cái gì đã xảy ra?

A Lan Đáp Nhi tóm lược:

– Bọn võ sĩ Tống tập kích. May được vương gia cứu ứng.

A Đa ra lệnh cho thủ hạ dọn dẹp xác chết, nét mặt y lạnh lùng như không biết chuyện gì đã xảy ra.

A Lan Đáp Nhi cung tay :

– Xin mời sứ đoàn ở lại dùng bữa cơm với chúng tôi. Không biết vương gia có thời giờ không ?

– Đa tạ Thừa tướng.

Nhìn thấy Thanh Nga với Thúy Nga, Ngột A Đa tiến tới, nói bằng âm thanh nhu nhã:

– Hai em cũng theo vương gia tới đây sao ?

Thúy Nga mỉm cười:

– Chúng em xin đi theo vương, để hát cho anh nghe đây. Anh bằng lòng không?

Nghe câu nói tình tứ của người đẹp, lòng Ngột A Đa nhũn ra. Y nói với A Lan Đáp Nhi:

– Xin đại ca thù tiếp vương gia, vương phi cùng Tạ hầu. Đề xin tiếp hai vị cô nương.

Vương phi biết A Đa say Thanh Nga với Thúy Nga, nên muốn thù tiếp riêng để có dịp gần hai nàng. Phi dặn :

– Hai em phải lễ phép với ngài Tham tri nghe !

– Dạ ! Em nhớ lời chị.

Bấy giờ trời đang giữa mùa Xuân, trăm hoa đua nở. Trang trại tuy rộng lớn nhưng trồng có ba loại hoa, một là hoa đào, hai là hoa hồng, ba là hoa trà. Riêng trà có tới 10 loại. Khắp trang trại như một rừng hoa. A Đa đặt tiệc trong căn nhà nghinh phong nằm giữa các bồn hoa. Y nở nụ cười thực tươi, xoa hai tay vào nhau :

– Những khóm hoa trà này mới nở hôm qua. Hôm nay anh mời hai em cùng thưởng hoa, thưởng thức thổ sản của Đại lý.

Dù đã được Vũ Uy vương cho biết rằng Ngột A Đa là con của Tây Viễn vương Trần Tử An. Hồi niên thiếu vương theo Thành Cát Tư Hãn chinh chiến khắp nơi, nên mọi giáo huấn con cái do phu nhân đảm trách. Bà Tử An xuất thân là một ca nhi trong đội nhạc cung đình triều Lý . Khi sống ở Mông cổ, bà không tiếp xúc với nhiều người, nên bà chỉ biết nói những câu thông thường. Một mẹ, một con sống cô lập, bà sợ con quên nguồn gốc, nên dạy con nói tiếng Việt, văn hóa Việt. Vì vậy trong tâm A Đa, cái gì của Việt cũng đẹp, cũng tốt. Bây giờ y được gặp năm thiếu nữ Việt giữa tuổi trổ hoa, lại đàn ngọt hát hay. Y say mê ngay Thanh Nga đến điên đảo thần hồn.

Thanh Nga nhận ra rằng Ngột A Đa là con người thanh lịch, chứ không giống bọn Mông cổ cộc cằn dữ tợn. Nàng cảm động hỏi :

– Em muốn hỏi anh một chuyện.

– Em cứ hỏi.

– Anh là đại quan Mông cổ, mà anh lại nói tiếng Việt rất văn hoa. Hơn nữa anh thích nghe bọn em hát những bài hát Việt. Hồi đầu em ngạc nhiên, Vũ Uy vương với vương phi cho em biết anh là người Việt, hơn nữa là con nhà danh gia thì bọn em mừng chi siết kể. Không biết song thân có đặt cho anh cái tên Việt nào chưa?

– Mẹ anh đã đặt cho anh là Trần Đại Việt.

– Úi chà, tên này oai lắm. Từ nay bọn em gọi anh bằng cái tên này nghe?

– Được, nhưng chỉ gọi khi chúng ta bên nhau, chứ không nên gọi trước mặt người Mông cổ.

Thúy Nga nghĩ thầm:

– Đại Việt đang say mê Thanh Nga, mà Thanh Nga đã là vợ chưa cưới của anh Dã Tượng rồi, e rằng Đại Việt sẽ tuyệt vọng. Với một người như Đại Việt, bất cứ cô gái nào cũng phải ước ao được chàng chiều cố. Sáng nay vương phi Ý Ninh dặn ta tìm cách nháy vào thay Thanh Nga, bắt con nai A Đa, gỡ rối cho mối tình tay ba này. Không biết ta có làm nổi không?

Nghĩ vậy nàng hỏi:

– Anh Đại Việt này, anh đã từng học nhạc chưa?

– Không! Anh là một người thô lỗ. Từ bé chỉ biết cưỡi ngựa bắn cung. Nhưng anh thích nhạc Việt, thích nghe các em hát, vì anh đã được mẹ anh hát cho nghe. Các em hát hay hơn mẹ anh nhiều.

A Đa nhìn thẳng vào bộ ngực căng no của Thúy Nga, miệng y nuốt nước miếng ừng ực:

– Hôm trước anh đe dọa Thanh Nga rằng anh sẽ bắt Nga đem về Mông cổ, khi nào Nga với anh có mười con anh mới cho Nga về quê. Vậy Nga có sợ không?

Đúng ra Thanh Nga phải trả lời rằng em sợ lắm vì em là vợ Dã Tượng rồi. Chợt nhớ lời vương phi:

"Em đã đốt lên ngọn lửa trong tâm A Đa. Em phải cố làm cho ngọn lửa đó không những không tắt, mà còn bùng lên cao hơn. Em đừng quên các anh thư thời Lĩnh Nam xung trận chặt đầu giặc. Bây giờ em nở nụ cười, liếc khéo mắt đưa tình mà thẳng giặc thì khác gì múa kiếm, vung đao".

Nàng lại nghĩ đến 162 tướng thời vua Trưng, anh hùng là thế, được thờ khắp nước. Tại sao nàng không hy sinh cho đất nước? Nàng vờ e thẹn trả lời trái với lòng mình:

– Em chỉ là cô bé thôi, mà được một danh nhân như anh chiều cố thì cầu mà không được.

A Đa tuyệt không ngờ Thanh Nga lại nói câu đó, trống ngực y đánh bùng bùng. A Đa nói trong hơi thở:

– Anh tưởng trên đời chỉ có mình Thanh Nga xinh đẹp, duyên dáng; không ngờ cả năm cô đều đẹp, mỗi người một vẻ. Hôm qua anh đã may một cái túi gấm, rồi ướp hoa, anh dùng để bắt cả Thanh Nga lẫn Thúy Nga.

Thúy Nga nguyền A Đa:

– Anh chỉ có quyền bắt Thanh Nga thôi. Anh không có quyền bắt em.

– Anh bắt em cho đại ca A Lan Đáp Nhi. Đại ca thấy anh mê Thanh Nga. Anh ta cũng muốn có cô vợ đẹp, ca hát giống Thanh Nga. Anh nghĩ Thúy Nga nên làm phu nhân Thừa tướng Mông cổ có phải lợi cho Đại Việt không? Thúy Nga ưng không?

Thúy Nga đùa:

– Em ưng gấp.

– Em nhớ lấy lời nghe.

Đại Việt cười sáng khoái, tiếng cười dòn như suối reo:

– Lát nữa đây anh sẽ nói truyện với anh Duy, với chị Trần Ý Ninh xin cưới Thanh Nga ngay ngày mai. Anh cũng xin anh Duy gả Thúy Nga cho A Lan Đáp nhi. Nếu Thanh Nga từ chối thì anh cho Lôi kị bắt sống.

Thanh Nga kinh hoàng nghĩ thầm:

– Cái anh này là người Việt tha hương, yêu nước nồng cháy con tim. Bây giờ hoàng đế Nguyên Phong cũng như Vũ Uy vương đang cần sự giúp đỡ của anh ta. Anh ta mà ngỏ lời thì ông bà bằng lòng ngay. Truyện ta với Dã Tượng hóa ra một tường ảo mộng ư. Làm sao bây giờ?

Tuy vậy, nghe Đại Việt thổ lộ chân tình, Thanh Nga cảm động, má đỏ au lên, mặt nóng bừng, môi khô. Nàng cố lấy can đảm nói:

– Em biết anh dành cho em những bông hoa tình yêu nồng thắm. Em cũng biết với địa vị của anh thì không thiếu gì giai nhân Mông cổ, Tây vực, Trung nguyên ước mơ được làm vợ anh. Thế nhưng anh lại yêu con bé nhà quê này. Em đâu phải khúc gỗ mà không cảm động? Nợ tình này em mắc nặng quá, sao trả anh cho nổi? Tiếc rằng em đã trót yêu thương, dành tất cả tình ý cho anh Dã Tượng rồi. Thôi anh bắt Thúy Ngần đi.

Đại Việt cương quyết:

– Anh thề sẽ cưới bằng được em làm vợ. Còn Thúy Nga anh phải bắt cho A Lan Đáp Nhi. Em ơi! Công danh anh có, tài trí anh có, mà anh yêu một giai nhân cũng không được sao? Phải được, bất cứ giá nào cũng phải được. Nếu không được thì anh phải ôm hận cả đời sao?

Nghe Đại Việt nói, Thanh Nga, Thúy Nga nhận thấy Đại Việt đa tình, lãng mạn vô cùng.

Thúy Nga cảm thương cho Đại Việt, bị rơi vào biển tình tuyệt vọng. Hôm trước trên bến Bắc ngạn, Tây viễn vương đã nói với năm nàng: “Phàm trong tình trường, khi gặp trở ngại, người *ta càng lao vào, tình càng thêm thâm sâu*”. Nàng lại thương hại cho cả Thanh Nga. Thanh Nga dành tất cả yêu thương cho Dã Tượng, nhưng Dã Tượng lại dồn hết tâm trí cho Xã tắc, cho tộc Việt. Nếu như Dã Tượng yêu một cô gái khác, có thể một ngày nào đó anh thay đổi. Đây người thiếu niên này quá cao cả, tình yêu quá bao la, chỉ nghĩ tới đất nước, đến dân tộc thì sao có thể lay chuyển? Hơn nữa anh là con nuôi Hưng Đạo vương, thì lòng yêu nước mãnh liệt không thể tưởng tượng nổi. Vương phi Ý Ninh muốn ta bắt A Đa thay Thanh Nga, mà anh ta lại muốn bắt ta cho A Lan Đáp Nhi. Khó quá.

Ba người vừa ăn vừa hát. Họ quên mất cả thời gian. Khi bóng chiều ngả xuống dãy núi xa xa thì vương phi xuất hiện. Phi cười:

– Các em ngắm hoa đủ chưa? Chúng ta về thôi.

Hai nàng cùng đứng dậy, Thúy Nga nghiêng nghiêng đầu vuốt mái tóc nói với Đại Việt:

– Chúng ta tạm biệt, hy vọng mai này sẽ được gặp lại nhau.

Vương phi đi trước với Thúy Nga, A Đa đi sau với Thanh Nga. A Đa nhìn Thanh Nga với tất cả yêu thương ngùn ngụt. Không cầm lòng được, chàng nắm lấy cườm tay nàng. Thanh Nga định giạt tay ra, nhưng chợt nhớ lời Vũ Uy vương dặn:

"*Em là con gái, trời cho một tấm hồng nhan hiếm có. Khi ra ngoài sẽ có nhiều người bày tỏ cảm tình. Bất cứ trường hợp nào cũng phải tìm cách từ chối thực nhu nhã*".

Vương phi dặn:

"*A Đa yêu thương em như lửa cháy, bao la như biển Đông. Dù em chỉ biết có Dã Tượng. Em phải khéo léo trong cung cách đối xử với y. Đất nước mình đang cần đến y*".

Câu đất nước mình đang cần đến y, nhắc nhở nàng nhớ đến những lần Tả Quốc Ninh giảng cho nàng nghe về hành trạng của vua Trưng cùng 162 anh hùng thời Lĩnh Nam. Vì vậy nàng không dám giật tay ra. A Đa đi chậm lại, thành ra khi tới sân trước, hai người cách xa vương phi mấy chục trượng.

– Em ơi!

A Đa thì thầm vào tai Thanh Nga: hôm trước em cho anh *cái áo lót, lại cho anh cái váy của em. Đêm đêm anh ôm áo, ôm váy của em mà hôn, mà ngủ.*

Rồi không cần Thanh Nga đồng ý hay không chàng đeo vào cổ tay nàng chiếc vòng ngọc đỏ tươi có vân trắng:

– Anh tặng em, mong rằng lúc nào em cũng mang bên cạnh.

Tim Thanh Nga đập thình thịch, nàng nói trong hơi thở dồn dập:

– Em! Em đã tẩm lòng của người quân tử.

Tay Thanh Nga run lẩy bẩy trong tay A Đa, một cảm giác êm dịu chạy khắp thân, hơi thở của nàng dồn dập. Nàng không muốn gỡ tay mình khỏi tay A Đa. Nàng nghĩ thầm: phải chi người nắm tay nàng là Dã Tượng thì hạnh phúc biết bao?

Có tiếng vương phi gọi:

– Thanh Nga ơi! Về thôi!

Thanh Nga tỉnh giấc mơ Đào nguyên. Nàng khẽ gỡ tay khỏi tay A Đa. Nhớ lời vương phi dặn: dù không yêu A Đa, nhưng vì quốc sự, bất cứ lúc nào, bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải đốt ngọn lửa tình của A Đa ngày càng mạnh. Nàng liếc mắt, nghiêng nghiêng đầu nói với A Đa:

– Em về nghe. Không bao giờ em quên kỷ niệm hôm nay đâu. Chúng ta còn nhiều dịp gặp nhau.

Vừa trở về tới trại, thì La An báo với vương:

– Sáng nay các vị võ lâm Trung nguyên đã tới để đón gia quyến. Họ đóng trại bên đất Việt. Hưng Ninh vương sẽ đem tù binh Mông cổ lên trao cho sứ đoàn. Về phía Mông cổ thì phò mã Hoài Đô loan báo cho biết, họ đã đem gia quyến võ lâm Trung nguyên tới. Ngày mai là ngày trao đổi người của đôi bên.

Vương hỏi:

– Dã Tượng về chưa?

– Đô thống về rồi. Người đang ăn. Cũng sắp xong.

Nguyên trong khi bọn Tổng của Vương Liên giao chiến với bọn Mông Cổ của A Lan Đáp Nhi, vương gọi riêng Dã Tượng dặn:

– Lát nữa, bọn Tổng rút lui, thế nào Mông cổ cũng dùng Lôi kị bao vây. Cháu dùng thần lực đánh ngã ngựa cho bọn Mông cổ kinh hãi, mở vòng vây cho Tổng. Sau đó cháu đuổi theo bọn Tổng, ngỏ lời rằng Đại Việt muốn hội với Tổng cùng liên hợp đánh Mông cổ. Sau đó cháu cùng họ hẹn nơi bàn việc.

Dã Tượng đã ăn xong, chàng lên gặp Vũ Uy vương. Vương hỏi:

– Cháu gặp lại Vương Kiên, kết quả ra sao?

– Vương nói: chinh sách về Nam biên của Tổng không nhất định. Vương xin chú thính ý kiến triều đình rồi hai bên sẽ gặp lại nhau, như vậy mới rõ ràng. Vương hẹn gặp ta tại Hợp châu.

Vào lều họp, vương hỏi phi:

– Em nghĩ mình nên dùng những võ sĩ Tống vào việc gì?

– Họ là những người có chân tài, gặp hoàn cảnh cùng đường mà phải tha hương. Bây giờ ta có hai cách dùng cái tài của họ. Triều đình đã cho họ một khu đất tốt, chu cấp cho họ phá hoang trồng cấy, để cùng gia quyến mưu sinh. Lại khuyến khích họ mở trường dạy văn, dạy võ. Nếu như mai này Mông cổ sang nữa, họ sẽ sát cánh cùng ta chống giặc.

– Phương cách này thực hay. Trước đây phụ hoàng đã từng áp dụng với nhóm của Hoàng Bính. Còn cách thứ nhì?

– Xa quê hương là điều khắc khoải, đau xót. Ta đã dơ tay ra đón họ, lại cứu gia đình họ, ta phải giúp họ trở về quê hương. Vậy em nghĩ mình tìm cách đưa họ trở về Trung nguyên, sống trong vùng cai trị của Tống là điều mà họ ước ao. Ta cần liên lạc với Vương Kiên, rồi đưa họ cùng gia quyến đến Hợp châu sống. Họ sẽ cùng quân Tống chống Mông cổ. Họ giúp Tống chống Mông cổ tức là giúp ta chống Mông cổ.

– Mình nên hỏi ý kiến Vương Kiên trước đã.

Hồi thứ năm mươi sáu
Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử

Vừa lúc đó Dã Tượng báo: hai người cầm đầu nhóm võ sĩ hàng Đại Việt là Trần thiên kiểm Phùng Tập thuộc phái Côn lân và Càn khôn trấn thiên chưởng Tiêu Hư tử thuộc phái Võ đang xin cầu kiến.

– Cho mời vào.

Hai đại tôn sư võ học Trung nguyên dẫn mười bốn đệ tử tới. Vương phi kinh ngạc khi thấy Tiêu Hư tử cùng 9 đệ tử không mặc y phục Đạo gia mà mặc cà sa đại hồng của nhà Phật. Lễ nghi, phân ngôi chủ khách xong. Vương hỏi:

– Nhị vị đã chuẩn bị đón gia quyến chưa?

Phùng Tập chấp tay:

– Khải vương gia rồi.

Tiêu Hư tử tiếp:

– Triều đình cấp khu đất gần núi Côi cho chúng tôi. Chúng tôi đã đi xem, đây là khu đất phì nhiêu. Sông, ruộng nhiều tôm cá, núi nhiều thú hoang. Nhưng trong anh em có rất nhiều người còn trẻ, không vướng thê nhi. Họ muốn Đại Việt thu nhận vào các đạo quân, để họ cùng góp sức chống Thát đất.

Wương phi nhìn chồng, như muốn nói: “Mình đang muốn *đem họ về Trung thổ đánh giặc thì họ lại đề nghị. May thực*”.

– Thừa nhị vị, chúng tôi mới sang đây được ít ngày, mà đã có duyên gặp gỡ một đại tướng nước danh của Tống, người từng thắng Mông cổ nhiều trận. Tôi đề nghị các vị nên đem gia quyến vào Thục cùng nhau chống giặc. Không biết các vị nghĩ sao?

Phùng Tập hỏi:

– Vị tướng đó là ai vậy?

– Vương Kiên.

– Áy à! Liệu Vương Kiên có tin chúng tôi không? Hiện có rất nhiều Hán gian theo Mông cổ, đánh nhau với Vương Kiên. Bởi vậy Vương thường nghi ngờ võ lâm vùng Mông cổ chiếm. Hơn nữa, chúng tôi từng theo Ngột Lương Hợp Thai đánh Tống nhiều trận, sợ rằng Vương Kiên vẫn còn chưa quên thù hận.

– Chúng tôi sẽ trình bày hoàn cảnh của quý vị với Vương Kiên.

Đạo sư Tiêu Hư đề nghị:

– Bần tăng xin vương gia chuẩn cho một điều.

Wương phi nghe đạo sư xưng là bần tăng, đúng ra ông phải xưng bần đạo mới phải. Phi mở to mắt ra nhìn ông.

Phi hỏi Phùng Tập:

– Tiên sinh? Vị này là... thế nào?

Phùng Tập chấp tay vái:

– Vương phi ngạc nhiên cũng phải. Nguyên đại hòa thượng đây là một cao tăng tại Thiếu lâm tự. Pháp danh Thiên Phong. Người cùng chín đệ tử khởi binh tại vùng Hồ Bắc đuổi Mông cổ. Nhưng bị

thất bại. Cả 10 thầy trò mai danh ẩn tích trong lớp áo đạo sĩ, dối rằng thuộc phái Võ đang, đạo hiệu là Tiêu Hư tử.

Vũ Uy vương từng được nghe phụ hoàng ca tụng công đức của Thiên Phong thiền sư trong việc hoằng dương đạo Đức Thế Tôn. Ngài đi tu từ thừa thiếu thời tại Thiếu lâm tự. Về Võ công, ngài là tọa thủ La Hán đường. Về Phật pháp ngài là một Bồ Tát đặc quả. Phụ hoàng ước mong được gặp ngài. Nhưng gần đây ngài cùng chư đệ tử khởi binh đánh Mông cổ, rồi tuyệt tích. Bây giờ Thiên Phong đã tới Đại Việt trong lớp áo đạo sĩ. Vương mừng chi siết kể.

Còn vương phi, phi là Phật tử, hơn nữa là đệ tử yêu của Vô Huyền bồ tát. Vương phi cực kỳ quý trọng các tăng ni. Phi đứng dậy hành lễ:

– A Di Đà Phật. Đệ tử tham kiến đại sư. Đức Phật dạy rằng tất cả đều do thiện duyên, vì Thát đất xâm Đại Việt nên dân chúng được hưởng thiện duyên Phật giá của đại sư cùng chín vị cao đồ.

Vũ Uy vương lại chấp tay hành lễ:

– Hồi còn niên thiếu phụ hoàng của đệ tử có duyên với Yên tử sơn, người tu được ít lâu với Trúc Lâm quốc sư. Nay tuy trở về chốn bụi trần, mà lòng còn tưởng nhớ đến chính pháp. Đệ tử kính xin Phật giá của đại sư cùng chư đệ tử lên núi Yên tử trước là thanh tu, sau là đem đức từ bi độ cho chúng sinh Đại Việt. Hiện chùa Hoa yên trên núi Yên tử do Đại Đăng quốc sư làm phương trượng.

– Bần tăng ở Trung nguyên đã từng nghe nói rằng Đại Việt có chùa Hoa yên trên núi Yên tử, trải qua đã hai đời, các tổ đều đặc quả Bồ Tát. Nhưng không biết Phương trượng có nhận bần tăng hay không?

– Vị khai sơn ra phái Yên tử là tổ Hiện Quang. Người kế tiếp là Trúc Lâm quốc sư. Phương trượng hiện thời là Đại Đăng quốc sư, thuộc thế hệ thứ ba, người là bạn thân của phụ hoàng.

Thiên Phong mừng vô hạn:

– Ngoài 9 đệ tử đã thọ giáo thành tăng, bần tăng còn 18 đệ tử tục gia. Bần tăng xin vương gia cho họ về Trung nguyên diệt Thát đất.

Dã Tượng bước vào cung tay:

– Thưa chú! Có Quốc sư với Hưng Ninh vương giá lâm.

Vũ Uy vương cùng vương phi đứng bật dậy:

– Xin mời các vị cùng tiểu vương ra nghênh đón quý khách.

Quốc sư Đại Đăng mặc quần áo nâu, phía sau ngài có mấy đệ tử tục gia theo hầu. Đại sư Đại Đăng là bạn thân của Nguyên Phong hoàng đế, hơn nữa ngài là Quốc sư của Đại Việt. Uy tín, đạo hạnh của ngài vang lừng khắp Hoa, Việt, Chiêm, Đại lý. Còn Hưng Ninh vương tục danh Trần Quốc Tung, là anh ruột Hưng Đạo vương. So vai vế, vương là anh con nhà bác của Vũ Uy vương. Vương là một nhà bác học, Tam giáo (Nho, Phật, Lão), Cửu lưu, Bách gia, Chư tử vương đều thông. Về võ công vương cao hơn Vũ Uy vương một bậc. Về tài dùng binh, vương chỉ thua có Hưng Đạo vương. Nhưng hành trạng của vương là một vị Bồ tát hơn là một đại tướng. Ngoài những lúc cầm quân, vương thường mặc quần áo như một hòa thượng. Pháp danh của vương là Tuệ Trung.

Vũ Uy vương hô lớn:

– Đệ tử Nhật Duy cùng Ý Ninh xin tham kiến đại sư bá.

Wương hướng Hưng Ninh vương:

– Em xin tham kiến vương huynh.

Vương phi Ý Ninh giới thiệu cử tọa. Mọi người nhìn đại sư Đại Đăng: dáng người cao lớn, nét mặt từ ái, trông ngài như cười mà không phải cười. Vũ Uy vương lên tiếng:

– Không biết cơ duyên nào mà đại sư bá lại quang lâm tới chốn cát bụi này.

Ngài chỉ vào Thiên Phong đại sư:

– Bần tăng đến đây để đón đại giá các vị cao tăng Thiếu lâm lên Yên tử sơn thanh tu, phổ độ chúng sinh. Cách đây mấy tháng, vào một buổi chiều, bần tăng thấy mười cụm mây tia sáng rực từ phương Bắc tụ lại trên đỉnh Yên tử sơn, rồi chim bay từng đàn quanh những cụm mây. Hơn một tháng mây mới di chuyển về Thăng long, chim cũng bay theo. Bần tăng biết rằng có cao nhân mang hạnh Bồ tát tới. Hai hôm trước bần tăng thấy mây tia lại từ Thăng long lên đây. Bần tăng theo dõi mới nảy ra đại sư với chư cao đồ hiện diện chỗ này.

Mọi người nhìn ra ngoài lầu, quả có mười tầng mây tia lóng lánh đẹp vô cùng. Một đàn chim đang bay lượn trong đám mây.

Hưng Ninh vương chỉ Đại Đăng:

– Khi anh khởi hành từ Thăng long giải tù binh lên đây thì gặp sư phụ. Người bảo trong trận giặc vừa qua, Đại Việt được hưởng hạnh Bồ tát của chư tăng từ Trung thổ mang qua. Người đi với anh để tiếp đón.

Thiên Phong đại sư cùng các đệ tử đứng dậy hành lễ:

– A Di Đà Phật! Bần tăng cùng chư đệ tử đang gặp nghịch cảnh. May được Nguyên Phong hoàng đế cùng vương gia đây mở rộng vòng tay cứu vớt. Nay lại được đại sư mở tâm từ bi tiếp dẫn, thực là đại duyên, đại phúc.

Đại sư Đại Đăng hỏi vương phi Ý Ninh:

– Con là đệ tử yêu của Vô Huyền bồ tát, vậy con có biết phái Yên tử nguồn gốc từ đâu mà ra không?

– Bạch đại sư bá, kiến thức của con hẹp hòi, mong sư bá dạy cho.

Đại Đăng phóng đôi mắt từ bi nhìn Ý Ninh:

– Để sư bá giảng cho con nghe. Vị tổ khai sáng ra phái Yên tử là ngài Hiện Quang. Tổ là đệ tử của tổ Thường Chiếu tại chùa Lục tổ, như vậy tổ thừa hưởng y bát từ giòng Vô ngôn thông. Nhân một lần chu du vùng núi Đông triều, tổ thấy mây tia tụ trên đỉnh một ngọn núi như cây nấm, ngài leo lên đỉnh, nhìn ra bốn phương. Phương Bắc tới Trung nguyên, phương Đông ra tận biển, phương Tây là chín mươi chín ngọn núi gối lên nhau. Tổ than: đây là linh địa của Nam phương. Thế rồi tổ đặt tên núi đó là núi Yên tử (yên là khói, tử là màu tím). Tổ cho kiến tạo chùa Hoa yên, cạnh ngọn suối. Có lần một vị tăng vân du qua núi Yên tử thấy tổ, thì hỏi:

– Hòa thượng làm gì trong núi vậy?

Tổ đáp:

Ná dĩ Hứa Do đức,

Hà tri thế kỷ xuân.

Vô tri cư khoáng dã,

Tiêu dao tự tại nhân.

(Theo Hứa Do người cũ,

Nào biết mấy xuân qua.

*Vô vi nơi hoang dã,
Làm người sống tự tại).*

Tổ viên tịch niên hiệu Kiến Gia thứ 10 cách đây 37 năm, trước khi viên tịch, Tổ ngồi trên phiến đá đọc một bài kệ:

*Huyền pháp giai thị huyền,
Huyền tu giai thị huyền.
Nhị huyền giai bất tức,
Tức thị trừ chư huyền.
(Pháp huyền đều là huyền,
Tu huyền cũng là huyền.
Lìa được hai huyền ấy,
Thì trừ được mọi huyền).*

Tổ là người khai sơn lập ra phái Yên tử. Tổ viên tịch, tổ thứ nhì là Trúc Lâm Quốc sư kế vị. Từ đấy phái Yên tử có tên Trúc Lâm Yên Tử.

Dã Tượng đứng hầu sau vương chấp tay hỏi :

– Bạch Đại sư ! Con nghe nói Nguyên Phong hoàng đế đang đêm trốn từ Thăng long lên Yên tử sơn xin thọ giáo, rồi bị Trung vũ đại vương bắt về. Như vậy đức vua giác ngộ rồi trốn đi tu, như xưa kia Thái tử Tất Đạt Đa cũng đang đêm cỡi bạch mã rời kinh thành, vượt sông Hằng đi tu rồi đắc chánh quả vô thượng chính đẳng chính giác, thành đức Thích Ca Mâu Ni sao ?

Đại Đăng mỉm cười :

– Nhận thấy cuộc đời vô thường, bỏ địa vị cao quý tìm lẽ giải thoát thì cả hai vị giống nhau. Mà hoàn cảnh không giống nhau.

Vương phi Ý Ninh nghe phong phanh rằng sư phụ Vô Huyền bỏ tất, trước đây từng là vua Chiêu Hoàng triều Lý, sau khi hạ giá, truyền ngôi cho chồng, được phong là Chiêu Thánh hoàng hậu. Năm sư phụ 19 tuổi chưa có hoàng nam, thì bị giáng xuống làm Thiên Cực công chúa. Nhà vua phần uất đang đêm trốn lên Yên tử sơn xin thọ giáo đi tu. Nhưng chi tiết thì không biết rõ. Phi nghĩ : bề gì Đại Đăng cũng là Bồ Tát, là đại sư bá của chồng mình, lòng dạ ngài quảng đại, mình cứ hỏi ắt ngài sẽ nói thực hết.

– Bạch đại sư, con không hiểu.

– Bần tăng biết, luật trong nội cung rất nghiêm. Những uẩn khúc cung đình thì ngay các hoàng tử, công chúa cũng không được biết. Để bần tăng vì các con mà nói.

« Sau khi Chiêu Thánh hoàng hậu bị giáng xuống làm Thiên Cực công chúa thì người được một thần ni thuộc phái Mê linh cứu khỏi hoàng cung, cùng với hai cung nữ thân tín, rồi cho thọ giới pháp danh là Vô Huyền. Hai cung nữ pháp danh Vô Âm, Vô Sắc. Lại truyền cho bản lĩnh kiếm thuật thần thông ».

Đám Phùng Tập và Thiên Phong cùng bật lên tiếng ái chà. Vương phi Ý Ninh hỏi :

– Không biết có sự gì lạ, mà...

Thiên Phong rùng mình :

– Trong trận đánh năm trước bần tăng cùng chư đệ tử đã thấy kiếm pháp thần thông của ba vị sư thái. Nói ra thực xấu hổ, cho đến giờ mỗi lần nghĩ tới bần tăng vẫn còn lạnh gáy.

Đại Đăng thuật :

« Thái sư Trần Thủ Độ sợ Chiêu Thánh trốn ra các trấn hô hào khởi binh trung hưng Lý triều. Người đem một cung nga giống Chiêu Thánh cho ở trong cung, phòng khi Chiêu Thánh khởi binh thì nói rằng đó là Chiêu Thánh giả. Còn Chiêu Thánh vẫn ở trong cung.

Trong trận Bình lệ nguyên, tướng quân Lê Tần vào sinh ra tử, cứu hoàng thượng bao phen. Hoàng thượng cho đổi tên là Lê Phụ Trần. Phụ nghĩa là bảo vệ. Vừa lúc đó chính thể của Lê Phụ Trần qua đời. Hoàng thượng thấy cung nữ giả Chiêu Thánh phải sống cô độc trong cung, người động lòng trắc ẩn, mới truyền gả cho Lê Phụ Trần» .

Đại Đăng nhìn Ý Ninh :

– Con là đệ tử yêu của Vô Huyền bồ tát, con nghĩ sao ?
– Nếu con là sư phụ, với kiếm thuật thần thông, con quyết về Thăng long lấy đầu Thái sư Thủ Độ.
– A Di Đà Phật ! Con là nữ tướng thì con chưa dứt được giới sân. Con nên biết sư phụ con đặc quả Bồ Tát rồi. Nếu người nghĩ đến thù hận, thì người vào cung cắt đầu phụ hoàng con, lên lại ngôi, tái lập triều Lý. Nhưng người hiểu cái lẽ vô thường :

Triều Lê là không,

Triều Lý là không.

Chiêu Hoàng là không,

Nguyên Phong là không.

Cho nên trong trận Bình lệ nguyên, người cùng Vô Sắc, Vô Âm tả xung hữu đột cứu phụ hoàng con ba phen.

Phùng Tập hỏi :

– Bạch đại sư, đệ tử tưởng chư vị tăng ni khi đã đặc quả Bồ tát rồi, thì sống ngoài sắc giới. Tại sao ba vị Vô Huyền, Vô Sắc, Vô Âm lại lặn vào chốn hôi tanh thi đại sát giới ?

– À, Phùng sư phó mới sang đây nên không hiểu hành trạng của chư tăng Đại Việt. Từ khi Phật giáo truyền vào vùng đất của tộc Việt, chư tăng ni lấy cứu độ chúng sinh làm lẽ chính, giải thoát thứ chi. Bởi vậy những Bồ tát như Bồ Đại, Vạn Hạnh, Minh Không, Đạo Hạnh đều lấy đạo pháp để cứu độ dân tộc. *Khi thấy dân chúng bị người Hán chém giết, thì tăng ni cõi bỏ hết giới luật để cứu nước đã.*

Phùng Tập reo lên :

– Thảo nào khi tiếp xúc với chư tăng ni Đại Việt, đệ tử thường nghe nhắc đến câu : đạo pháp với dân tộc là một.

Vũ Uy vương thắc mắc :

– Bạch sư bá, liệu phụ hoàng có biết lẽ thâm sâu trong lòng của Bồ tát không ?
– Hai vị từng là vợ chồng đầu gối tay ấp 12 năm, thì gì mà không hiểu nhau. Và phụ hoàng con là một vị vua uyên thâm Phật pháp vô cùng. Cả người và Vô Huyền đã đạt tới mức vượt ra ngoài nhân ngã tứ tướng, tới nhân ngã tương thông rồi.

Ý Ninh nghe Đại Đăng thuật, càng muốn biết thêm :

– Xin sư bá tiếp cho.

« Quá đau khổ vì tình, đang đêm phụ hoàng con cùng 8 người hầu cận vừa Thái giám vừa Thị vệ trốn ra ngoài thành, dối rằng thăm dân cho biết sự tình. Sau khi vượt sông, người truyền tùy tùng đi về, còn người thì người lên Yên tử sơn tìm lẽ giải thoát. Đám tùy tùng đành khóc từ biệt.

Giờ Mão (5-7 giờ sáng) hôm sau thì người tới bến đò Đại Than. Sợ dân chúng nhận được, người lấy vạt áo che mặt qua đò. Tối hôm đó người nghỉ trong chùa Giác hạnh. Sáng hôm sau lại đi tiếp. Đường xá gập ghềnh, con ngựa mệt quá đi không nổi, người phải bỏ ngựa, mà leo núi. Trưa ngày hôm đó tới núi Yên tử. Người gặp tổ Trúc Lâm.

Tổ thấy người thì mừng lắm, ung dung nói với người :

– Bần tăng ở chốn sơn dã đã lâu, xương cứng, mặt gầy, ăn rau răm, nhai hạt dẻ, uống nước suối vui cảnh lâm tuyền đã quen, lòng nhẹ như mây nổi, nên theo gió mà lên núi này. Nay bệ hạ bỏ địa vị chí tôn, mà tìm đến cảnh quê mùa rừng núi ; hẳn muốn cầu tìm gì đây ? Nghe sư phụ hỏi, hai hàng nước mắt chảy dài, hoàng thượng đáp : Trẫm còn thơ ấu, sớm mất mẹ cha, chơ vơ đứng trên sĩ dân, không nơi nương tựa. Lại nghĩ rằng sự nghiệp các đế vương phế hưng bất thường ; nên trẫm lên đây chỉ cầu thành Phật chứ chẳng muốn tìm gì khác. Tổ đáp : trong núi không có Phật. Người chỉ vào hoàng thượng : Phật ở trong tâm **bệ hạ. Nếu để tâm trong sáng, không vướng bụi trần thì đó chính** là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm thì tức khắc thành Phật, không cần đi tìm cực khổ bên ngoài.

Ngày hôm sau, Thái sư đem bá quan lên Yên tử sơn đón hoàng thượng về. Hoàng thượng nói : Trẫm còn trẻ tuổi, chưa cáng đáng nổi việc nặng nề, thì phụ hoàng đã vội lìa bỏ, mất chỗ trông cậy. Trẫm không dám ở ngôi vua mà làm nhục Xã Tắc.

Thái sư năn nỉ mấy phen, hoàng thượng vẫn không đổi ý. Người bảo các quan rằng: vua ở đâu thì lập triều đình ở đó. Nói xong người cầm cây nêu trong núi rồi chỉ chỗ này là điện Thiên an, chỗ kia là điện Đoan minh. Tổ thấy vậy tâm nghĩ rằng :Phàm làm đấng nhân quân thì lấy ý muốn thiên hạ làm ý mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về mà bệ hạ không về thì sao được ? Tuy nhiên sự nghiến cứu nội điển xin bệ hạ đừng quên ».(1)

Đại Đăng đứng lên chỉ vào đại sư Thiên Phong và chư đệ tử :

– Thôi vương gia hãy lo việc lớn. Bần tăng xin mời đại sư cùng chư đệ tử lên đường về Yên tử sơn.

Vũ Uy vương đứng dậy tiễn khách. Khi chư tăng đi rồi, vương viết một phong thư trao cho người cao niên nhất trong 18 tộc gia đệ tử của Thiên Phong :

– Xin mời các huynh đệ coi Đại Việt như quê hương mình. Lát nữa đây Mông cổ trao trả gia đình các vị, rồi các vị hãy lên đường về Thăng long. Các vị trình thư này cho Hưng Đạo vương, thì các vị sẽ được trọng dụng.

Như đã ước hẹn, cuộc trao đổi người diễn ra tại Bạc dịch trường Nguyên dương. Hôm sau, ngay khi bình minh, mặt trời ló dạng. Hoài Đô, A Truật dẫn đoàn Lôi kị Mông cổ hộ tống mấy trăm cỗ xe, trên chở đàn bà, trẻ con, gia súc tới.

Phía Đại Việt, Hưng Ninh vương, Vũ Uy vương cũng dẫn vương phi, Tạ Quốc Ninh, Dã Tượng và ban Đông hoa; đem gần vạn tù binh gồm người Mông cổ, Tây vực, Hán, Đại lý tới.

Vừa trông thấy vương phi Ý Ninh, A Truật gò cương lại nhìn: ký ức cho y biết đây là thiếu nữ đã cùng y giao chiến tại Phù lỗ. Y suýt mất mạng dưới kiếm của nàng. Hôm nay, trong ánh nắng ban mai của mùa Xuân, y gặp lại nàng trong lớp áo quý tộc của Đại Việt, tươi như hoa. Phía sau nàng còn năm thiếu nữ sắc nước hương trời trên lưng ngựa. Y vẫn chưa biết cô gái kiếm thuật thần thông trong trận Phù lỗ, nay trở thành vương phi. Y tiến tới chấp tay xá:

– Phải chăng cô nương là Quận chúa Trần Ý Ninh, từng trấn thủ Phù lổ?

– Đúng vậy. Tạ ơn tướng quân đã nhường cho tôi mấy chiêu bên bờ chiến lũy. Hôm xưa chúng ta giao đấu, suýt nữa thì kẻ sống, người chết. Hôm nay chúng ta gặp nhau trong nắng Xuân. Mông cổ, Đại Việt không còn chém giết nhau nữa.

Vương phi chỉ vào vương:

– Đây là phu quân của tôi. Phụ hoàng ban chỉ cho chúng tôi thành duyên giai ngẫu ngay sau trận Phù lổ.

Trong trận Phù lổ tuy tuy A Truật suýt bỏ mạng dưới kiếm của quận chúa Ý Ninh, nhưng sắc đẹp của nàng khiến y ngày mơ, đêm tưởng. Y định sau khi trao đổi tù binh, y xin với Vũ Uy vương tâu lên Nguyên Phong hoàng đế cưới nàng làm vợ. Bây giờ nghe vương phi nói, A Truật cảm thấy miệng đắng, mắt hoa.

Từ lúc vừa nhìn thấy năm nàng Đông hoa, thì Hoài Đô dán mắt vào Thúy Trang. Vương phi Ý Ninh nghĩ thầm :

– Tên Hoài Đô này cưới công chúa con của vua Mông cổ là Mông Ca, nên y được cử làm giám quân bên cạnh Ngột Lương Hợp Thai. Uy quyền y lớn hơn cả viên Thái sư này. Mình nghe vợ y mới chết cách đây không lâu. Khi vào Thăng long y đã bắt một trong Tô lịch thất tiên là Bạch Hoa làm tỳ thiếp, không biết có đúng không ? Tuy y sủng ái nàng, nhưng vì là phò mã, y không thể lấy gái có chồng, hơn nữa gái đó lại xuất thân kĩ nữ lầu xanh. Y bị dáng thanh nhã trẻ trung của Thúy Trang bắt mất hồn rồi. Thúy Trang tuy trẻ, mà bản lĩnh không trẻ đâu. Chưa biết ai bắt ai !

Nhìn ánh mắt của A Truật, vương phi Ý Ninh nghĩ thầm:

– Tên tướng Mông cổ này suýt bị mình giết chết, nhưng y lại sủng ái mình không thua gì A Đa sủng ái Thanh Nga. Khác một điều là A Đa sủng ái Thanh Nga vì nhan sắc, vì ca hát, nên tình yêu cực thâm sâu. Còn A Truật, y yêu mình vì nhan sắc, vì cái tươi thắm của gái Việt. Nếu như mình đẩy một trong năm con bé Đông hoa cho y, thì y sẽ không còn chú ý đến mình nữa.

Cuộc trao đổi người bắt đầu.

Phía Đại Việt để Tạ Quốc Ninh cùng mấy quan văn từ Thăng long lên, làm việc với một số quan chức Mông cổ kiểm soát sổ sách, trao đổi người. Tạ Quốc Ninh nhớ đến người vợ là giai nhân Hoàng Hoa cùng 6 người bạn bị Mông cổ bắt đi, hầu hỏi Hoài Đô :

– Thừa phò mã, khi quân của phò mã vào Thăng long, đã bắt đi rất nhiều thợ giỏi, nghệ nhân, mỹ nữ. Không biết phò mã giam họ ở đâu ?

– Những người đó chúng tôi không sát hại đâu, mà đã sai người đưa về Hoa lâm rồi. Trông coi tổ chức cai trị là tôi. Bắt người là Thái sư Ngột Lương Hợp Thai. Để khi quân hầu gặp Thái sư, hỏi người thì biết.

– Tôi muốn biết bấy phụ nữ, gọi là Tô lịch thất tiên. Không biết chết sống ra sao ?

Mặt Hoài Đô tái nhợt :

– Tôi không biết gì cả.

Vũ Uy vương xá Hoài Đô, A Truật:

– Kính mời phò mã cùng đại tướng quân ghé trại chúng tôi thưởng thức thổ sản Đại Việt.

– Như vậy thì chúng tôi làm rộn vương gia quá.

Để Vũ Uy vương cùng Hoài Đô, A Truật thảo luận về việc trao đổi người, cũng như việc sứ đoàn yết kiến Hốt Tất Liệt. Vương phi ra ngoài, dặn dò năm nàng Đông hoa, phải làm gì đối với Hoài Đô, A Truật.

Tiệc bày ra. Vương phi cung tay:

– Trước hết mời nhị vị dùng một món mà cả bên Trung nguyên cũng như Mông cổ đều không có. Đó là chả rươi.

Ghi chú,

(1) Sau thảm cảnh 1237, vua Trần Thái Tông trở lại Thăng long, làm vua. Ngài vẫn nghiên cứu đạo Phật, giác ngộ, trước tác rất nhiều kinh điển. Các tác phẩm chính là :

- *Thiền tông chỉ Nam,*
- *Kim cương tam muội kinh chú giải,*
- *Lục thời sám hối khoa nghi,*
- *Bình đẳng lễ sám văn,*
- *Khoa hư lục,*
- *Thi tập.*

Bài đọc thêm.

Để độc giả hiểu thêm về Thiền phái Trúc Lâm Yên tử. Chúng tôi kính mời độc giả đọc bài nghiên cứu của Hòa thượng Thích Phước Đạt đính kèm.

A Di Đà Phật, kính bạch Hòa thượng Phước Đạt.

Đệ tử là Yên tử cư sĩ đỉnh lễ trước Hòa thượng, về cái tội tự đem bài này vào đây mà không xin phép thầy trước. Với lòng dạ quảng đại của một cao tăng, xin thầy xá tội cho cái tội này.

Trần Thái Tông với chủ trương thiết lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử



Nếu Trần Nhân Tông được nhân dân Đại Việt tôn xưng là Phật Biến Chiếu Tôn của nước Đại Việt bấy giờ, thì vua Trần Thái Tông là người xứng đáng là được tôn vinh là *Bồ đức Thiền tông*, đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nảy mầm, và phát triển truyền thừa trong lịch sử Phật giáo nước nhà.

Không phải ngẫu nhiên Lễ bộ Thượng Thư Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu, tri Kinh diên sự, Đôn Thư bá, Trụ quốc, Lê Tung vâng theo sắc chỉ biên soạn *Việt giám thông khảo tổng luận*, có đoạn viết rằng:

« Triều Lý trải qua 8 đời vua, ngôi truyền hơn 200 năm, bậc đáng khen là Thái Tổ có độ lượng là đế vương. Thái Tông có tư chất trí dũng. Thánh Tông có lòng yêu nước thương dân, Nhân Tông có đức ban ơn dân. Song Thái Tổ lập hoàng hậu ba ngôi, tình vắn vít yêu, mà đạo nhà không chính. Thái Tông làm ra núi năm ngọn, đương tang lại vui, mà đạo hiếu đã vơi.

Thánh Tông theo vết của Thái Tổ mà lập hoàng hậu quá định chế. Nhân Tông quá nghe theo lời mẹ đẻ mà giam chết mẹ đích, còn như cấm các con gả con gái lấy chồng, mà Thần Tông thì say đắm nữ sắc quá lắm. Yêu nuôi kẻ bề tôi dâm loạn thì Anh Tông thật quá nuông chiều tiểu nhân.

Cao Tông lấy hoang dâm làm thích, Huệ Tông lấy tửu sắc làm vui. Đạo tu tề trị bình của đế vương có như thế chăng? Bề tôi trong triều thì có Lý Huệ Thành được ký thác vua côi, Tô Hiến Thành được giữ chức phụ chính, cũng phảng phất như trung ái của Y Doãn, Chu Công, cố nhân đáng khen. Còn những bậc như Đào Cam Mộc, Đào Thạc Phụ, Lương Nhậm Văn, Đào Xử Trung, Lý Đạo Kỳ, Liêu Gia Trinh, Kim Anh Kiệt, Tào Lương Hàn, Dương Cảnh Thông, Ngụy Trọng Hoảng, Lưu Vũ Nễ, Lý Công Bình, Hoàng Nghĩa Hiền, Lý Kinh Tu, không biết can vua để nêu tục tốt, cho nên chính trị không được bằng đời cổ là phải. Đến như Đỗ Anh Vũ kiêu dâm, Đàm Dĩ Mông ngang ngược, có kẻ làm gì”.

Trần Thái Tông ứng mệnh trời trao cho, nhận Chiêu Hoàng nhường ngôi, có đức nhân hậu, có tính giản dị chắc chắn, đánh giặc yên dân, mở khoa thi lấy người giỏi. Tể tướng thì chọn người tôn thất hiền năng, triều điển thì định ra lễ nghi hình luật, chế độ nhà Trần do đấy hưng thịnh”.

Rõ ràng, lời nhận định trên đã cho chúng ta có một cái nhìn khá khách quan lịch sử trong tiến trình dựng nước và giữ nước lúc thịnh vượng cũng như trên đà suy vong của triều đại nhà Lý, để rồi phải trao vận mệnh quốc gia cho triều đại nhà Trần.

Tại đây, ngoài sức mạnh toàn dân, vai trò lãnh đạo của các ông vua đối với thần dân qua các triều đại vô cùng quan trọng đối với xã hội phong kiến. Điều này, ít nhiều lý giải, mỗi khi nhà vua, người đứng đầu bộ máy nhà nước phong kiến tập quyền không đủ tài đức lãnh đạo, quản lý đất nước thì sẽ dẫn đến sự suy sụp, ngược lại một ông vua nhân từ trí đức song toàn thì có thể lãnh đạo nhân dân giải quyết các vấn đề mâu thuẫn nảy sinh trong nước, cũng như đối phó các thế lực đế quốc lân bang và tập trung nhân lực tài lực xây dựng và phát triển quốc gia hùng mạnh.

Việc vua Trần Thái Tông lên ngôi báu khai sáng ra triều đại nhà Trần là đáp ứng nhu cầu cấp thiết của đất nước bấy giờ. Một là thấu giang sơn về một mối, thống nhất từ trong ý chí thể hiện qua hành động. Hai là trên dưới đồng lòng, cùng nhau xây dựng phát triển đất nước thịnh vượng và bảo vệ vững chắc các thành quả đạt được với bất cứ thế lực nào cố tình đe dọa. Ngoài việc thực hiện trọn hai mục tiêu đề ra, Trần Thái Tông còn đặt cho mình một nhiệm vụ hết sức trọng đại cần phải được đề cập là Ngài chủ trương đặt nền móng thống nhất các thiền phái hiện có như Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, tiến đến sát nhập và hình thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử duy nhất đời Trần.

Hay nói một cách chính xác và cụ thể, người khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là Trần Nhân Tông làm đệ nhất Tổ, nhưng người có công đặt nền móng thiết lập cho Thiền phái Trúc Lâm

phát triển và truyền thừa từ mô hình tổ chức cho đến nội dung tu tập hành trì, tất cả đều mang tính độc lập và thể hiện bản sắc dân tộc là Trần Thái Tông.

Sự kiện ra đời dòng thiền này có ý nghĩa rất lớn, nó đáp ứng nhu cầu lịch sử của dân tộc là xây dựng một đất nước Đại Việt độc lập tự chủ không chỉ được xác định trên cương thổ biên giới về địa lý mà còn độc lập tự chủ trên mọi phương diện lĩnh vực chính trị kinh tế, văn hoá và ngay cả tôn giáo. Thế nên, dù trong cương vị là vị Hoàng đế, hay là Thái thượng hoàng hay là vị Thiền sư. Ngài luôn khát khao thiết lập dòng thiền mới mang tính cách Đại Việt và thật phù hợp với bối cảnh lịch sử dân tộc đã sang trang và tình hình phát triển của đất nước Đại Việt.

Theo Nguyễn Duy Hinh, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời dựa trên hai tiền đề xã hội và tôn giáo hình thành trong hoàn cảnh lịch sử của nước nhà. Về mặt xã hội, nhà Trần trong buổi đầu mới thành lập, công việc cấp bách thiết thực nhất đặt ra trước mắt các nhà lãnh đạo tối cao là xây dựng một ý thức hệ độc lập thống nhất gồm 4 mục đích chính:

1. Thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ về ý thức hệ với nước ngoài để thanh toán hoàn toàn mọi cơ sở của nước xâm lược.
2. Làm cơ sở tư tưởng để thống nhất ý thức dân tộc về mặt chính trị để củng cố sự thống nhất dân tộc một bước nữa.
3. Làm công cụ thống nhất quyền lực vào chính quyền Trung ương, tức quy tụ vào họ Lý và Trần.
4. Làm phương diện giải quyết các mâu thuẫn nội bộ dân tộc chủ yếu là giai cấp lãnh đạo và đông đảo nhân dân quần chúng nhằm duy trì một trật tự xã hội và cũng tức là duy trì ngai vàng của dòng họ.

Về mặt tôn giáo, nhà Trần phải lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu, nhưng cần phải thay đổi nội dung của các thiền phái để đáp ứng các yêu cầu căn bản như đã nói trên. Vì thế, nhà Trần chủ trương lập ra một Thiền phái có nội dung tư tưởng độc lập, thể hiện đúng tinh thần bản sắc dân tộc hơn, hướng đến các mục tiêu sau:

1. Tự mình phân biệt với Thiền tông ở Trung Quốc biểu lộ tính độc lập.
2. Thay đổi một phần nội dung tiêu cực và thân ngoại quốc của các phái Thiền tông trong nước.
3. Vượt lên trên sự khác biệt của tất cả các tông phái Phật giáo cũng như các tín ngưỡng phi Phật giáo để nhằm thống nhất ý thức hệ. Không chịu trách nhiệm về sự khác biệt và đụng độ đã xảy ra trong lịch sử giữa các phái Thiền tông với nhau cũng như Thiền tông với các tín ngưỡng khác, do đó thu hút các tín ngưỡng khác.
4. Tự khoác cho mình chiếc áo một tôn giáo mới – tuy rằng thực tế chỉ là một phái, với đầy đủ các yếu tố để thu phục quần chúng.

Thực tế, tư tưởng lập Thiền phái mới được manh nha từ khi Phật giáo chủ trương mới, nhập thế, tùy tục, tùy duyên nhưng bất biến để đáp ứng các yêu cầu lịch sử dân tộc đặt ra của một đất nước vừa độc lập và đang thực hiện thống nhất trên mọi phương diện.

Là ông vua đầu tiên nhà Trần, dưới cái nhìn của một nhà chính trị. Trần Thái Tông càng cương quyết thực hiện ý tưởng đó. Khi chấp nhận lời khuyên của Quốc sư Phù Vân như là quan điểm chính trị phục vụ đạo pháp và dân tộc. *Phàm làm đáng quân nhân thì phải lấy ý muôn thiên hạ làm tâm của mình* thì ý tưởng thống nhất các thiền phái thành *Phật giáo Nhất tông* là điều tiên quyết đối với sứ mệnh quốc gia và cả đạo pháp.

Dưới ảnh hưởng và uy tín của nhà vua vào thế kỷ thứ XIII, ba Thiền phái Tỳ – ni – đa – lưu – chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường đã theo thời gian lịch sử, dần dần sát nhập khiến cho Thiền phái Yên Tử thành Thiền phái Trúc Lâm duy nhất đời Trần, thống nhất tất cả các Thiền phái thời bấy giờ. Người khai sáng ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là Trần Nhân Tông, mệnh danh là Trúc Lâm Đại đầu là Điều ngự Giác Hoàng, nhưng người có công đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm phát triển từ mô hình tổ chức cho đến nội dung tu tập hành trì là Trần Thái Tông.

Rõ ràng, Trần Thái Tông đã thực hiện hoài bão của mình kể từ ngày ông trở về kinh đô nắm giữ triều đại, tuy nhiên Ngài vẫn chuyên tâm nghiên tầm kinh điển Phật và cả Nho suốt gần 10 năm trời. Ngài đã nỗ lực công phu tu tập, hành trì và cuối cùng cũng chứng ngộ Trần Thái Tông bừng sáng lý nghĩa kinh Kim Cương, một bản kinh giới thiệu trí tuệ giải thoát có thể giúp hành giả thấy rõ thực tướng của vạn hữu, xuất hiện từ sự dập tắt các ngã tưởng bao gồm ngã tưởng, nhân tưởng, chúng sanh tưởng, thọ giả tưởng, pháp tưởng, phi pháp tưởng, tưởng, phi tưởng.

Hay nói cách khác, Ngài đã trực ngộ bản kinh Kim Cương ở chỗ cốt yếu: *Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*. Xem ra, từ chỗ trực ngộ này, Trần Thái Tông đã sáng tác bài *Thiền tông chỉ nam* có lẽ nhằm trình bày sở đắc của mình trong quá trình nghiên cứu điển Thiền tông, thực tập công phu hành trì. Chúng ta cũng có thể hiểu cái trí tuệ mà Trần Thái Tông sở ngộ đó chính là kim “chỉ nam” của Thiền tông, như ánh sáng rọi soi vào rừng Thiền. Sự chứng đắc, sở ngộ của các Thiền sư thực chất là sự chứng đắc, sở ngộ cái Không tính của vạn pháp, hay nói cách khác là chứng đắc thực tướng vô tướng của mọi hiện hữu vạn pháp. Suy cho cùng, đó là Vô ngã tính, hay Duyên khởi tính ở ngoài vòng chấp thủ của thế giới “đang là”, được soi rọi từ cái nhìn trí tuệ chân thực.

Rõ ràng, công phu các Thiền gia chứng ngộ bao giờ cũng giác tỉnh an trú tâm vào tâm không dính mắc vào bất cứ điều gì hiện hữu trên đời. Chính cái tâm “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” mà kinh Kim Cang nói đến đã làm khai mở trí tuệ vua Trần Thái Tông như đã từng khai mở trí tuệ ngài Huệ Năng xưa kia. Trong kinh Kim Cang hành giả Tu Bồ Đề thỉnh cầu đức Phật lý giải người phát tâm vô thượng Bồ đề, làm thế nào an trụ và làm sao hàng phục cái tâm ấy? Chính Thế Tôn đã chỉ dạy phương pháp an trụ tâm ấy là: “Bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm”. Nghĩa là, hành giả phát tâm vô thượng Bồ đề không nên trụ nơi sắc mà sanh tâm, không nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm ấy. Tâm vô trụ ấy là tâm vô thượng Bồ đề.

Xem ra, bất cứ hành giả nào khi tiếp cận với sáu trần mà còn bị hệ lụy bởi tâm tham ái và chấp thủ thì chưa an trụ và hàng phục tâm. Thực tế, một tâm không trụ chỗ nào hết là cái tâm chân thật, tâm thanh tịnh. Khi hành giả tiếp cận các pháp trần thì khởi niệm giác tỉnh vô ngã tưởng ngay giữa lòng đời. Cũng chính tại chỗ ngộ này mà Lục Tổ thốt lên: “Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh, vốn không sinh diệt, vốn tự đầy đủ vốn không lay động, có thể sanh muôn pháp”. Ý tứ câu này là tâm mình xưa nay vốn thanh tịnh, nhưng do sáu căn bị lôi cuốn theo sáu trần nên chúng ta bị hệ lụy giữa cơn lốc cuộc đời. Như vậy để thắng chứng, người hành giả cần phải nuôi dưỡng cái tâm vô trụ bằng công phu phát triển định và tuệ. Điểm này thật phù hợp với kinh điển Nikaya mà đức Phật đã tuyên thuyết qua tinh thần kinh Tử niệm xứ: “chú tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, không trú trước vào bất cứ điều gì ở đời”.

Con đường đó trở thành kim chỉ nam của Ngài để đi vào thế giới công phu thiền quán. Ngài khuyến cáo mọi người cần phải giữ sáu căn thanh tịnh khi tiếp xúc sáu trần qua phương pháp thực

hành sám hối. Sám hối là hình thức phản tỉnh để tịnh hoá tâm thức ra khỏi vùng tâm thức bị rối loạn vì chúng bị chất chứa các hạt giống tham sân si nên không an trú trong định và không phát huệ được.

Cho nên Trần Thái Tông mới biên soạn khoa nghi sám hối để “tự làm lợi cho mình để làm lợi cho người ta”, mục đích là trở về cái tự tánh vốn thanh tịnh trong sáng không bị cấu nhiễm bởi các trần. Ngài viết:

“Tâm nhi tư chi, nhân chi tích tích hữu nghiệp giả tận thị lục căn sở tạo. Thị dĩ Thích Ca Văn Phật vị thành đạo thì, tiên nhập Tuyết Sơn lục niên khổ hạnh, cái vị lục căn cố đã. Nhân phỏng kỳ ý, đi lục căn phân vi lục thì, nhất thì lễ sám nhất căn; thân chế kỳ nghi văn, mục chi viết “Lục thì lễ Phật sám hối khoa nghi”.

Bản dịch của Thơ văn Lý Trần tập 11 dịch :

“Sau đó lại nghĩ rằng: Phàm những nghiệp chướng tích tụ đều do sáu căn tạo thành, cho nên Thích Ca Văn Phật khi chưa thành đạo trước tiên phải vào Tuyết Sơn tu hành khổ hạnh trong sáu năm, cũng vì sáu căn đó. Vậy Trẫm phỏng theo ý ấy, chia sáu căn thành sáu thì, mỗi thì sám hối một căn. Trẫm tự tay viết ra lời sám, gọi là “Lục thì lễ Phật sám hối khoa nghi”.

Và như thế công phu Thiền quán theo Trần Thái Tông là phải giác tỉnh sáu căn thường xuyên tiếp xúc sáu trần gây ra các nghiệp tội lỗi. Điều đáng nói thời đó, sau khi Đại tạng kinh từ Trung Hoa được thỉnh về đã khoa nghi sám hối như Lương Hoàng sám, Từ bi thủy sám văn đã có, nhưng Trần Thái Tông vẫn trước tác ra khoa nghi sám hối riêng biệt cho mình và người dân Đại Việt như càng khẳng định ý thức tự chủ của dân tộc trên con đường thực nghiệm tâm linh.

Lại nữa, theo Trần Thái Tông để công phu thiền quán dễ tiến sâu vào định cần phải thực thi hành trì giới luật. Vai trò của giới luật vô cùng to lớn trong việc làm hoá hiện các điều thiện xuất phát từ một tâm thức thanh tịnh, nó cũng có công năng làm huỷ diệt các hạt giống bất thiện có nguy cơ nảy mầm, nhờ giữ giới mà hành giả có thể an định tâm đến bờ giác ngộ. Trong bài “Thụ giới luận” (Luận về thụ giới), Trần Thái Tông viết:

“Kinh vân Giới như bình địa, vạn thiện tùng sinh. Giới như lương y, năng liệu chúng bệnh. Giới như minh châu, năng phá hôn ám. Giới như thuyền phiệt, năng độ khổ hải. Giới như anh lạc, trang nghiêm pháp thân. Hữu tội giả đương sám hối. Nhược bất sám hối giả, kỳ tội ích thâm. Nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục. Kim nhật tuy an, minh triều nan bảo. Nghi trì thử pháp, tốc độ sinh tử; phụng Phật vi sư, tiên y giới luật. Cổ đức hữu ngôn: quá hà tu dụng phiệt, đáo ngạn bất tu thuyền. Thử cái cổ nhân dĩ giới vi thuyền phiệt, nhi kim bất dĩ thử vi độ chi, nhi đắc đáo ư bỉ ngạn giả, tiên hỹ”

(Kinh nói rằng: Giới như mặt đất bằng, mọi điều thiện từ đó sinh ra. Giới như thầy thuốc giỏi chữa được các bệnh. Giới như hạt minh châu, phá vỡ mọi tối tăm. Giới như thuyền bè, vượt qua bể khổ. Giới như chuỗi ngọc làm pháp thân trang nghiêm. Kẻ có tội cần sám hối. Nếu không sám hối, tội càng sâu thêm. Một lần bỏ mất thân mình thì muôn kiếp không thể tìm lại. Ngày nay tuy yên, mai sau khó giữ. Vậy nên giữ phép này, vượt mau qua đường sanh tử; thờ Phật làm thầy, trước hết tuân theo giới luật. Bậc cổ đức có nói: qua sông nên dùng mảng, đến bến hết cần thuyền. Như vậy người xưa coi giới là thuyền mảng. Ngày nay những người không dùng phương tiện đó qua sông mà tới được bờ bên kia là thì thật hiếm vậy).

Trên bước đường tiến sâu vào định giải thoát tuệ giải thoát, công phu toạ thiền sẽ hỗ trợ sẽ làm cho định lực phát sinh, từ đó tuệ sinh khởi. Mỗi bước đi của việc tụng kinh trì giới toạ thiền là mỗi bước đi tiến sâu hướng vào miền đất an lạc, giải thoát. Hướng giải thoát của theo Trần Thái Tông chủ trương là hướng đi đích thực của truyền thống Giới – Định – Tuệ mà Thế Tôn và các bậc Thánh đã đi qua, và về sau Thiếu Thất (Đạt Ma), Tào Khê (Lục Tổ) chứng đạt.

Đúng như Trần Thái Tông viết trong “Khoá hư lục”:

“Phù học đạo chi nhân, duy cầu kiến tính. Tuy thụ kỳ nhất thiết tịnh giới nhi vô toạ thiền tắc định bất sinh”

Và

“Phù tuệ giả sinh ư định lực. Nhược tâm định tắc tuệ giám sinh”.

Nghĩa là người học đạo chỉ cốt thấy bản tính, tuy chịu tất cả mọi tịnh giới mà không ngồi thiền thì định lực không sinh và người có trí tuệ được phát sinh từ định lực, nếu như tâm định thì gương tuệ phát sinh. Cũng chính hướng đi này về sau Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Nhân Tông đã khai mở dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử phát triển, đi vào lòng dân tộc.

Tại đây, chúng ta có thể nói nội dung tư tưởng triết lý của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đều dựa vào Khoá hư lục như là một nền tảng để các vị Tổ dòng thiền này lấy đó làm kim chỉ nam sáng lập và truyền thừa. Nếu Trần Thái Tông là người manh nha kết cấu, đặt nền tảng thì Trần Nhân Tông là người đầu tiên làm cho phái Thiền Trúc Lâm thăng hoa, sống mãi với thời gian, không gian trên mảnh đất Việt Nam thân thương này.

Chúng ta có thể dựa vào các thư tịch còn lại để hiểu rõ nội dung tư tưởng triết lý dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, qua đó cũng thấy được sự xuyên suốt dòng mạch tư tưởng Thiền tông Trúc Lâm thật là nhất quán. Trần Thái Tông viết :

“Thiền tông chỉ nam”,

“Kim cương Tam muội”,

“Lục thời sám hối khoa nghi”,

“Khoá hư lục”,

“Bình đẳng lễ sám văn”,

“Thái tông thi tập”;

Tuệ Trung Thượng sĩ thì để lại :

“Thượng sĩ ngữ lục”;

Trần Nhân Tông trước tác :

“Thiền Lâm Thiết chuyển ngữ lục”,

“Tăng già toái sự”

“Đại Hương Hải ấn thi tập”,

“Thạch thất my ngữ”

và một số thơ, phú khác...;

Pháp Loa trước tác :

“Đọa sách lục”,

“Tham thiền chỉ yếu”;

Huyền Quang với tác phẩm :

“Ngọc tiên tập”,

“Phổ tuệ ngữ lục”...

Đáng tiếc, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chúng ta chỉ còn lại một số văn bản như bài tựa “Thiền tông chỉ nam tự”, “Khoá hư lục”, “Thượng Trung Tuệ sĩ”, “Cư trần lạc đạo”, “Đắc thú lâm tuyền đạo ca” và một số bài thơ, kệ, phú các bài giảng của các Tổ sư Thiền phái này.

Thông qua việc khảo sát các văn bản nói trên, chúng ta có thể nhận định các vấn đề lý luận cũng như hành trì được đặt ra để lý giải và thực nghiệm tâm linh của Thiền phái Nhất tông này, về cơ bản đều đồng nhất với quan điểm tư tưởng Trần Thái Tông đưa ra trong “Khoá hư lục”. Chẳng hạn như bàn về cảnh giới giác ngộ, Tâm Phật và Chúng sanh không khác, phương thức hành thiền, thế giới khổ đau và con đường giải thoát khổ đau, xây dựng nếp sống hướng thượng, nhân sinh quan Phật giáo... Tất cả các tác phẩm kinh điển của các hành giả nói trên đều có chung chí hướng cùng một quan điểm lập trường.

Khi bàn về cảnh giới giác ngộ, trong bài “Niệm Phật luận”, Trần Thái Tông viết:

“Tâm thức thị Phật, bất giả tu thêm. Niệm tức là thị trần bất dung nhất điểm, trần niệm bản tĩnh, cố viết như bất động, tức nhị Phật thân. Phật thân tức ngã thị thân thị, vô hữu nhị tướng. Tướng tướng vô nhị, tịch nhi thường tồn, tồn nhi bất tri, thị danh hoạt Phật”.

Cụ Nguyễn Đăng Thục dịch:

“Tâm tức là Phật, không muốn sự thêm vào. Ý niệm là bụi, không dung một điểm nào ở trong tâm ấy, ở đáy vốn trong sạch bụi nơ, cho nên bao giờ cũng như thế không vang động gọi là Như như, tức là thể của Phật. Thực thể Phật thể nào thì thực thể ngã như thế, không có hai hình tướng. Hình tướng và hình tướng không có hai, yên lặng còn luôn mà không biết, thế là Phật sống”.

Rõ ràng, cảnh giới giác ngộ là cảnh giới của một tâm thức bừng sáng. Bách Trượng Tổ sư nói: “Đất lòng nếu rỗng không, thì mặt trời tự nhiên tự chiếu sáng, như vậy vén mặt trời hiện”. Tâm tức Phật chẳng có gì phải bàn phải tu thêm nữa! Một cái tâm thanh tịnh thì xả ly hết mọi vọng niệm, đây cũng chính là cảnh giới Tứ thiền như Kinh tạng Pàli thường diễn đạt. Đây cũng là của Phật, cảnh giới của vô tướng, vô ngã siêu việt như như bất động của một tâm thức vắng lặng ngay giữa trần thế, đó chính là Phật sống.

Thế nên sự chuyển hoá tâm thức trong mỗi con người ai cũng có thể trực nhận và chứng đắc. Tâm Phật và tâm chúng sanh chẳng dị đồng. Chân lý thực tại chẳng ở đâu xa, không thể truy tìm từ bên ngoài mà ngay trong tâm thức của mỗi cá nhân hiện hữu. Trần Thái Tông từng thọ giáo ý chỉ của Quốc sư Phù Vân: “Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong tâm” thì đệ nhất Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông thì phát biểu trong bài “Cư trần lạc đạo phú”:

“Vậy mới hay

Bất ở trong nhà

Chẳng phải tìm xa

Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt

Đến cốc hay chín Bụt là ta”

Trần Nhân Tông đã triển khai tư tưởng thiền học Trần Thái Tông thật là sinh động và thật rõ ràng theo quan điểm của người Việt Nam khi tiếp nhận tư tưởng Phật học. Cuộc sống vốn biến động

không ngừng, con người hiểu đạo tùy duyên theo đó mà sống để an vui. Khi tiếp xúc với trần cảnh lòng vẫn tĩnh lặng, an trú trong chánh niệm tỉnh giác mà bừng sáng giác ngộ:

*“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hê khốn tắc miền
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền”
(Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đối cứ ăn đi mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền)*

Đây cũng là tư tưởng cơ bản xuyên suốt lịch sử Phật giáo Việt Nam, không chỉ phải đợi đến nhà Trần mới nói trong mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, có mầm giác ngộ. Sư Khuông Việt đời Đinh và Tiền Lê cũng phát biểu:

*“Mộc nguyên trung hữu hoả
Nguyên hoả phục hoàn sinh”
(Vốn trong cây có lửa
(Yếu tố lửa ấy tái sinh miền tục)*

Như vậy lửa trong cây được ví như là chân lý, với mầm giác ngộ, là Phật tánh chân như. Cũng thế, trong nhà có vốn có sẵn ngọc quý cần gì phải tìm kiếm bên ngoài. Có điều Trần Thái Tông diễn đạt tư tưởng ấy thật với hình ảnh gần gũi thân thương với tình cảm con người mà thôi.

Con đường bước vào cảnh giới giác ngộ không gì khác hơn trở về tự tính chân như. Trong nhiều bài viết của mình, Ngài đã thường nhắc đến vấn đề kiến tính.

Khái niệm “Tính” được ông diễn đạt bằng nhiều ngôn từ khác nhau như Bản tính, Pháp tính, Phật tính, Chân tâm, Chân như... Kiến tính là thấy rõ bản trình chân thật của mình, thấy rõ chân tâm, con đường đi đến giác ngộ giải thoát. Đây cũng là nguyên lý mà trong Thiền tông thường được diễn đạt bằng hình tượng quen thuộc: “Kiến tánh thành Phật”. Trong bài “Toạ thiền luận”, Ngài nói: “Phàm người học đạo, chỉ cần thấy tính”, trong bài Phổ thuyết Bồ đề tâm văn ông lại nói: “Do thấy ánh sáng trí tuệ, phản chiếu lại mình thấy được tính mà thành Phật”.

Thế nên, cuộc hành trình chứng ngộ tâm linh mà Trần Thái Tông đi qua, suy cho cùng là sự phản tỉnh để hồi đầu, để trực ngộ thấy rõ tâm tính của mình bằng cách chuyên chú hành trì theo Ngài là “biện tâm”. Trong kinh Pháp cú Phẩm Tâm cũng chỉ rõ biện tâm là uốn nắn cho tâm thẳng là điều phục tâm, phòng hộ tâm, an trú tâm, khiến tâm trở nên nhu nhuyễn trong sáng thanh tịch, không cầu nhiễm bởi các ham muốn dục lạc, sự si mê và thù hận.

Cho nên, trong tác phẩm “Khoá hư lục”, Ngài đã thường xuyên cảnh tỉnh mọi người dù vương hầu bá tước hay thường dân đừng có hệ lụy về danh sắc, âm thanh, đường nét, tiền tài,...Cuộc đời như giấc mộng phù du, cần xem nhẹ như tơ hồng. Trong bài “Phổ Khuyến Bồ đề tâm”, Ngài cũng khuyến cáo mọi người thật chân tình:

“Tường phù bách niên quang ảnh toàn tại sát na; tứ đại huyễn thân, khởi năng trường cửu. Mỗi nhật trần lao cốt cốt; chung triêu nghiệp thức mang mang. Bất tri nhất tính chi viên minh; đồ sính lục

căn chi tham dục. Công danh cái thế, vô phi đại mộng nhất trường; phú quý kinh nhân, nan miễn vô thường nhị tự. Tranh nhân tranh ngã, đao để thành không; khoa hội khoa năng, tất cánh phi thực”.

“Phong hoả tán thời vô lão thiếu

Khê sơn ma tận kỷ anh hùng”.

“Lục man vị kỷ nhi bạch phát tảo xâm; hạ giả tài lâm nhi điều giả tùy chi. Nhất bao nùng huyết trường niên khổ luyện ân tình; thất xích độc lâu tứ ý kiên tham tài bảo. Xuất tức nan kỳ nhập tức, kim triều bất bảo lai triều.”

“Ái hà xuất một kỷ thời hưu,

Hoả trạch ưu tiên hà nhật liễu”

(Rõ ràng thay, ngày tháng trăm năm chỉ là phút chốc. Cái ảo thân tứ đại hết được dài lâu. Càng ngày càng đắm trần lao, mỗi lúc mỗi vương nghiệp thức. Chẳng hiểu biết sự viên mình của một tính, chỉ buông tuồng cái dục của sáu căn. Công danh rất mực chỉ là giấc mộng to, phú quý hơn người cũng tránh vô thường hai chữ. Cậy mình cậy nó, rút cuộc thành không; khoe giỏi khoe tài, cuối cùng chẳng thực:

“Gió lửa tan tành kể chi già trẻ

Núi khe mòn mỏi biết mấy anh hùng”

“Tóc xanh chữa bao lâu, tóc bạc đã sớm nhuộm vào; kẻ chúc mừng vừa đến người phân ưu liền theo. Một bao máu mủ, bao năm khổ luyện ân tình; bấy thước xương khô mặc sức tham lặn tài sản; thở ra khó hện thở vào, ngày mai chẳng giữ ngày sau:

Sông ái tuôn ngưng lúc nào cũng dứt,

Nhà lửa cháy nung bao giờ hết)

(Đỗ Văn Hỷ – Băng Thanh dịch trong thơ văn Lý Trần tập II)

Theo Trần Thái Tông sự cảnh tỉnh này cần phải được người tu hành thực thi trong tâm thức mỗi phút mỗi giây, ở nơi hoàn cảnh qua việc thực tập thiền định. Trong Toạ thiền luận, ông đã bàn về 4 loại thiền: Thiền ngoại đạo, Thiền phàm phu, Thiền tiểu thừa, Thiền đại thừa.

Tuy nhiên, Ngài khuyến cáo mọi người lên tu pháp thiền đại thừa mà thôi, vì nó có khả năng thấu đạt cả hai lý nhân không và pháp không. Trần Thái Tông giải thích công năng ngồi thiền là dứt bỏ hết mọi mọi niệm và nói kiến giải: “Thử tập toạ thiền tức niệm, vật sanh kiến giải”. Điều này cho thấy còn sanh bất cứ kiến giải nào thì đó chỉ là lý luận thôi. Thế nên, vấn đề là thể nhập thực tại qua việc hành trì. Tu định là một loại hành trì chuyển hoá thân tâm. Trong bài “Tuệ giáo giám luận”, Trần Thái Tông viết:

“Phù tuệ giả sinh ư định 1ực. Nhược tâm định tắc tuệ giám sinh. Nhược tâm loạn tắc tuệ giám diệt. Diệt như đồng kính, tiên giả ma lung, nhiên hậu phương hữu quang tịnh minh chiếu. Nhược bất ma lung tắc đài ngàn hôn cấu. Kỳ dĩ hôn cấu, quang hà dĩ sinh? Cổ tri tuệ do định hiện, định tự tuệ sinh, định tuệ tương y, lưỡng vô di nhất. Nhược giả danh toạ thiền, tâm vị đắc định, nhi tuệ giám sinh giả, vi chi hữu dã. Tuy hữu tuệ tính nhi bất toạ thiền, tự vị tuy hữu tuệ giả, hà giả tuệ vi?”.

Nhược như thị giả, tuy hữu tuệ giả, nhi vô giám thể. Nhược ư định thời, tâm vị đắc định, nhi dục cầu tuệ, thí nhược phong ba vị tĩnh nhi cầu kiến nguyệt ảnh giả dã. Nhược tâm kỳ định nhi phản sinh tà giả, cầu ư tuệ giả, nhược như phong ba ký tĩnh, nguyệt ảnh trừng thanh, nhi phục lăm ư thủy trung cầu thủ nguyệt ảnh, hà đắc kiến tai!”

“Cổ Tổ sư vân: “Tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch”.

(Nói chung tuệ sinh ra từ định lực. Nếu như tâm định thì gương tuệ sinh; nếu tâm loạn thì gương tuệ mất. Cũng như chiếc gương đồng, trước hết phải lau chùi sau mới trong trẻo chiếu sáng. Nhược bằng không lau chùi thì rêu bụi mờ tối. Đã mờ tối ánh sáng sinh ra sao được? Cho nên biết rằng tuệ xuất hiện từ định; định nảy sinh từ tuệ. Định và tuệ nương tựa vào nhau, không bỏ sót một bên nào. Nếu giả danh ngồi thiền nhưng tâm chưa định, thế mà gương tuệ vẫn sinh, thì điều nó chưa có bao giờ. Tuy có tuệ tính, nhưng không tập ngồi thiền lại tự bảo: “Mình đã có trí tuệ còn mượn việc ngồi thiền làm gì?”. Những kẻ như thế, dù có trí tuệ đầy nhưng vẫn không có thể chất gương của tuệ. Lại như khi ngồi định mà tâm chưa định, nhưng vẫn muốn tìm tuệ thì cũng ví như sóng gió chưa yên đã muốn tìm bóng trăng. Nếu tâm đã định, lại nảy sinh kiến giải không ngay thẳng, như thế mà muốn tìm tuệ thì cũng như sóng gió đã lặng, bóng trăng trong trẻo, nhưng lại thò tay khoắng nước để vớt bóng trăng, vậy thì làm sao lấy được!

“Cho nên Tổ sư nói rằng: “Yên lặng mà thường chiếu, thường chiếu mà yên lặng)

(Đỗ Văn Hỷ – Bấy Thanh dịch – Thơ văn Lý Trần tập II)

Nhờ tinh thần này, dù ai có sống trong hoàng cung cảnh đời giàu sang cũng không đắm chìm trong trong dục lạc, luôn làm tròn bổn phận với dân và đồng thời thành tựu sự nghiệp giải thoát giác ngộ. Trần Thái Tông là ông vua cũng là nhà triết lý kiêm thiền sư, cuộc đời của Ngài là cuộc trải nghiệm kinh qua sự phú quý, công danh, tiền bạc, vợ đẹp con thơ, cung phi mỹ nữ và ông cũng trải qua nhiều năm tháng thực nghiệm cuộc hành trình hướng nội, chuyển dẫn nội tâm từ sự tán loạn sang định tĩnh, từ chỗ đắm say các dục vọng ngoại cảnh chuyển sang trạng thái bất động sáng suốt, từ chỗ thô tháo, khó sử dụng đến chỗ nhu nhuyễn dễ sử dụng, hướng tâm đến đâu là tùy theo tâm nguyện của mình. Tất cả là nhờ sự công phu thiền định, chuyển tâm, phòng hộ tâm, biện tâm mà phát sanh trí tuệ chứng ngộ.

Suy cho cùng sự thai nghén của Trần Thái Tông ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và sự hoằng pháp của Ngài đã hun đúc ra một lớp người lãnh đạo của đất nước kế tiếp là Trần Thánh Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Nhân Tông và một số tướng lãnh quan lại hướng dẫn mọi người dân thực hiện con đường chuyển hoá thân tâm bằng con đường hường nội, thực hành thiền định ngang qua nếp sống hường thiện đầy đủ của giới đức, tâm đức, tuệ đức.

Chính Thiền hướng nội và biện tâm Trần Thái Tông không chỉ thống nhất các dòng Thiền vốn có thành “dòng Thiền Nhất tông” mà còn tạo nên sức mạnh tổng hợp đoàn kết toàn dân trong đời sống thiết thực xã hội, cũng như đời sống chính trị kinh tế xã hội của đất nước. Các mâu thuẫn đối kháng của các mối quan hệ giữa vua tôi, tầng tực, quý tộc và nhân dân lao động được giải quyết một cách êm đẹp. Tất cả chỉ vì niềm tin, vì lý tưởng phụng đạo yêu nước, vì ai cũng muốn thể hiện “ý muốn của mình là ý muốn thiên hạ, tấm lòng của mình là tấm lòng của thiên “hạ” mà Trần Thái Tông chủ trương thực thiện.

Cũng vì tôn chỉ và mục đích thiết thực của Thiền phái Trúc Lâm là thống nhất và mang bản sắc dân tộc như thế, nên càng ngày nó càng cắm sâu trong lòng dân chúng. Nó không chỉ tồn tại trong các ngôi chùa nguy nga mỹ lệ mà nó có thể hoạt động bất cứ nơi nào dù thành thị, nông thôn, chợ búa hay núi non hiểm trở, thậm chí nó còn phát huy ngay giữa chiến trường để đối đầu với giặc Nguyên Mông. Trần Thái Tông chủ trương Phật tại tâm, và không phân biệt tăng lục, nam nữ, và bất

cứ thành phần nào trong xã hội đều có thể trở thành thành viên thiền phái, với một tấm lòng “chỉ cốt yếu biện tâm”.

Nhờ vậy, những vị vua như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, chưa từng xuất gia đã trở thành thiền sư lỗi lạc, những cư sĩ như Tuệ Trung Thượng sĩ, Thông Thiên, Ứng Thuận... các Ngài cũng trở thành những bậc cao minh đặc đạo được các Thiền sư nổi tiếng đương thời tôn vinh làm Tổ sư dạy thiền cho hậu thế. Thực tế, Tuệ Trung Thượng sĩ là thầy dạy thiền cho vua Trần Nhân Tông, và chính Ngài trở thành Trúc Lâm đệ nhất Tổ -vị giáo chủ khai sáng ra dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Trần Nhân Tông hiện thân của một vị Phật ở Đại Việt với nhiều nét riêng biệt phong cách riêng so với các dòng thiền trước đó. Hẳn nhiên, Thiền phái này sinh hoạt độc lập tự chủ không có sự chi phối hay phụ thuộc bất cứ Thiền phái Trung Hoa nào.

Nếu Trần Nhân Tông được nhân dân Đại Việt tôn xưng là Phật Biến Chiếu Tôn của nước Đại Việt bấy giờ, thì vua Trần Thái Tông là người xứng đáng là được tôn vinh là “Bồ Đuốc Thiền tông”, đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nảy mầm, và phát triển truyền thừa trong lịch sử Phật giáo nước nhà. Sự nghiệp hoàng dương Chánh pháp của ông mãi mãi được khắc sâu vào tận con tim khối óc cõi lòng người con Phật Việt Nam đã và đang sống trên khắp hành tinh này.

Thích Phước Đạt

Hồi thứ năm mươi bảy
Tiêu Sơn hóa tinh pháp

Trong khi vương phi giảng rươi sinh sống ra sao, cách làm chả thế nào, thì năm nàng Đông hoa trong những bộ áo tứ thân, tha thướt bước vào lều. Mỗi nàng bưng một đĩa chả rươi, mùi thơm ngào ngạt bốc lên. Thanh Nga dâng cho vương, Thúy Nga dâng cho vương phi, Thúy Trang dâng cho Hoài Đô, Hồng Nga dâng cho A Truật, Thúy Hồng rót rượu. A Truật dán mắt nhìn vào Hồng Nga. Hoài Đô dán mắt vào Thúy Trang. Y than thầm:

– Hồi tiến quân vào Thăng long, quân sĩ đã bắt không biết bao nhiêu phụ nữ dâng cho mình, tại sao lại không có những người đẹp như thế này?

Dâng món đầu tiên xong, năm nàng lùi lại, cùng tấu nhạc, rồi Thúy Trang cất tiếng hát. Nàng hát bài châu văn, tụng cô Đề Tứ Khâm Sai. Trong tất cả các bài hát châu văn thì bài tụng cô Đề Tứ Khâm Sai, có nhịp điệu. Khi cung văn hát, người hầu bóng được cô nhập vào, vừa nhún nhảy vừa múa. Nhưng đây Thúy Trang là Thúy Trang chứ không phải cô nhập đồng, nên nàng vừa là cung văn hát, vừa là cô Đề Tứ Khâm Sai. Hoài Đô như mê đi trong âm thanh, trong đường cong nét tươi thắm của Thúy Trang.

Thúy Trang làm như vô tình, nàng liếc mắt nhìn Hoài Đô rồi mỉm cười.

Hồng Nga trong bộ áo dài tứ thân, khăn màu xanh lá cây; áo lót, yếm màu hoàng yến, dây lưng xanh, đỏ, váy bằng lụa đen trông thực huyền bí. Khi nàng múa, tà áo, dây lưng bay lượn. Trong khoảnh khắc, A Truật như lạc vào cõi tiên; y quên đi kỷ niệm bị kiếm của Ý Ninh bao phủ suốt mất mạng.

Tiếp theo Hồng Nga, mỗi nàng hát một bài. Quan sát anh mắt, cử chỉ của Hoài Đô, A Truật, vương phi nghĩ thầm:

– Nếu như y chỉ nhìn Thúy Trang, Hồng Nga bình thường, thì có lẽ y không rơi vào biển tình. Nhưng nhìn Thúy Trang, Hồng Nga múa, kèm theo tiếng hát, cơ thể uốn lượn thì hai viên tướng Mông cổ từng giết người không gớm tay, bị hai nàng hút mất hồn. Chính hai tên này mới như người lên đồng. Rồi đây trong thời gian đi sứ, làm con tin, chúng ta còn gặp chúng rất nhiều. Nếu như chúng cảm Thúy Trang, Hồng Nga, ta cũng không hẹp gì mà không tác thành cho chúng. Thúy Trang, Hồng Nga sẽ nắm hồn bọn y. Dùng hai thiếu nữ mà tránh được bọn quý sứ tàn phá đất nước, tại sao mình không làm? Đại Việt mình mất hai giai nhân giống như kho thóc hao hai hạt lúa thì không đáng kể. Và năm thiếu nữ theo sứ đoàn đều là nữ lưu hào kiệt, sẵn sàng làm nhiệm vụ của con cháu vua Trưng.

Vương phi đứng lên cáo lỗi, ra ngoài để điều động đầu bếp. Nhưng thực ra phi dặn năm nàng phải làm những gì, tiếp theo. Phi gọi riêng Hồng Nga, Thúy Trang dặn chi tiết phải nói những gì, làm những gì với Hoài Đô, A Truật.

Tiệc tàn, Hoài Đô lấy ra 5 cái thẻ bài trao cho Vũ Uy vương:

– Ngày mai tôi với A Truật phải đem đám tù binh mới được phóng thích về Độ khấu. Còn sứ đoàn thì nên khởi hành càng sớm càng tốt. Đây là thẻ bài của đại vương Hốt Tất Liệt. Người cầm thẻ bài này coi như chân tay của vương, được quyền đi lại trong lãnh thổ của vương. Vậy vương gia cùng sứ đoàn xử dụng để vào Thục hội kiến với đại vương.

Vương, vương phi tiền Hoài Đô, A Truật khỏi trại. Năm nàng Đông hoa cũng dàn ra trước cổng tiền khách.

Vũ Uy vương, vương phi cáo từ lui vào trại cùng Thanh Nga, Thúy Nga, Thúy Hồng. Mặc Thúy Trang với Hồng Nga tiễn riêng Hoài Đô, A Truật.

Hoài Đô lên tiếng gọi A Truật:

– Lên đường thôi!

A Truật thở dài, hú lên một tiếng, y phi thân lên ngựa. Con ngựa tung vó, bụi bay mịt mờ, nhưng y còn ngoái đầu lại nhìn Hồng Nga một lần.

Bản lĩnh Hồng Nga cao nhất trong năm nàng Đông hoa. Nàng nghĩ: phải bắt được viên tướng này, tuy ta không cầm gươm *ra trận, nhưng ta quyết không thua các tướng của vua Trưng. Tay nàng hướng A Truật vậy, miệng nàng gọi giật lại:*

– Đại tướng quân!

Gió hiu hiu thổi, y phục bay phất phới, trong khoảnh khắc nàng giống như tiên nữ. A Truật không kìm hãm được lòng. Y gò cương, ngựa hí lên dựng hai vó trước, rồi quay đầu lại. Y nhảy xuống ngựa đến bên Hồng Nga. Nàng sẽ đưa tay lên gạt cho mắt đỏ hoe, rồi nói bằng tiếng Hoa:

– Đại tướng quân! Em! Em!

– Em có gì không vui?

– Đại tướng quân đi thực sao? Bèo mây gặp gỡ, rồi tuyệt đường chim xanh ư?

Nàng chớp chớp mắt, hai giọt lệ chảy xuống gò má. Lòng A Truật nhũn ra, y nói trong hơi thở:

– Thì anh trở lại đây. Đừng khóc! Đừng khóc.

Hồng Nga sụt xùi:

– Việc vua, việc nước, việc quân không phải một ngày, một lúc mà xong. Em như bông hoa, hoa nở có thì, hương thơm có độ. Anh nên nán lại đây ăn cơm Việt, nghe em hát ít ngày rồi hãy đi.

Nói rồi nàng kéo vạt áo lau nước mắt, cất tiếng hát, một bài hát bằng tiếng Hoa:

Yên thảo như bích ty,

Tân tang đề lục chi.

Đương quân hoài quy nhật,

Thị thiếp đoạn trường thì.

Xuân phong bất tương thức,

Hà sực nhập la vi?

Hát xong nàng chuyển sang tiếng Việt :

Cỏ Yên xanh biếc như tơ,

Dâu Tân màu lục, bên bờ xa xa,

Lúc chàng tưởng nhớ về nhà,

Cũng là lúc thiếp bơ phờ quặn đau.

Gió xuân nào có biết nhau,

Tại sao lại thổi cuốn vào màn the ?

Lòng A Truật nhũn ra, y uống từng lời ca, từng âm thanh của Hồng Nga. Y khen :

– Bài thơ của Lý Bạch là một bài thơ chết, được em hát, nó như sống dậy để nói cho anh biết rằng anh đang ở trong tâm em.

A Truật bị sắc đẹp, bị giọng hát, bị dáng thanh nhã của Hồng Nga làm cho y say say như người trong giấc mơ. Gió thổi tà áo nàng bay tung theo gió. Không tự chủ được, y nâng tà áo nàng lên mà hôn, rồi nắm lấy tay nàng. Có tiếng nói bên cạnh bằng tiếng Mông cổ:

– Hồng Nga! Em đưa A truật tới con thác mà truyện trò. Đứng đây vừa nắng, vừa bụi.

A Truật vội bỏ tay Hồng Nga ra. Y quay lại, người nói câu đó là Dã Tượng. Dã Tượng mỉm cười như trêu, như khoan thứ. Chàng nói nhỏ vào tai y bằng tiếng Hán:

– Cô bé này là em kết nghĩa của Vũ Uy vương phi, tuổi đã 19, nhan sắc diễm lệ, lại giỏi ca hát. Tướng quân mau về nói với phụ vương gửi sứ sang hỏi làm nàng vợ. Để chậm e vương phi gả chồng thì chẳng hóa ra một tuồng ảo mộng ư?

Hồng Nga rào bước về phía thác Chiêu dương. A Truật theo cạnh nàng. Nàng ngược mắt nhìn y:

– Đại tướng quân! Em nghe nói tướng quân là thế tử con của thân vương Ngột Lương Hợp Thai, cháu nội đại vương Tắc Bất Đài. Tướng quân từng chinh chiến khắp thiên hạ, thực là một đấng anh hùng. Cổ nhân nói : Một đời được mấy anh hùng. Hôm nay bèo mây gặp gỡ trong chốn lát, rồi chúng ta chia tay. Không biết bao giờ chúng ta mới được tái ngộ?

Tim A Truật đập thành thịch:

– Em! Không biết em xưng hô thế nào?

Hồng Nga mỉm cười, mắt đưa ngang:

– Em tên Hồng Nga. Năm nay 19 tuổi.

A Truật ngập ngừng:

– Em ơi! Không biết mai này Vũ Uy vương lên đường đi sứ, em có được đi theo không? Nếu em được theo sứ đoàn thì chúng ta sẽ có nhiều cơ hội gặp lại nhau.

Hồng Nga nghĩ thầm “ Vương phi hay thực. Tên Mông cổ *này biến thành con thỏ cho ta bắt rồi đây*”:

– Đi sứ sang Mông cổ, đường xá xa xôi, không biết vương gia có cho em theo không? Nếu em được theo sứ đoàn thì chúng ta còn nhiều dịp gặp nhau. Còn như vương không cho em đi, thì chẳng hóa ra chúng mình hội ngộ hôm nay đây, rồi kẻ Bắc người Nam, vĩnh viễn không được gặp nhau nữa thì đời người quả thực là giấc mộng.

– Không thể là giấc mộng được! Anh sẽ nói với phụ vương, sai sứ sang cầu hôn.

Hồng Nga gọi truyện:

– Anh là cháu một đệ nhất công thần của Mông cổ, không biết Mông cổ có còn nhớ lại huân công của ông nội anh không?

A Truật thuật cho Hồng Nga nghe:

“ Ông nội tôi là thân vương đời Thái tổ Mông cổ tên Tắc Bất Đài. Người kết bạn với Thành Cát Tư Hãn từ hồi niên thiếu. Người là một trong chín thân vương khai quốc công thần theo thứ tự:

- *Tắc Bất Đài chỉ huy đệ nhất binh đoàn.*
- *Bác Nhĩ Truật chỉ huy đệ nhị binh đoàn..*
- *Mộc Hoa Lê chỉ huy đệ tam binh đoàn.*
- *Xích Lão Ôn chỉ huy đệ tứ binh đoàn.*
- *Gia Luật Mễ chỉ huy đệ ngũ binh đoàn.*
- *Triết Biệt chỉ huy đệ lục binh đoàn.*

- *Bác Nhĩ Hốt chỉ huy đệ thất binh đoàn.*
- *Dược Sơ Đài chỉ huy đệ bát binh đoàn.*
- *Bác Khô La chỉ huy đệ cửu binh đoàn.*

Thành Cát Tư Hãn gọi chín đại tướng là Cửu đại sơn điêu. Ông truyền lấy quốc kỳ màu xanh. Trên quốc kỳ, ông truyền vẽ hình con chim ưng bay ngang mặt trời, tượng trưng cho cái tên Thiên hỏa điêu đế của ông. Phía dưới quốc kỳ móc chín cái đuôi trâu, tượng trưng cho Cửu đại sơn điêu.

Phụ thân tôi là bạn thân của Hốt Tất Liệt, bào đệ chúa Mông cổ Mông Ca. Mông Ca tuy làm Đại hãn Mông cổ, nhưng tài trí thua xa Hốt Tất Liệt. Sợ Hốt Tất Liệt đoạt ngôi vua, Mông Ca sai Hốt Tất Liệt đem quân đánh Tống, mục đích đẩy Hốt Tất Liệt khuất mắt. Không ngờ Hốt Tất Liệt vào Trung nguyên, ông ta dùng các văn quan, mưu sĩ người Hán, gọi là Hán pháp. Thành công. Binh lực hùng mạnh, tài nguyên phong phú, uy tín vang lừng, áp chế chính quốc Mông cổ. Mông Ca lo ngại, ông ta sai Thừa tướng A Lan Đáp Nhi với hai Tham tri chính sự Lưu Thái Bình, Ngột A Đa vào Trung nguyên lập ra Câu khảo cục chuyên điều tra, bịa đặt ra tội lỗi của chân tay Hốt Tất Liệt rồi xử tử. Hiện khắp Trung nguyên náo loạn. Đại vương Hốt Tất Liệt đang phân vân một trong hai đường lối hành động: một là đem quân chống lại Mông Ca lập ra triều đình riêng. Hai là về Hoa lâm để tự biện hộ, tự giải oan. Chính vì vậy mà phụ thân tôi cũng án binh chờ đại vương quyết định. Nếu như đại vương tách ra lập một nước riêng thì phụ thân tôi cũng sẽ theo. Ngược lại người bị giết thì phụ thân tôi cũng khó toàn mạng. Ngay trong đạo quân ở Đại lý giữa phụ thân tôi với phò mã Hoài Đô cũng kình chống nhau, vì một người là con rể của Mông Ca, một người là bạn của Hốt Tất Liệt”.

Qua lời A Truật, Hồng Ngát nắm được năm tin quan trọng của Mông cổ, mà Khu mật viện Đại Việt cần biết:

Thứ nhất, Hốt Tất Liệt dùng Hán pháp mà thành công ở Trung nguyên.

Thứ nhì, Mông Ca nghi ngờ thì ít mà ghen tài Hốt Tất Liệt thì nhiều. Y muốn hạ bệ Hốt Tất Liệt.

Thứ ba, Hốt Tất Liệt đang phân vân: hoặc phản Mông Ca. Hoặc chịu về Hoa lâm biện hộ.

Thứ tư, Ngột Lương Hợp Thai tuy là con một Thân vương khai quốc công thần, nhưng vì là em kết nghĩa của Hốt Tất Liệt nên cũng bị thất sủng. Nếu Hốt Tất Liệt làm phản thì Ngột Lương Hợp Thai sẽ theo y. Còn như y bị tước binh quyền thì Ngột Lương Hợp Thai cũng bị giết hoặc bị cách chức.

Thứ năm, giữa Hoài Đô và Ngột Lương Hợp Thai đang kình chống nhau.

Hồng Nga thấy anh chàng đại gái, nàng khai thác thêm:

– Còn phò mã Hoài Đô! Người có bị nghi ngờ không?

– Không! Phò mã rất được Đại hãn Mông Ca tin tưởng. Hiện giữa người với phụ thân tôi đang ngầm ngầm chống nhau.

Nai đã lọt lưới, cộp đã vào cũi, Hồng Nga phóng ra chiêu kiểm mà Vũ Uy vương muốn nàng phải hoàn thành:

"Hưng Đạo vương cũng như triều đình, thấy Hốt Tất Liệt là người tài trí. Y dùng Hán pháp mà thành công. Nếu y tiếp tục cầm quân ở Trung nguyên thì y sẽ đánh bại Tống. Bại Tống rồi y sẽ đánh Đại Việt. Vậy cần làm cho y bị thu binh quyền. Mông Ca sẽ thân chinh. Mông Ca không có tài, lại kỳ

thị người Hoa, trong khi binh tướng Mông Cổ ở Trung nguyên là của Hốt Tất Liệt toàn người Hoa. Mông Ca không thể bại được Tống”.

Nàng nũng nịu:

– Anh ơi! Việc Đại hãn Mông Ca với Hốt Tất Liệt đang căng thẳng. Em chỉ mong anh với phụ vương anh bình an. Có như vậy chúng ta mới có thể hạnh phúc bên nhau.

– Ý em muốn?

– Nếu như Đại vương Hốt Tất Liệt phản Đại hãn Mông Ca, thì chiến tranh khủng khiếp sẽ xảy ra, khó biết kết quả ra sao? Bề gì Đại vương cũng là em Đại hãn. Em nghĩ anh nên nói với phụ vương, khuyên Đại vương nên về Hoa lâm, anh em hòa với nhau là hơn.

– Anh sẽ hết sức khuyên phụ vương làm như em đề nghị.

– Anh cố gắng nhé.

Nàng liếc mắt đưa tình, A Truật rung động mãnh liệt: Ta phải làm chồng nàng.

Trong khi A Truật với Hồng Nga song song rời bước về hướng thác nước Chiêu dương, thì Hoài Đô nhìn Thúy Trang như ngây, như dại. Thúy Trang đã được vương phi dặn dò:

" Uy quyền Hoài Đô lớn hơn Ngột Lương Hợp Thai. Y là một đại tướng đại tài, y được Mông Kha tuyển làm phò mã. Vợ y là gái Mông cổ, thô cứng, vừa xấu, vừa dữ, mới chết. Khi vào Thăng long, y tuyển một trong Tô lịch thất tiên là Bạch Hoa làm tỳ thiếp. Nhưng cô này từng trao thân cho bọn Hồ Hối, hơn nữa là gái có chồng. Địa vị y không thể tuyển nàng làm vợ. Vì vậy y đang như con thuyền không lái. Em phải làm cho y ngây ngất với nét son trẻ, cùng cái mềm mại thanh cao. Như vậy y sẽ thành con nai cho em sai khiến”.

Hoài Đô nhìn Thúy Trang, nàng đã thay y phục: áo bên trong màu hoàng yến, áo choàng ngoài vạt tím, vạt hồng. Dưới ánh nắng, trông nàng rực rỡ, chói chang, ánh mắt lung linh như nước hồ thu. Nàng mỉm cười nói tiếng Hán với Hoài Đô:

– Phò mã! Người, người định về thực sao?

Bị choáng váng trong bữa tiệc, bị mơ màng trong tiếng hát của Thúy Trang. Hoài Đô vừa tỉnh thì bị nàng hỏi một câu ngoài sự mong ước của y. Y nảy ra ý so sánh Thúy Trang với Bạch Hoa. Khi chưa sang Đại Việt, y đã nghe bọn Tế tác nói về Tô lịch thất tiên. Sau lại được bọn đạo sĩ Hồ giáo ca tụng các nàng. Khi vào Thăng long, bắt được Thất tiên, thì Ngột Lương Hợp Thai dùng Hoàng Hoa làm tỳ thiếp. Y tuyển Bạch Hoa làm của riêng. Nhưng sau những lúc chăn gối, y nhận thấy Bạch Hoa chỉ có nhan sắc, thiếu dịu dàng, kém tình tứ hấp dẫn. Vì vậy y không say mê cho lắm. Bây giờ gặp Thúy Trang, nàng hơn hẳn Bạch Hoa cái son trẻ, yếu điệu, tình tứ, dịu dàng thì tam hồn thất phách y bị hút mất.

Y nói lắp bắp:

– Tiểu cô nương! Tôi cũng không vội lắm. Nếu tiểu cô nương cho phép, tôi sẽ nán lại.

Thúy Trang chỉ về phía trước:

– Kia là thác nước Chiêu dương, nước đổ xuống đẹp như Thiên thai. Chúng ta tới đó hưởng nét đan thanh của núi rừng, vẻ hùng vĩ của tạo hóa.

Tuy bị sắc đẹp Thúy Trang làm cho ngây ngất, nhưng y vẫn chưa hoàn toàn bị lọt lưới:

– Tiểu cô nương. Cô nương với đi tôi như thế này mà không sợ Vũ Uy vương trách phạt ư?

Thúy Trang nghiêng nghiêng đầu, ánh mắt trong như nước hồ thu:

– Trước kia mà em nói truyện với anh thôi thì sẽ bị chặt đầu. Bây giờ giữa Mông cổ với Đại Việt hòa rồi. Vương đang trên đường đi sứ sang Mông cổ làm con tin thì em thân với anh, vương không bức mình mà còn vui vẻ là khác.

Nghe Thúy Trang nói, tai Hoài Đô ù đi. Y như người say rượu:

– Nào chúng ta cùng đi.

Hai người song song nhẹ bước.

Nhớ lời Vũ Uy vương phi dặn, Thúy Trang giả bộ ngây thơ gọi truyện :

– Phò mã, không biết anh kết hôn với công chúa con của vị hoàng đế nào ?

– Người Mông cổ không gọi chúa nước mình là vương, là hoàng đế mà gọi là Hãn, Đại hãn. Khi anh 20 tuổi, nhờ lập chiến công, anh được Đại hãn Mông Ca gả cho một công chúa.

– Ái chà ! Chắc công chúa đẹp như tiên nữ !

– Lãnh địa Mông cổ nằm trải trên vùng thảo nguyên mênh mông. Mùa đông thì lạnh cắt thịt, xé gia. Mùa hè thì nóng như thiêu như đốt, nên phụ nữ thô cằn, không đẹp. Con gái của các Hãn, Đại hãn đều phải tập bắn cung tên, xung trận, cưỡi ngựa, người cứng ngắt, đâu biết đàn, ca, múa, cũng chẳng học văn tự. Vì vậy các tướng cầm quân đánh sang Trung nguyên, Đại lý, Đại Việt, hầu hết cưới vợ tại đây.

Y thở dài :

– Vợ anh đẹp hay không đẹp thì cũng chẳng nên nhắc tới. Vì nàng tử nạn trong một lần diễn tập phi ngựa cách đây hai năm.

– Chia buồn cùng phò mã. Không biết anh có định tục huyền không?

– Có chứ. Khi chưa nhập Việt, anh từng nghe nói gái Việt đẹp nước tiếng trong lịch sử. Nàng Tây Thi từng làm tan nát cả một nước Ngô. Việt vương chỉ dùng một Tây Thi mà bớt đổ biết bao nhiêu máu, thành công vĩ đại.

Thúy Trang nghĩ thầm:

– Tên này khôn gớm! Y tấn công, dọa già mình đây. Con bé Thúy Trang này không sợ mi đâu.

Nàng cười khúc khích:

– Tiếc quá, Nguyên Phong hoàng đế chê em là con nít không dùng em. Bằng không người đem em cống cho Đại hãn Mông Ca, thì nhất quyết em không thua Tây Thi. Nay, hay phò mã xin với Vũ Uy vương mang em về Mông Cổ rồi cống cho vua Tống. Như vậy Mông cổ không tổn xương máu mà hạ được Tống.

Hoài Đô lắc đầu:

– Anh không dại gì mà cho em gặp Mông Ca hay vua Tống. Hai ông này thấy em, e không phong làm hoàng hậu, cũng phong làm quý phi. Không! Kỳ này Vũ Uy vương sang làm con tin, anh sẽ xin vương gả em cho anh. Anh nói một là một, hai là hai.

– Em nghe nói hôm vào Thăng long anh đã tuyển một giai nhân làm tỳ thiếp. Có không?

– Có. Hôm anh vào Thăng long, bọn Hồi hột có giúp anh bắt được 7 đệ nhất giai nhân Đại Việt. Anh thu dụng một người, những tưởng có thể dùng làm vợ. Nhưng anh thất vọng. Về nhan sắc, cầm ca e người này không thua em làm bao. Song cô ấy chỉ có sắc đẹp, lại hơi lớn tuổi, kém thông minh. Anh chỉ có thể dùng làm tỳ thiếp khi chưa có vợ bên cạnh, mà không thể dùng làm chính thiếp. Vì...

– Vì sao?

– Cô ấy xuất thân là gái lầu xanh, bướm chán ong chường. Sau lại làm thứ thiếp cho một tước vương Đại Việt. Anh mà dùng cô ấy làm chính thê thì triều đình Mông cổ sẽ chém đầu anh ngay. Chỉ có em mới xứng đáng làm vợ anh.

– Phò mã ơi! Tuổi em còn quá trẻ, lại vụng về. Sợ rằng làm phu nhân một đại tướng Mông cổ không nổi. Em lại làm phò mã thất vọng nữa mà thôi.

– Không! Em vừa thông minh, vừa có cái vốn Hán học cao, lại vừa còn là trinh nữ. Hiện giờ Mông cổ sắp sửa dẹp xong Tống, cai trị Trung nguyên. Em làm vợ anh thì thực là điều anh ước mơ.

Nhớ lời Vũ Uy vương phi dặn, Thúy Trinh gợi truyện:

– Em muốn hỏi một truyện. Như anh nói, anh sẽ xin hỏi em làm vợ, em mới tò mò.

– Em tò mò gì?

– Giữa anh với Ngột Lương Hợp Thai, thì ai có quyền hơn ai?

– Hợp Thai toàn quyền về tác chiến, hành quân. Còn anh là đại diện Đại hãn, anh quyết định về chính sách, ngoại giao, cai trị, bổ nhiệm quan chức.

Thúy Trang thấy bây giờ là lúc mình thi hành đại kế của Hưng Đạo vương mà Vũ Uy vương dặn mình: giải binh quyền *Hốt Tất Liệt*, *khuyên y về Hoa lâm*.

– Hiện giờ đại vương Hốt Tất Liệt uy quyền áp chúng, không coi Đại hãn ra gì. Ngày một, ngày hai, đại vương cũng đem quân chống Đại hãn, lập ra một nước biệt lập với chính quốc, rồi mang quân về chiếm Hoa lâm. Còn anh, em biết rõ rằng anh là phò mã thì anh nghiêng về Đại hãn. Bây giờ đại vương Hốt Tất Liệt sẽ hại anh. Anh bị hại, thì thân phận em liệu có sống được chăng?

Hoài Đô tỏ vẻ cương quyết:

– Hốt Tất Liệt sắp bị thu binh quyền rồi. Ông ta không dám làm phản đâu. Cái vụ đòi Đại Việt cử người làm con tin là do Hốt Tất Liệt, chứ không phải do Đại hãn. Khi Vũ Uy vương tới Côn minh, ông ta sẽ giữ vương lại, chứ không để vương đi Hoa lâm đâu. Anh sẽ dùng quyền đại diện Đại hãn cương quyết hoặc để vương về nước, hoặc để vương đi Hoa lâm.

Thúy Trang ngược mắt nhìn Hoài Đô:

– Khi bây tôi mạnh hơn chúa thì có hai việc xảy ra. Một là chúa ra tay trước trừ bầy tôi. Hoặc bầy tôi phản chúa.

– Anh hiểu ý em. Anh sẽ nhờ Vũ Uy vương tìm đủ mọi cách giải binh quyền Hốt Tất Liệt. Hiện giờ Câu khảo cục của Thừa tướng A Lan Đáp Nhi với hai Tham tri chính sự Ngột A Đa, Lưu Thái Bình đang đi khắp lãnh thổ của ông ta, trừ hết chân tay thân tín của ông ta.

Thúy Trinh nghĩ thầm:

"Nai đã vào lưới. Đại bàng đã bị ta bắt giam trong đôi mắt rồi".

Khi dạy Hồng Nga, Thúy Trang bắt hai con nai A Truật, Hoài Đô, vương phi Ý Ninh đã tính toán trước: A Truật còn trẻ, đại gái, phi dùng Hồng Nga là người có bản lĩnh, dẫn dắt y theo dễ dàng. Còn Hoài Đô, y đã lớn tuổi, kinh nghiệm đời, từng trải, không biết bao nhiêu gái đẹp đã qua tay y, thì dùng Thúy Trang. Thúy Trang còn trẻ, giả ngây thơ, y mới không đề phòng. Quả nhiên bây giờ nàng đã kích y, dọa y để y giải trừ binh quyền Hốt Tất Liệt. Nàng lại moi được những bí mật nhất của triều đình Mông cổ. Những bí mật này tuy Ngột A Đa đã cung cấp nhưng quá sơ sài. Bây giờ mới có chi tiết. Hoài Đô đã xác nhận:

Thứ nhất, Giữa anh em Mông Ca, Hốt Tất Liệt đang có sự chia rẽ trầm trọng. Mông Ca lập Câu khảo cục để tía bớt chân tay Hốt Tất Liệt, rồi từ từ giải binh quyền của y.

Thứ nhì, Hoài Đô là người của Mông Ca. Ngột Lương Hợp Thai là người của Hốt Tất Liệt. Hai bên đang kinh chống nhau.

Thứ ba, Hốt Tất Liệt đòi Đại Việt gửi người sang làm con tin với ý định nắm Đại Việt trong tay, để gây thế lực, chống Mông Ca.

Thứ tư, khi Vũ Uy vương tới Côn minh thì Hốt Tất Liệt giữ lại. Hoài Đô sẽ phản đối, đòi vương phải di Hoa lâm.

Đạt được mục đích, Thúy Trang cần tỏ ra thiết tha, để Hoài Đô không nghi ngờ:

– Bây giờ Đại Việt với Mông cổ hết chiến tranh rồi. Vũ Uy vương sang Hoa lâm làm con tin. Liệu phò mã có nghĩ tới về Đại Việt chơi không?

– Anh chưa nghĩ tới. Sao em lại hỏi như thế?

– Em là đứa con gái ở mãi xứ thấp nhiệt, nếu như được làm vợ một đại tướng như anh, thì danh dự nào bằng? Nhưng danh dự ở Mông cổ, ở Trung nguyên thì có cũng như không? Nếu như phò mã dẫn em về thăm quê thì mát mày mát mắt với họ hàng, làng xóm.

Hoài Đô lớn tuổi hơn A Truật nhiều, y lại kinh nghiệm dạn dày về đàn bà. Lúc đầu nghe Thúy Trang múa, hát y quả bị choáng váng. Tuy vậy y chưa bị lọt lưới. Sau khi trao đổi ít câu với Thúy Trang y mới thức sự rung động. Y nói:

– Hôm nay chúng ta được trao đổi với nhau những tâm tình thế này là nhờ lượng cả của Vũ Uy vương. Thôi chúng ta tạm ngừng, khi sứ đoàn tới Hoa lâm, mình sẽ gặp lại nhau.

– Nhưng! Em sợ.

– Em sợ gì?

– Như anh nói, anh sẽ xin với Vũ Uy vương cưới em làm vợ. Vũ Uy vương vừa nể, vừa kính trọng anh, chắc vương gia sẽ đồng ý. Anh phải làm sao cho sứ đoàn đi Hoa Lâm mới hy vọng chúng ta thành vợ chồng. Muốn thế thì phải giải trừ binh quyền của Hốt Tất Liệt.

– Em yên tâm. Còn trời còn đất, còn sông còn núi, anh quyết làm cho được. Quyết dùng hết tài trí để được em.

Thúy Trang nghĩ thầm:

"Bắt con sư tử Hoài Đô quả quá khó. Nhưng y đã lọt lưới. Y lại dùng tài trí để hạ bệ Hốt Tất Liệt".

Hoài Đô, A Truật lên đường rồi, vương phi nói với Thúy Trang, Hồng Nga:

– Giỏi! Thúy Trang, Hồng Nga đã bắt được ba hồn bảy vía của Hoài Đô, A Truật rồi. Chúng ta đã biết hết nội tình Mông cổ. Màn kịch này hay quá. A Truật nài nỉ Ngột Lương Hợp Thai khuyên Hốt Tất Liệt nên về Hoa lâm. Hoài Đô một phần dùng uy quyền, một phần tấu về triều cho Mông Ca biết cái nguy Hốt Tất Liệt. Nhưng hai em phải cứng bóng vía nghe! Không thể để mình biến thành con mèo cho chúng sai bảo.

Vương hợp sứ đoàn trong lều. Vương phi nhìn năm nàng Đông hoa với tất cả yêu thương:

– Không ngờ trên bến Bắc ngạn, Thanh Nga treo bảng tuyển phụ, đưa đến anh chị gặp năm em. Về nhan sắc, cả năm đều thuộc loại quốc sắc, thiên hương. Về âm nhạc năm em đều thuộc loại tay tiên. Các em nên nhớ, một cái liếc mắt, một nụ cười của các em mạnh bằng trăm chiêu kiếm. Các em có ba ưu điểm: một là thuộc giòng giống Việt, có hùng tâm tráng chí của vua Trưng, của Triệu trinh

vương, sẵn sàng hy sinh cho Đại Việt; vì vậy khi hành sự thì thần trí minh mẫn. Hai là nhan sắc các em tươi thắm, khác hẳn với gái Mông cổ, thô, cứng. Ba là nếu các em chỉ xinh đẹp thôi, e không dễ gì bắt nai Mông cổ được; nhờ các em giỏi âm nhạc, nên lúc hát, khi đàn, thân thể uốn lượn, thì anh hùng đến đâu cũng bị nghiêng ngả.

Năm nàng nghe phi giảng giải, như người mù được mở mắt. Phi tiếp:

– Đối với đàn ông, họ có thể là vua chúa, là đại tướng, một lệnh họ ban ra khiến hăng vạn người chết, khiến thành nghiêng núi đổ. Họ có thể là những cao thủ võ lâm, một chiêu đánh ra, làm voi, làm cọp chết. Nhưng nếu các em biết xử dụng nụ cười, liếc mắt, uốn mình, các em có thể biến vua chúa, tướng lĩnh dữ như sư tử, như beo, như cọp thành những con chó ngoan ngoãn cho các em sai. Các em có thể biến họ từ con điều hâu thành con bồ câu, giam họ trong đôi mắt các em.

Vương tiếp lời phi:

– Trong nước vừa trải qua cuộc chiến, biết bao người chết, nhà cháy. Các vị vương từng cùng anh lẫn mình vào chỗ gươm đao để bảo vệ đất tổ, để bảo vệ dân chúng. Trung vũ đại vương Trần Thủ Độ, Hưng Ninh vương Trần Quốc Tung, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư... và hằng trăm, hằng nghìn tướng từng xuất mã. Bây giờ có cuộc chiến mới, các em là những tướng ra trận. Một liếc mắt như ngàn lưỡi đao, vạn lưỡi kiếm. Một nụ cười bằng vạn mũi tên. Anh nói ít, các em hiểu nhiều.

Nghe vương phi, vương giảng giải, năm nàng cảm thấy hùng tâm, tráng chí ngùn ngụt bốc dậy. Vương phi tiếp:

– Thanh Nga, Thúy Nga đã thành công với Ngột A Đa, A Lan Đáp Nhi. Thúy Trang đã thành công với Hoài Đô. Hồng Nga đã thành công với A Truật. Còn Thúy Hồng chị sắp sửa cho em lâm trận.

Cuộc trao đổi người diễn ra trong năm ngày thì xong. Vũ Uy vương gọi Dã Tượng, và năm nàng Đông hoa vào trong lều. Vương nói với Dã Tượng:

– Có một việc rất khó khăn, chú cần đến sức của cháu.

Dã Tượng cảm động:

– Cháu xin đời chỉ dụ của chú. Chú ơi! Khi nghĩ đến Xã tắc, dân tộc thì khó mấy, cháu cũng phải cố gắng làm cho được.

– Cháu sắp thi hành một lệnh cực khó khăn, nhưng chú biết cháu đủ khả năng hoàn thành. Chú sẽ cử Thúy Hồng đi với cháu. Hai người phải giả làm một cặp vợ chồng. Chồng người Việt, vợ người Thái, mới cưới nhau.

Thanh Nga nghe Thúy Hồng được cử đi với Dã Tượng thì cảm thấy bồn chồn khó chịu: Thúy Hồng có sắc đẹp dịu dàng, nhất là khi nàng mặc bộ quần áo tứ thân màu tím. Bây giờ nàng được đi cùng Dã Tượng trong vai vợ chồng; dù là vợ chồng giả, thì cũng khó mà giữ được trong sạch, thực nguy hiểm vô cùng. Thanh Nga đánh bạo hỏi vương phi:

– Chị ơi! Chị cho em đi thay Thúy Hồng được không?

Vương phi đọc được tâm sự Thanh Nga, dù sao phi cũng vẫn là thiếu nữ trẻ tuổi, phi nghiêm mặt:

– À, cái này chị hoàn toàn không biết! Em hỏi vương huynh. Dường như vương huynh cũng không phải là người quyết định, mà do thầy Tạ Quốc Ninh định.

Mắt Thanh Nga đỏ hoe, nàng nhìn Tạ hầu:

– Thưa thầy!

Tạ hầu bệ má Thanh Nga:

– Con ơi! Thầy biết tình yêu của con với Dã Tượng sâu như biển Đông! Thầy là người kết hợp hai con lại, con phải biết chứ? Thầy luôn mong muốn hai con thành đôi giai ngẫu. Việc con với Dã Tượng là việc tư. Còn việc thầy đề nghị Dã Tượng đi với Thúy Hồng là việc công. Chuyển đi này cần bằng qua nước Đại lý. Người Đại lý nói tiếng Thái. Dã Tượng cũng như con mới học tiếng Mông cổ, tiếng Hoa vùng Lâm An. Đối đáp thông thường thì Dã Tượng đủ tiếng Hán nói với họ. Nhưng bàn quốc sự trong trường hợp phức tạp này thì không thể. Thúy Hồng giỏi tiếng Mông cổ, tiếng Thái, tiếng Hoa vì vậy thầy mới sai Thúy Hồng đi với Dã Tượng.

Hầu lại tâu yêu Thanh Nga:

– Dã Tượng có tư cách người quân tử, chính trực, quang minh. Con phải tin Dã Tượng chứ?

Tuy được an ủi, nhưng Thanh Nga vẫn khóc nức nở, nàng cảm thấy như sắp mất Dã Tượng.

Dã Tượng đâu phải không biết tình yêu Thanh Nga dành cho mình? Nhưng chàng từ một mục đồng, trở thành tướng Ngưu binh, từng đánh thắng Lôi kị bảy trận, lại là con nuôi của Hưng Đạo vương. Suốt thời gian sống trong dinh của vương, chàng được dạy văn, luyện võ, được nghe giảng chủ đạo tộc Việt, nên chàng mơ màng làm những việc như các anh hùng thời Lĩnh Nam, thời Lý. Chuyện vợ, con đối với chàng là điều gì xa xôi.

Từ hôm gặp năm nàng Đông hoa, Dã Tượng hết sức sủng ái cả năm nàng. Chàng thay Vũ Uy vương tổng lĩnh mọi việc của sứ đoàn. Chàng chăm sóc năm cô từng ly từng tỵ, như một ông anh cả đối với mấy cô em nhỏ. Năm cô cực kỳ kính trọng chàng. Tình cảm của chàng đối với Thanh Nga cũng như bốn cô kia, không hơn, không kém.

Bây giờ Thanh Nga khóc vì chàng đi xa với Thúy Hồng trong vai vợ chồng. Dã Tượng hiểu tâm ý Thanh Nga, nhưng chàng không biết an ủi như thế nào? Chàng nói nhỏ:

– Anh với Thúy Hồng chỉ đi ít ngày rồi về. Anh cam kết với em rằng anh sẽ giữ cho Thúy Hồng tuyệt sạch, giá trong. Em có tin anh không?

– Không! Em không thể yên tâm trong vấn đề này?

Để Thúy Hồng nắm vững vấn đề, Vũ Uy vương tóm lược vụ Mông cổ kiềm chế cha mẹ, vợ con hơn ba trăm cao thủ võ lâm Tống, rồi bắt họ theo quân chinh tiêu các nước. Hồi Mông cổ vào Thăng long, đám cao thủ này trở giáo giúp Đại Việt để cứu Hoa kiều. Trong lần hội với Trung vũ đại vương Trần Thủ Độ, Ngột Lương Hợp Thai xin vương tha cho đám tù binh Mông cổ, Đại lý. Vũ Uy vương đưa điều kiện: phía Đại Việt thả tù binh, thì Mông cổ phải thả gia đình các võ sĩ Trung nguyên đưa sang Đại Việt. Bây giờ Dã Tượng lên đường đi Hợp châu điều đình với Vương Kiên, để Vương nhận đám võ lâm này.

Vương nhấn mạnh:

– Trong binh pháp Tôn Tử, chia làm hư và thực. Trong binh pháp của Công chúa Thánh Thiên thời Lĩnh Nam chia ra *hợp* và *phân*. Việc trao tù binh, việc đem cao thủ Tống trao cho Vương Kiên là *hư*, là *phân*. Còn thực, hợp mới quan trọng.

Trong năm nàng Đông hoa, thì Hồng Nga thâm trầm nhất, lại chú ý về chính sự. Nàng hỏi:

– Em có một thắc mắc: hiện mấy trăm cao thủ Tống hàng Đại Việt, tại sao mình không chiêu mộ họ làm lực lượng giữ nước với mình? Trả họ về Tống, thì chẳng hóa ra mình bùng mìn mìn cổ biểu không cho Tống ư?

Vương phi dùng ngón tay trở sẽ khều lên gò má trắng hồng của nàng:

– Em tôi đã đẹp, lại có tấm lòng son với đất nước. Em hỏi câu này tỏ ra em là người đại trí. Sau chuyển đi này chị xin đức vua lập một đạo nữ binh, để cho em chỉ huy.

Dã Tượng cười lớn:

– Thím quên rồi ư? Trong mấy chục tướng trâu của cháu, quá nửa là nữ tướng. Bọn con gái tuy sức khỏe không hơn bọn con trai, nhưng khi xung trận chúng lì lợm. Chết thì chết, chứ chúng nó không chịu lùi. Chúng lại lắm mưu nhiều mẹo, hành quân biến hóa không biết đâu mà lường được.

Chàng nhìn Hồng Nga:

– Khởi cần về nước cỡi trâu làm Ngưu binh. Tại đây em liếc mắt một cái khiến cho bọn tướng Mông cổ ngã lẫn ra, thì còn mạnh gấp trăm lần, nghìn lần cỡi trâu xung trận.

Vương phi kéo mọi người trở lại với câu hỏi của Hồng Nga:

– Các em nghĩ gì về thách mắc của Hồng Nga?

Dã Tượng đáp không suy nghĩ:

– Mình đem các cao thủ Tống về mặt trận Tứ xuyên, có ba điều lợi.

Thanh Nga đã hết khóc, nàng hỏi:

– Ba điều lợi kia à?

– Một là, Mông cổ đánh Tống bằng hai mũi. Một mũi từ Bắc, tràn qua sông Trường giang. Mũi này họ bị cản tại Tương Dương, Phàn Thành. Họ mở thêm mũi thứ nhì là chiếm vùng Tây xuyên, Đông xuyên, đánh từ phía Tây vào hông Tống. Mũi này họ cũng không thành công. Họ mở thêm mũi thứ ba từ phía Nam là Đại lý đánh vào sau lưng vùng Tứ xuyên và Đại Việt đánh vào đánh vào Lưỡng Quảng. Họ thất bại ở Đại Việt. Tứ xuyên của Tống đang lâm nguy vì bị đánh vào hai mặt. Ta cứu Tống bằng cách trả các cao thủ Hán cho họ. Như vậy là ta tăng viện cho Tứ xuyên. Hiện Tứ xuyên trở thành ải địa đầu trấn Mông cổ cho ta. Tứ xuyên yên thì Đại Việt yên.

Vũ Uy vương gật đầu tán thành. Dã Tượng tiếp:

– Hai là, tại sao ta không đem cao thủ Tống cho các tướng trấn thủ Lưỡng Quảng, gần ngay phía Bắc của ta, mà lại đem sang Tứ xuyên? Thưa, vùng Lưỡng Quảng lên tới mặt trận Kinh châu là nơi đang giao chiến với Mông cổ quá xa, đem các võ lâm cao thủ vào vùng này thì thà để ở bên mình còn hơn.

Thúy Hồng nhìn Vũ Uy vương:

– À thì ra thế!

– Ba là, các cao thủ Tống mà đánh giặc trên đất mình dù họ có cố gắng mấy, cũng không bằng đánh giặc bảo vệ đất nước họ. Ta đưa họ về Tứ xuyên là quê hương của họ, họ sẽ dốc toàn lực ra đánh ngoại xâm.

Vũ Uy vương mỉm cười:

– Các em thấy rõ ba điều Dã Tượng luận chưa? Nhưng đó là hư, là phân. Các em có thấy một điều không hợp lý là, Vương Kiên hiện đang bị Mông cổ uy hiếp; mấy trăm cao thủ Hán, là một lực lượng mạnh vô cùng, ta trả cho ông thì ông mừng vô hạn. Việc gì ta phải gửi đặc sứ lên điều đình trước? Thôi Dã Tượng nói tiếp đi.

– Đúng như Hồng Nga bàn, tại sao mâm cỗ thịnh soạn đang trong tay ta, mà ta lại bưng cho Tống? Em ơi! Ta không hề biếu không, mà có điều kiện như bình dân nói: tiền trao, cháo *múc*.

Hồng Nga reo:

– Em hiểu rồi, đặc sứ Dã Tượng sẽ đặt điều kiện với Tống: Đại Việt biếu Tống mâm cỗ cao thủ, thì Tống phải tặng lại Đại Việt món gì chứ?

– Đúng vậy. Từ lúc Hồng Nga theo sứ đoàn, anh tưởng em chỉ xinh đẹp, hát hay, đàn giỏi. Thực không ngờ thông minh như vậy.

– Em là con cháu Bình Ngô đại tướng quân, Công chúa Thánh Thiên mà. Em xin góp thêm ý: nếu ta biếu Tống mâm cỗ cao thủ, chỉ là thịt, cá thôi, ta nên thêm xôi, chè, trái cây, thì ta có quyền treo cao giá.

Vương phi mở to mắt hỏi:

– Ý em nói?

– Hồi Mông cổ đánh ta, đám Hoa kiều lập thành mấy Vệ quân (ghi chú 1 vệ là 2.400 người) theo Mông cổ. Sau trận Đông bộ đầu, họ đầu hàng, tự giải tán. Phàm khi con người đã chấp thuận, cầm kiếm rồi, khó mà từ bỏ được. Ta để đám Hoa kiều này sống lẫn với dân chúng, nếu có dịp, chúng lại tụ nhau làm loạn, thì là mối lo cho ta. Nhân dịp này, ta họp các bang hội Hoa kiều lại, nói cho họ biết Mông cổ đang uy hiếp Hoa hạ. Ta khích động lòng yêu nước của họ, rồi tập trung họ lại thành mấy Vệ quân. Ta võ trang cho họ, huấn luyện họ dùng Dao gươm, Khiên mây chống Lôi kị, rồi trao cho Tống cùng các cao thủ. Thế là ta vừa quét rác, vừa đem rác làm món hàng bán cho Tống.

Vũ Uy vương, vương phi, Tạ Quốc Ninh, Dã Tượng đều kinh ngạc về đề nghị của Hồng Nga. Tạ Quốc Ninh khen:

– Thầy già rồi, trí lực không nhạy cảm như xưa nữa, thầy không nghĩ tới điều con nghĩ. Vương, vương phi cũng không nghĩ tới. Con nói đúng, con là con cháu của Công chúa Thánh Thiên.

Vũ Uy vương nhìn Thanh Nga:

– Bây giờ em hiểu rõ tại sao Tạ hầu lại quyết gửi Thúy Hồng, mà không gửi em. Bởi đây là cuộc điều đình cực kỳ quan trọng, Dã Tượng tuy đã học tiếng Hán vùng Lâm An cũng khá, nhưng không đủ trong cuộc trao đổi quan trọng này.

Vương nhấn mạnh:

– Các em thử đoán xem, ta gửi Dã Tượng đi, như Hồng Nga nói: Đại Việt biếu Tống mâm cỗ cao thủ, thì Tống phải *tặng lại Đại Việt món gì chứ?*

Thanh Nga đã bốt nẫu, nàng nói:

– Trong lúc bị Ngột A Đa bắt, em nghe A Đa nói chuyện với một người trang phục Đại lý, bằng tiếng Việt. Câu chuyện có thể tóm lược như sau: vùng biên giới ẩn náu rất nhiều bọn vong quốc, bọn đầu trộm đuôi cướp Việt, từng chạy sang Tống khiếu nại. Tống cấp đất hoang vùng giáp biên Đại lý cho bọn này khai thác thành châu, động sinh sống. Chúng tổ chức quân đội, rồi thỉnh thoảng kéo về nước cướp bóc, xưng là con cháu vua Lê, con cháu vua Lý; thậm chí con cháu vua Đinh. Hiện giờ chúng đang gửi người sang Mông cổ, xin phong cho làm An Nam Quốc vương, tình nguyện làm gian tế, đi tiên phong đánh Đại Việt. Năm trước đây một bọn cướp xưng là con cháu vua Lý, đem một vạn lâu la, năm nghìn ngựa theo Ngột Lương Hợp Thai vào cướp phá. Bây giờ ta đặt điều kiện với Tống rằng: bọn gian mà Tống che chở, hiện chúng theo Mông cổ, như lưỡi kiếm đâm sau lưng Tống. Vậy sao Tống không bóp cổ chúng chết đi? Đương nhiên Tống phải diệt đám này. Nhưng đánh chúng thì

Tổng hao binh tổn tướng, trong khi chủ lực không đủ đối phó với Mông cổ. Ta sẽ đề nghị Tổng để Đại Việt bắt gian tế Việt dùm Tổng.

Hồng Nga reo:

– Hay, Thanh Nga hay. Đánh giết hết mấy châu, động cướp này, thì mình bớt đi mỗi lo gian tế cống rắn về căn gà nhà.

Dã Tượng xua tay:

– Không! Ta không giết hết các châu, động này.

Hồng Nga đứng dậy chấp tay:

– Em xin nghe cao kiến của anh.

– Bọn cầm đầu thường sai người về 207 châu, động biên giới của ta dụ dỗ theo chúng. Khi họ sang các châu, động của chúng thì chúng quản chế gặt gao, bắt làm việc như trâu như ngựa. Dân chúng thù hận bọn tướng cướp này vô cùng tận. Nay nhân Tổng phải lo chống Mông cổ, ta tiến quân vào bắt bọn thủ lĩnh, giải phóng cho dân chúng. Ta cử người có tài, có đức đặt lên làm động chủ, châu chủ. Thế là các vùng đất thuộc Tổng, Đại lý là những mũi kiếm đâm ta, bây giờ ta biến thành lãnh thổ ta. Các đạo quân này lại là đạo quân tiên phong, phòng vệ biên giới cho ta.

Mặc Thanh Nga ngồi buồn rười rượi, vương nói với Dã Tượng:

– Đường từ đây đi Hợp châu không xa. Ta cho Thúy Hồng đi với cháu. Dọc đường mọi đối thoại cháu để Thúy Hồng lo liệu. Tuyệt đối tránh đụng võ, cần lấy nhu để giải quyết mọi sự. Ngày mai cháu lên đường.

Vương trao cho hai người mỗi người một cái hồ phù :

– Cấp bậc của Mông cổ chia ra Thập phu trưởng chỉ huy 10 tên kị binh. Bách phu trưởng chỉ huy 10 Thập phu. Thiên phu trưởng chỉ huy 10 Bách phu. Vạn phu trưởng chỉ huy 10 Thiên phu. Ngột Lương Hợp Thai chỉ được cấp hồ phù cho Thập phu, Bách phu, Thiên phu thôi. Còn Vạn phu trở lên do Hốt Tất Liệt cấp. Đây là hai tấm hồ phù của Hốt Tất Liệt. Hốt Tất Liệt cấp cho các cao nhân võ học Trung quốc theo trong quân. Hồi đánh Thăng long, các cao nhân hàng Đại Việt họ trao cho Khu mật viện. Nay ta xử dụng, giả làm người của Hốt Tất Liệt. Người cầm hồ phù này được đối xử như một Vạn phu trưởng. Nếu như bọn Mông cổ có gây rắc rối gì thì hai cháu đưa hồ phù này ra, chúng phải sợ. Ta cũng cho một cặp chim ưng theo cháu, làm cầu liên lạc.

Tạ Quốc Ninh giảng cho Dã Tượng:

– Chúng ta đang ở Nguyên dương. Nguyên dương là thị trấn biên giới Đại lý, Đại Việt. Hai con thuê xe mà đi, không nên đi xe của mình. Xe của mình là chiến xa, do chiến mã kéo. Xe mình không có mã số của Đại lý thì không được quyền di chuyển trên đất nước người.

Hầu chỉ lên bản đồ:

– Từ Nguyên dương đi Hợp châu phải tới Độ khẩu bằng xe. Độ khẩu nằm trên Kim sa giang, chỗ này là biên giới Đại lý với Tứ xuyên của Tổng. Phía Nam sông do Mông cổ trấn đóng. Phía Bắc do Tổng. Hai bên đang giao chiến cả chục trận, bất phân thắng bại. Đến Độ khẩu thì dùng thuyền xuôi Trường giang đi Hợp châu.

Thúy Hồng hỏi:

– Thưa thầy, từ đây đi Độ khẩu chúng con phải mất thời gian bao nhiêu lâu? Qua những thị trấn nào?

– Ba ngày hai đêm. Các con khởi hành sớm thì tối tới huyện lỵ Trấn tri. Tại đây có một cái hồ cảnh trí rất đẹp. Nghỉ đêm. Hôm sau đi Côn minh. Nghỉ đêm tại Côn minh rồi sáng ngày thứ ba đi Độ khẩu. Nghỉ đêm tại Độ khẩu, sáng ngày thứ tư dùng thuyền đi Nam an rồi tới Hợp châu. Cũng có đường từ Trấn tri đi tắt qua Giang an. Song ít khi xe chịu chở khách qua đường này vì băng rừng nguy hiểm lại ghồ ghề.

Vương phi Ý Ninh nói với Dã Tượng, Thúy Hồng:

– Mọi việc do Dã Tượng quyết định, nhưng chi tiêu, mua sắm thì Thúy Hồng đảm trách.

Nói rồi phi trao cho Thúy Hồng mấy nén bạc, mấy nén vàng:

– Đây là vàng, bạc Đại Việt. Trong ba loại vàng, bạc của Tống, của Đại lý, của Đại Việt; thì vàng, bạc Đại Việt có giá nhất, vì thuần. Còn vàng bạc Tống, Đại lý không thuần.

Thanh Nga dặn Thúy Hồng:

– Em trao cho chị nuôi ông chồng khổng lồ của em. Anh ấy ăn nhiều gấp ba người thường. Chị nuôi sao cho béo, lúc về mà anh ấy gầy thì em bắt đền đấy.

Dã Tượng trở về lều mình, chuẩn bị hôm sau lên đường. Vừa vào trong lều, bất giác chàng giật bắn người lên, vì một bóng đen vồ vào vai chàng hai cái rồi tung mình chạy. Nghi là gian tế, chàng dùng khinh công đuổi theo. Tuy trong bóng đêm, nhưng chàng cũng nhận ra bóng đen đó là một nhà sư. Nhà sư như trêu chàng, cứ chạy trước chàng khoảng 10 trượng. Chàng đuổi nhanh, nhà sư cũng chạy nhanh. Chàng đuổi chậm, nhà sư cũng chạy chậm. Tới một con suối, thành linh nhà sư dừng lại, Dã Tượng đâm sầm vào nhà sư. Người chàng bật tung về sau hơn hai trượng. Vừa đứng vững, chàng bị nhà sư dùng tay đẩy vào ngực. Chàng dùng tay phải đẩy vào tay nhà sư. Nhà sư đứng vững như tượng đá, mặc chàng vận khí hít hơi đẩy, nhưng không nhúc nhích.

Dã Tượng kinh ngạc, vì là tướng trâu, chàng từng đẩy ngã con trâu mộng như không, thế mà nay đẩy một nhà sư gầy guộc lại không chuyển động.

Thành linh nhà sư vọt mình lên cao, Dã Tượng bị mất đà lộn đi ba vòng mới đứng dậy được.

Nhà sư lên tiếng:

– Người có thể lực cao lớn 8 thước (1 thước=25 cm), nổi danh là voi đồng, tự cho là khỏe nhất trong đội Ngưu binh. Nhưng người chỉ là cái bị thịt mà thôi. Người có ba cái bệu người có biết không?

– Tại sao đại sư bảo tôi có ba cái bệu?

– Này nhé, người cao như vậy mà chạy chậm hơn ta là một cái bệu. Người to lớn như vậy mà đụng vào ta, bị bật tung lên đến mấy trượng là hai cái bệu. Bàn tay người to gấp ba bàn tay ta, mà bị ta đẩy văng đi là ba cái bệu. Người có công nhận không?

Dã Tượng còn đang suy nghĩ thì nhà sư tiếp:

– Ngày mai người lên đường, lĩnh trọng trách của đất nước, biết mình bệu mà không chịu bỏ cái kiêu khí đi, thì sao thành công được?

Dã Tượng biết đây là cao nhân, xuất hiện có mục đích cao xa, chàng khoanh tay:

– A Di Đà Phật! Quốc Kinh này vốn là trẻ chăn trâu, kiến thức hủ lậu. Mong đại sư bổ khuyết cho những khiếm khuyết.

– Ta không đủ tư cách dạy người. Có vị cao nhân trong nhà người sẽ dạy người.

Nói rồi nhà sư vọt mình biến vào rừng. Dã Tượng bâng khuâng trở về lều, thì thấy Hưng Ninh vương ngồi đó từ bao giờ. Chàng hành lễ:

– Cháu xin ra mắt bác.
– Cháu hiểu rõ những gì nhà sư trẻ nói với cháu chưa?
– Cháu u tối lắm. Xin bác đừng tiếc công chỉ dạy.
– Trời cho cháu một cơ thể hùng vĩ, một sức khỏe siêu việt. Bác đã thấy cháu đứng cản chiến mã Mông cổ, hai tay chụp hai chân trước chiến mã, rồi vật ngã. Cháu đã chế ra Đao mã *cứu lộ*. *Pho võ công này tuy tinh diệu, nhưng phải dùng lực. Lực con người khi đối diện với những người luyện khí công như nhà sư trẻ thì hóa ra vô dụng.*

Nghe Hưng Ninh vương giảng, Dã Tượng toát mồ hôi lạnh: mình cứ ỷ vào sức khỏe, cũng may chưa gặp những đối thủ công lực cao, bằng không đã mất mạng rồi. Hưng Ninh vương như đọc được suy nghĩ của Dã Tượng. Vương nói:

– Từ hôm được Hưng Đạo vương nhận làm con nuôi, con đã học được những loại võ công nào?
– Tuyên minh thái hoàng thái hậu đã dạy con bộ Đông A chưởng pháp, bộ Thiên la thập bát thức. Vũ Uy vương đã dạy con tất cả những võ công căn bản của phái Đông A. Vương phi giảng cho con tất cả tinh yếu võ thuật Đại Việt.

– Như vậy con chỉ mới học ngoại công, rồi dùng sức khỏe xử dụng, chứ chưa học khí công?
– Vâng !
– Được, ta sẽ dạy con. Hôm nay ta dạy con một thức khí công nhà Phật, gọi là Tiêu sơn hóa tinh pháp.

Hưng Ninh vương giảng:

– Phàm muốn làm anh hùng, muốn thành một đại tướng, một trượng phu thì phải thoát ra khỏi đường tình. Cái tên A Truật kia vì say mê Ý Ninh, suýt mất mạng tại Phù lỗ, mà vẫn chưa tỉnh. Con còn trẻ, phải lấy đó làm gương.

Dã Tượng vốn coi ông bác mình như một vị Bồ tát, chàng hỏi:

– Thưa bác, con nghĩ làm trai ai cũng lấy vợ sinh con. Như bác nói, phải thoát khỏi đường tình thì làm sao mà có con nối dõi tông đường được?

Hưng Ninh vương nhìn Dã Tượng như thầy nhìn trò:

– Con hỏi như vậy thì con chưa hiểu rõ giữa việc lấy vợ, sinh con và đường tình. Đường tình là gì? La tình yêu trai gái quá độ, đến si mê, đến quên cả luân lý, quên cả gia cương, quên cả nguy hiểm, quên cả đất nước.

– Dạy con hiểu rồi. Nếu như trai gái kề cận nhau, thần trí u mê, không giữ được thân thể, có cách nào vượt qua không?

– Có! Để bác dạy cho.

– Con xin lắng nghe lời bác.

– Khi gặp hoàn cảnh bị sắc đẹp thu hút, tạo thành những ham muốn dục vọng, thì phải lấy những đạo lý cao đẹp ra trấn áp. Đạo lý đó như: lời dạy của cha mẹ, của thầy, những ý tưởng cao đẹp trong chủ đạo tộc Việt, những lời dạy thâm sâu trong kinh Phật. Như con, con lấy những cảnh Mông cổ giết người tàn bạo ra trấn áp rằng “ Ta phải gạt bỏ những lạc thú nhất thời, bỏ hết *để bảo quốc, để cứu dân*”.

– Nếu như nhục dục mạnh quá đáng thì phải làm sao? Như tát mình, bèo mình có được không?

– Có! Trong nhà Phật có một thức Thiền công, mang tên *Tiêu sơn hóa tinh pháp*. Thức này giúp tăng ni vượt qua được những cơn đòi hỏi của thân xác. Đạo-lý Phật-giáo chủ diệt dục: tham, sân, si. Dâm là một giới bị cấm ngặt. Nhưng các tăng-ni tu luyện khí công thì tinh, thần, khí phải đồng thăng tiến. Mà cả ba thăng tiến, thì dục cũng tăng theo, nên đường tu hành gặp khó khăn. Vậy phải làm sao hóa tinh di, mới có thể tiếp tục đường tu.

– Con không hiểu rõ những gì là tinh, là khí.

– Con không hiểu là phải. Nay con, tạo hóa sinh ra loài người, đều có tinh khí do cha mẹ (Tiên thiên khí) và do ăn uống (Hậu thiên khí). Ngoài ra nội thể tự sinh, ngoại cảnh kích động, khiến tham dục. Khi tham dục, tinh-khí chạy hỗn loạn. Hỗn loạn không qui liễm được thì trở thành cuồng loạn, thần bị ức chế dễ lạc vào tà ma, dâm dăng. Khi luyện ngoại-công, khí-công, chủ yếu là đi đến tinh, thần, khí sung mãn. Nhưng nếu cứ để tinh khí chạy loạn, rồi tìm thú nhục dục, để tinh thoát ra ngoài, hoặc thoát ra trong giấc mộng... Thì trong ba yếu tố chỉ còn thần, khí mà thôi. Như vậy chân khí không mạnh, thần lực không phát đầy đủ, nên chỉ phải dùng khí-công thu liễm tinh-khí.

Dã Tượng như người mù được mở mắt. Chàng phát biểu:

– Con thử tóm lược, xin bác chỉ cho chỗ sai:

Tinh khí này sinh do ba nguyên lý:

Do cơ thể tự nảy sinh.

Ngoại cảnh như ăn, uống, ngắm nhìn.

Nội tâm như đọc sách suy tư.

Tập luyện. Tập luyện để tăng cường, tinh, thần, khí.

– Giới. Nếu để tinh xuất, thì chỉ có thần, khí mạnh. Thần lực không phát ra được. Vậy cần thu liễm tinh lại, không để xuất ra ngoài.

– Thưa bác tại sao khi tinh khí sung mãn thì dương vật chướng lên?

– Theo Thiền-Việt thì khi tinh khí sung mãn, dương vật chướng lên là do các nguyên nhân sau: nhìn cảnh dâm bôn, tư tưởng không tự chế, tức thần yếu. Đọc sách, liên tưởng, chia trí, không giải trừ tạp niệm, tư tưởng tự do đi vào đường dâm dăng. Khi nam gần nữ, nữ gần nam. Bị kích thích bởi ngoại lực, nội khí. Trong giấc ngủ tư tưởng buông lỏng.

Vì vậy Thiền-khí-công Việt đưa ra 4 phương pháp thu liễm tinh khí, tức luyện công hóa khí, để giúp dễ tu luyện tập võ công, nhất là cho Phật-gia đệ-tử giải thoát được những cơn ám ảnh sinh lý. Các thức đó là hóa tinh pháp.

Vương moi trong bọc ra ba miếng gỗ trầm rất mỏng, trên khắc chữ cùng đồ hình trao cho Dã Tượng:

– Đây là yếu chỉ Tiêu sơn hóa tinh pháp. Con giữ lấy, khi rảnh rỗi thì mang ra luyện. Trước là công lực thêm mạnh, sau là thần trí thanh thản. Ba là chống được nhục dục đòi hỏi.

Vương lại đưa cho Dã Tượng tập sách mỏng:

– Đây là yếu chỉ của thượng thừa khí công Đại Việt tên *Vô ngã tướng thiền công*. Muốn luyện *Vô ngã tướng thiền công* thì phải thông một trong ba kinh Kim cương, Lăng già, Tượng đầu tinh xá. Tuy nhiên, những người tâm tính chân chất như con thì chỉ cần thông Bát nhã ba la mật đa tâm kinh cũng đủ. Con có biết kinh này không?

Gì chứ kinh Bát nhã thì hồi thơ ấu ở trong chùa, Dã Tượng đã tụng hàng trăm, hàng nghìn lần:

– Thưa bác có ạ. Con thuộc lòng kinh này.

– Con đọc thử .

Quán tự tại Bồ tát,

Hành thâm Bát nhã Ba la Phật đa thời,

Chiếu kiến Ngũ uẩn giai không.

... ..

Sắc bất dị không,

Không bất dị sắc,

Sắc tức thị không,

Không tức thị sắc.

... ..

– Con có hiểu bốn câu này không?

Dã Tượng ngậy người ra, rồi chấp tay:

– Thưa bác con chỉ tụng như con vẹt, mà không hiểu gì. Xin bác thương xót khai tâm cho con.

– Được ta sẽ vì con mà giảng.

Vương giảng chi tiết Ngũ uẩn, Lục tặc, thế nào là sắc, thế nào là không. Tại sao sắc, không lại không khác nhau. Cuối cùng vương chỉ vào viên gạch:

– Con xòe bàn tay ra, rồi vỗ thử lên viên gạch một cái, xem lực của con đến đâu.

Dã Tượng làm theo, viên gạch vỡ làm ba, bốn miếng. Bàn tay chàng đau ê ẩm. Vương lại bảo:

– Con dùng ngón tay chỏ đâm vào cái cọc lều một cái xem sức ngón tay ra sao.

Dã Tượng làm theo. Ngón tay chàng đau nhói một cái.

– Con nhún chân, nhảy lên cao cho bác xem nào!

Dã Tượng tung mình lên, nhưng chân không qua khỏi nóc lều.

Vương mỉm cười như Phật Di Lặc:

– Con ngồi theo thức Kiết già! Rồi, hai tay chấp trước ngực! Nhắm mắt lại! Rồi! Bỏ ra nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý. Rồi... Con hít hơi dẫn khí theo vòng Tiểu chu thiên.

Dã Tượng như người đi vào giấc mộng, không còn biết sự vật xung quanh. Cứ như vậy chàng trầm vào cõi vô hư vô không biết bao nhiêu lâu. Thành linh có bàn tay để lên huyệt Bách hội, chàng tỉnh lại, mở mắt ra. Hưng Ninh vương bảo:

– Con thử nhảy lên xem nào.

Dã Tượng tung mình lên cao, chân chàng vọt qua nóc lều đến nửa trượng. Chàng chưa hết kinh ngạc, Hưng Ninh vương chỉ viên gạch khác:

– Con thử vỗ lên viên gạch xem.

Dã Tượng vỗ thử, bộp một cái, viên gạch vỡ nát ra thành miếng nhỏ. Vốn thông minh, chàng hiểu ngay:

– Ông bác đã dạy chàng thức Thiền công tối cao, nên thân thể nhẹ nhàng, bàn tay đẩy chân khí, khiến gạch vỡ vụn. Ta thử đâm ngón tay vào gỗ xem.

Chàng chĩa ngón tay chỏ đâm vào cột lều. Phụp một tiếng, ngón tay chàng đục một lỗ sâu vào cột đến hai đốt.

Chàng mừng chi siết kể:

– Đa tạ bác đã dậy con...

Khi nhìn lên thì Hưng Ninh vương đã không còn ngồi đó nữa. Chàng than:

– Chúng nhân nói ông bác mình là một vị Bồ tát rồi, quả đúng. Mình mới tập một lúc mà công lực đã biến đổi như vậy. Nếu mình luyện năm này qua năm khác thì khi xử dụng Đào mã *cửu lộ sẽ mạnh vô biên*.

Sáng hôm sau, trong khi mọi người còn mơ màng trong giấc điệp, thì Dã Tượng cùng Thúy Hồng mặc quần áo như người Đại lý, ra bến xe Nguyên dương.

Nguyên dương có ba bến xe lớn. Một bến xe đi Đại Việt, có ba hãng xe mang tên Phù đồng, Thanh long và Long mã. Hầu hết xe của các hãng này đều lớn, do bốn ngựa kéo. Mỗi xe chở từ 15 tới 20 người. Một bến xe rất phức tạp, nhiều xe, xe đều nhỏ, chỉ có một ngựa đi đường gần, không quá trăm dặm, mỗi xe chỉ chở được 2 đến 3 người. Bến xe thứ ba tổ chức rất quy mô, có bốn hãng mang tên Phi mã, Thần mã, Linh mã và Thiên mã. Xe của bốn hãng này có hai loại, song mã và tứ mã. Song mã chở từ 6 người tới 10 người. Tứ mã chở 15 người tới 20 người.

Dã Tượng đến hãng Phi Mã, ngó ý muốn đi Độ khẩu. Chủ hãng là một trung niên thiếu phụ khá xinh đẹp. Bà lắc đầu nói tiếng Quảng:

– Quan khách không gặp may rồi. Hiện hãng của chúng tôi không có chuyến nào đi đường xa như vậy. Phải khi nào đủ 15 người trở đi chúng tôi mới tổ chức một chuyến. Vậy xin quý khách phải chờ.

Bà nhắc lại:

– Ít ra là mười ngày.

Thúy Hồng hỏi:

– Có trường hợp nào ngoại lệ không?

– Có đấy. Trước hết quý khách đi Côn minh. Tới Côn minh quý khách thuê xe hãng khác đi Độ khẩu. Hoặc giả quý khách bao trọn chuyến đi thẳng Độ khẩu thì mau hơn.

Thúy Hồng đưa mắt nhìn Dã Tượng rồi hỏi:

– Thế giá cả ra sao?

– Nếu quý khách chờ chuyến đủ 20 người thì 1 lượng một người. Dọc đường có nhiều trạm nghỉ, quý khách được mời uống nước, ăn ngày ba bữa cơm. Đến Trấn trì, Côn minh quý khách qua đêm tại hãng của chúng tôi. Còn như quý khách bao chuyến thì chỉ 12 lượng bạc thôi.

– Vậy thì tôi xin thuê bao một chuyến đi Độ khẩu.

Thiếu phụ nhìn Dã Tượng, Thúy Hồng, bà ta thấy hai người trang phục như người Đại lý thì tưởng là người địa phương. Bà nói tiếng Thái:

– Tôi sẽ cho xe Phi mã số 3 chở quý khách. Phu xe tên Phi mã đệ tam. Gọi tắt là A Tam. Không biết quý khách đây xưng hô thế nào?

Thúy Hồng trả lời bằng tiếng Thái:

– Chồng tôi họ Trần. Xin cho chúng tôi lên đường ngay.

Xe được đánh ra sân hãng.

Thúy Hồng móc túi trả 12 lượng bạc. Bà chủ thấy trên nén bạc có hình con chim ưng thì vui vẻ:

– Bạc Đại Việt đây. Giá bạc Đại Việt rất cao, vì bạc ròng không pha như bạc Tống hay Đại lý. Chúc quý khách thượng lộ bình an.

Chiếc xe tứ mã khá lớn, dùng để chở 20 người, bây giờ chở có hai người, nên ghế được bỏ bớt lại.

Tuy chỉ mới học võ từ hôm theo sứ đoàn, nhưng bản lĩnh Thúy Hường cũng khá khá, nàng tung mình lên xe ngồi vào ghế giữa. Gió thổi làm y phục nàng bay phất phới, Dã Tượng suýt xoa:

– Em tôi đẹp quá.

Hồi thứ năm mươi tám
Uy lực Tiêu sơn hóa tinh pháp

Rồi lên ngồi bên nàng. Thúy Hồng cảm động vì lời khen của ông anh to lớn kèn càng. Mặt nàng ửng hồng.

Chiếc xe tứ mã vọt lên như tên bắn.

Thúy Hồng dùng tiếng Thái hỏi A Tam:

– Này anh! Anh có biết tiếng Việt, tiếng Mông cổ không?

– Mông cổ chiếm đóng nước tôi trên 5 năm rồi. Muốn làm ăn buôn bán dân chúng phải học tiếng của họ. Tôi cũng biết nói tiếng Mông cổ, nhưng không thông. Còn tiếng Việt ư? Tôi chỉ biết nói mấy tiếng khi ra giá với khách. Quý khách là người Quảng ắt nói tiếng Việt phải giỏi lắm nhỉ!

– Chúng tôi là người buôn bán thì phải biết nói nhiều thứ tiếng.

– Trần công tử, người buôn gì vậy?

Thúy Hồng nhìn Dã Tượng. Dã Tượng đáp thay:

– Chúng tôi buôn gia súc, chuyên về trâu, bò lừa, ngựa.

Sợ A Tam hỏi lời thô, Thúy Hồng dẫn y đi vào câu truyện khác:

– Đường đi Côn minh có an ninh không?

– Hồi trước đây bảy tám năm thì đường Nguyên dương đi Côn minh thịnh thoả cũng xảy ra nạn cướp đường. Bọn này không chuyên một vùng nào cả. Khi chúng cướp một vụ, lập tức đổi vùng, quan quân không biết đâu mà truy lùng. Bọn chúng cũng có luật lệ là chỉ cướp của khi nạn nhân không chống lại mà thôi. Còn nạn nhân chống lại thì chúng giết. Chúng không bao giờ giết phu xe.

Thúy Hồng kinh ngạc:

– Sao chúng lại tử tế với phu xe như vậy?

– Vì giết phu xe, thì không còn xe chạy trên tuyến cho chúng cướp. Từ khi Mông cổ chiếm nước tôi thì đường xá an ninh tuyệt đối. Cướp bị giết sạch, hoặc trốn sang vùng Tống hành nghề.

Dã Tượng hỏi:

– Mông cổ làm cách nào mà được như thế?

– Khi được báo một vụ cướp xảy ra, Mông cổ tung kỵ mã đi bốn phía truy lùng bắt cho bằng được. Họ tra khảo gốc gác phạm nhân, rồi bắt hết bố mẹ, vợ con, anh em đem về. Họ tập trung dân chúng xem họ xử tội. Trước hết họ trói phạm nhân vào cột, cho nhìn họ hành hình gia đình. Họ hành hình thành ba bậc. Bậc một là mẹ, vợ, con gái tội nhân từ 10 tuổi trở lên, họ cho lính thay nhau hãm hiếp đến khi mệt quá, chết đi mới thôi. Bậc hai là đối với bố, anh, em, con trai, họ xẻo từng miếng thịt, vút ra đồng cho quạ ăn. Bậc ba họ xử chính phạm: tất cả bị chặt hết chân tay, đâm mù mắt rồi thả ra chợ cho dân chúng phỉ nhổ.

– Khủng khiếp quá!

Thúy Hồng than: thế là bọn cướp còn lại giải nghệ hết?

A Tam lắc đầu:

– Không hết. Đám quân sĩ của vua Đại lý không phục Mông cổ, họ trốn vào rừng, thỉnh thoảng họ xuất hiện ập vào cướp những khu vực con binh tướng Mông cổ ở. Họ tàn sát không gớm tay. Lại còn

võ lâm Tổng. Họ từ Tứ xuyên, Lưỡng quảng sang Đại lý bắt bọn Hán gian theo Mông cổ. Họ rất đàng hoàng, không giết người bậy bạ.

Gặp khúc đường gồ ghề, chiếc xe nghiêng đi làm Thúy Hồng ngã lăn vào lòng Dã Tượng. Lần đầu tiên cơ thể Thúy Hồng đụng chạm với cơ thể con trai, hơn nữa người con trai đó lại là Dã Tượng; một người anh khả kính, nghiêm nghị, nhưng tình cảm. Mùi mồ hôi đàn ông khét khét, hơi ấm từ người Dã Tượng tạo cho nàng một cảm giác rung động, tê dại, rạo rực. Nàng nhắm mắt lại, không muốn ngồi dậy.

Về phần Dã Tượng, bị Thúy Hồng ngã ngửa vào lòng. Hai mặt gần như chạm nhau, vẻ đẹp thanh tú của cô hoa khôi đất Kinh Bắc làm chàng bàng hoàng. Chàng định cúi xuống hôn lên môi nàng. Chàng rùng mình, chợt nhớ lời Hưng Ninh vương dạy, chàng dùng hình ảnh bọn Mông cổ đè những cô gái 9-10 tuổi ra hiếp giữa chỗ đông người. Đứa trẻ kêu thét lên như xé tai, hòa lẫn tiếng cười man rợ hỗ trợ của bọn lính Mông cổ đứng xem. Hiếp xong, chúng tung cô gái vào căn nhà đang cháy. Dã Tượng nghiêng rằng nghĩ:

– Không! Ta không thể hưởng thụ vẻ đẹp của Thúy Hồng. Nàng là em ta. Vũ Uy vương, vương phi tin tưởng ta mà trao cho ta nhiệm vụ cực kỳ trọng đại. Ta không thể...

Chàng đỡ Thúy Hồng dậy. Trong lúc luống cuống, bàn tay chàng đề lên ngực nàng. Cả hai như chết lặng đi. Cũng may giữa lúc đó chiếc xe lắc lư làm hai người bừng tỉnh.

Là Ngưu tướng, từng xung sát giữa gươm đao, cung tên, thế nhưng bây giờ Dã Tượng cảm thấy sợ. Chàng lăm lết nhìn Thúy Hồng. Nhớ lời Hưng Ninh vương, chàng lại dùng hình ảnh bọn Mông cổ giằng những đứa trẻ còn bế ngửa trong lòng mẹ quật xuống đất nát thây ra trấn áp:

– Đất nước còn ly loạn, dân chúng còn khổ, ta không thể ích kỷ. Giờ này Vũ Uy vương, vương phi đang ngồi bàn xem ta đã thi hành lệnh đến đâu? Thanh Nga một lòng với ta. Ta không thể phụ nàng. Ta quyết không để một lúc nhẹ dạ mà mất chí khí anh hùng. Hưng Đạo vương đã dạy ta: lúc nào con cũng *phải xứng đáng với danh hiệu Anh hùng Đông A*.

Về phần Thúy Hồng, nàng cũng đang run run. Nhưng run mà không sợ, run trong cảm giác thần tiên. Nàng muốn ngã vào lòng Dã Tượng nữa mà không dám. Nàng tự nhủ: từ đây đi Độ khẩu, mình còn nhiều dịp với anh ấy mà.

Thế rồi hai người cùng im lặng mỗi người suy tư riêng. Phía trước có chiếc xe tứ mã, mang phù hiệu con ngựa bay đang chạy cùng chiều. Thúy Hồng hỏi A Tam:

– Ủa cùng là xe của hãng Phi Mã phải không?

– Đúng vậy, xe ấy người ta thuê bao đi Côn minh, chứ không đi Độ khẩu như ông bà. Sáng nay họ đi trước mình cả giờ.

– Họ đi trước cả giờ mà sao bây giờ còn ở đây. Sao xe kia chạy chậm hơn xe mình vậy?

A Tam cười:

– Đó là chiếc Phi Mã số 5, khách thuê bao chạy đường Nguyên dương đến Côn minh. Cùng xe tứ mã, nhưng xe trước chở tới 10 người nên chạy chậm. Còn xe này có hai người nên chạy nhanh hơn.

Thoáng một cái chiếc xe Phi Mã 3 đã đuổi kịp xe Phi Mã 5, rồi vượt lên ngang hàng. Khi hai xe chạy song song, hai phu xe dơ tay vẫy nhau. A Tam hỏi phu xe 5:

– Ê! A Ngũ, sao chậm vậy?

– Ôi! Trong bốn ngựa của tôi, có hai con ốm mới khỏi, lại chớ nặng. Chả biết có tới Trấn trì tối nay được không?

Nhìn sang chiếc Phi Mã 5, Dã Tượng nói nhỏ:

– Có hai người đàn ông, một người tuổi trung niên, một người trẻ, một người đàn bà béo ị và bảy cô gái. Hình như họ là người Việt. Trên xe chở nhiều nhạc khí.

Khi mặt trời xế bóng thì A Tam chỉ về phía trước:

– Còn mười dặm nữa thì chúng ta tới Trấn trì. Trấn trì là trạm dừng chân của hăng chúng tôi. Tối đó, xin nhị vị nghỉ chân, qua đêm. Sáng mai chúng ta đi tiếp.

Dã Tượng nói nhỏ với Thúy Hồng:

– Tối chỗ thị tứ này, chúng ta không nên nói nhiều sợ tai mắt của cả Mông cổ lẫn Tống. Anh không biết nói tiếng Thái, mọi sự do em cáng đáng hết.

Thị trấn Trấn trì không lớn lắm, nhưng nhà cửa cũng san sát đều hướng ra mặt hồ. Cả hai người cùng mở to mắt nhìn kiến trúc Đại lý. Xe ngừng lại, vào trong sân một ngôi nhà lớn, trước nhà có bảng vẽ hình con ngựa bay, đó là biểu hiệu của hăng Phi Mã. Một thiếu niên chạy ra reo lên bằng tiếng Thái:

– A Tam! Chỉ có hai vị khách thôi sao?

– Ừ, một cặp vợ chồng trẻ mới cưới. Họ đi Độ khẩu. Đây Tiểu Linh! Khách sang đây! Đưa họ lên một phòng trông ra hồ.

Y nói với Dã Tượng:

– Trần công tử, tuần trăng mật mà công tử với phu nhân du ngoạn trên hồ thì tuyệt.

Tiểu Linh xách hành lý, dẫn đường lên lầu, nó mở cửa phòng số ba, rồi dặn:

– Phòng này có cửa sổ nhìn ra hồ. Trên hồ có du thuyền cho thuê. Công tử muốn thuê thuyền, thì xuống quầy, sẽ có người thuê dùm. Xin quý khách rửa mặt, tắm rồi dùng cơm chiều.

Thúy Hồng nhét vào tay Tiểu Linh một chỉ bạc:

– Chị tặng em đây.

Tiểu Linh kinh ngạc, vì một chỉ bạc ăn 100 đồng Đại lý. Thường khách cho nó cao nhất là 2 đồng. Nó nhìn chỉ bạc, reo:

– Bạc Đại Việt. Giá bạc Đại Việt cao lắm! Cảm ơn chị.

Trong khi Dã Tượng mở cửa sổ thì Thúy Hồng đóng cửa ra vào. Trai hùng vĩ, gái sắc nước hương trời, trong căn phòng nhỏ hẹp. Cả hai đều bối rối nhìn nhau, hồi hộp, rung động. Dã Tượng tự hỏi: phòng chỉ có một cái giường, thì tối nay hai người phải nằm chung ư? Làm sao giữ nổi! Cối trêu xung vào trận Mông cổ, Dã Tượng không hề sợ hãi. Mà bây giờ người anh hùng lại lo lắng: đêm nay sẽ ra sao? Liệu có giữ được không?

Không dám nhìn cô em xinh đẹp, chàng mở hành lý lấy quần áo, vào phòng tắm. Phòng tắm có một vại nước khá lớn. Tắm xong chàng ra ngoài thì Thúy Hồng đang chờ, nàng nhìn Dã Tượng, mặt đỏ gay vì ngượng. Dã Tượng tự hỏi phải làm gì để thoát ra khỏi hấp lực của tình dục bây giờ? Chợt nhớ lời dặn của Hưng Ninh vương dạy: hãy đọc sách để quên đi hoàn cảnh cám dỗ.

Chàng mở bọc tìm sách. Không khó khăn chàng lôi ra cuốn phổ luyện Thiên la thập bát thức, dạy cách dùng chài tấn công địch. Đây là bộ võ công trấn môn của họ Trần, do tổ Trần Tự Hấp phối hợp Thiên công, kinh mạch, Bát quái trong Dịch kinh chế ra. Hơn trăm năm nay danh trấn Hoa Việt.

Chàng đọc phần tổng quyết, rồi bước theo phương vị Bát quái. Chân khí cuộn cuộn tuôn ra. Chàng luyện xong một vòng, người cảm thấy khỏe mạnh vô cùng; thì Thúy Hồng từ trong phòng tắm đi ra. Nàng mặc chiếc váy lụa đen, với chiếc áo cánh màu tím. Đường cong trên cơ thể nàng nổi bật lên, cái yếm trên ngực căng no rung rung nhẹ nhẹ. Dã Tượng bật lên tiếng khen:

– Ôi! Em tôi đẹp quá.

Rồi đầu chàng lắc lắc, chạy ra cửa sổ đứng nhìn những du thuyền trên hồ. May mắn, giữa lúc đó có tiếng gõ cửa, rồi tiếng Tiểu Linh:

– Mời nhị vị xuống dùng cơm.

Hú hồn, Dã Tượng sóng vai với Thúy Hồng xuống dãy nhà đối diện là nhà hàng.

A Tam hỏi Tiểu Linh:

– Hôm nay có món gì đặc biệt không?

– Nhiều lắm, thịt nai hấp nấm, gà rừng nướng. Lại có cả cá. Cá chép, cá rô, cá trắm hồ Trấn tri và từ hồ Tiên đưa về, cho nên trong khách điểm khá đông khách.

Tiểu Linh nói tiếng Thái:

– Mời nhị vị vào! Nhị vị là khách đi xe, nên được dành riêng một bàn trên lầu. Mời nhị vị lên.

Trong nhà hàng khách nghệt cứng. Trên lầu có 12 bàn, thì 9 bàn đã có khách. Tiểu Linh chỉ một bàn có bình hoa đẹp:

– Mời nhị vị ngồi đây. Công ty Phi Mã mời quý khách thưởng thức cá rô hồ Tiên nấu ám theo lối Giao chỉ, thịt nai xào nấm theo lối Quảng. Không biết anh chị có xơi thêm món gì không? Công tử có uống rượu không?

– Cảm ơn em. Chúng tôi không uống rượu.

Có tiếng chân người lên lầu, rồi một giọng nói khá rõ ràng bằng tiếng Việt:

– Cặp vợ chồng ngồi trên xe số ba kia, mặc y phục Đại lý, nhưng nét mặt dường như là người Việt thì phải. Coi chừng chúng được Khu mật viện Việt gửi qua đấy.

Dã Tượng rúng động tâm tư, đưa mắt nhìn Thúy Hồng:

– Em ơi bọn đi xe số 5 đã tới. Tại sao trong nước Đại lý lại có người Việt? Bọn này là bọn nào mà lại sợ Khu mật viện Việt? Chúng là Tổng ư? Tổng cùng Việt đang sát cánh chống Mông cổ, thì tại sao chúng sợ mình? Chúng là Mông cổ ư? Mông cổ nào? Mông cổ Mông Ca hay Mông cổ Hốt Tất Liệt? Chắc hẳn bọn này là người Việt làm gian tể, nên mới sợ Khu mật viện.

Thúy Hồng ngồi quay lưng lại bàn của bọn đi xe số 5, nên không nhìn thấy chúng. Dã Tượng nói nhỏ:

– Mới có tên trung niên lùn, ti hí mắt lơ lơ, lác mắt phải, tên tuổi trẻ và một mụ đàn bà to béo. Còn bầy cô gái đẹp đâu không thấy?

Tiểu bảo đã mang thức ăn ra. Cá nấu ám bốc mùi thơm ngào ngạt. Thúy Hồng múc thử một muỗng nếm. Nàng khen:

– Thơm ngon thực.

Nàng lại nếm thử món thịt nai xào nấm:

– Ngon! Anh ăn đi.

Thúy Hồng chỉ ăn vài miếng thịt, với một bát cơm đã no rồi. Còn Dã Tượng, chàng và hai cái hết một bát cơm trộn canh. Liền cơm cho hai người mà chỉ thoáng một cái Dã Tượng đã ăn hết. Theo sứ đoàn đã mấy tháng, Thúy Hồng từng thấy ông anh ăn khỏe như voi. Nàng vầy tiểu bảo:

– Cho tôi một con gà rừng nướng, thêm một bát ám cá, hai liễn cơm nữa.

Tiểu bảo mở to mắt ra nhìn Dã Tượng, rồi xuống nhà. Lát sau nó mang gà nướng, ám cá, cơm lên. Nó nói với Thúy Hồng:

– Ước gì ngày nào cũng có mười ông khách ăn khỏe như thế này thì nhà hàng phát tài to.

Có tiếng ồn ào, rồi có nhiều tiếng chân người lên lầu. Dã Tượng nói nhỏ:

– Bấy cô gái mặc quần áo Việt đi xe số 5 đã tới. Họ mang theo rất nhiều nhạc khí, trống cơm, trống mảnh, đàn đáy, đàn bầu, đàn tranh, nhị, phách. Chà họ đẹp không thua gì Long thành ngũ phụng. Họ đều mặc váy lụa đen, nhưng áo bấy màu khác nhau. Tuổi họ lớn hơn bọn em một chút. Không chừng họ là Tô lịch thất tiên cũng nên.

Đám người đàn bà nói với nhau bằng tiếng Việt, mặt người nào cũng hiện ra vẻ kiêu sa, cười nói. Người con gái nhỏ tuổi nhất trong bọn họ nói với gã mắt lác:

– Đây tên Trịnh Ngọc kia, hôm nay mi đưa chúng ta đi đâu đây?

– Lan Hoa cô nương! Thái sư Ngột Lương Hợp Thai truyền tiểu nhân dẫn bấy cô nương đi Côn minh để cống cho đại vương Hốt Tất Liệt.

Nghe tiếng Lan Hoa, Dã Tượng rung động tâm can. Ký ức giúp chàng nhớ lại, một lần Tạ Quốc Ninh kể về mối tình tuyệt vọng của ông với danh kỹ tên Hoàng Hoa. Theo lời ông kể, hồi vợ qua đời, ông thường lui tới Quán văn Tô lịch, nghe xướng họa thơ, tụng phú, nghe hát. Tại đây có bấy ca nhi nức danh tài sắc Thăng long, được danh sĩ đặt cho cái tên là Tô lịch thất tiên. Bấy nàng đều lấy tên là Hoa, chỉ khác chữ đầu mà thôi: Hoàng, Bạch, Huyền, Thanh, Hồng, Tử, Lan. Ông cùng Hoàng Hoa gắn bó với nhau, rồi thành hôn. Khi Ngột Lương Hợp Thai vào Thăng long, bấy nàng trốn ở vùng Nghi tam, bị cha con tên Trịnh Ngọc, Trịnh Long cáo với Hoài Đô. Bấy nàng bị bắt theo quân Mông cổ. Sau khi Mông cổ bỏ chạy, không ai biết tung tích Tô lịch thất tiên ra sao. Bây giờ vô tình gặp họ ở đây.

Chàng tóm lược thăm trạng của Tô lịch thất tiên thuật cho Thúy Hồng nghe.

Thúy Hồng nghĩ đến giải thoát cho họ. Dã Tượng giảng cho Thúy Hồng:

– Bấy chị này mặc bấy màu áo khác nhau, ứng với tên các chị ấy. Như thế chị lớn nhất mặc áo vàng tên Hoàng Hoa, chị nhỏ nhất mặc áo màu cánh chả tên Lan Hoa. Để anh làm quen với tên đầu sỏ, cố tìm hiểu sự thực ra sao.

Dã Tượng đứng dậy đến trước tên Trịnh Ngọc:

– Nghe huynh nói tiếng Việt, hình như huynh là người Việt thì phải. Không biết huynh đi đâu đây?

Tên Trịnh Ngọc dương đôi mắt ti hí ra hỏi ngược lại:

– Chú em! Chú em là người Việt, sao lại mặc y phục như người Đại lý vậy?

Dã Tượng chỉ Thúy Hồng:

– Tôi là người Việt. Chúng tôi đi Độ khấu. Vì bà vợ mới cưới của tôi vốn người Thái, nên tôi cũng mặc theo vợ.

– Vợ chồng chú em đi Độ khấu có việc gì vậy?

– Chả dấu gì huynh, tôi thuộc giới võ lâm, làm nghề buôn gia súc từ Đại lý sang Đại Việt. Tôi được phò mã Hoài Đô tuyển vào đội cận vệ của đại vương Hốt Tất Liệt. Đại vương sai tôi đi mua ngựa bổ xung cho chiến mã bị tổn thất.

Chàng móc túi đưa hổ phù của Hốt Tất Liệt cho gã. Gã cầm hổ phù xem qua, rồi khúm núm trả lại. Gã cũng trình hổ phù, nhưng hổ phù của Ngột Lương Hợp Thai. Gã nói với Dã Tượng bằng lời lẽ khách khí:

– Chà! Bạn trẻ thuộc giới võ lâm, chắc võ công cao lắm nhỉ!

Dã Tượng mỉm cười. Gã Ngọc tiếp:

– Cứ như hổ phù này thì bạn trẻ có cấp bậc ít ra là Vạn phu trưởng. Trời ơi, bạn còn trẻ mà đã làm lớn quá! Tôi làm thông dịch cho Thái sư Ngột Lương Hợp Thai, chỉ được mang cấp Bách phu trưởng mà thôi.

Dã Tượng dò la:

– Nay tôi hỏi thực anh câu này nhé, trên xe anh có bấy cô gái Việt đẹp như tiên. Anh đưa họ đi đâu vậy?

– À, đó là những người đẹp nước tiếng Thăng long. Họ có tên là Tô lịch thất tiên. Thái sư Ngột Lương Hợp Thai tuân chỉ đại vương Hốt Tất Liệt truy bắt họ đem về Hoa lâm dâng cho Đại hãn Mông Ca. Lúc mới bắt được các nàng, Thái sư thấy các nàng quá xinh đẹp, nghệ thuật đàn hát siêu việt, người không muốn dâng nộp cho đại vương. Người giữ một nàng, phò mã Hoài Đô giữ một nàng, con trai Ngột Lương Hợp Thai là A Truật giữ một nàng. Bốn nàng còn lại, ba người thay nhau hưởng. Bây giờ Thái sư mới thua trận ở Đại Việt, sợ bị tội, người sai tôi mang 7 báu vật này dâng cho đại vương, hy vọng được ân xá.

Thúy Hồng thắc mắc:

– Mông cổ thiếu gì gái đẹp, mà các chúa tướng phải bắt gái Việt?

– Cô không biết gì cả. Con gái Mông cổ to lớn, trông thô lỗ, sao bằng gái Việt? Vả bấy cô này là những hoa khôi đất Việt, nghìn năm mới có. Họ lại hát hay, giỏi nhạc!

Mụ đàn bà béo ị nói như đe dọa:

– Họ là con hát nước danh. Cậu còn nhỏ tuổi, vợ cậu trẻ đẹp hơn các cô kia nhiều. Cậu chớ có đụng vào bấy cái lỗ đó mà mất mạng. Bọn Mông cổ sẽ băm cậu ra từng mảnh đấy.

Mụ chỉ Hoàng Hoa:

– Cái cô áo vàng kia, được Thái sư Ngột Lương Hợp Thai tuyển làm vương phi đấy. Cái cô áo trắng kia phò mã Hoài Đô dùng làm tỳ thiếp. Cô áo đen kia thì gã con của Ngột Lương Hợp Thai định cưới làm vợ đấy. Còn bốn cô, thì ba người chia nhau, thay phiên hưởng. Nhưng nay Ngột Lương Hợp Thai đành bắt Hoài Đô, A Truật, buông các nàng ra, dùng làm cống vật cho Hốt Tất Liệt.

Tên Trịnh Ngọc chỉ mụ béo ị, thiếu niên, lễ phép nói với Dã Tượng:

– Đây là vợ với con tôi.

Mụ béo ị hừ một tiếng:

– Mi bị xẻo mất cái mả cha mi rồi, thì còn tư cách gì mà xưng là chồng ta. Rõ chán!

Gã Trịnh Ngọc vẫn cười hề hề:

– Chúng tôi ở phòng số 1. Hình như tướng quân và phu nhân ở phòng số 3 thì phải. Bấy cô kia ở phòng số 2 và 4 bên cạnh phòng tướng quân đấy. Đêm nay tướng quân tha hồ nghe các cô hát.

Bấy nàg Hoa nghe đỏi thoại giữa tên Trịnh Ngọc với Dã Tượng, đều tưởng chàng là thứ vong quốc theo Mông cổ như tên Trịnh Ngọc, nên im lặng tỏ vẻ khinh bỉ. Các nàng thấy Thúy Hồng mặc như người Thái, tưởng nàng là người Đại lý. Hồng Hoa hỏi Dã Tượng:

– Trần công tử! Công tử là người Việt, còn trẻ mà đã lên tới Vạn phu trưởng thì võ công công tử phải cao lắm nhỉ? Công tử thuộc môn phái nào? Ai là sư phụ của công tử?

Dã Tượng chột nhử rằng chàng chưa có sư phụ chính thức. Hồi mới được Hưng Đạo nhận làm nghĩa tử, chàng có vào Hoàng thành bái kiến Tuyên minh thái hoàng thái hậu. Chàng được ngài dạy cho bộ Đông A chương pháp, bộ Thiên la thập bát thức. Còn toàn bộ nội công của chàng do Hưng Ninh vương dạy. Nội công của vương là nội công Đông A hợp với Thiên công. Chàng trả lời thực sự:

– Tôi thuộc phái Trúc lâm yên tử. Sư phụ của tôi là một vị tăng.

– Tôi thấy trong quân Mông cổ lên tới Thiên phu trưởng là hách dịch lắm rồi. Còn công tử, sao công tử lại dễ thân cận, lịch thiệp quá.

– Tại vì tôi là người Việt, là con Rồng, cháu Tiên như các chị. Hơn nữa tôi là đệ tử của một Bồ tát, thì phải lấy Bồ tát hạnh ra đối xử với mọi người chứ.

– Phu nhân công tử là người Thái, vậy bà ấy có biết tiếng Việt không?

Dã Tượng mỉm cười:

– Biết chứ. Chúng ta nói với nhau thế này nàng hiểu hết đấy.

Thúy Hồng hỏi Hoàng Hoa:

– Chiều rồi, mặt trời tỏa ánh nắng xuống hồ đẹp quá. Vợ chồng tôi muốn thuê thuyền mời bảy chị cùng du ngoạn, không biết các chị có được phép chăng?

Hoàng Hoa thở dài:

– Chúng tôi tuy bị bắt, nhưng không phải là tù. Bọn chúa tướng mê mết chúng tôi lắm. Chúng dùng chúng tôi làm tỳ thiếp, chứ không phải làm tù nhân. Cái tên Trịnh Ngọc với con là Trịnh Long chỉ là bọn theo hầu thôi. Mẹ vợ nó mới có quyền. Để tôi hỏi nó xem.

– Mẹ có biết võ không?

– Biết! Võ công mẹ cao lắm.

Nàng tới trước mặt mẹ béo ị:

– Phu nhân, chúng tôi muốn thuê thuyền bơi trên hồ ngắm cảnh. Mong phu nhân cho phép.

– Được! Nhưng phải về trước giờ Tuất.

Mọi người lên phòng thay y phục. Tô lịch thất tiên vẫn mỗi người mặc một màu áo, nhưng váy hồng nhạt. Thúy Hồng vẫn mặc y phục người Thái, váy đen, áo tím.

Thúy Hồng tới quầy, hỏi thuê một thuyền lớn. Ngã giá. Thuyền có hai tầng. Tầng dưới có bốn phu chèo, một người lái và ba đầu bếp. Tầng trên có cái bàn, xung quanh có tám cái ghế dài. Chín người xuống thuyền. Thuyền phu cầm sào, đẩy mạnh, con thuyền từ từ rời bến.

Bấy nàg, mỗi nàng xử dụng một nhạc khí cùng tấu một bản nhạc. Dã Tượng nhận ra đó là bản tể vua Hùng vào dịp đầu năm. Bản nhạc hết, các nàng lại tấu một bản nhạc của Mông cổ, nghe rất lạ tai. Cứ thế các nàng tấu nhạc Việt, nhạc Hoa, nhạc Mông cổ.

Thuyền đi được nửa vòng hồ, Tô lịch đệ thất tiên Lan Hoa nói với Dã Tượng:

– Này anh, trông phong quang, nghe ngôn từ của anh, tôi đoán không lầm thì anh không phải phường bán nước cầu vinh như tên Ngọc. Vậy sự thực anh là ai?

Dã Tượng thấy hoàn cảnh bấy nàng, máu anh hùng nổi dậy, chàng không muốn nói dối họ. Chàng đưa mắt cho Thúy Hồng. Thúy Hồng cầm lấy hai cái dùi, gõ lên phách, Dã Tượng cầm dùi đánh lên trống ba tiếng tom, tom, chát. Chàng cầm châu. Thúy Hồng cất tiếng hát một bài hát Ả đào ca tụng công chúa Gia Hưng Trần Quốc, tư lệnh Thủy quân thời vua Trưng phá quân Hán trên biển Đông:

*Phấn son tô điểm sơn hà,
Làm cho tỏ mặt đàn bà Lĩnh-Nam.
Vua Quang-Vũ khởi binh trăm vạn,
Đánh xuống vùng Nam-hải chiếm Thường-sơn,
Nam-an hầu Đoàn Chí, lĩnh đô đốc thủy quân,
Mang hạm đội, vượt sóng, âm âm như thác đổ.
Một trận biển Đông, Giao-long vân vũ,
Chém bay đầu Đoàn Chí, bắt Sầm Anh.
Đổ quân lên, quyết chiếm Lạc-dương,
Triều Đông-Hán chông chênh như trứng đổ.*

***Xuân phong Lãng-bạc, thiêu Yên-võ,
Hạ hiểu Thần-phù, kích Trường-yên.***(1)

*Muôn nghìn năm thanh sử ghi tên,
Dù yếm thắm, quần thoa ghi chiến sử.
Tô khẩu tước bình, trực bả quần thoa đương kiếm kích,
Trưng vương dục tài hào tướng cân quốc hộ sơn hà.*(2)

*Lửa Lãng bạc, mười vạn thấy ma,
Nghìn năm cũ xương phơi thảm thiết.
Hôm nay, ngồi tưởng uy linh nữ kiệt,
Lẽ một mâm dâng trước anh hùng,
Đời đời gương sáng soi chung.*

Hát xong nàng cầm cây nhị kéo. Nàng biến bài hát Ả Đào sang điệu hát Xẩm.

Nghe Thúy Hồng hát, bấy cô Hoa kinh hãi nghĩ đến thân phận mình. Các nàng tưởng Thúy Hồng cũng bị Mông cổ bắt như mình, rồi bị Dã Tượng cưỡng bách làm vợ. Thanh Hoa chấp tay:

– Thì ra em cũng là người Việt đấy. Em mới bị bắt sang đây hay lâu rồi?

– Em không bị bắt. Chị đừng hiểu lầm. Em với anh ấy là người của sứ đoàn Đại Việt sang Mông cổ.

Dã Tượng nói nhỏ:

– Chúng tôi là huynh đệ kết nghĩa, không phải vợ chồng. Chúng tôi đóng giả vợ chồng để qua mặt bọn gian tế Việt theo Mông cổ.

Dã Tượng nói với Hoàng Hoa bằng giọng hết sức thương cảm:

– Chị chưa biết gì về tôi, nhưng tôi lại biết hoàn cảnh của bấy chị. Nay chị Hoa, ân sư của tôi tên Tạ Quốc Ninh. Thầy có một người yêu tên giống như chị. Bà bị Mông cổ bắt đi. Thầy khóc hết nước mắt, nay vẫn ngày đêm đi tìm bà. Dường như là Hoàng Hoa thì phải.

Mặt Hoàng Hoa biến sắc tỏ ra kinh hoàng, sợ hãi, rồi tu lên khóc.

Dã Tượng nói thực:

– Các chị đừng thắc mắc nhiều. Tôi biết hoàn cảnh khốn cùng của các chị. Nếu các chị muốn, tôi sẽ cứu các chị, đem về Đại Việt.

Hoàng Hoa kể nể:

– Tôi bị bọn Mông cổ bắt đem theo làm trò chơi, thân thể tàn tạ, liệu anh Ninh có còn nhìn đến tôi không? Liệu về nước tôi có bị voi dầy, ngựa xé không ? Nhưng, dù thế nào, nếu anh cứu chúng tôi, được trở về quê cha đất tổ, thì xin kết cỏ ngậm vành.

– Tôi thấy bấy chị không bị kiềm chế, vậy sao không trốn đi?

– Trốn cách nào? Những phụ nữ đẹp, những nghệ nhân được bọn Mông cổ chiều đãi, thả lỏng. Chúng chỉ sai một người quản chế thôi. Khi một người trốn đi, thì chúng huy động kị mã đuổi theo bắt về, xử tội cực kỳ tàn bạo. Có mấy mỹ nữ Đại lý từng trốn đi, chỉ nửa ngày bị chúng bắt về. Chúng bôi mật đầy người rồi trói vào gốc cây cho kiến cắn. Nạn nhân ngứa ngáy, đau đớn mười ngày mới chết. Lại một nghệ nhân người Tống trốn đi, chúng bắt về, dùng dao sắc rạch mấy chục nhát lên mặt, chân tay, lưng, ngực rồi bôi vôi với bồ hóng vào, thịt rữa ra thành những cái sẹo trông ba phần giống người, bảy phần giống quỷ.

Bạch Hoa tiếp:

– Từ đây về Đại Việt đường xa diệu vợi. Chúng tôi có trốn thì chỉ đi bằng xe ngựa. E rằng đi chưa quá nửa ngày thì bị bắt về ngay.

Hồng Hoa tiếp:

– Và chúng tôi có trốn thì trốn về Đại Việt. Mà tôi nghe tên Trịnh Ngọc nói, Mông cổ chiếm đóng Đại Việt cũng như Đại lý. Nếu như chúng tôi trốn thoát về tới Đại Việt lại bị bắt, thì mèo lại hoàn mèo.

– Lão! Tên Trịnh Ngọc nói lão.

Thúy Hồng nổi giận: các chị bị bắt sang đây thành ra không biết rõ tình hình. Chứ Mông cổ bị Đại Việt đánh bại từ sau tết năm ngoái rồi.

Dã Tượng tóm lược chi tiết tình hình chiến cuộc Mông cổ, Đại Việt một lượt cho bấy nàng nghe, rồi kết luận:

– Thầy Tả Quốc Ninh hiện theo sứ đoàn, đang đợi người của Hốt Tất Liệt hộ tống đi Tứ xuyên. Không chừng chúng ta gặp gỡ sứ đoàn giữa đường cũng nên.

Dã Tượng kinh ngạc vô cùng, vì bấy nàng Hoa nghe tin Đại Việt chiến thắng mà không tỏ ra vui mừng. Thúy Hồng đề nghị:

– Sáng mai khi lên đường, tôi sẽ đề nghị với tên Ngọc rằng xe của các chị có hai con ngựa ốm, vậy xin mụ béo ị cho các chị sang bên xe chúng tôi. Như vậy hai xe đi cùng đường. Dọc đường chúng tôi khống chế bọn chúng, đi thẳng Độ khẩu. Tới Độ khẩu ta xuôi dòng đi Hợp châu vào vùng Tống. Nhờ Tống giúp đưa các chị về Đại Việt.

– Ủ!

Dã Tượng dặn:

– Phải cẩn thận lắm với được. Chúng ta vẫn giữ nguyên tình trạng. Tôi vẫn là người của Mông cổ...

Thuyền về tới bến thì mặt trời đã lặn.

Dã Tượng tóm lược mọi sự viết thư sai chím ứng mang về Khu mật viện ở Thăng long, cùng báo cho sứ đoàn biết, rồi xin chỉ dụ : phải làm gì ?

Vào phòng ngủ, Dã Tượng phải đối mặt với vai làm chồng giả, với nhan sắc diễm lệ của Thúy Hồng. Sau một ngày hành trình mệt mỏi, Thúy Hồng leo lên giường nhưng không ngủ được, nằng ngời dựa lưng vào đầu giường như mời, như gọi Dã Tượng. Còn Dã Tượng, chàng không dám nhìn vào mặt Thúy Hồng. Tình trạng kéo dài đến hơn khắc.

Chợt động tâm tư, Dã Tượng nhớ lại, trong lần gặp cuối, Hưng Ninh vương có cho chàng ba thanh gươm mỏng, trên vẽ đồ hình, cùng tâm pháp luyện Tiêu sơn hóa tinh pháp, dùng để trấn áp cơ thể khi dục vọng đòi hỏi mà tâm trí không kiềm chế nổi. Chàng giữ, đã học thuộc, nhưng chưa luyện bao giờ. Chàng lấy tấm thẻ thứ nhất ra đọc đệ nhất thức:

“BƯỚC 1 (nạp khí).

- Dùng ý dẫn khí từ qui đầu vào trung-điền-điền.
- Tiến hành ý-thủ tại đây.
- Nạp khí tiếp, dẫn khí từ trung-điền đến hậu môn (huyệt hội-âm).
- Từ hậu môn (huyệt hội-âm) dẫn ra xương cụt (huyệt trường-cường)”

Chàng luyện thử, chân khí chuyển động rần rật, dễ dàng. Người nhẹ nhàng. Chàng luyện tiếp:

“ BƯỚC 2 (đỉnh).

- Miệng mím chặt, hai răng nghiến vào nhau, lưỡi ép sát lợi.
- Hai chân tay vận thật cứng. Hậu môn thắt chặt vào và co lên cao”.

Chàng luyện theo, chân khí tỏa khắp người, cảm giác căng chướng mắt.Chàng luyện tiếp sang bước 3-4-5:

“– BƯỚC 3 (nạp khí).

- Tái nạp khí dẫn khí từ xương cụt (huyệt trường-cường) lên qua xương sống, hậu chẩm (huyệt phong-phủ) vào đại não, tới thượng-điền thì ngưng lại.

– BƯỚC 4. (Thổ khí)

- Tiến hành ý-thủ tại đây, thổ khí ra ngoài.

– BƯỚC 5 (nạp).

- Nước miếng trong miệng sinh ra, nuốt vào, dùng ý dẫn khí từ thượng-điền về trung-điền theo đường cổ, họng, thượng điền”

Cứ thế chàng luyện sang tới bước thứ 11 là hết đệ nhất thức. Đến đây thân thể nhẹ nhàng, tâm trí minh mẫn. Chàng nhìn Thúy Hồng với tất cả tấm lòng trong sáng, không còn lửa dục nữa. Mặc cho Thúy Hồng chìm vào giấc ngủ. Chàng tiếp tục luyện mãi, rồi ngủ lúc nào không biết.

Tiếng chim hót líu li bên hồ làm Dã Tượng tỉnh giấc. Thúy Hồng đã thay y phục ngồi chờ. Có tiếng gõ cửa. A Tam thúc:

- Mời các vị lên đường sớm, trời còn mát. Đến trưa nắng nực chúng ta sẽ nghỉ.

A Tam, Tiểu Linh cùng mang hành lý cho Dã Tượng, Thúy Hường. Xuống sân, mụ vợ tên Ngọc đang thúc Tô lịch thất tiên lên xe.

Thúy Hồng đóng kịch, nói với A Tam:

– Xe tôi chỉ có hai người, mà ngựa lại khỏe. Xe bên anh trong bốn ngựa thì mất hai con bệnh mới khỏi. Vậy anh cho chuyển sang bên xe tôi bốn người được không?

Mụ đàn bà béo ị nói với 7 cô gái:

– Vậy năm cô Hoàng, Bạch, Huyền, Thanh, Hồng sang xe số 3. Còn Tử, Lan với hành lý để bên xe 5 đi với chúng tôi.

Ghi chú:

(1) Gió xuân trên hồ Lăng bạc, đốt giặc tại Yên vũ. Nắng hạ tại biển Thần phù, phá giặc ở đất Trường yên.

(2) Đẹp giặc Tô Định, quyết lấy quần thoa đấu với kiếm kích. Phù vua Trưng dựng nước, đem tài khăn yếm giữ non sông.

PHỤ LỤC :

TIÊU SƠN HÓA TINH PHÁP

Đạo-lý Phật-giáo chủ diệt dục: tham, sân, si. Dâm là một giới bị cấm ngặt. Nhưng các tăng-ni tu luyện khí công thì tinh, thần, khí phải đồng thăng tiến. Mà cả ba thăng tiến, thì dục cũng tăng theo, nên đường tu hành gặp khó khăn. Vậy phải làm sao hóa tinh di, mới có thể tiếp tục đường tu.

Khoa Thiền-công giảng:

“Tạo hóa sinh con người, đều có tinh khí do cha mẹ (Tiên thiên khí) và do ăn uống (Hậu thiên khí) . Ngoài ra nội thể tự sinh, ngoại cảnh kích động, khiến tham dục. Khi tham dục, tinh-khí chạy hỗn loạn. Hỗn loạn không qui liễm được thì trở thành cuồng loạn, thần bị ức chế dễ lạc vào tà ma, dâm dăng. Khi luyện ngoại-công, khí-công, chủ yếu là đi đến tinh, thần, khí sung mãn. Nhưng nếu cứ để tinh khí chạy loạn, rồi tìm thú nhục dục, để thoát ra ngoài, hoặc thoát ra trong giấc mộng... Thì trong ba yếu tố chỉ còn thần, khí mà thôi. Như vậy chân khí không mạnh, thần lực không phát đầy đủ, nên chỉ phải dùng khí-công thu liễm tinh-khí”.

Tóm lại : Tinh khí này sinh do ba nguyên lý:

- Do cơ thể tự nảy sinh.
- Ngoại cảnh như ăn, uống, ngắm nhìn.
- Nội tâm như đọc sách suy tư.
- Tập luyện. Tập luyện để tăng cường, tinh, thần, khí.

Nếu để tinh xuất, thì chỉ có thần, khí mạnh. Thần lực không phát ra được. Vậy cần thu liễm tinh lại, không để xuất ra ngoài.

Vấn theo Thiền-Việt thì khi tinh khí sung mãn, dương vật cương lên là do các nguyên nhân sau:

- Nhìn cảnh dâm bên, tư tưởng không tự chế, tức thần yếu.
- Đọc sách, liên tưởng, chia trí, không giải trừ tạp niệm, tư tưởng tự do đi vào đường dâm dăng.
- Khi nam gần nữ, nữ gần nam.
- Bị kích thích bởi ngoại lực, nội khí.
- Trong giấc ngủ tư tưởng buông lỏng.

Vì vậy **Thiên-khí-công Việt** đưa ra 4 phương pháp thu liễm tinh khí, tức luyện công hóa khí, để giúp dễ tu luyện tập võ công, nhất là cho Phật-gia đệ-tử giải thoát được những cơn ám ảnh sinh lý. Các thức đó là hóa tinh pháp.

I- HÓA TINH ĐỆ NHẤT THỨC

1- NGUỒN GỐC

Từ Thiên-phái Tỳ-ni Đa-lưu-chi, Thảo-đường, Quy-ngưỡng, Lâm-tế.

2. TỰ THỨC

- Lập thức (đứng).
- Tọa thức (ngồi).

3. ĐIỀU KHÍ

- Thở hít thông thường.

4. Ý THỦ (Trụ tâm)

Nội thể: đơn-điền, khí-hải, mệnh-môn, dũng-tuyền v.v...

5. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN

- Khai thủy.
- Nhập tĩnh.
- Điều-tức.
- Ninh thần.
- Giáng khí.
- Giải trừ tạp niệm.
- Ý-thủ.

BƯỚC 1 (nạp khí).

- Dùng ý dẫn khí từ qui đầu vào trung-đơn-điền.
- Tiến hành ý-thủ tại đây.
- Nạp khí tiếp, dẫn khí từ trung-điền đến hậu môn (huyệt hội-âm).
- Từ hậu môn (huyệt hội-âm) dẫn ra xương cụt (huyệt trường-cương).

BƯỚC 2 (đình).

- Miệng mím chặt, hai răng nghiến vào nhau, lưỡi ép sát lợi.
- Hai chân tay vận thật cứng. Hậu môn thắt chặt vào và co lên cao.

BƯỚC 3 (nạp khí).

- Tái nạp khí dẫn khí từ xương cụt (huyệt trường-cương) lên qua xương sống, hậu chẩm (huyệt phong-phủ) vào đại não, tới thượng-điền thì ngưng lại.

BƯỚC 4. (Thở khí)

- Tiến hành ý-thủ tại đây, thở khí ra ngoài.

BƯỚC 5 (nạp).

Nước miếng trong miệng sinh ra, nuốt vào, dùng ý dẫn khí từ thượng-điền về trung-điền theo đường cổ, họng, thượng điền.

LUYỆN 3 TỨC LIỀN.

Kinh nghiệm: Sau khi luyện đủ 3 tức, nếu thấy thể xác trở lại bình thường, dục vọng đòi hỏi hết, thì thu công rồi ngừng. Bằng dục vọng, thể xác còn đòi hỏi thì luyện tiếp.

BƯỚC 6 (thở).

Dùng ý dẫn khí từ trung-điền theo xương sống lên hậu chẩm, não, rồi thượng điền (theo đốc mạch lên huyết Đại-truyền, Phong-phủ, đại não, thượng-điền).

BƯỚC 7 (nạp khí).

Dùng ý dẫn khí từ thượng-điền, vòng qua trái tới nửa đầu bên trái, rồi dẫn khí theo nửa mặt trái, xuống nửa cổ trái, qua nửa lồng ngực trái, bụng trái, rồi đưa vào hạ đơn điền.

Từ hạ-điền sang phải đi ngược lên qua nửa bụng phải, ngực phải, cổ phải, rồi nửa mặt phải, tới thượng điền.

BƯỚC 8 (ngưng thở nạp). Dùng ý dẫn khí đi vòng thứ hai.

BƯỚC 9 (thở). Dùng ý dẫn khí đi vòng thứ ba.

LUYỆN 3 TỨC LIỀN (Tức 9 Vòng).

Kinh nghiệm

Sau khi luyện 3 tức liền, nếu vẫn còn thấy thể xác đòi hỏi, luyện tiếp.

BƯỚC 10 (nạp). Dùng ý dẫn khí từ thượng-điền qua cổ, họng, thượng tiêu, trung tiêu, hạ tiêu tới hạ-điền. Sau đó dẫn khí vòng sang trái, qua nửa bụng, nửa ngực, nửa cổ nửa mặt lên thượng-điền.

BƯỚC 11 (ngưng thở nạp). Dẫn khí đi vòng thứ hai, cùng chiều, cùng lộ trình như vòng thứ nhất.

BƯỚC 12 (thở). Dẫn khí đi một vòng thứ ba, cùng chiều, cùng lộ trình với vòng thứ nhất.

LUYỆN 2 TỨC LIỀN (Tức 6 Vòng).

HẾT MỘT THỨC.

Mỗi lần luyện 3, 6, hoặc 9 thức. Nam, nữ luyện như nhau.

6. CHỦ TRỊ.

- Sinh lý đòi hỏi, dương vật cương lên.
- Điều hòa tinh khí.
- Các nhà tu dùng để diệt dục.

Trong quá trình huấn luyện, chúng tôi nhận ra một số các võ-sinh, văn-gia, ký-giả, kỹ sư điện toán, các nghiên cứu gia v.v. thấy sinh lý đòi hỏi, nếu họ giao hoan, thì đầu óc trống rỗng. Họ muốn giữ tinh khí cho đầu óc minh mẫn, nên luyện tập thức này. Kết quả thực kỳ diệu, tinh thần sáng khoái, trí nhớ tăng. Một số các vị tu mi nam tử vì công tác phải xa nhà, sang các nước Thái-lan, Phi-luật-tân, sinh lý đòi hỏi, nếu tìm các nàng kiều ở đó mà hành lạc, có thể tiêu dao miền Cực-lạc với ác quỷ SIDA (AIDS), nên đã luyện thức này để diệt dục. Các tiết phụ, xa chồng cũng luyện, để giữ chung thủy v.v.

7. CẤM KỊ.

- Phụ nữ mang thai.
- Tim đập chậm (dưới 65 lần một phút).
- Dương hư (chân tay lạnh, đại tiện chảy, người lạnh, huyết áp thấp dưới 10).

- *Bản huyết (anémie).*
- *Nam bất lực (dương vật không cử, cử mà không chắc. Nữ lãnh cảm).*

2. HÓA TINH ĐỆ NHỊ THỨC.

Sau khi luyện đệ nhất thức, không thấy kết quả, thì trường hợp tương đối nặng. Dương vật cứ cử lên (nữ thì âm-thần hơi cứng nóng, ngực căng, môi khô), tinh-dịch (chứ không phải tinh-khí) rỉ rỉ muốn xuất, nhiệt khí trên người bốc cao, đầu óc hoang mang không minh mẫn nữa. Phải luyện tiếp phương pháp của đệ nhị thức.

Phải nhớ kỹ là: không nên lạm dụng luyện phương pháp đệ nhị thức. Chỉ khi nào đệ nhất thức không kết quả mới luyện đệ nhị thức mà thôi.

Đệ nhị thức có hai tức. Nối tiếp đệ nhất thức.

1. ĐỆ NHẤT THỨC. (Thở ở đầu tức này không kể vào tức, chỉ để nối tiếp).

BƯỚC 1 (thở).

- Dùng ý dẫn khí từ qui-đầu (nếu là nữ thì âm-thần) đến trung-điền.
- Đồng thời hậu môn thắt chặt co lên.

BƯỚC 2 (nạp).

- Dùng ngón chỏ tay phải, bịt lỗ mũi phải.
- Lỗ mũi trái hấp khí thành một dây dài liên tục (không nên để đứt đoạn).

BƯỚC 3 (đình).

Hai đến 5 tiếng đập tim.

BƯỚC 4 (thở).

- Ngón tay giữa của tay phải bịt lỗ mũi trái, buông lỗ mũi phải ra.
- Lỗ mũi phải thở khí thành luồng liên tục, nhẹ nhàng.

LUYỆN 3 TỨC LIÊN.

2. ĐỆ NHỊ THỨC.

BƯỚC 5 (thở).

- Nối tiếp tức trên.
- Ngón tay bịt lỗ mũi trái.
- Sau khi lỗ mũi phải thở xong nạp luôn, nạp một hơi dài, không đứt đoạn.

BƯỚC 6 (đình).

- Nghỉ hai đến 5 tiếng đập tim.

BƯỚC 7 (thở).

- Ngón trở bịt lỗ mũi phải, và buông lỗ mũi trái ra.
- Lỗ mũi trái thở khí thành một dây liên tục.

LUYỆN 3 TỨC LIÊN.

3. ĐỆ TAM THỨC.

BƯỚC 8 (nạp).

- Bỏ tay ra dùng cả hai lỗ mũi nạp khí thành một luồng dài liên tục.
- Dùng ý dẫn khí từ trung-đơn-điền đến thượng-điền ý-thủ tại đây.

BƯỚC 9 (đình).

- Ngưng lại từ 2 đến 5 tiếng đập tim.

BƯỚC 10 (thở).

Nuốt nước miếng, dùng ý dẫn khí từ thượng-điền tới trung-điền.

LUYỆN 3 TỨC LIỀN.

Sau đó luyện lại tức thứ nhất đến tức thứ ba liền 3,6 hay 9 lần. Thu công

4. CHỦ TRỊ.

Như đệ nhất thức.

5. CẤM KỊ.

Như đệ nhất thức.

III. HÓA TINH ĐỆ TAM THỨC.

Sau khi đã luyện thức thứ nhì, không kết quả, luyện sang thức thứ ba. Phải lưu ý là, thức thứ ba rất dễ tổn hại đến tinh khí, thận khí. Vì vậy nếu thấy luyện hết thức thứ hai không kết quả mới dùng đến. Tuyệt đối không bao giờ nên thử. Thận suy rất hại, có khi tuyệt đường sinh đẻ.

Thức này có ba tức.

1. ĐỆ NHẤT TỨC.

BƯỚC 1 (nạp).

- Dùng ý dẫn khí từ qui-đầu (nữ thì âm thần), qua hậu môn rồi xương cụt (huyệt Hội-âm, Trường-cường) chuyển sang mông trái, lưng trái, lên cổ tới mắt trái.
- Ngón tay bịt lỗ mũi phải lại, để lỗ mũi trái tiếp tục nạp khí. Mắt trái, mi trái, kéo ngược trở lên, khí dẫn theo, tới đỉnh đầu.

BƯỚC 2 (đinh). Dẫn khí từ đỉnh đầu, về thượng-điền, qua mắt phải.

- Mắt phải, mi phải, kéo trở xuống.
- Dẫn khí qua má phải.

BƯỚC 3.

- Bịt lỗ mũi trái lại, lỗ mũi phải từ từ thở khí.
- Dùng ý dẫn khí từ má phải xuống cổ, sườn phải, xương cụt, hậu môn (huyệt Trường-cường, Hội-âm).

LUYỆN 3 TỨC LIỀN.

2. ĐỆ NHỊ TỨC.

Cùng phương pháp tức 1. Nhưng lộ trình đi phải:

- Từ qui-đầu, qua huyệt hậu môn, xương cụt (huyệt Hội-âm , Trường-cường) rồi quẹo phải, đi ngược lộ trình trên.
- Lỗ mũi cùng thở nạp, ngược lại với tức 1, nghĩa là phải đổi qua trái, trái đổi qua phải.

LUYỆN 3 TỨC LIỀN.

3. ĐỆ TAM TỨC.

BƯỚC 1 (nạp).

- Dẫn khí từ qui-đầu về hậu môn, xương cụt (huyệt hội-âm, trường-cường), ngược lên ngang sống lưng (huyệt Mệnh-môn), theo xương sống, não, đến đỉnh đầu, vòng sang thượng-điền.

BƯỚC 2 (đinh).

- Ngưng tại thượng-điền từ 2 đến 5 tiếng đập tim.

BƯỚC 3.

Từ thượng-điền ngược trở lại não, xương sống tới ngang lưng (huyệt mệnh-môn) rồi vào trung-điền, sang hậu môn (huyệt hội-âm), rồi tới qui-đầu (hay âm thần).

LUYỆN 3 TỨC LIỀN.

Luyện liền một lúc 3, 6, đến 9 thức.

Khí-tức qui nguyên(dẫn khí về đôn điền).

Thu công.

4. CHỦ TRỊ.

Như đệ nhất thức.

5. CẤM KỊ.

Như đệ nhị thức.

IV. HÓA TINH ĐỆ TỨ THỨC.

Tiêu-sơn đệ tứ thức, khác hẳn với ba thức trên về công dụng. Ba thức đầu dùng để “luyện tinh, hóa khí”, tức là xử dụng khi tinh-khí đầy, chuyển thành khí. Tinh-khí đó vẫn còn chỗ sơ dụng của nó, không làm mất đi lợi ích.

Nhưng cũng có những trường hợp mà tinh khí chạy hỗn loạn không nên thu liễm lại. Vì tinh khí đó không còn ích lợi, thu liễm lại có hại cho cơ thể, cần phải đốt đi.

Tỷ-dụ: Trong lúc luyện Thiên-công, Khí-công, Ngoại-công, chân tay, khí huyết chân khí chạy khắp người. Chẳng may có những luồng khí dẫn không đúng, hoặc chiêu thức đánh sai, tinh-khí không qui liễm được, nên đã làm động tình, dương vật chương lên. Những loạn khí đó không cần thu liễm, phải đốt ngay đi.

Ở đây chúng tôi chỉ nói đến các thức Thiên-công, Ngoại-công, Khí-công từ cấp trung-đẳng, cao-đẳng.

1. PHÉP LUYỆN.

Lấy cơ sở của ba thức trên làm nguồn gốc.

2 . TƯ THỨC:

Cả ba tư thức.

- Lập thức (đứng).
- Tọa thức (ngồi).
- Ngọa thức (nằm).

3. ĐIỀU KHÍ.

Các phương pháp :

- Thông thường.
- Ý khí hợp nhất.
- Đạo gia.
- Cấm dùng phương pháp ảo thổ nạp, khí tức hỗn loạn đốt luôn chân khí, có khi làm hư thận.

4. Ý-THỦ.

Nội thể tại trung-đôn-điền.

5. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN.

- Khai thủy.
- Nhập tĩnh.
- Điều-tức.
- Ninh thần.
- Giáng khí.
- Giải trừ tạp niệm.
- Ý-thủ

BƯỚC 1 (nạp). Dùng ý dẫn khí trầm trung-đơn-điền.

- Óc tưởng tượng đơn-điền.
- Mắt nhắm, “nhìn bằng tư tưởng vào đơn-điền”.
- Tai nghe tại đơn-điền.
- Miệng mũi thở nạp vào đơn-điền.
- Dùng ý dẫn khí từ qui-đầu vào đơn-điền.

BƯỚC 2 (đĩnh). Ngưng từ 2 tới 5 tiếng đập tim.

- Dùng ý dẫn khí từ trung-điền đến hậu môn (huyệt-âm).
- Từ hậu môn (huyệt hội-âm) phân ra hai đùi, đầu gối, bắp chân, xuống gâm bàn chân (huyệt Dũng-tuyền).

BƯỚC 2 (thở).

- Dùng ý dẫn khí từ huyệt dũng-tuyền trái, ngược trở lên qua bắp chân đầu gối, đùi.

BƯỚC 3 (nạp).

- Dùng ý dẫn khí đồng một lượt từ đùi trái, qui-đầu (nữ âm thần) vào huyệt hội-âm, trường-cường, qua sườn trái tới cổ, mang tai, đại não cuối cùng ngưng lại ở thượng-điền.

BƯỚC 4 (đĩnh).

- Ngưng lại thượng-điền từ 2 tới 5 tiếng đập tim.
- Từ thượng-điền dẫn khí qua phải, mang tai, cổ, sườn, huyệt trường-cường huyệt hội-âm.

BƯỚC 5 (thở).

Dẫn khí từ huyệt hội-âm dẫn tiếp xuống đùi phải, đầu gối phải, bắp chân, cuối cùng là huyệt dũng-tuyền phải.

BƯỚC 6 (nạp).

Lại dùng ý dẫn khí từ huyệt dũng-tuyền trái, qui-đầu (âm thần) theo lộ trình cũ để sang huyệt dũng-tuyền phải hai lần nữa.

BƯỚC 7 (đĩnh).

Dùng ý dẫn khí từ huyệt dũng-tuyền phải và qui-đầu (âm thần) theo lộ trình trên. Nghĩa là đi ngược chiều, đúng ba (3) lần.

BƯỚC 8 (thở).

Dùng ý dẫn khí từ cả hai huyệt dũng-tuyền lên bắp chân, đầu gối, đùi.

Dẫn từ hai đùi, qui-đầu lên huyệt hội-âm, trường-cường theo xương sống tới huyệt Phong-phủ, đại não, vào thượng-điền.

BƯỚC 9 (đĩnh).

- Ngưng lại từ 2 tới 5 tiếng đập tim.

BƯỚC 10 (thở)

- Đi ngược trở lại lộ trình cũ tới xương sống, qua mệnh-môn huyết vào trung-điền.

BƯỚC 11 (đỉnh).

- Ngưng lại trung-điền 2 đến 5 tiếng đập tim, rồi dẫn khí tiếp xuống huyết hội-âm , phân làm hai xuống hai đùi, đầu gối, bắp chân, cuối cùng huyết dừng-tuyền.

Luyện một lúc từ 3, 6 đến 9 thức và chỉ tái luyện khi nào cần thiết. Nếu luyện liên tiếp mỗi ngày một lần thì từ ngày thứ 5 trở đi tinh-khí bị đốt hết, người mệt mỏi yếu đuối. Từ ngày thứ 15 trở đi đến ngày thứ 30 thì có thể hư thận.

6. CHỦ TRỊ.

- Dùng để làm tiêu tan đòi hỏi sinh lý.
- *Khu trục, tiêu diệt các loạn khí vô ích trong người.*
- *Kiến bò (fourmiement), spasmophilie.*
- *Chân tay bại hoại.*
- *Điều hòa loạn khí.*
- *Bấp thịt co giật.*
- *Trần tĩnh cơn khủng hoảng thần kinh (dépressions).*

7. CẤM KỊ.

- Bất lực sinh lý (nữ lãnh cảm).
- *Thận hư (dù dương, dù âm, hay âm dương hư).*
- *Mất trí nhớ.*
- *Phụ nữ trong thời kỳ mãn kinh (ménopause).*

V. KẾT LUẬN

Tiêu-sơn hóa tinh pháp là một thức Thiền-công, dùng lâu năm trong Phật-giáo Việt-Nam, dễ luyện, kết quả tốt. Phàm khi luyện, ngay lập tức cảm thấy tinh thần sảng khoái. Càng luyện lâu, tâm trí càng minh mẫn. Già, trẻ, nam, nữ đều luyện được. Luyện lúc nào trong ngày kết quả cũng bằng nhau.

Hồi thứ năm mươi chín

***Tượng quận dương uy nhiều tướng lược,
Bồ lăng tuần tiết, tận thần trung.***

Câu đối tại đền thờ ba tướng kỳ binh

*Đào Chiêu Hiển, Đào Đô Thống, Đào Tam Lang
thời vua Trưng.*

(Tượng quận dương oai, tài tướng giỏi,
Bồ lăng tuần tiết, tỏ thần trung)

Ăn điểm tâm xong, mọi người lên xe. Thấy chim ưng bay lượn trên trời, Dã Tượng chạy vòng ra sau khu nhà ngủ, gọi nó xuống, lấy thư ra đọc. Đó là lệnh của Khu mật viện :

« *Tìm cách bắt hoặc giết ba đứa họ Trịnh, rồi cho xe chạy ngược biên giới Tống* ».

A Tam nói với Dã Tượng bằng tiếng Việt:

- Nghe ông khách thuê xe 5 nói, công tử làm quan lớn với Mông cổ phải không?
- Nho nhỏ thôi.
- Nhỏ gì! Vạn phu trưởng là tướng quân rồi còn gì? Thế mà tôi không biết.
- Quân Mông cổ người nào cũng giỏi về thuật kỵ mã. Vậy công tử đánh xe ngựa chắc giỏi lắm nhỉ!
- Nếu anh mệt, anh chỉ đường để tôi đánh xe cho anh một đoạn.

A Tam mừng quá trao cương ngựa cho Dã Tượng.

Vừa lên xe, Dã Tượng nói với 5 nữ khách bằng tiếng Việt:

– Xin các chị ngồi cho chắc nghe. Xe chạy mau đấy.

Xe vọt như tên bắn. A Tam khen:

– Công tử là Vạn phu trưởng của Mông cổ có khác, nghệ thuật trị mã của công tử bỏ xa bọn tôi.

Thúy Hồng bàn bằng tiếng Việt :

– Bây giờ anh bảo A Tam đánh xe cho mình đi thẳng Độ khẩu, không ghé Côn minh, thì tên Trịnh Ngọc biết đâu mà tìm chúng ta?

Hồng Hoa phản đối:

– Chị em chúng tôi 7 người từng sống chết có nhau. Nếu anh đã ra tay tể độ thì xin cứu nốt hai đứa Tử, Lan trên xe kia một thể.

– Vậy thì được.

Chàng gò cương cho ngựa đi chậm lại. Khoảng hơn khắc thì chiếc xe 5 đã đuổi kịp. Tám ngựa hai xe, cùng gõ móng phi nước kiệu. Chợt A Tam chỉ về phía trước:

– Xin công tử trao cương xe cho tôi. Phía trước có đoàn kỵ mã đang chạy ngược chiều với chúng ta. Không biết họ là Mông cổ hay Đại lý.

Đoàn kỵ mã 10 người dần dần tới gần. A Tam than:

– Không phải Mông cổ. Tôi biết họ là ai rồi. Đám này thuộc võ lâm giang hồ có tên Hoa sơn ngũ hiệp. Họ gồm năm nam, năm nữ. Năm cặp vợ chồng thường hành hiệp trên con đường này. Họ là người Tống, mặc áo theo ngũ hành. Cặp thứ nhất mặc áo vàng chồng tên Hoàng Hiệp, vợ tên Hoàng Nương; cặp thứ nhì mặc áo trắng, chồng tên Bạch Hiệp, vợ tên Bạch Nương.

Dã Tượng đã được Tuyên minh thái hoàng thái hậu giảng cho về kinh Dịch. Chàng đoán:

– Cặp thứ ba mặc áo đen, chồng là Huyền Hiệp, vợ là Huyền Nương. Cặp thứ tư mặc áo xanh, chồng tên Thanh Hiệp, vợ tên Thanh Nương. Cặp thứ năm mặc áo đỏ, chồng tên Hồng Hiệp, vợ tên Hồng Nương.

A Tam kinh ngạc:

– Ủa công tử đã biết họ rồi ư?

– Không! Tôi đoán ra mà thôi. Cũng như bấy cô gái bên xe 5, cũng có tên theo thứ tự Hoàng, Bạch, Huyền, Thanh, Hồng, Tử, Lan.

Mười kị mã dàn ngang, chặn mất đường đi. Họ không phải kị binh, y phục của họ có năm màu khác nhau. A Tam giải thích:

– Võ lâm Tổng đốc. Những người này rất ghét Mông cổ. Võ công họ cao thâm vô cùng. Công tử phải dấu thân phận, nếu họ biết công tử là Vạn phu trưởng thì họ tàn sát không tha thứ!

Viên chỉ huy là một lão già, râu dài rất đẹp. Ông ta mặc áo vàng hỏi bằng tiếng Hán:

– Xe chở những ai? Đi đâu?

A Tam đáp:

– Thưa Hoàng Hiệp, chúng tôi thuộc hãng Phi mã, xe số 3 đi Độ khẩu, xe số 5 đi Côn minh.

– Ai là chủ thuê xe số 3.

Thúy Hồng chỉ vào Dã Tượng trả lời bằng tiếng Hán, âm Lâm An:

– Vợ chồng chúng tôi thuê xe này.

Nàng chỉ xe số 5:

– Hai xe cùng hãng, đi cùng chiều. Xe số 5 có hai con ngựa ồm, nên xe số 3 chở dùm 5 người.

Hoàng Hiệp chỉ vào Tô lịch thất tiên:

– Hai phu xe nghe đây: chúng tôi là võ lâm Trung nguyên. Vì quốc sự, chúng tôi phải cứu bầy vị cô nương này. Hai người vui lòng đánh xe theo chúng tôi. Chúng tôi sẽ trả thù lao nếu thời gian đi quá lâu. Còn các người không phục tùng thì chúng tôi phải dùng sức.

Tên Trịnh Ngọc đem hổ phù ra oai:

– Đại lý là thuộc quốc của Mông cổ. Tôi là Bách phu trưởng thuộc quyền của Thái sư Ngột Lương Hợp Thai chở cống phẩm dâng cho đại vương Hốt Tất Liệt. Đây là hổ phù chứng minh. Các người không được xen vào truyện này.

Một phụ nữ mặc áo hồng còn rất trẻ, Dã Tượng biết nàng tên Hồng Nương. Nàng dùng roi ngựa quật vào đầu Trịnh Ngọc một cái, kinh lực rít lên vo vo, mặt y chảy máu đầm đìa trông thực thảm thiết:

– Bách phu trưởng đã là cái thá gì? Đi theo ta, bằng không ta chặt đầu.

Vợ tên Trịnh Ngọc quát:

– Chồng ta là Bách phu trưởng của Mông cổ. Còn mi chỉ là dân, mi không được hỗn.

– Ta cứ hỗn đấy, mi làm gì ta nào?

Hồng Nương nói rồi vung chưởng hướng tên Ngọc tát cái nữa. Mụ béo ị lách mình như con cá trạch, mụ vung tay tấn công Hồng Nương. Kinh lực phát ra khá mạnh. Hồng Nương chuyển tay đỡ. Binh một tiếng cả hai đều bật lui.

Mụ béo ị hô:

– Khoan!

Hồng Nương nhảy lùi lại.

Mụ béo ị quát lên:

– Bên ta chỉ có một người. Còn bên người tới một chục. Như vậy là quá bất công, các người cậ số đông áp chế chúng ta, như thế mà các người cũng xưng là võ lâm ư ?

Hoàng Hiệp cười :

– Được ! Nếu mi thắng được Hồng Nương, chúng ta sẽ rời đây, để mi đi Côn minh. Mi xưng tên đi.

– Ta là Mỹ Liên, người Đại Việt.

Nói rồi mụ phát chưởng tấn công Hồng Nương.

Dã Tượng nhận ra võ công của Hồng Nương là võ công Hoa sơn, Trung nguyên. Còn võ công của vợ tên Ngọc là võ công Mê linh thuộc Đại Việt.

Hồng Nương cười nhạt, nàng hít hơi, phát một chưởng khá mạnh, gió lộng ào ào. Mụ Mỹ Liên trả lại bằng một chiêu *Thiết kinh phi chưởng*. Đám võ lâm Trung nguyên thán nhiên đứng nhìn hai người đấu với nhau. Hoàng Hiệp quan sát trận đấu:

– Con mụ béo này công lực không làm bao, nhưng chiêu số của nó khắc chế chiêu số của Hồng Nương. Không biết Hồng Nương có thắng được thị không ?

Hoàng Hiệp chỉ Dã Tượng hỏi A Tam:

– Gã này là ai?

– Họ là cặp vợ chồng mới cưới, buôn gia súc, thuê bao xe chúng tôi đi Độ khẩu. Họ không liên quan gì đến với chồng tên Bách phu Mông cổ.

Bách một tiếng Hồng Nương bị trúng một chưởng, mặt nàng đỏ gay.

Trước khi đi Vũ Uy vương đã dặn Dã Tượng: chỉ khi nào nguy đến tính mệnh mới được xử dụng võ công. Vì vậy chàng ngồi im.

Đấu được mười hiệp nữa, Hồng Nương cứ bị trúng đòn của mụ Mỹ Liên. Thúy Hồng nói sẽ:

– Không hiểu sao đám võ lâm Trung nguyên này lại đánh cướp bầy chim Hoa. Em nghĩ thà để Tô lịch thất tiên bị đám võ lâm bắt còn hơn để họ tiếp tục bị bọn Mông cổ cầm tù.

– Được! Anh sẽ có cách.

Vừa lúc đó mụ Mỹ Liên ra chiêu Kinh ngư quá hải, chiêu này tay phải đánh thẳng về trước, rồi bật lên trên, để hớ hạ bàn. Dã Tượng hô lớn:!

– *Lạc diệp thu phân*.

Đây là chiêu cước của phái Hoa sơn đá thẳng về trước. Hồng Nương đang thấy nguy cơ bị bại, có người nhắc một chiêu của phái mình thì không kịp suy nghĩ tung về trước một cước. Mụ Mỹ Liên bị trúng một cước bay bổng lên cao, rồi ngã lộn đi hai vòng. Tuy đau đớn nhưng mụ cố bật dậy, Dã Tượng hô:

– *Phi hoa, phi yến*.

Hồng Nương bay tới phóng hai cước nữa, mụ Mỹ Liên bay bổng ra xa, không ngồi dậy được nữa. Hồng Nương điểm huyệt, rồi túm áo ném mụ lên xe.

Mụ Mỹ Liên ngoác mồm ra chửi :

– Tổ bà tụi bay. Con mụ Hồng Nương đâu có thắng được ta ? Mụ thắng ta vì nhờ cái thẳng trâu thui kia mách nước. Ta không phục.

Mụ chửi Dã Tượng bằng tiếng Việt :

– Thăng oắt con kia ! Mi với chúng ta là người Việt. Ta là Bách phu trưởng, còn mi là Vạn phu trưởng. Mi với chúng ta cùng là quan chức Mông cổ. Giữa mi với chúng ta không thù không oán, tại sao mi giúp bọn Hoa sơn mà hại ta ?

Tuy xuất thân chăn trâu, nhưng nhờ thuở bé sống trong chùa nên Dã Tượng luôn nói năng cẩn trọng :

– Xin lỗi phu nhân. Tôi không phải Vạn phu trưởng. Tôi là người của Sứ đoàn Đại Việt. Hôm nay, đúng ra tôi đang định bắt trói phu nhân với chồng con phu nhân để cứu Tô lịch thất tiên, thì Hoa sơn ngũ hiệp xuất hiện. Vô tình Ngũ hiệp trợ giúp chúng tôi, vì vậy tôi chỉ nhắc Ngũ Nương vài câu mà thôi.

Mụ Mỹ Liên với Dã Tượng đối đáp bằng tiếng Việt, nên Hoa sơn ngũ hiệp không hiểu gì.

Lão già Hoàng Hiệp đến trước xe Dã Tượng cung tay:

– Không biết vị thiếu gia đại danh là gì ? Thuộc môn phái nào mà lại biết cả võ công Hoa sơn, Đại Việt. Hoàng Hiệp này xin có lời đa tạ.

Thúy Hồng đáp thay Dã Tượng:

– Lão tiên bối! Chồng tôi họ Trần, tên Quốc Kinh, tôi họ Lý tên Thúy Hồng. Chúng tôi là người Việt, chồng tôi biết rất ít tiếng Hán, mong lão tiên bối miễn chấp. Chồng tôi có học qua võ công Hoa sơn, nên thuận miệng giúp Ngũ Nương mà thôi.

Hoàng Hiệp chấp tay vái:

– Chúng tôi được lệnh bề trên mời bầy vị tiên tử này về Bồ lăng mà thôi. Còn Trần công tử với tiểu cô nương có thể đi được rồi.

Hoàng Hoa hỏi Ngũ hiệp:

– Ngũ vị đại hiệp. Chúng tôi bị áp tải từ Khâu Bắc, Văn Sơn đến đây. Đường xá xa xôi, sao các vị biết chúng tôi bị nạn, mà đón đường ra tay tế độ?

– Bầy vị Tiên tử! Người bề trên của chúng tôi có địa vị cực lớn. Người muốn làm thân với Đại Việt, nên sai chúng tôi cứu bầy vị, làm lễ tương kiến với các danh nhân Đại Việt.

Thúy Hồng hỏi:

– Thưa lão tiên bối Bồ lăng có gần Hợp châu không?

Nghe Thúy Hồng hỏi, Hoàng Hiệp hơi bối ngỡ một chút rồi trả lời:

– Gần! Gần lắm.

– Chúng tôi định đi Độ khẩu, rồi lấy thuyền xuôi Hợp châu. Chúng tôi là người Việt, không thông thuộc đường lối. Xin lão tiên bối chỉ cho chúng tôi đường nào đi thuận tiện nhất. Hoặc nếu có thể cho chúng tôi đi theo được chăng?

Hoàng Nương mau mắn:

– Được chứ! Nhưng chúng tôi đi đường tắt, chứ đường thủy Kim sa giang tại Độ khẩu bị Mông cổ phong tỏa không đi được.

– May quá! Không gặp ngũ vị đây mà chúng tôi đến Độ khẩu gặp Mông cổ, ắt bị chúng bắt.

Hoàng Hoa vẫn lo lắng, nàng hỏi lại Hoàng Nương một lần nữa:

– Phu nhân, tại sao các vị biết bầy chị em chúng tôi bị nạn mà ra tay tế độ?

– Chuyện này về tới Bồ lăng, chúng tôi sẽ trình bày với các vị cô nương sau. Xin cô nương yên tâm, chúng tôi là những người thuộc danh môn chính phái Trung nguyên. Chúng tôi với Đại Việt cùng

sát cánh chống Mông cổ. Chúng tôi quyết không có hành vi khinh bạc với các vị cô nương đâu. Thôi chúng ta lên đường.

Ngũ Hiệp phóng tay điểm huyết tên Trịnh Ngọc, Trịnh Long, rồi quăng chúng lên xe 5. Hai tài công dường như quen với việc bị khống chế này; thản nhiên đánh xe rẽ vào rừng. Họ bỏ không theo đường về Côn minh nữa.

Đám người Hoa sơn chia làm hai toán, năm người đi trước, năm người đi sau hai chiếc xe. Dọc đường đám Tô lịch giữ im lặng, vì thực sự họ chưa biết nhóm Hoa sơn ngũ hiệp có tử tế với họ hay không. Nhưng bấy người cùng yên tâm: dù sao võ lâm Tống cũng tử tế hơn bọn Mông cổ. Còn Dã Tượng cứ lăm lỳ đọc sách. Tối chiều, thì đến một thị trấn nằm bên bờ sông. Thúy Hồng hỏi Huyền Nương:

– Không biết thị trấn này tên gì? Sông là sông gì?

– Đây là Giang an. Sông này là sông Trường giang. Chúng ta đi đường tắt. Nếu chúng ta đến Độ khẩu, rồi xuôi Kim sa giang thì phải một ngày một đêm mới tới đây. Vì đi đường tắt nên chúng ta tới đây mau hơn.

Hoàng Nương ra lệnh cho Tô lịch thất tiên với Dã Tượng xuống xe. Vợ chồng Hồng Hiệp giải huyết cho vợ chồng tên Ngọc và thằng con tên Long:

– Bọn bay là người Việt, đất Việt là đất anh hùng mà bọn bay bỏ tổ tiên, bỏ đất nước đi theo Thát đát. Đúng ra thì ta cho bọn bay mỗi đứa một kiếm, rồi quăng xác xuống sông. Nhưng chúng ta là người hiệp nghĩa, chúng ta mở cho bọn mi một sinh lộ. Vậy bọn mi phải trở về đất Việt làm ngoan dân. Nếu bọn mi còn theo Mông cổ thì lần sau bắt gặp chúng sẽ không tha.

Hoàng Hiệp vẫy tay nói với A Tam và A Ngũ:

– Thôi! Hai anh về thôi.

A Tam, A Ngũ chở bọn Trịnh Ngọc, đánh xe quay về.

Thúy Hồng là người rất tinh tế, nàng thấy rõ ràng Tô lịch thất tiên được giải thoát, thời gian về cố quốc không bao lâu, mà dường như các nàng thản nhiên.

Có mấy người từ bến sông đón Hoa sơn ngũ hiệp. Họ hỏi:

– Thành công rồi à?

Hồng Nương vui vẻ:

– Dĩ nhiên.

Nàng nói với Tô lịch thất tiên:

– Mời bảy vị tiên tử xuống thuyền. Chúng ta đi Bồ lăng bằng đường thủy, đỡ mệt hơn đi bằng xe ngựa. Tới Bồ lăng, người trên của chúng tôi sẽ nói rõ lý do tại sao chúng tôi cứu bảy vị.

Nàng nói với Dã Tượng:

– Trần công tử. Mời công tử và phu nhân xuống thuyền. Chúng tôi đưa nhị vị tới Bồ lăng. Rồi nhị vị từ Bồ lăng sẽ dùng ngựa đi Hợp châu.

Con thuyền khá lớn. Hoàng Nương ra lệnh cho thuyền trưởng:

– Sư đệ dành một khoang lớn cho bảy vị tiên tử. Dành một phòng lịch sự cho Trần thiếu hiệp và phu nhân.

Dã Tượng than thầm:

– Lại phải làm chồng hờ Thúy Hồng nữa rồi.

Chợt nghĩ ra một kế, Dã Tượng nói với Hoàng Nương:

– Phu nhân! Cô vợ của tôi vốn là nòi ca hát. Nàng thấy bấy vị tiên nga này có tay tiên âm nhạc, nên muốn ở chung để học thêm. Xin phu nhân giúp cho.

– Được!

Dã Tượng thoát khỏi làm chồng hờ Thúy Hồng thì mừng chi siết kể. Tuy Dã Tượng với Tô Lịch thất tiên ở riêng, nhưng khi ăn uống lại cùng ở khoang chính của thuyền. Nhờ ở một mình suốt ngày, Dã Tượng không luyện Vô ngã tướng Thiên công thì đọc sách. Chàng đã đọc được Lục Thao, Tam Lược, Tôn Ngô binh pháp, ngay cả Tứ thư, Ngũ kinh.

Thúy Hồng kinh ngạc vô cùng, vì hôm khởi hành từ Thăng long, Dã Tượng chỉ đọc được những bản văn thông thường như quyền phổ, nội công tâm pháp. Còn thơ văn, ngay đến mấy câu thơ trong quẻ xâm chàng cũng không hiểu nổi. Về đàm thoại thì chàng chỉ nói được những tiếng thông thường. Thế mà sau một thời gian ngắn, chàng đã đọc được những bộ sách triết lý quân chính. Chàng đã đủ ngôn từ thảo luận chính sự với Hoa sơn ngũ hiệp.

Thuyền đi hai ngày hai đêm thì tới địa phận Bồ lăng. Bồ lăng là ngã ba sông Trường giang với Ô giang. Thuyền vừa tới nơi, thì Hoàng Hiệp được tin báo:

– Tổng trấn Tứ xuyên là Vương Kiên vừa tới hôm qua. Người đang chờ Hoa sơn ngũ hiệp.

Hoàng Nương vui vẻ:

– Thế thì may quá, chúng tôi không phải đi Hợp châu.

Nàng nói với Tô Lịch thất tiên bằng lời lẽ khách khí:

– Bấy vị tiên tử. Chính Vương Tiết độ sứ đã nhờ chúng tôi cứu bấy vị. Vậy xin bấy vị thay y phục, trang điểm rồi vào dinh gặp người.

Nghe đến tên Vương Kiên, Tô Lịch thất tiên như cắt được gánh nặng trên vai. Bởi từ hôm bị Mông cổ cầm tù, bấy nàng từng nghe nói đây là một nho gia, một người đọc sách cầm quân. Vương từng thắng Mông cổ nhiều trận, hơn nữa ngăn không cho Mông cổ từ Đông xuyên, Tây xuyên tiến ra Kinh châu. Hoàng Hoa nói với các em:

– Chúng ta thoát nạn rồi.

Nàng hô cả bảy chị em cùng quỳ gối:

– Chúng tôi bị rợ Thát đát bắt gần một năm nay. Khổ nhục, muốn chết không xong, muốn sống không nổi. Nay được Ngũ hiệp giải cứu, xin nhận một lạy này, tỏ lòng tri ơn.

Thúy Hường để ý thái độ, nét mặt bấy người dường như gương gạo, chứ không thực tình.

Ngũ hiệp cùng vung tay, kinh lực không cho Thất tiên quỳ:

– Chúng tôi vì tình Tống Việt liên binh mà ra tay. Xin bấy vị không nên nhẹ thế.

Mục đích chuyển đi của Dã Tượng là đại diện cho Vũ Uy vương đến Hợp châu gặp Vương Kiên để phối hợp Tống-Việt chống Mông cổ. Không ngờ bây giờ Vương Kiên lại đến đây. Chàng cố uốn giọng Lâm an nói với Hoàng Hiệp:

– Thưa tiên bối, ở mãi Đại Việt, mà chúng tôi cũng đã nghe danh Vương Tiết độ sứ. Người trấn vùng Thục, Đông xuyên, Tây xuyên, đánh Mông cổ nhiều trận long trời lở đất. Xin Hoàng Hiệp nói với Vương Tiết độ sứ cho chúng tôi được diện kiến để tỏ lòng hâm mộ được không?

– Tôi sẽ thừa với Vương Tiết độ sứ. Tôi nghĩ là Vương Tiết độ sứ gặp thiếu niên anh hùng như Trần công tửắt người sẽ vui lòng lắm. Vậy mời Trần công tử với phu nhân vào dinh cùng với chúng tôi.

Cả đoàn người đi bằng năm xe tứ mã vào dinh tổng trấn. Xe vừa ngừng lại thì ba võ sĩ chạy ra đón:

– Kính chào Hoa sơn ngũ hiệp. Tiết độ sứ đang chờ Ngũ hiệp.

Nghe tiếng nói, Dã Tượng nhận ra đó là ba anh em họ An có mỹ danh là Kim sơn tam kiệt; mà chàng đã gặp hôm theo Vũ Uy vương đi hội kiến với A Lan Đáp Nhi. Anh em họ An vừa thấy Dã Tượng, cả ba reo lên:

– Trần huynh đệ!

– Quốc Kinh huynh đệ!

– Ôi! Dã Tượng! Ngọn gió nào thổi huynh đệ tới đây vậy. Vương Tiết độ sứ nhắc đến huynh đệ luôn.

Dã Tượng cũng vui mừng ra mặt:

– Kim Sơn tam kiệt! Thực may mắn cho chúng mình quá. Đúng là có duyên.

Hoa Sơn ngũ hiệp trở mắt ra nhìn cảnh Dã Tượng cùng Kim Sơn tam kiệt vui mừng gặp lại nhau. Hoàng Nương hỏi Kim sơn đệ tam:

– Tam hiệp! Thế này là thế nào?

– Chúng tôi quen biết nhau từ lâu. Trần huynh đệ là một con voi đồng quê của Đại Việt. Người có sức mạnh bạt sơn cử đỉnh. Trong một lần chúng tôi bị Mông cổ vây hãm, Trần huynh đệ xung vào vòng vây, dùng tay không vật ngã ngựa, cứu chúng tôi.

Hoàng Nương nói với Dã Tượng:

– Trần thiếu hiệp! Người còn trẻ mà kín miệng thực! Suốt thời gian đi cùng chúng tôi, chúng tôi không biết rõ chân tướng thiếu hiệp.

Dã Tượng chấp tay vái Hoa sơn ngũ hiệp:

– Xin Ngũ hiệp xá tội. Quốc Kinh này mang trọng trách Tống Việt trên mình, nên phải kín miệng, chứ thực sự cũng muốn kết bạn với những người hiệp nghĩa xả thân cứu nước như Ngũ hiệp.

Vương Kiên vừa trông thấy Dã Tượng, ông reo lên:

– Ôi! Trần Đô thống! Trận gió nào đưa Đô thống tới đây vậy? Xin mời Đô thống, xin mời Hoa sơn ngũ hiệp! Xin mời Tô lịch thất tiên.

Phân ngôi chủ khách xong, Hoàng Hiệp cung tay nói với Dã Tượng, Tô lịch thất tiên:

– Khi đánh đuổi bọn Mông cổ cứu Thất tiên, chúng tôi đã thưa rằng: người trên sai chúng tôi cứu Thất tiên. Người trên của chúng tôi hiện ở Bồ lăng. Khi tới Bồ lăng, người trên của chúng tôi sẽ nói rõ tại sao lại sai chúng tôi cứu các vị. Người trên đó chính là Vương Tiết độ sứ đây.

Nghe Hoàng Hiệp nói, cả bảy người cùng xụp xuống đất, nước mắt đầm đìa:

– Chị em chúng tôi muôn vàn cảm tạ đại ân, đại nghĩa của Vương đại nhân. Ôn này xin ghi lòng tạc dạ.

Phu nhân Vương Kiên là Minh Anh nữ hiệp vội phất tay đỡ bảy tiên:

– Chúng ta vì sự nghiệp Tống-Việt mà giúp nhau. Xin Thất tiên đừng đa lễ.

Vương Kiên mỉm cười nhìn Dã Tượng:

– Trần đô thống là người tinh, minh, mẫn, cán ắt biết rõ chủ ý việc chúng tôi giải cứu bảy vị tiên tử này rồi.

Dã Tượng nhìn Thất tiên:

– Vương Tiết độ sứ là đấng nhả lượng, cao trí, nên đã xây một cây cầu nối giòng sông phân đôi Tống, Việt. Thầy Tạ Quốc Ninh của tôi được tin này, ắt người sẽ mừng đến trẻ lại mười tuổi.

Hoàng Hoa ngơ ngác hỏi:

– Vương tổng trấn, Trần đô thống, các vị lý luận cao xa quá, chị em chúng tôi không hiểu!

Thúy Hồng là người thông minh tuyệt đỉnh, nàng đưa mắt cho Dã Tượng:

– Em xin giải thích cho chị Hoàng thay anh!

– Được!

– Thừa bảy chị. Chị Hoàng Hoa là phu nhân của thầy Tạ Quốc Ninh, thầy là Phó quản Khu mật viện Đại Việt. Chị Bạch Hoa là vương phi của Nhân Huệ vương, vương là người Tống trấn Bắc Thăng long. Chị Huyền Hoa là phu nhân Khai sơn hầu Chu Mạnh Nhu, hầu là Quản Khu mật viện Đại Việt. Chị Thanh Hoa là phu nhân của Tham tri bộ Lễ Chu Bác Lãm. Chị Hồng Hoa là phu nhân của Vũ kị thượng tướng quân Lý Tùng Bách; Lý tướng quân là người thống lĩnh Kị binh Đại Việt. Hai chị Tử Hoa, Lan Hoa là phu nhân của hai đại tôn sư võ học phái Sài sơn là Lê Kim Sơn, Lê Ngân Sơn. Từ hôm chị Hoàng mất tích, thầy Tạ thương nhớ muốn mòn con tim, muốn mờ con mắt. Nhân Huệ vương nhớ chị Bạch ngày đêm ôm quần áo của chị để tìm lấy hơi. Khai sơn hầu Chu Mạnh Nhu thì ăn không biết mùi vị, ngủ thì chập chờn giấc quẽ vì nhớ chị Huyền Hoa. Tham tri bộ Lễ Chu Bác Lãm thì chiều chiều ra bờ sông Hồng khóc thương chị Thanh Hoa. Vũ kị thượng tướng quân Lý Tùng Bách thì nhớ chị Hồng hồn phách phiêu phưởng. Hai vị tôn sư phái Sài Sơn tung đệ tử đi khắp nơi tìm hai chị.

Nàng ngừng lại đưa mắt nhìn Thất tiên, thấy cả bảy cùng sụt sùi khóc. Nàng tiếp:

– Nhờ hệ thống Tế tác tinh vi, Vương tổng trấn biết việc Mông cổ khống chế các chị. Người nhờ Hoa sơn ngũ hiệp cứu Thất tiên, rồi người sẽ đưa Thất tiên về Đại Việt. Thế là trên từ Hoàng đế cho đến bách quan, văn nhân, danh sĩ đều biết ơn Vương tổng trấn, biết ơn Tống. Tình anh em Tống Việt mấy trăm năm nay vốn hòa thuận, nay thêm thắt chặt.

Vương Kiên thêm:

– Nhất là gần đây chúng tôi bị Mông cổ vây ở Đại lý nhờ Vũ Uy vương, vương phi, Tạ hầu, Trần đô thống giải cứu cho, bằng không đã mất mạng rồi.

Vương Kiên sai bày tiệc rượu khoản đãi. Sau tiệc, ông sai lấy một du thuyền, trang trí thực đẹp làm nơi tạm trú cho phái đoàn Đại Việt.

Có chim ưng mang thư tới, Dã Tượng mở thư ra, rồi tập hợp cả 8 nàng lại:

– Vũ Uy vương báo cho chúng ta biết có sự thay đổi lớn ở quê nhà.

"Kể từ tháng 3, Nguyên Phong hoàng đế thoái vị nhường ngôi cho Thái tử Hoảng, lui về làm Thái thượng hoàng. Thái tử lên ngôi xưng là Nhân Hoảng, lấy niên hiệu là Thiệu Long; tôn Thái thượng hoàng làm Hiến Nghiêu, Thánh Thọ Thái thượng hoàng đế. Bầy tôi tôn hiệu là :

Kiến thiên, thể đạo,

Đại minh, quang hiếu hoàng đế.

Phong con gái An Sinh vương Liễu làm Hoàng hậu, Phong em là Chiêu minh vương Trần Quang Khải làm Thái úy.

Thiệu Long hoàng đế (sau này khi bằng miếu hiệu là Thánh Tông) ban chiếu đại xá thiên hạ, thăng tất cả văn quan, võ tướng lên một bậc. Dã Tượng được thăng từ Đô Thống lên Tả thiên ngư vệ thượng tướng quân. Yết Kiêu được thăng lên Hữu thiên ngư vệ thượng tướng quân. Long thành ngũ phương đều được thăng từ Vệ úy lên Tá lĩnh.

Thượng hoàng lui về Cổ trạch an dưỡng tuổi già”.(1)

Chiều hôm đó, Vương Kiên cùng mấy tham tướng, dẫn Dã Tượng, Thúc Hường xuống một chiến thuyền, sai người canh phòng thực cẩn mật.

Dã Tượng trình cho Vương Kiên bức thư của Vũ Uy vương, ủy cho chàng được làm đặc mệnh toàn quyền trong việc thảo luận với Tống, thiết kế liên hợp chống Mông cổ.

Mở đầu Vương Kiên nói những lời chân thành:

– Tống đang gặp nạn Mông cổ. Chúng tôi hy vọng các nước Tây tạng, Đại lý, Đại Việt là hàng rào bảo vệ phía Nam cho Trung nguyên. Tuyệt không bao giờ ngờ tới việc Đại lý buông kiểm, đầu hàng quá sớm. Mông cổ không đánh một chiêu võ, không bắn một mũi tên mà được một vùng đất tài nguyên phong phú, được trên 20 vạn nhân mã. Đại Việt đất hẹp, kháng khái, can trường chống lại bọn hùm sói Mông cổ. Hơn nữa phá mười vạn Lôi kị như đánh bầy thỏ. Bây giờ Đại Việt lại cử tướng quân sang thảo luận hợp tác phòng vệ. Chúng tôi xin vạn vạn lần tri ơn Đại Việt hoàng đế.

Dã Tượng mở lời trước:

– Chúng ta có nhiều vụ phải bàn. Thứ nhất, về việc các cao thủ Trung nguyên bị khống chế.

Chàng tường trình sự việc chi tiết nguyên do tại sao các cao thủ Trung nguyên đang hỗ trợ Mông cổ lại can đảm phản chúng, trong khi gia đình bị khống chế. Bây giờ các cao thủ muốn trở về quê hương chống ngoại xâm.

Mặt Vương Kiên hiện ra vẻ hân hoan vô cùng tận:

– Lôi kị Mông cổ mạnh như vũ bão, dữ hơn quỷ sứ. Khi chúng lao vào trận Tống, thì trận bị phá. Sở dĩ tôi cảm phục được với chúng là nhờ các cao thủ. Họ xử dụng võ công giết các Thập phu, Bách phu, Thiên phu trưởng của chúng, làm cho trận tuyến của chúng loạn. Quân mình mới phá được. Bây giờ với mấy trăm cao thủ võ lâm tới đây trợ chiến thì tôi có thể giữ vững mặt Bắc Tứ xuyên được. Nhưng còn gia đình họ, nếu đưa về đây, thì họ vừa chiến đấu, vừa lo cho gia đình e khả năng bị giảm. Vậy tôi sẽ đem an trí gia đình họ tại các châu, động thuộc Quảng Tây, là nơi khí hậu ấm áp, lại xa các chiến trường thì tốt hơn. Không biết Trần tướng quân có cao kiến gì khác không?

– Vương Tiết độ sứ thực là người ngồi trong màn mà quyết thắng ngoài ngàn dặm. Tôi nghĩ tất cả các châu Ung, Liêm, Dung, Nghi, Bạch đều là nơi bờ xôi giếng mật, khí hậu ôn hòa; Tiết độ sứ có thể an trí những người này được.

– Tôi sẽ tâu về triều việc này. Mặt khác tôi sẽ gửi người tới đồng liêu trấn thủ Quảng châu. Bây giờ chúng ta sang vấn đề thứ hai, như trong thư của Vũ Uy vương gửi là Đại Việt sẽ huấn luyện, cung cấp cho chúng tôi một vạn quân. Không biết tướng binh này thuộc hiệu nào? Thiên cương? Thiên thánh?

– Đây là một một hiệu toàn Hoa kiều ở Đại Việt. Họ là con cháu của các di thần tiền triều sang kiều ngụ. Họ được các vua triều Lý giúp đỡ tận tình. Họ được cấp đất để canh tác. Họ rất giỏi về thương mại. Họ liên kết thành các bang hội giúp đỡ nhau, giáo dục con cái. Khi nghe Mông cổ đánh chiếm Hoa Bắc, rồi tràn xuống Đông xuyên, Tây xuyên, Thục, Kinh châu. Họ muốn trở về quê hương

giữ nước. Nhưng họ ngại ngừng, vì trước đây các bang hội luôn nhận là con cháu của di thần Nam Đường, Nam Hán, Ngô Việt, rồi tổ chức huấn luyện thanh niên chờ ngày về phục quốc. Bây giờ thì truyện tiền triều quá xa, họ chỉ thấy trước mắt Mông cổ đang tàn sát người Hán mà thôi.

– Không khó, tôi sẽ gửi tấu chương về triều, xin ban chỉ ân xá cho họ, lại gửi sứ sang chiêu dụ họ.

– Hiện Đại Việt đã tổ chức, huấn luyện thanh niên Hoa kiều thành bốn vệ; lại võ trang cho họ như quân Đại Việt.

– Mỗi Vệ bao nhiêu người?

– 2.400 người. Các Vệ được học xử dụng khiên mây, đao quất, Đơn thẳng, Trung thẳng, Vạn thẳng để chống với Lôi kị.

– Như vậy đạo quân này lên tới một vạn người. Tôi hỏi thực: Đại Việt đem những tinh hoa võ thuật Trung nguyên trả cho chúng tôi. Lại trang bị, huấn luyện 4 Vệ tinh nhuệ trao cho Tống. Phí tổn thực không thể tính nổi. Không biết Đại Việt muốn Tống phải đáp lại như thế nào?

Dã Tượng ngồi ngay lại:

– Giữa Quảng Tây, Đại lý với Đại Việt giáp nhau bằng 207 khe động. Các khe động này được tự trị. Khi Tống mạnh thì theo Tống, khi Đại lý mạnh thì theo Đại lý. Bây giờ Đại lý thành thuộc quốc của Mông cổ. Các khe động này một số theo Tống, một số theo Mông cổ. Như vậy rất nguy hiểm cho Tứ xuyên, Quảng Tây.

Vương Nguyên hiểu ngay:

– Vậy thì từ nay, Tống không lý gì đến bọn Man di này nữa. Xin Vũ Uy vương tiến quân vào thu thập, bắt chúng phải theo về Đại Việt.

Dã Tượng lắc đầu:

– Ý Vũ Uy vương không muốn chiếm đất của Tống, mà muốn khắc phục bọn này, biến chúng thành lực lượng chống Mông cổ, thành hàng rào bảo vệ phía Tây, Nam cho Tống.

Cuộc thảo luận đến gần sáng mới xong. Hai bên cùng đồng ý 18 điều. Dã Tượng tỏ vẻ tin tưởng:

– Trong 18 điều này tôi tin chắc Thiệu Long hoàng đế sẽ thuận cả 18. Không biết phía Tống, Bảo Hựu hoàng đế thế nào?

– Tôi là tướng ngoài mặt trận thì thấy đây là phương cách giữ nước tốt nhất. Tuy nhiên triều đình quyết² định thế nào thì tôi khó mà đoán được.

Cuộc họp tới chiều thì Vương Kiên hỏi:

– Mông cổ xử dụng kị binh mà thẳng khắp từ Đông sang Tây; từ Nam chí Bắc. Không biết Đại Việt dùng chiến thuật gì, vũ khí gì mà phá được chúng?

Thúy Hồng nhanh nhẹn đáp:

– Về vũ khí thì chúng tôi cũng dùng cung, tên, đao, kiếm như Tống. Có ba loại vũ khí đặc biệt là Đao quất để đánh ngựa, Khiên mây để chống tên và Địa thẳng để chống các đợt xung sát của trận địa kị mã.

Nói rồi Thúy Hồng giảng chi tiết Khiên mây xử dụng ra sao? Đao quất đánh như thế nào. Ba loại Đại thẳng, Trung thẳng, Tiểu thẳng dùng khi cần chặn các đợt xung phong như sét của kị mã.

Vương Kiên hỏi:

– Thế còn Ngưu binh? Tôi nghe nói thời vua Tống Thái tông sai Quách Quỳ, Triệu Tiết sanh đánh Đại Việt, bị Hoài-hóa thượng tướng quân Trục-tâm hầu Lý Doan và phu nhân là Thiên-y, Đại-tử, Liên-

hoa nhu mẫn quận chúa Trần Ngọc-Liên dùng Ngưu binh đánh Yên Đạt, Tu Kỳ tan tác tại Yên dững. Vậy Ngưu binh tổ chức ra sao? Vừa rồi Ngột Lương Hợp Thai đem 10 vạn kị binh, khí thế nghiêng trời lệch đất, mà bị Ngưu binh đuổi như đuổi vịt. Dường như Trần huynh đệ là người thống lĩnh Ngưu binh. Vậy sự thực ra sao? (xem Nam quốc sơn hà của Trần Đại Sỹ)

Dã Tượng cười vui:

– Vào mấy trăm năm trước, Đại Việt nội loạn chia làm 12 sứ quân đánh lẫn nhau. Sứ quân Đinh Bộ Lĩnh xuất thân là mục đồng chăn trâu. Nên ông biết được những tiếng nói sai khiến loài trâu, ông dùng mục đồng huấn luyện trâu thành trận. Nhờ vậy mà ông thắng 12 sứ quân lập triều đại Đinh. Từ đó các mục đồng chăn trâu sáng chế ra nhiều thuật ngữ chỉ huy trâu. Đến đời Lý, Trục tâm hầu Lý Đoan, cũng xuất thân mục đồng. Khi Tu Kỳ, Yên Đạt đánh chiến lũy Yên dững. Hai tướng đã sai quân bắt trâu, bện rơm làm liếp để lên xe cho trâu đẩy hỏa khí đi trước đốt chiến lũy, rồi sai thiết đột đi sau tránh tên, tấn công Yên dững. Trục tâm hầu bèn tập hợp hơn 50 mục đồng chờ cho trâu đẩy xe đốt sắp tới chiến lũy, thì thổi tù và ra lệnh cho trâu quay ngược lại. Thế là quân Tu Kỳ, Yên Đạt bị trâu đẩy hỏa xa tự đốt mình.

Hoàng Nương à lên một tiếng:

– Từ hồi ấy đến giờ trải trên trăm năm, Đại Việt đã nghiên cứu sáng chế ra trận thế thành Ngưu binh. Vì vậy kị mã Mông cổ thất bại. Thế khi Ngưu binh dàn quân đánh với kị binh thì biến hóa ra sao?

Thúy Hồng cười:

– Đất nước tôi hầu hết là đồng ruộng, sinh lầy, người di chuyển còn khó khăn, huống chi ngựa? Từ làng này sang làng khác chỉ có một bờ đỗi. Trâu đi thì dễ mà ngựa thì không thể đi được. Chúng tôi thường nhử cho kị binh đuổi theo, rồi bị lút chân xuống ruộng. Còn Ngưu binh tuy chậm chạp, nhưng lợi bùn rất giỏi!

Dã Tượng cầm bút vẽ trận thế Phù Lỗ, Cụ bản, Đông bộ đầu, Ngưu binh dàn ra sao? Kị binh dàn ra sao. Diễn tiến trận đánh thế nào một lượt.

Thúy Hồng thêm:

– Trong hai hiệu binh sẽ gửi sang Tổng tham chiến, mỗi hiệu có một Vệ ngưu binh. Tiết độ sứ có thể dùng để đánh kị binh Mông cổ trên đồng lầy!

Sau buổi họp Vương Kiên truyền làm tiệc đãi sứ đoàn Việt. Tiệc tàn Hoàng Hiệp nói:

– Bồ lăng là thị trấn lớn, lại xa vùng loạn lạc, nên đời sống dân chúng sống rất phồn thịnh. Tại đây có một thắng cảnh mà người Việt nào cũng muốn thăm.

Nghe nói có thắng cảnh, Thúy Hồng vui vẻ:

– Thắng cảnh gì vậy?

Dã Tượng nghe địa danh Bồ lăng rất quen, nhưng trong nhất thời chàng không nhớ rõ đó là địa danh gì?

Nàng Lan Hoa hỏi:

– Phu nhân! Có phải thắng cảnh đó là ngôi đền thờ ba vị anh hùng thời Lĩnh Nam bên Đại Việt không?

– Đúng vậy.

Tiếng anh hùng thời Lĩnh Nam làm lòng Dã Tượng rộn lên. Chàng nhớ ra, năm trước chàng đã từng vào một Quán văn ở Thăng long nghe thầy đồ kể truyện. Thầy thuật về tiểu sử ba anh em họ Đào đều lĩnh chức Vũ kị tướng quân thời Lĩnh Nam, được vua Trưng sai trấn thủ Tượng quận. Vì quân ít thế cô, ba ngài tuấn quốc tại Bồ lăng.(2)

Dã Tượng nói với Hoàng Nương:

– Phu nhân! Vợ chồng tôi đều là người Việt. Xin phu nhân cho chúng tôi được hộ tống bảy vị tiên tử này thăm di tích cổ.

– Được chứ! Nếu Trần tướng quân cùng phu nhân đi với bảy vị tiên tử, thì chúng tôi không cần người theo hộ vệ nữa. Vả vùng này an ninh lắm, không có móng vuốt Mông cổ. Xin Tướng quân thuê xe men theo sông Ô giang, đi khoảng 15 dặm thì thấy ngôi đền. Ba vị thần thờ trong đền rất thiêng. Ai thành tâm, cầu xin gì cũng được. Hôm nay trời đã về chiều. Ngày mai Trần tướng quân phải họp với Vương Tiết độ sứ. Vậy hai ngày nữa thì các vị có thể đi lễ thần được.

Trời đã về chiều, nắng xuân êm dịu chảy xuống giòng sông. Thúy Hồng bàn:

– Hôm nay muộn rồi, ngày mai còn phải họp, vậy ngày kia chúng mình đi thăm đền thờ Tam anh thực sớm.

Hai hôm sau, Dã Tượng, Thúy Hồng cùng Tô lịch thất tiên thay y phục, mang theo đàn, sáo, lên bờ. Thúy Hồng nói với Dã Tượng:

– Hôm trước em đã đặt một nhà hàng chuẩn bị lễ rồi. Bây giờ chúng ta đến lấy.

Nàng cùng Tử Hoa, Thanh Hoa vào một cửa hàng lớn. Lễ đã chuẩn bị sẵn: hoa, quả, vàng, hương, ba con gà luộc, một con heo quay, ba chai rượu với năm đĩa xôi. Thúy Hồng thuê ba cái mâm. Ba nàng mang ra tìm xe.

Tới bến xe. Phu xe nhao nhao mời khách:

– Mời quý khách lên xe đi lễ đền thần Lĩnh Nam đi.

Đó là những cỗ xe nhỏ chỉ chở được có ba người. Thúy Hồng thuê ba xe cho 9 người. Nàng cùng Dã Tượng, Thanh Hoa đi xe đầu.

Thúy Hồng dặn phu xe:

– Chúng tôi muốn ngắm cảnh, xin anh cho xe chạy chậm chậm.

Bấy giờ là mùa Xuân, chín vạn hoa trời thi nhau nở rực rỡ khoe sắc. Ba xe chạy dọc theo bờ Bắc sông Ô giang. Khoảng nửa giờ thì trước mắt hiện ra một ngôi đền. Đền lợp ngói đỏ quay về hướng Nam. Cổng tam quan quét vôi màu hồng nhạt. Cả chín người xuống xe. Trên nóc cổng có bảy chữ đại tự:

Lĩnh Nam đại công thần linh từ.

Hai cột bên cổng có đôi câu đối:

Giang-thượng tam anh phù nữ chúa,

Bồ-lăng bách tộc khốc thần trung.

Nghĩa là:

Trên sông Trường-giang, ba vị anh hùng phò tá nữ chúa.

Tại bến Bồ-lăng, trăm họ khóc cho các vị thần trung thành.

Trong sân, bên trái có tấm bia đá khá lớn, bên phải có tượng ba con ngựa một đen, một trắng và một hồng. Dã Tượng liếc nhìn, bia nét chữ sắc sảo, nhưng lâu ngày, nhiều chỗ chữ bị mất. Không

đọc được hết, chàng lắc đầu tỏ vẻ chán nản. Ông từ thấy có khách tới, nhưng y phục không giống người đất Thục. Ông cho rằng có thể khách từ Hồ Bắc, Lưỡng Quảng hoặc Thành đô. Ông chạy ra chào:

– Không biết quý khách từ đâu tới?

Thúy Hồng đáp thực:

– Chúng tôi từ Đại Việt sang. Xin ông cho chúng tôi vào lễ thần.

– À thì ra quý khách là người đồng hương với tam vị linh thần đấy.

Ông bà đỡ lấy lễ vật trên tay Thúy Hồng, Thanh Hoa. Lan Hoa, đem mâm, đĩa ra bày lên. Dã Tượng chỉ vào tấm bia, chàng cố uốn cong lưỡi nói giọng Lâm an:

– Ông ơi ! Có cách nào đọc được bản văn kia không?

– Có! Bia tuy bị vạc mất nhiều chữ, nhưng cuốn phổ có lưu lại bài bia ký này. Cuốn phổ để trên bàn thờ, công tử muốn đọc, xin vào đền.

Ông từ xoa tay vào nhau:

– Đền này thờ ba vị thần họ Đào. Ba vị là anh em ruột tên Đào Chiêu Hiển, Đào Đô Thống, Đào Tam Lang. Ba vị đều là tướng Kị binh, được vua Bà đặt dưới quyền Tư đồ Phùng Vĩnh Hoa. Bà Phùng Vĩnh Hoa trao cho ba tướng trấn Bồ lăng. Nhưng vì quân ít, thế cô, ba ngài không chống lại với quân Hán, do Vương Bá chỉ huy. Ba ngài tự tử tại đây. Dân chúng thương tiếc người anh hùng trung liệt, lập đền thờ.

Lan Hoa là người đọc sử nhiều, nàng hỏi ông từ:

– Ông có biết vua Bà là ai không?

Ông từ bối rối:

– Điều đó không chép trong cuốn phổ, nên tôi không biết.

Hồng Hoa thở dài:

– Truyện cũ đã hơn nghìn năm, sử sách bị thất truyền nên ông không biết, cũng chẳng sao. Tôi xin vì ông mà nói: bấy giờ vào thời Đông Hán, người Việt bị quan lại Hán cai trị cực kỳ tàn ác. Anh hùng sáu quận Lĩnh Nam là Nam hải, Quế lâm, Tượng quận, Giao chỉ, Cửu chân, Nhật Nam sôi sục căm thù. Tại Giao chỉ, có vị nữ anh hùng tên Trưng Trắc phất cờ khởi nghĩa, được 162 anh hùng ứng nghĩa, chiếm lại 65 thành trì, lập nền tự trị. Trưng Trắc được tôn làm hoàng đế, dân gọi là vua Bà. Vùng này hồi đó thuộc Tượng quận.

Phái đoàn đến trước cửa đền. Hai bên có đôi câu đối:

*Khảng khái, phù Trưng, thời bất lợi,
Đoạn trường, trực Định, tiết ...can vân.*

Nghĩa là:

Khảng khái phù vua Trưng, ngặt thời của Ngài không lâu.

Đuối được Tô Định, nhưng đau lòng thay, phải tự tận, khí tiết ngút từng mây.

Vào trong đền, trước bàn thờ còn đôi câu đối :

*Tái Bắc tức chinh trần, công cao trực Định,
Bồ-lăng dương nộ lăng, nghĩa trọng phù Trưng.*

Nghĩa là:

Ái Bắc yêu gió bụi can qua, công cao đuổi Tô Định.

Bồ-lăng nổi ba đào, nghĩa nặng phù vua Trưng.(3)

Trên bàn thờ có tượng ba tướng họ Đào. Bên trái bệ thờ có ba con ngựa gỗ. Bên phải có giá vũ khí: thương, chùy, gươm, búa, đại đao, bát xà mâu. Dã Tượng nhắc thử cây Bát xà mâu, chàng lắc đầu:

– Chà nặng quá.

Chàng lại lấy cây đại đao múa thử, tiếng gió kêu vù vù. Ông từ kinh hãi:

– Tôi coi đèn này chục năm có dư chưa từng thấy ai nâng nổi cây đại đao này, mà quý khách múa được thì... quả thực khỏe hơn voi!

Ông từ đánh trống, bà vợ đánh chuông, Dã Tượng, Thúy Hồng quỳ lạy. Tô lịch thất tiên cùng tấu nhạc, rồi hát. Dã Tượng chú ý nghe, đó là bản châu văn tụng vua Trưng. Bài này cung văn thường hát cho các bà hầu giá vua Trưng về đồng. Bản hát hết, bấy nàng lại hát sang bài văn tụng Thánh mẫu Thượng Ngàn, cô Bơ, cô Sáu, cô Đệ Tứ Khâm sai. Vợ chồng ông từ ngảy người ra nghe, nhạc thì ông bà thường thức được tinh túy, nhưng lời bằng tiếng Việt, ông bà ngơ ngơ ngác ngác.

Dã Tượng hỏi:

– Thánh mẫu Thượng ngàn là ai vậy?

Hoàng Hoa thuật:

– Ngài họ Hồ húy Đề. Xuất thân thống lĩnh 36 động vùng Bắc Giao chỉ. Ngài có tài huấn luyện thú vật thành binh đội. Khi vua Trưng khởi binh, bà phất cờ theo ngài. Bà đem các đạo binh hổ, báo, voi, khỉ, rắn, ưng, ong, chó sói, yểm trợ cho các đạo binh. Những thú binh này gây kinh hoàng cho quân Hán. Vua Trưng phong ngài là phó Đại tư mã (tư lệnh phó) quân đội Lĩnh Nam. Sau khi hóa, ngài rất linh thiêng, cai quản hết rừng núi, vì vậy người Việt tôn ngài là Thánh mẫu thượng ngàn.

Dã Tượng nghe Hoàng Hoa thuật, chàng kinh ngạc, vì các nàng Hoa chỉ biết ca hát, còn kiến thức thì không được làm bao, mà bây giờ lại thuộc sử rất sâu sa. Thúy Hồng như đọc được ý nghĩ Dã Tượng. Nàng giảng giải:

– Anh đừng ngạc nhiên, vì khi còn học trong trường, học sinh phải học hát Châu văn, vì vậy được giảng giải rất chi tiết hành trạng các thánh, thì hát mới đạt.

Sau khi hát bấy bài châu văn, nàng Hoàng Hoa nói với ông bà từ:

– Ông bà trông coi đèn này được bao nhiêu lâu rồi?

– Mười một năm.

Thúy Hồng móc trong túi ra ba lượng bạc trao cho ông từ:

– Chúng tôi gửi ông để mua đèn nhang, tu bổ đèn thờ.

– Phúc đức quá. Xin ba đại vương phù hộ cho các vị.

Ông bà từ hạ lễ xuống chặt thịt ra :

– Mời các vị thụ lộc chư vị đại vương.

Tất cả cùng ăn uống. Không ai uống rượu. Ăn xong, ông từ rót nước trà mời khách.

Hết tuần trà, Dã Tượng đứng dậy cáo từ:

– Thôi chúng tôi xin tạm biệt ông bà. Mong rằng có dịp gặp lại.

Thình lình Thúy Hồng ôm đầu nhăn mặt gọi Dã Tượng:

– Anh! Anh! Em bị...

Rồi nàng ngã xuống. Dã Tượng chạy lại đỡ nàng:

– Em, sao vậy?

Đến đó Tô lịch thất tiên cũng ngã lộn bộp. Ông bà từ ngã lộn đi một vòng. Dã Tượng cũng cảm thấy mắt hoa đầu váng. Kinh hoàng chàng nghĩ rất nhanh:

– Chúng ta bị đánh thuốc mê rồi.

Chàng vội vận khí Vô ngã tướng thiền công do Hưng Ninh vương dạy theo vòng Tiểu chu thiên. Chỉ một vòng, chân tay hết run, thần trí minh mẫn. Biết thoát hiểm, chàng nghĩ thầm: ta phải giả bộ trúng độc, xem bọn nào đã ra tay.

Chàng vờ xiêu vẹo, lảo đảo, rồi ngã xuống.

Quả nhiên có tiếng nói:

– Thành công rồi! Xuất hiện đi thôi.

Năm người đàn ông, một người y phục xanh lưng đeo kiếm, bốn người y phục đen tay cầm đao xuất hiện. Người đeo kiếm ra lệnh:

– Đem tám cô gái này ra xe.

Bốn người nhắc bổng Tô lịch thất tiên và Thúy Hồng đem ra xe. Ba người phu xe phản đối:

– Các người là ai mà giữa thanh thiên bạch nhật lại đánh thuốc mê bắt người?

Một người y phục đen cầm đao trấn ngay giữa cổng. Ba người khác khoa đao qua đầu ba phu xe. Cả ba rú lên kinh hãi.

– Im lặng, tuân theo lệnh chúng ta bằng không thì mất đầu.

Trong đền người mặc áo xanh tưởng Dã Tượng bị mê man, y vung chân đá chàng. Dã Tượng chuyển mình gạt mạnh, *lách cách một tiếng, xương chân y bị gãy. Y bay bổng ra xa*, nằm quần quai không bò dậy được nữa. Bốn tên mặc y phục đen từ ngoài sân chạy vào xả đao tấn công Dã Tượng. Dã Tượng không có vũ khí, chàng xách cây đại đao trên giá, lia một chiêu. Bốn tên vung đao đỡ, loảng xoảng, bốn thanh đao bị hất khỏi tay bốn người. Cả bốn tên bị bật tung ra xa, hổ khẩu bị rách, máu chảy đầm đìa. Dã Tượng xẹt tới điểm huyệt cả bốn tên.

Ba người nữa xuất hiện, gồm một nhà sư, một thanh niên trang phục tước vương Đại Việt, và một thiếu nữ cực kỳ diễm lệ.

Thiếu nữ phóng chưởng tấn công Dã Tượng, chiêu số rất tinh diệu. Dã Tượng nhận ra đó là một chưởng của phái Tiêu sơn bên Đại Việt. Chàng lạng người tránh, rồi dùng Hồ trảo móc tay một cái, bắt tay nàng. Nàng biến chưởng thành quyền. Quyền, trảo giao nhau, bách một tiếng, nàng bị bật lui liền bốn bước, mặt nhăn nhó tỏ ra đau đớn. Còn Dã Tượng thì đứng nguyên.

Cô gái như cười mà không phải cười, cô nói với Dã Tượng bằng tiếng Việt:

– Ôi! Người đường đường là một nam tử thân thể to hơn Hộ pháp, lại khô ngô, tuần tú thế kia mà nỡ ra tay nặng với một thiếu nữ như ta sao?

Giọng nói đầy nũng nịu.

Dã Tượng bật cười, rõ ràng cô cùng đồng bọn đánh thuốc mê chàng, thì chẳng tử tế gì, mà cô lại khen chàng tuần tú, rồi ý cô không muốn chàng mạnh tay với cô.

Trong những ngày theo sứ đoàn, đầu tiên Tây Viễn vương, rồi Vũ Uy vương phi không ngừng giảng cho Long thành ngũ phượng nghệ thuật chinh phục đàn ông. Những đàn ông địa vị tối cao,

bản lĩnh vô địch như Ngột A Đa, như A Truật, mà bị những cô gái trẻ như Thanh Nga, như Thúy Trang, như Thúy Nga làm cho hồn phiêu phách tán. Rồi mới đây chàng có dịp đi cùng Tô lịch thất tiên, các nàng tiên là những người có bản lĩnh tối cao về phương cách đưa đàn ông vào lưới tình; mà danh sĩ gọi là bắt con nai. Hoàng Hoa là người lớn tuổi nhất trong Thất tiên đã nhắc nhở Dã Tượng:

" Em còn trẻ, lại khô ngô, trong khi phải gánh vác trọng trách Xã tắc trao cho rất nặng nề. Khi giao tiếp với đàn bà phải tối cần thận. Họ nói Giáp thành Quý. Nói Tý thành Ngọ. Đàn bà nào cũng lừa dối đàn ông hết. Đàn bà càng đẹp, bản lĩnh lừa dối càng cao. Họ thường vô lý: họ trái mà họ bắt mình phải chịu lỗi".

Bây giờ gặp cô gái Việt nhan sắc đẹp huyền ảo, như có như không, tấn công chàng, rồi lại nũng nịu. Tuy biết nàng dùng bản lĩnh bắt nai, nhưng tự hào mình là người chính trực, Dã Tượng trả lời cô:

– Cô nương! Cô nương tấn công tôi, chứ tôi có đánh cô nương đâu!

– Người nói, thế ai làm tay ta sưng lên thế này đây?

Nói dứt, cô phát chiêu tấn công. Chiêu phong khá hùng hậu. Dã Tượng không dám vận công, chỉ đỡ cầm chừng. Hai người thi diễn cuộc đấu. Được hơn hai chục hiệp, Dã Tượng vận khí đưa vai chịu đòn, bình một tiếng, nàng bật lui liền ba bước. Chàng xẹt tới túm áo nàng nhắc bổng lên như nhắc một con gà. Chàng điểm huyết nàng. Nàng bị bắt sống.

Có tiếng hừ phát ra, rồi một nhà sư nhắc con ngựa gỗ liệng về phía Dã Tượng. Dã Tượng vung tay gạt mạnh. Aùm một tiếng, con ngựa gỗ bay bổng ra sân, vỡ làm ba bốn mảnh. Lực Dã Tượng quá mạnh, làm nhiều người la hoảng kinh ngạc. Trong đó có nhà sư.

Người ném ngựa gỗ tấn công chàng là một nhà sư, tiếng nhà sư nói giọng trầm trầm:

– Cái người này to lớn như Hộ pháp, lại dùng võ công Đại Việt. Chiêu số thì của phái Đông A, còn nội công lại là nội công Vô ngã tướng của Tiêu sơn. Dường như y mới luyện, công lực của y không làm bao, nhưng y có sức mạnh hơn voi.

Dã Tượng nhìn kỹ, tuổi nhà sư khá cao. Cạnh ông còn một thanh niên tuổi khoảng hai mươi hơn. Dã Tượng quát hỏi:

– Các người là ai?

Chàng vẫn nhắc cô gái như cầm bó rau. Thanh niên chỉ cô gái nói bằng tiếng gì chàng không hiểu.

Dã Tượng lắc đầu, chàng chỉ hiểu được tiếng Như Lan. Buột miệng chàng nói tiếng Việt:

– Ta không hiểu người nói gì.

Cô gái tuy bị kiềm chế, nhưng tỏ ra không sợ. Cô dịch câu nói của gã trẻ sang tiếng Việt:

– Người! Người mau thả Như Lan ra. Người đường đường là nam nhi đại trượng phu mà xách một cô gái lên như vậy, coi sao được !

Dã Tượng đưa cô gái cho mặt cô ngang với mặt mình, để nhìn cho rõ. Cô gái bực mình :

– Người là gã con trai to lớn kình cang, mà người... người túm ngực một khuê nữ như ta thế này coi sao được. Người người mau bỏ ta xuống.

Gã con trai quát lớn:

– Mau để Như Lan xuống.

Cô gái dịch sang tiếng Việt :

– Thái tử có chỉ dụ, người phải thả ta ra.

Dã Tượng cười:

– Thì ra cô là người Việt. Tôi thả cô ra vì cô với tôi đều là con Rồng, cháu Tiên chứ không phải tôi sợ cái gã kia đâu. Dường như y là Thái tử phải không? Y là Thái tử Đại lý, Mông cổ hay Tống?

– Thái tử Việt.

Dã Tượng cau mày:

– Việt? Thái tử Việt mà sao không biết nói tiếng Việt? Thái tử Việt tên Trần Nhật Hoảng, hiện đang ở Thăng long, mới lên ngôi Hoàng đế hiệu Thiệu Long. Y là ai mà dám xưng càn như vậy?

– Ông ta xưng là Thái tử, thuộc giòng chính triều Lý. Tên của ông ta là Lý Long Vân. Tôi không biết ông ta là dòng dõi nhà Lý thực hay giả.

Dã Tượng hiểu ngay: người này thuộc chi phái nào của triều Lý lưu vong ra hải ngoại đây. Thôi thì ta không lý đến y nữa. Chàng giải huyết cho Như Lan, để nàng xuống, rồi mỉm cười nói bằng giọng ngọt ngào:

– Tôi có làm cô đau không?

Như Lan bị một thiếu niên ngang tuổi, uy vũ, tiêu sái, da ngăm đen túm ngực nhấc lên, một cảm giác kỳ lạ chạy rần rập khắp người. Nàng muốn gã giữ nguyên, không để xuống. Mùi mồ hôi con trai làm nàng cảm thấy khoan khoái hơn là sợ hãi.

Được tự do, nàng sửa lại y phục, e thẹn nhìn Dã Tượng, nghĩ thầm:

– Tại sao lại có người to lớn, uy vũ thế kia? Tuy biết ta là đối đầu, mà y vẫn nói năng ngọt ngào! Ước gì ta có người chồng như y, thì thực hạnh phúc biết bao?

Dã Tượng hỏi Như Lan:

– Cô nương! Những người này là ai? Giữa họ với chúng tôi không thù không oán, tại sao họ đánh thuốc mê bọn tôi, rồi định bắt mang đi?

Như Lan dịch sang tiếng Hán vùng Quảng cho thanh niên trẻ nghe. Thanh niên chỉ vào nhà sư, ngụ ý để nhà sư trả lời.

Nhà sư chấp tay vái dài, ông nói rất chậm, bằng tiếng Việt chỉ vào thanh niên mặc vương phục:

– A Di Đà Phật! Đúng như tráng sĩ nói, giữa bần tăng với tráng sĩ không thù, không oán, không quen biết nhau, hơn nữa cùng là con Rồng cháu Tiên cả. Bần tăng không hề đánh thuốc mê thí chủ. Người đánh thuốc mê, chủ trương cướp bầy vị cô nương là đại gia đây.

Ông chỉ vào gã áo xanh, bốn gã áo đen nằm dưới đất:

– Xin tráng sĩ ban đại ân, đại đức tha cho năm người này. Họ là Ngũ hổ tướng của châu Khâu bắc, Văn sơn.

Nói rồi ông phất tay mấy cái, bốn gã bật dậy, huyết đạo đã được giải. Ông móc trong túi ra một hộp cao, bôi lên chân gã áo xanh, rồi bẻ hai thanh gỗ bó chân lại cho y.

Ông chỉ gã áo xanh nói với Dã Tượng:

– Người này họ Lý tên Đại, thuộc giòng dõi vua Lý Anh tông. Chẳng may bị ma ám, quỷ hờn, nhập bọn với tội cướp, chứ thực sự là người tốt.

Ông chỉ bốn người mang bảo đao:

– Bốn người này đều họ Lý, thuộc giòng dõi vua Lý Thái tông tên Anh, Hùng, Hào, Kiệt. Vì nghe lời lừa gạt rằng sang Khâu bắc, Văn sơn tụ nghĩa, chờ ngày khôi phục triều Lý, mà thành chân tay của bọn cướp tàn ác.

Ông nói với Dã Tượng:

– Người xưa nói: *hữu quá tặc cải*. Nghĩa là biết mình sai lầm, thì phải can đảm sửa đổi. Nay Ngũ vị thí chủ của Khâu bắc đã biết mình bị lừa, quay về với chính đạo, bần tăng đã thu họ làm đệ tử rồi.

Dã Tượng nghe nhà sư nói, chàng chỉ hiểu lơ mơ rằng: năm người này là con cháu các vua Lý, bị lừa sang Trung nguyên mưu phục hồi tiền triều, được phong làm Ngũ hổ tướng. Nay đã hối cải.

Nhà sư đưa mắt như ra lệnh cho Như Lan. Như Lan chạy ra ngoài xe, nàng dùng khăn thấm nước lau mặt cho Tô lịch thất tiên và Thúy Hồng. Tám nàng bị trúng thuốc mê, nhưng không hoàn toàn mê hẳn, vẫn nhận biết mọi sự. Tám người vào trong đền, đứng quan sát.

Nhìn nhà sư, Dã Tượng nghĩ rất nhanh:

– Rõ ràng võ công nhà sư cao hơn mình nhiều, nhưng ông lại hạ thế với mình, ắt có nguyên do gì đây?

Nhà sư cau mày hỏi:

– Bấy vị cô nương này bần tăng đã biết rõ. Còn tráng sĩ với phu nhân, xin cho bần tăng biết cao danh, quý tính.

Thúy Hồng thấy nhà sư phong quang khác thường, nàng không muốn nói dối ông. Nàng chỉ Dã Tượng:

– Bạch hòa thượng, chúng tôi thuộc sứ đoàn Đại Việt sang Mông cổ, chứ không phải vợ chồng. Anh ấy tên là Trần Quốc Kinh, còn tôi là Lý Thúy Hồng.

Như Lan reo lên:

– Trần Quốc Kinh à? Có phải anh có tên là Dã Tượng, là mục đồng vùng Thiên trường, từng cỡi trâu đuổi Lôi kị Mông cổ suốt ba ngày, ba đêm không?

Ghi chú

(1) Khi vua Thái tông lên ngôi, cắt đất phong cho hoàng tộc, mỗi người một vùng. Sợ rằng tông tộc phân tán đi khắp nơi, thâm tình sẽ phai nhạt, nên nhà vua phân chia vùng đất linh gần tháp Phổ Minh ra thành từng khu nhỏ, chia cho các vương hầu mỗi người một khu, cất dinh thự làm nơi cư ngụ chính thức tại quê hương. Đất này nay gọi là Cổ trạch. Hằng năm tất cả tông tộc nhà Trần phải về Cổ trạch giỗ tổ, cùng xum họp.

Vùng Cổ trạch xưa bao gồm toàn huyện Mỹ lộc, Vũ-bản và thành phố Nam định ngày nay. Hiện (2001) vùng Cổ trạch chỉ còn lại một khu nhỏ nơi có đền thờ Hưng Đạo vương, cùng đền thờ các vua Trần và công thần ở phía Bắc thành phố Nam định.

Độc giả muốn thăm khu di tích lịch sử này, rất dễ dàng. Trước hết tới thành phố Nam định, tìm chợ Rồng. Từ chợ Rồng đi về phía Bắc khoảng gần cây số, rồi lên dốc Lò trâu, rẽ phải hơn năm trăm mét gặp sông Vỹ hoàng. Xưa sông Vỹ hoàng là thắng cảnh của Nam định. Từ hồi đầu thế kỷ thứ 20, sông bị lấp dần, dựng nhà, chợ. Di tích nay chỉ còn những cái ao. Hồi trước 1907, thi sĩ Trần Tế Xương từng than:

Sông kia rầy đã nên đồng,

Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.

*Đêm đêm tiếng ếch bên tai,
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi chờ.*



Cổng vào khu Cổ trạch (hình chụp 2001)

Đi tiếp khoảng hơn nghìn thước, rẽ trái, thì sẽ thấy khu Cổ trạch uy nghi hiện ra. Khu Cổ trạch có tường xây phía ngoài. Ngay trước cổng vào có bãi đậu xe, với cây đa không biết trồng từ bao giờ, có lẽ trên trăm năm. Qua cổng vào trong là cái hồ, bờ kè đá. Sau hồ chia làm hai khu vực liền nhau: khu phải thờ đức thánh Trần và chư tướng. Khu trái thờ tổ tiên nhà Trần.

Từ cổng đi tiếp khoảng 7 trăm mét là tháp và chùa Phổ minh.

Theo báo chí trong nước loan tin ngày 13-12-2006 .

Viện Khảo cổ học Việt Nam chủ trì, Bảo tàng Nam định phối hợp khai quật khu di tích lịch sử tại thôn Túc mặc, thành phố Nam định. Cuộc khai quật khởi từ tháng 11 năm 2006, cho đến nay (10-01-2007) vẫn còn tiếp tục. Khu này bao gồm cánh đồng giữa đền thờ Hưng Đạo vương, các công thần triều Trần và Liệt tổ họ Trần. Mục tiêu là tìm di tích Hành cung Thiên trường. Cuộc khai quật đã tìm ra di tích Trùng hoa, một trong hai cung điện lớn nhất của Hành cung.

Cuộc khai quật trên diện tích lên tới hơn 2.000m², với khoảng 30 hố khai quật. Di vật xuất hiện dày đặc, số lượng đã tới hàng chục vạn.

Trong ba 3 hố khai quật phía tây đền Trần đều phát hiện dấu vết của các di tích kiến trúc điển hình như hệ thống cống thoát nước bằng đất nung, móng trụ cột, gạch lát nền, gạch chữ nhật có khắc chữ Hán "Vĩnh ninh trường", các vật liệu trang trí như đá tảng, sỏi đá nhẵn, ngói mũi sen, lá đề chạm rồng phượng...

Đã phát hiện khoảng gần 10 ô vuông nhỏ xếp gạch ngói, theo phỏng đoán bước đầu thì có thể là dấu vết của vườn hoa cây cảnh. Ngoài vật liệu xây dựng, còn lại hầu hết là đồ gia dụng bằng sành và gốm men... Đặc biệt có một số bát men ngọc và men trắng vẽ hoa văn hoa sen và hoa mẫu đơn rất tinh tế. Tất cả đều điển hình cho phong cách thời Trần.

(2) Xem Anh hùng lĩnh Nam, Động đình hồ ngoại sử, Cẩm Khê di hận cùng tác giả

(3) Tại đền thờ ba ngài ở Hà nội cũng có đôi câu đối này. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng câu dưới phải là chữ Bồ tân tức bến Bồ đề mới đúng. Ba ngài tự tạn tại Bồ tân thì không vững. Cái tên Bồ đề chỉ mới có vào năm 1418 khi Bình Định vương Lê Lợi vây quân Minh ở Đông Đô. Và ba ngài trấn tại Tượng quận, khi Tượng quận thất thủ thì tuấn tiết ngay tại chỗ, chứ có đâu đi từ Tượng quận về Bồ đề cách xa 2000 cây số, đường đi ít ra hơn tháng rồi mới tuấn tiết.

Hồi thứ sáu mươi
Nguyên tổ họ Lý Hàn quốc

Dã Tượng vui vẻ:

– Cô nương ở mãi bên Trung nguyên mà cũng theo dõi được tình hình Đại Việt nhỉ.

Như Lan lắc đầu:

– Tôi không hề ở Trung nguyên. Tôi chỉ mới đến Trung nguyên chưa đầy một năm.

Nhà sư cau mày suy nghĩ, rồi hỏi Dã Tượng:

– Trần thí chủ, hồi này thí chủ đấu mấy chiêu với Như Lan, rõ ràng là võ công Đông A chính tông, tại sao nội công lại là *Vô ngã tướng thiên công* của phái Tiêu sơn. Dường như thí chủ mới luyện Thiên công không lâu, nên công lực không mạnh. Sở dĩ thí chủ đâm vỡ con ngựa gỗ là do thần lực cá nhân mà thôi.

Dã Tượng đáp thực tình:

– Kiến thức đại sư thực bao la. Quả đúng như đại sư nói. Tiểu bối học võ công căn bản với Vũ Uy vương. Vương là con của Thái thượng hoàng đế, đương nhiên là võ công Đông A. Còn *Vô ngã tướng thiên công* của văn bối thì do một cao nhân của phái Trúc lâm yên tử truyền cho.

– À thì ra thế.

Nhà sư hướng cây đại đao móc một cái, cây đại đao bật tung lên. Ông múa thử mấy chiêu, rồi lắc đầu nói với Dã Tượng:

– Nặng thế này mà ban nãy thí chủ múa coi nhẹ nhàng như múa cây roi! Thần lực của thí chủ thực bần tăng mới thấy lần đầu. Thí chủ không hổ thẹn với mỹ danh Dã Tượng.

Những ngày chiến đấu tại Bắc cương, rồi những ngày theo sứ đoàn, Dã Tượng học được cung cách ôn nhu, văn nhã của Vũ Uy vương. Chàng chỉ mấy cái ghế ngoài hành lang đền, nói với nhà sư và Như Lan:

– Kính thỉnh đại sư! Kính mời cô nương! Chúng ta cùng ngồi, cùng trao đổi câu chuyện.

Nhà sư cố ý để Lý Long Vân ngồi trên, ông ngồi thứu nhì, rồi đến Như Lan và năm gã áo đen. Dã Tượng ngồi vào vai chủ vị, thứ đến Thúc Hồng và Tô lịch thất tiên.

Vừa ngồi xuống, Thanh Hoa chỉ gã thanh niên:

– Tên vong quốc kia! Mi tới đây từ bao giờ?

Thanh niên trả lời bằng tiếng Hoa:

– Thái sư nói rằng bầy vị cô nương bị bọn Tống bắt. Người sai tôi đi cứu các vị cô nương.

Dã Tượng hỏi:

– Thái sư nào?

– Ngài tên là Ngột Lương Hợp Thai.

Dã Tượng than thầm:

– Thì ra bọn này là người của Mông cổ.

Thanh Hoa hừ một tiếng chỉ gã thanh niên, hỏi Như Lan:

– Người là một cô gái đẹp, bản sự cũng vào hạng thượng thừa, tại sao người lại đi cùng với tên ghê lở này?

Cô gái vẫn cười:

– Tên ghê lở đó cũng ở trong đền này với cô, chứ đâu phải mình tôi? Đây cô, tục ngữ Việt có câu: *gái đĩ già mồm, cái trộm già miệng*. Cô đừng tưởng mình từng là gái đĩ ở Thăng long, rồi làm gái đĩ với Mông cổ, mà dõ giọng đầu đường xó chợ ra với tôi, trong khi cô chưa biết tôi là ai.

Thanh Hoa vẫn cứng đầu:

– Tôi cứ già mồm thì cô làm gì được tôi nào?

Chỉ thấy thấp thoáng một cái, Như Lan đã xẹt đến bên Thanh Hoa, rồi trở lại, tay nàng ném chiếc giày xuống đất. Thanh Hoa thấy má mình bị quệt hai cái, nàng đưa tay sờ lên, thì ra Như Lan đã rút chiếc giày quệt lên má nàng.

Như Lan cười nhạt:

– Cô mà còn dõ giọng vô học bất thuật ra với tôi, thì tôi không giết cô đâu; mà chỉ rạch lên mặt cô vài nhát dao, biến bộ mặt xinh đẹp của cô thành bộ mặt nửa người, nửa quỷ, cho cô hết kiêu căng.

Thanh Hoa run run ngồi im.

Hồng Hoa hỏi gã thanh niên:

– Mi xưng là con cháu của vua Lý Nhân tông, mà lại đi cúi đầu tuân lệnh mấy tên mọi Mông cổ, truy tìm chúng ta. Xưa kia vua Lý Nhân tông anh hùng là thế, mà nay con cháu sao lại hèn hạ như mi. Ta không tin mi là con cháu của người.

Dã Tượng kinh ngạc:

– Cứ như ngôn từ của Hồng Hoa thì cái gã xưng Thái tử này đã làm những việc phản dân hại nước. Hơn nữa đang theo Mông cổ. Dường như gã từng có hành vi ác độc với 7 nàng như vợ tên Trịnh Ngọc.

Dã Tượng lên tiếng trước:

– Bạch đại sư, chúng ta đều là người Việt, vậy cuộc thảo luận này sẽ nói tiếng Việt. Nhưng còn Thái tử Long Vân?

Lý Long Vân đỏ mặt lên vì ngượng. Y nói tiếng Hán:

– Tôi nói tiếng Việt không giỏi, nhưng các người nói, tôi hiểu hết.

Hồng Hoa nói cạnh bằng tiếng Hoa :

– Y xưng là giòng dõi vua Lý, mà không biết nói tiếng Việt. Rõ chán ! Y đang chạy theo bọn Mông cổ, phủ phục, bợ đỡ xin chúng cho chúc An Nam Quốc vương rồi về ngồi trên đầu trên cổ dân chúng đấy.

Hồng Hoa là người nhiều mưu trí, nàng hỏi Dã Tượng :

– Quốc Kinh đệ ! Đệ là Tả thiên Ngưu vệ thượng tướng quân ! Hơn nữa đệ lại là khâm sứ. Còn chúng ta là con dân Đại Việt. Chúng ta bị cái tên mặt dơi Lý Long Vân truy bắt, cầm tù, tức y là giặc cướp. Một tướng quân khi gặp bọn cướp không thể không tru diệt. Một khâm sứ khi ra ngoài được toàn quyền tiền trạm hậu tấu. Đệ đệ hãy nắm cổ cái tên ghê lở Lý Long Vân, vật chết nó đi.

Mặt Lý Long Vân tái như gà cắt tiết.

Dã Tượng đi một vòng giới thiệu, rồi nói với Thất tiên :

– Xin các chị bớt giận, để tôi điều tra xem y là ai đã.

Chàng hỏi nhà sư :

– Đệ tử không dám thỉnh pháp danh đại sư.

– Bần tăng là Huệ Đăng thuộc phái Tiêu sơn.

Dã Tượng, Thúy Hồng cùng kêu lên tiếng úi chà kinh ngạc. Vì hai người thường được bản sư kể cho nghe : cách đây 32 năm, đại sư Huệ Đăng là một vị cao tăng, Phật pháp uyên thâm thuộc giòng Tiêu sơn. Sư thường được triều đình thỉnh về Thăng long thuyết pháp. Mỗi lần ngài thuyết pháp, thánh chúng có hằng vạn người từ khắp nơi về nghe. Thế rồi thành linh ngài biến mất, không ai biết ngài vân du nơi đâu ? Sư chính là bản sư đầu tiên của Thượng hoàng.

Dã Tượng đứng dậy vái chào :

– Đệ tử kính cẩn ra mắt đại sư. Hồi đệ tử còn chăn trâu cho chùa ở Thiên trường, từng được nghe sư phụ nói về đại sư. Hôm nay có duyên được diện kiến.

Huệ Đăng cười mà không phải cười :

– Bần tăng bỏ nước ra đi thoát một cái đã 32 năm.

Từ lúc được Như Lan lau mặt tỉnh lại, Hồng Hoa thấy Lý Long Vân cứ dán mắt vào nàng. Kinh nghiệm mấy năm hát tại Quán văn Tô Lịch, có không biết bao nhiêu người từng say mê sắc đẹp của mình. Nàng từng dùng khéo mắt, nụ cười bắt những người dân ông say mê mình như bắt con thỏ. Bây giờ thấy Lý Long Vân lưu vong ở bên Trung nguyên mà còn cố bám lấy cái mã bề ngoài, xưng là Thái tử. Một cảm giác lợm giọng dâng lên, nàng nghĩ thầm : mình cần giam tên này vào lưới tình cho bõ ghét. Nghĩ là làm, nàng nghiêng nghiêng đầu, liếc mắt đưa tình, rồi mỉm cười. Nàng nói tiếng Hán :

– Thái tử, năm nay niên kỷ Thái tử bao nhiêu ?

– Cô gia 25 tuổi.

– Thái tử thuộc giòng nào của triều Tiêu sơn ?

– Cô gia thuộc giòng chính, hậu duệ của vua Lý Nhân tông.

– Tôi không tin. Chị Bạch Hoa nói Thái tử là con một tên trộm trâu mà. Nếu tôi không bị bắt, tôi có thể đem một tên trộm trâu, trộm chó ra rồi giới thiệu : đây là chú vua Lý Huệ tông cũng được.

Mặt Long Vân vẫn trai lỳ :

– Tôi có chứng cứ.

Long Vân móc trong bọc ra một tập sách mỏng rồi đọc :

" Đức Thái tổ bản triều, là con nuôi của Bồ tát Lý Khánh Vân, húy Công Uẩn, lĩnh Điện tiền chỉ huy sứ dưới triều Lê. Khi Lê Ngọa triều Long Đĩnh băng, người ứng lòng trời, thuận lòng người lên ngôi cứu ngũ. Được quần thần tôn hiệu:

Phụng thiên, chí lý,

Ứng vận, tự tại,

Thánh minh, long hiện,

Duệ văn, anh vũ,

Sùng nhân, quảng hiếu,

Thiên hạ thái bình,

Khâm minh, quang trạch,

Chương minh, vạn bang,

Hiếu ứng, phù cảm,

Uy trấn phiên man,

Duệ mưu, thần trợ,

*Thánh trị, tắc thiên,
Đạo chính, hoàng đế.*

Kế tục, đức Thái tông dẹp loạn chư vương Đông Chinh, Dục Thánh, Vũ Đức, lên ngôi, tôn hiệu là:

*Khai thiên, thông vận,
Tôn đạo, quý đức,
Thánh văn, quảng vũ,
Sùng nhân, thượng thiện,
Chính lý, dân an,
Thần phù, long hiện;
Thể nguyên, ngự cực,
Ức tải, công cao,
Ứng chân, bảo lịch,
Thông huyền, chí áo,
Hưng long, đại định,
Thông minh, từ hiếu,
Thiên thành hoàng đế.*

Đức Thái tông băng, đức Thánh tông kế vị, quần thần tôn hiệu là:

*Ứng thiên, sùng nhân,
Chí đạo, uy khánh,
Long tường, minh văn,
Duệ vũ, hiếu đức,
Thánh thần hoàng đế.*

Đức Thánh tông băng, đức Nhân tông kế vị, tôn hiệu là:

*Hiếu từ, thánh thần,
Văn vũ hoàng đế.*

Khi đức Nhân tông băng, để di chiếu cho Thái tử là Lý Thân Lợi kế vị, nhưng bọn gian thần lấy lý rằng Thái tử là con người thiếp, nên lập con của Sùng Hiền hầu là Lý Dương Hoán lên kế vị, tiếm xưng Thần tông.

Thái tử Thân Lợi cùng mẹ trốn lên vùng Bắc cương. Năm Tân Dậu (1141) khởi binh tại châu Thái nguyên. Nghiã quân từ Tây nông tiến ra Lục lệnh, chiếm châu Thượng nguyên và Hạ nông. Ngụy vương sai Giám nghị đại phu Lưu Vũ Xứng, cùng tướng Tô Tiêm, Trần Thiêm đi đường bộ, Thái phó Hứa Viêm đi đường thủy. Tất cả bị nghĩa quân của Thái tử phá tan, các ngụy tướng chết hết.

Thái tử đem quân các châu Thượng nguyên, Tuyên hóa, Cảm hóa, Vĩnh thông chiếm được phủ Phú lương. Nhưng vì quân ít thế cô, Thái tử bị bắt, bị giết.

Con của Thái tử là Lý Long Chương dẫn nghĩa quân chạy sang nương nhờ Tống. Tống cho hai động Văn sơn, Khâu bắc giữa biên giới Tống – Đại-lý – Đại-việt làm nơi đóng quân, tuyển mộ sĩ tốt, chờ ngày phục quốc.”

Long Vân gấp sách lại, tiếp:

– Cô gia là cháu nội của Thái tử Lý Long Chương.

Hồng Hoa lại liếc mắt đưa tình:

– Thế từ hồi đó đến giờ phụ thân của Thái tử đã tiến quân về Đại Việt bao nhiêu lần?
– Tất cả bảy lần, nhưng không thành công.
– Lần tiến quân mới nhất cách đây bao nhiêu lâu?
– Bảy năm. Trong lần nhập Việt này, phụ thân tôi bị trúng tên tử thương. Tôi đem xác người về an táng, rồi lên ngôi.

– Hiện giờ Thái tử có bao nhiêu quân, đóng ở đâu?
– Cô gia không có thủy quân, bộ binh hơn năm vạn, kỵ binh năm nghìn. Nếu khi cần, tất cả nam nữ đều cầm vũ khí có thể tới 7 vạn.

Tử Hoa khinh bỉ:

– Nếu tôi cũng kiếm một tên thầy cúng, nhờ y chép cho tập giấy rằng tôi là giòng dõi vua Lý Anh tông cũng được đi. Tôi không tin cái danh con cháu vua Lý Nhân tông của người!

Dã Tượng hỏi Long Vân:

– Thế cô nương Như Lan với Thái tử là chỗ thế nào?
– Nàng là phi tần của tôi.

Như Lan lách tay tát vào mặt Long Vân, bốp, bốp:

– Cho cái miệng nói láo chừa.

Mặt Long Vân bị hai cái tát, đỏ ửng lên.

Như Lan lắc đầu:

– Giữa y với tôi không có một chút quan hệ nào cả.

Lúc đầu thấy Như Lan xuất hiện với Long Vân, ai cũng tưởng nàng phải là người thân thiết với y. Bây giờ thấy nàng tát y, ai cũng kinh ngạc.

Long Vân nổi cáu:

– Người nói như vậy là quên nguồn gốc quả núi Tiêu sơn rồi. Người với ta cùng là con cháu của vua Lý Thái tổ, mà người chối ư?

– Ta là con cháu vua Lý Thái tổ thì đúng. Còn mi, mi là con cháu tên thầy bói trộm trâu.

Như Lan không lý đến lời Lý Long Vân, nàng nói với Dã Tượng:

– Trần tướng quân. Chắc tướng quân muốn biết tôi là ai phải không?

– Tôi biết cô nương từ lâu rồi.

Như Lan kinh hoàng:

– Vậy gốc gác tôi thế nào?

– Nhà cô nương ở trên cung Quảng. Tên cô nương không phải Như Lan mà là Hằng Nga. Đêm qua cô cỡi hạc xuống đây.

Bấy nàng Tô Lịch tỏ vẻ phản đối:

– Vừa xấu, vừa dữ mà là Hằng Nga ư?

Thúy Hồng nghe Dã Tượng có những lời ngọt ngào, thân thiết với Như Lan, nàng linh cảm như sắp mất một báu vật, nàng hừ một tiếng. Như Lan biết ngọn lửa ghen trong lòng Thúy Hồng, nàng nghĩ thầm:

– Cái anh chàng khổng lồ này là ai? Còn cô gái đẹp như hoa này là ai? Mà khi thì xưng là vợ chồng! Khi thì xưng là anh em, khi thì nói thuộc sứ đoàn Đại Việt. Bất biết cô là ai, mà cô tỏ ra ghen với mình thì mình trêu cho bõ ghét. Nàng liếc mắt nở nụ cười với Dã Tượng:

– Tướng quân khéo đùa thì thôi. Tôi họ Lý, tên Như Lan. Tôi là con gái út của Thái sư thượng trụ quốc, Đại đô đốc, tước phong *Kiến bình vương*. Tôi được phụ vương gửi đến đây kiếm một ông chồng. Nhưng tôi chưa gặp người như ý.

Hoàng Hoa bực mình hỏi:

– Thì ra là quận chúa phủ Kiến bình đấy. Thế người mà quận chúa chọn phải như thế nào?
– Một là phải thực cao lớn! Hai là phải có huân công với xã tắc. Ở đây có Tả thiên ngư vệ thượng tướng quân vừa khôi ngô, vừa cao lớn như Hộ Pháp, vừa có huân công. Nhưng... có vợ rồi! Chán quá.

Nàng hướng Thúy Hồng, hát bằng quơ:

*Của chua ai thấy chẳng thêm,
Em cho chị mượn chồng em vài ngày.*

Thúy Hồng uất lên, nhìn Như Lan như tóe lửa.

Tất cả mọi người cùng ồ lên.

Thanh Hoa nói bằng quơ:

– Cô bảo cô là Quận chúa! Chưa chắc! Lấy gì làm bằng chứng?

Hồi mới được Hưng Đạo vương nhận làm con nuôi, Dã Tượng vào sống trong vương phủ. Hằng ngày, các vương tử, quận chúa, gia tướng đều phải nghe gia sư, trưởng sử giảng sách. Một buổi, gia sư giảng về giai đoạn từ triều Lý chuyển qua Trần có đoạn:

"Niên hiệu Kiến trung thứ nhì (Đời vua Trần Thái tông, 1226) Đại đô đốc là Kiến bình vương Lý Long Tường cùng gia thuộc trên sáu nghìn người bôn xuất. Không biết đi đâu.

Lý Long Tường là hoàng tử thứ 6, con vua Lý Anh Tông, do Hiền-phi Lê Mỹ Nga, sinh vào niên hiệu Chính-long Bảo-ứng thứ 12 (DL.1174, Giáp-Ngo). Kiến Trung hoàng đế (tức Trần Thái tông) phong chức tước phong như sau :

*Thái-sư Thương-trụ quốc,
Khai-phủ nghị đồng tam tư,
Thượng-thư tả bộc xạ,
Lĩnh đại đô đốc,
Tước Kiến Bình vương.*

Niên hiệu Kiến-trung thứ nhì đời đức Kiến Trung nhà ta (1226 tức Trần Cảnh), tháng tám, ngày rằm, vương cùng gia thuộc hơn 6 ngàn người bôn xuất".

Bây giờ gặp Như Lan, chàng chấp tay vái:

– Thì ra cô nương là quận chúa con của Kiến bình vương đấy. Vậy hiện vương gia ở đâu?
– Tại vùng Hoa sơn bên nước Cao ly.
– Xa quá! Quận chúa năm nay bất quá 19 hay 20 mùa xuân trên mái tóc. Mà vương gia ra đi đã 32 năm. Như vậy quận chúa sinh ra trên đất Cao ly. Thế mà quận chúa nói tiếng Việt văn chương muốn hơn gả mục đồng này.

Như Lan thuật:

"Niên hiệu Kiến-trung thứ nhì đời vua Thái-tông nhà Trần (DL.1226, Bính Tuất), lo sợ bị Thái-sư Trần Thủ Độ hãm hại, vì vị thế trọng yếu của mình:

– Là con vua Anh-tông, em vua Cao-tông, chú vua Huệ-tông.

– Thân vương duy nhất nắm quyền hành.

– Chúc tước cực phẩm Thái-sư Thương-trụ quốc, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Thượng-thư tả bộc xạ, lĩnh đại đô đốc.

Vương âm thầm cùng Bình Hải công Lý Quang Bất từ căn cứ Đồn-sơn về Kinh Bắc, lạy ở lăng miếu Đình-bảng. Lại đến Thái-miếu mang bài vị, các tế khí ra trấn Đồn-sơn, rồi đem hết tông tộc hơn 6 nghìn người, xuống hạm đội ra đi.

Sau hơn tháng lênh đênh trên biển, thì gặp bão. Hạm đội phải ngừng lại một đảo (Đài-loan?) rồi tiếp tục lên đường. Một trong các con của vương là Thế-tử Lý Đăng Hiền cùng vợ con ở lại đảo. Hạm đội lênh đênh trên biển một thời gian, thì tấp vào cửa Phú-lương giang, quận Khang-linh (Ong Jin-Gun) tỉnh Hoàng-hải (Hwang-hac) thuộc Bắc Cao-ly. Nơi hạm đội tấp vào, dân chúng gọi là Nak-nac-wac có nghĩa là Bến của khách phương xa có đồ thờ cúng.

Theo gia phả của con cháu vương thì : Đêm hôm trước, vua Cao-tông (Kojong) của Cao-ly mơ thấy một con chim cực lớn bay từ phương Nam lại đậu ở bờ Tây-hải. Tỉnh lại, vua sai người tới đó tìm kiếm, thì gặp hạm đội của Kiến-bình vương. Kiến-bình vương được bệ kiến. Vương dùng bút đàm với vua Cao-tông và các đại thần Cao-ly. Triều đình Cao-tông đối xử với vương rất tốt, chu cấp lương thực. Cho làm nhà ở Ung-tân phủ Nam-trấn sơn (Chin-sang). Thế là mấy nghìn người Việt trở thành thuyền nhân kiều ngụ tại Cao-ly.

Lý Long Tường cùng tướng sĩ, gia thuộc bắt đầu cuộc sống mới. Họ trồng trọt, đánh cá, chăn nuôi làm kế sinh nhai. Vương mở trường dạy học: Thi phú, lễ nhạc, tế tự, binh pháp, võ thuật. Vương soạn sách Học vấn giảng hậu. Vì học trò đông, Vương cho xây Độc-thư đường, Giảng võ đường. Đệ tử của Vương lúc nào cũng trên nghìn người.

Tháng 7 năm Quý-sửu (1253) đời vua Cao-tông năm thứ 40, quân Mông-cổ xâm lăng Cao-ly, vượt Hồn-đồng giang, chiếm Tây-hải, phá An-giang Tây-thành. Về mặt thủy, Mông-cổ chiếm các đảo Đại-thanh, Tiểu-thanh, Sáng-lân, rồi tiến chiếm Tây-đô (Giang-hoa). Thủ-đô Cao-ly bị đe dọa. Các tướng sĩ hầu hết bị tử trận.

Thấy tình hình Cao-ly nguy ngập, Kiến Bình vương đến gặp Thái-úy (tướng tổng chỉ huy quân đội) là Vi Hiễn Khoan, cố vấn cho ông về binh pháp Đại-Việt. Đích thân vương cỡi bạch mã chỉ huy cuộc giữ thành: Đắp thành cao lên, đào hào đặt chông quanh thành. Trong thành đào giếng để có nước uống, tích trữ lương thảo. Vương đem tất cả binh pháp Đại-Việt trong những lần đánh Tống, bình Chiêm ra giúp Cao-ly.

Đánh nhau suốt 5 tháng, quân Nguyên bị tuyệt lương thảo, bị chặn đường rút lui, xin hàng. Tết năm ấy, toàn Cao-ly mừng chiến thắng. Triều đình khen ngợi Lý Long Tường, lấy tên ngọn núi ở quê hương vương là Hoa-sơn; phong cho vương làm Hoa-sơn tướng quân. Lại cho đổi tên ngọn núi nơi vương cư ngụ là Hoa-sơn. Nhà vua sai dựng bia ghi công vương trên núi Hoa-sơn, đích thân vua viết ba chữ Thụ hàng môn (Cửa tiếp thụ giặc đầu hàng)

Như Lan tiếp:

– Năm ngoái (1257), được tin Mông cổ đánh Đại Việt, phụ thân tôi lo lắng vô cùng. Người nói:

" Đất nước của chúng ta là đất nước của vua Hùng, vua An Dương, vua Trưng, chư vị tiên đế Tiều sơn để lại. Họ Lý ta làm vua hay họ Trần làm vua cũng vậy thôi, miễn sao mang hạnh phúc cho trăm họ là được".

Người nhần mạnh:

– Nay Mông cổ sang đánh, chúng sẽ tàn phá đến ngọn cỏ cũng không còn. Bố định mang hạm đội trở về Đại Việt tham chiến. Bố cần một gia tướng thân tín về nước thám thính tình hình. Nhưng các anh của con đều làm đại thần cho Cao ly cả rồi. Anh cả Lý Cán Đại lĩnh Đề-học nghệ văn quán, Kim-tử quang lộc đại phu. Anh thứ nhì Lý Huyền Lương, Tham-nghị lễ tào, Chính-nghị đại phu. Anh thứ ba Lý Long Tiền lĩnh Chiêu văn quan đại học sĩ, Giám-tu quốc sử. (Tể tướng).

Người nhìn tôi than:

– Tại sao con không là con trai, để lĩnh nhiệm vụ này?

Tôi thưa:

– Ngày trước trong 162 tướng thời vua Trưng thì có đến 99 nữ tướng. Con là con cháu của vua Trưng, tại sao con không làm được cái việc con con này? Bố đừng coi thường con gái của bố.

Phụ thân tôi mừng lắm. Tôi thưa:

– Giòng họ Lý nhà ta từng có công chúa Bình Dương, Kim Thành, Trường Ninh, Thiên Ninh, Đoan Nghi, một thời trấn ngự biên cương, khiến người Tống kinh sợ. Không lẽ bây giờ con không làm được việc này?

Nghe đối đáp giữa Dã Tượng với Như Lan, trong lòng Thúy Hồng ngùn ngụt hồi hận:

"Hỡi ơi, mình chưa biết gốc tích Như Lan, đã tỏ vẻ ghen, thực đáng trách. Vả dù gì chẳng nữa thì Dã Tượng cũng là chồng của Thanh Nga rồi, mình có ghen cũng vô ích, chỉ làm mất tư cách mà thôi. Nhưng liệu cô này có thực là giòng giống vua Lý không? Ta phải dò mới được".

Nàng nói với Như Lan:

– Quận chúa có nhớ hành trạng của các công chúa Bình Dương, Kim Thành, Trường Ninh, Thiên Ninh, Đoan Nghi không?

– Cái chị xinh đẹp này thử tôi đây à? Các công chúa ấy đều là tổ cô của tôi, mà tôi không nhớ hành trạng thì phụ vương sẽ đánh đòn. Này nhé công chúa Bình Dương khuê danh Mỹ Linh hạ giá với phò mã Thân Thiệu Thái; công chúa Kim Thành hạ giá với phò mã Lê Thuận Tông; công chúa Trường Ninh hạ giá với phò mã Hà Thiện Lãm. Cả ba công chúa đều là con của vua Thái Tông. Ba công chúa trấn ngự Bắc cương, đánh những trận kinh thiên động địa, khiến Tống bỏ ý định xâm lăng Đại Việt. Công chúa Thiên Ninh tức bà chúa Kho con vua Thánh Tông, gọi ba vị công chúa trên là cô. Còn công chúa Đoan Nghi hạ giá với phò mã Trần Thủ Huy. Công chúa là sinh mẫu Thái sư Trần Thủ Độ, là cô ruột tôi. Tôi với Thái sư Thủ Độ là con cô con cậu.

Thúy Hồng khen:

– Giỏi! Trí nhớ của quận chúa tốt lắm. Mời quận chúa nghe một bài hát này nghe.

Thúy Hường vẫy tay, Hoàng Hoa kéo nhị, Bạch Hoa vỗ trống cơm, Huyền Hoa đánh đàn đáy, Thanh Hoa thổi sáo, Hồng Hoa đánh đàn bầu, Tử Hoa đánh trống mảnh, Lan Hoa gõ phách. Nàng cất tiếng hát theo điệu ca trù:

Nực cười châu chấu đá xe,

Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng

Thời Chiêu-Thắng (1), mùa Xuân năm Đinh Tỵ,(2)

Tống Thần-tông đem tướng sĩ Nam xâm.

Phong Quách Quỳ với Triệu Tiết, làm nguyên soái, cầm quân. (3)

Đến Như-nguyệt (4) vượt sông, như thác đổ.

Nam-quốc sơn hà, Nam đế ở,

Bắc-cương địa giới, Bắc vương cư.

Lũ giặc kia, bay dăm đến đây ư?

Trận Cổ-pháp phơi thây dư chực vạ.

Bọn Miêu Lý, Lưu Mân, Trương Thế-Cự,(5)

Bị quân thoa, yếm thắm, đánh tan hoang.

Thương thay cái mộng họ Vương!(6)

Thúy Hồng hát xong, thì Hoàng Hoa cất tiếng hát tiếp theo, biến bài ca trù thành điệu châu văn. Hoàng Hoa vừa ngừng thì Tử Hoa hát theo điệu Xẩm, rồi Lan Hoa hát theo điệu Quan họ. Năm giọng hát, theo năm điệu khác nhau làm Dã Tượng, Như Lan ngây ngất như người say rượu.

Thúy Hồng hỏi Như Lan:

– Quận chúa có biết bài hát trên để ca tụng ai không?

Như Lan lại cười:

– Bài này do một danh sĩ làm để tụng công chúa Thiên Ninh. Công chúa là con vua Thánh Tông. Khi Quách Quỳ, Triệu Tiết sang đánh nước mình, Thái úy Lý Thường Kiệt thiết lập ba vòng đai phòng thủ. Vòng đai thứ nhất là các trang động Bắc biên. Vòng đai thứ nhì là phòng tuyến sông Như nguyệt. Vòng đai thứ ba bảo vệ Thăng long. Công chúa chỉ huy vòng đai thứ ba. Quân Tống phá vỡ vòng đai thứ nhất, thứ nhì, tràn về Thăng long như sóng vỗ. Ba tướng Tống là Miêu Lý, Lưu Mân, chỉ huy bộ binh, Trương Thế Cự chỉ huy Kị binh bị công chúa đánh bật về Như nguyệt. Hiện đền thờ công chúa ở Thị Cầu, Kinh Bắc.

Dã Tượng khen:

– Cô nương xứng đáng là cháu của các vị công chúa. Như vậy tại Cao ly lúc đầu có 6 nghìn người Việt, nay sau 32 năm ắt thành một vạn không chừng. Trăm năm sau, nghìn năm sau, hễ gặp ai họ Lý tại Cao ly thì biết là con cháu của Kiến Bình vương. Kiến Bình vương là nguyên tổ giòng họ Lý tại Cao ly.

Như Lan lắc đầu:

– Tướng quân ơi. Phụ vương tôi không phải là giòng họ Lý đầu tiên tới Cao ly đâu. Trước phụ vương tôi, đã có một vị vương trốn khỏi Đại Việt kiêu ngạo ở Cao ly rồi!

– Vị vương nào nhỉ?

Dã Tượng nặn óc suy nghĩ một lúc thì nhớ ra:

– À tôi nhớ ra rồi. Tôi được gia sư trong phủ Hưng Đạo vương giảng cho nghe như sau:

« *Vua Lý Nhân-tông không có hoàng nam, người nhận con của các thân vương trong hoàng tộc làm con nuôi. Năm Đinh Dậu (1117) nhận con của hầu Sùng Hiễn, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng làm con nuôi. Sau truyền ngôi cho con của Sùng Hiễn hầu là Lý Dương Hoán, tức vua Lý Thần-tông. Khi Lý Thần-tông băng, Thái-tử Thiên-tộ còn bế ngựa, triều thần muốn tôn con của Thành Quảng hầu là Lý Dương Côn lên nối ngôi. Cuộc tranh quyền trong giòng họ Lý diễn ra, sau vợ của vua Lý Thần-tông nhờ có tình nhân là Đỗ Anh Vũ giúp đỡ, mà loại hết các địch*

thủ. Năm Canh Ngọ (1150) nhân vụ chính biến, Cảm Thánh thái hậu mưu với tình nhân Đỗ Anh Vũ giết hết tông tộc của các hầu Thành Khánh, Thành Chiêu, Thành Hưng.

Bấy giờ con Thành Quảng hầu là Kiến Hải vương Lý Dương Côn (Lee Yang Kon) đang là đô đốc Thủy-quân, bèn đem gia thuộc xuống chiến thuyền lưu vong. Song không biết đi đâu (1150)”.
Nữ Lan gật đầu:

– Kiến Hải vương Lý Dương Côn cùng hạm đội lưu lạc sang Cao ly.

" Lý Dương Côn hiệu là Nguyên Minh, hoàng tử thứ ba con nuôi vua Lý Nhân Tông.

« Hậu duệ đời thứ sáu của Lý Dương Côn là Lý Nghĩa Mẫn (Lee Unimin) trở thành nhân vật kiệt hiệt trong lịch sử. Bấy giờ Cao-ly đang ở dưới triều đại vua Nghị-tông (Ui-jong 1146-1170). Nhà vua rất sủng ái Lý Nghĩa Mẫn, phong cho chức Biệt-trưởng. Nước Cao-ly trong thời gian này, phải chống trả với cuộc xâm lăng của Khiết-đan tức Đại-liêu, nên các võ tướng nắm hầu hết quyền hành. Năm 1170 tướng Trịnh Trọng Phu (Jeong Jung-bu) chưởng môn một võ phái, đảo chính vua Nghị-tông lập vua Minh-tông (Mycong 1170-1179). Trọng Phu bị các võ phái, võ tướng nổi lên chống đối. Lý Nghĩa Mẫn là người phụ tá đắc lực cho Trịnh Trọng Phu, đem quân dẹp các cuộc nổi dậy. Ông được thăng chức Trung-lang tướng, rồi dần dần thăng Tướng-quân, Đại-tướng quân (1173), Thượng-tướng quân (1174), cuối cùng là Tây Bắc bộ binh mã sứ (1178) (Tức Tư-lệnh quân lực miền Bắc Cao-ly). Năm 1179, một võ quan khác là Khánh Đại Thăng (Kyung Dae-Seung) làm cuộc chính biến, giết chết Trịnh Trọng Phu, lên nắm quyền. Bấy giờ Lý Nghĩa Mẫn giữ chức Hình-bộ thượng thư (1181) (Bộ trưởng Tư-pháp). Vì ông thuộc phe Trịnh Trọng Phu, nên bị nghi ngờ, chèn ép. Ông cáo quan về hưu.

Sau khi Khánh Đại Thăng chết, vua Minh-tông mời Lý Nghĩa Mẫn vào bệ kiến, được trao chức Tư-không, Tả-bộc xạ, Đồng-trung thư môn hạ bình chương sự tức Tể-tướng trong 14 năm (1183-1196).

Năm 1196, một phe võ tướng do Thôi Chung Hiếu (Cho Chung Heon) cầm đầu làm cuộc đảo chính, giết Lý Nghĩa Mẫn. Ba con ông là Lý Chính Thuần, Lý Chí Vinh, Lý Chí Quang đều là tướng cầm quân, cũng bị giết chết. Quân phiến loạn chỉ tha cho người con gái ông là Lý Hiền Bất. Giòng họ Lý Tinh-thiện tưởng đâu tuyệt tự. Nhưng may mắn thay, dòng họ này còn kế tục là nhờ người anh Lý Nghĩa Mẫn và các con không bị hại”.

Dã Tượng kéo mọi người trở lại:

– Quận chúa, thế rồi lý do nào vương gia lại cử quận chúa đi với sư phụ?

Nữ Lan chỉ sư Huệ Đăng:

– Người suy nghĩ một buổi rồi đồng ý.

« Vậy thì thế này, ta gửi đại sư đi với con. Con chuẩn bị lên đường càng sớm càng tốt. Ta có tất cả 8 con trai. Trừ Long Hiền, đã có vợ có con. Vậy khi về nước con cùng sư phụ chú ý tuyển lấy bảy lương gia thiếu nữ mang sang đây làm vợ cho các anh-em con. Không cần học giỏi, không cần dung nhan đẹp mà cần có khí phách nữ kiệt Việt ».

Chúng tôi dùng một con thuyền đi biển, thủy thủ đoàn gồm 10 người. Lênh đênh trên biển 21 ngày, khi về tới trấn Đông triều thì gặp bão. Thuyền phải ẩn vào một ngọn núi nhỏ ven biển. Sư phụ để thủy thủ đoàn ở lại, rồi thầy trò lên đường về Thăng long. Giữa lúc đó thì được tin Mông cổ bị Đại Việt phá.

Nói đến đây nàng nhìn Lý Long Vân:

– Trên đường từ trấn Đông triều về Tiên yên, chúng tôi gặp một toán thương nhân trang phục Tổng không ra Tổng, Đại lý không ra Đại lý, ẩn ẩn hiện hiện. Sư phụ nghi rằng đây là bọn gian tế Mông cổ. Người dẫn tôi theo dõi. Sau một tuần chúng tôi thấy họ không phải gian tế, mà là người Việt kiều ngụ trên đất Tống. Họ thuộc nhóm người Việt sống lâu năm tại Văn sơn, Khâu bắc. Họ về nước tuyển mộ người xung vào đạo nghĩa quân phục hồi triều Lý. Tôi ngay thật tự giới thiệu là con của Kiến bình vương Lý Long Tường, cháu vua Anh Tông. Họ rủ chúng tôi gia nhập vào lực lượng phục quốc này. Sư phụ đặt điều kiện: trong hoàn cảnh vàng thau lẫn lộn, người muốn gặp thủ lĩnh của nghĩa quân.(7)

Như Lan hỏi Lý Long Vân:

– Có đúng thế không?

Mặt Long Vân hãnh diện:

– Không sai.

– Thái tử tiếp chúng tôi rất niềm nở. Thái tử đem tập sách mỏng Tiêu sơn truyền phả ra đọc cho chúng tôi nghe. Chỉ mới nghe mấy câu sư phụ đã biết Thái tử không phải giòng giống Tiêu Sơn như tôi. Thái tử thuộc giòng dõi của bọn cướp Thân Lợi. Tuy nhiên trót vào hang hùm, sư phụ dặn tôi phải cẩn thận, bằng không khó thoát ra khỏi vùng Khâu Bắc, Văn Sơn.

Lý Long Vân giật bắn người lên hỏi sư Huệ Quang:

– Sao? Sao đại sư biết?

Sư Huệ Đăng cười mà không phải cười, sư đổi cách xưng hô:

– Chỉ có những ma vương, quỷ dữ mới tưởng rằng chúng sinh ngu muội cả. Nay Thân thí chủ, ngay khi tới Khâu bắc bần tăng đã biết sự thực rồi. Những gì thí chủ đọc từ này đến giờ là trò bịp bợm của tổ tiên thí chủ. Y là một tên thầy bói Thân Lợi. Vua Lý Nhân Tông không hề có cung nga nào sinh con tên Lợi cả. Chỉ có tên thầy bói tên Thân Lợi làm giặc bị giết mà thôi. Sau khi Thân Lợi bị chặt đầu, thì đồ đảng của chúng chạy sang xin Tống giúp quân về làm loạn. Tống vốn kinh sợ binh lực Đại Việt trong thời Anh Vũ Chiêu Thắng nên không dám mó tay vào tổ ong. Nhưng họ muốn nuôi một nhóm gian tế Việt, để mai sau có dịp dùng đến. Họ cho chúng khu đất Khâu bắc, Văn sơn lập trại sinh sống.

Long Vân hừ một tiếng, nói tiếng Hoa:

– Đại sư biết rõ như vậy mà vẫn theo cô gia gần năm nay là vì lý do gì?

Như Lan hừ một tiếng:

– Sao người ngu thế? Giữa hang hùm, thì phải giữ thân, đợi ra khỏi hang hùm thì tính tội gian nhân cũng chưa muộn.(8)

Như Lan tiếp:

– Thân Lợi bị giết, con y là Thân Minh, dẫn tàn quân sang nương nhờ Tống. Tống ban cho vùng đất hoang làm nơi tá túc. Thân Minh cùng đồ đảng khai thác đất hoang, trồng cấy, chăn nuôi. Mười năm sau khu đất trở thành hai châu Văn Sơn, Khâu Bắc. Thân Minh thường đem cái chiêu bài phục hồi chính thống triều Tiêu sơn, sai bọn bộ hạ về nước, chiêu mộ con cháu triều Lý, bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn vong mạng sang nhập bọn. Minh tổ chức:

Mười hộ là một chòm,

Mười chòm là một xóm,

Mười xóm là một hương,
Mười hương là một trại.

Trai gái từ 12 tuổi trở lên cứ 8 ngày làm việc, thì hai ngày luyện tập võ nghệ, binh bị. Dân chúng phải làm việc từ giờ Mão đến giờ Dậu (5 tới 19 giờ). Nhưng họ chỉ được chu cấp thức ăn vừa đủ no. Còn bao nhiêu tài nguyên phải xung vào công khố. Thân Minh chết, con là Thân Anh kế nghiệp. Anh tổ chức hai châu Khâu Bắc, Văn Sơn như một nước. Cao nhất là Thân Anh, xưng Thái tử, dưới có Tế tướng, Lục bộ (Lại, Binh, Hộ, Hình, Công, Lễ). Lại có cả Khu mật viện. Nội cung thì có Tam cung: Chánh phi, Nguyên phi, Tây phi. Ngoài ra còn có lục viện. Tổ chức đó cho đến nay vẫn duy trì.

Như Lan cười chế nhạo:

– Tổ tiên Thái tử cai trị cực tàn ác. Dân chúng chịu không nổi, bỏ trốn bị bắt về không cần biết chính phạm, tòng phạm cho xử cỡi ngựa gỗ hết.

Thúy Hường hỏi:

– Cỡi ngựa gỗ là hình phạt gì vậy?

Như Lan thuật:

– Bất kể tội nhân là nam, phụ, lão, ấu đều bị hình binh trói trong tư thế chân tay dang thẳng ra trên một tấm ván có bốn người khiêng. Hình binh khiêng đi từng xóm một, đánh trống họp dân chúng lại xem hành hình. Hình binh đánh ba tiếng trống, ba tiếng thanh la, lại xẻo một miếng thịt. Một hình binh khác cầm cây gậy đầu quấn dẻ, nhúng vào cái vại pha muối với vôi quét lên vết thương. Mỗi ngày hình binh chỉ xẻo mười miếng thịt thôi. Cứ như vậy cho đến khi phạm nhân chết thì xác vứt xuống một chuồng hôi (cầu tiêu) làm phân bón.

Như Lan cười khúc khích, nàng tiếp tục gọi Long Vân là Thái tử để chế diễu :

– Trong khi sư phụ với tôi ở Khâu bắc, Văn sơn thì người của Thái tử với Mông cổ qua lại nườm nượp. Sư phụ tôi đã bắt sứ giả của Mông cổ tra khảo, thì biết rằng Thái tử ước mong được phong làm An Nam quốc vương . Thái tử hứa rằng : nếu được phong làm An Nam quốc vương, Thái tử sẽ tích trữ lương thảo, huấn luyện sĩ tốt, chuẩn bị sẵn chờ khi Mông cổ mang quân đánh Đại Việt thì Thái tử đem bộ hạ đi tiên phong. Vừa rồi Thái tử gửi một vạn bộ binh, hai nghìn kỵ binh theo Mông cổ vào cướp phá Đại Việt. Trong trận Đông bộ đầu đám thổ phỉ này nhanh chân chạy trước. Chúng cướp gái đẹp, lương thảo, trâu bò, lừa ngựa đến mấy vạn. Đích thân Thái tử chỉ huy thổ phỉ bắt không biết bao nhiêu ca kĩ đem về Văn sơn. Ngột Lương Hợp Thai bắt Tô lịch thất tiên, giao cho Thái tử đem về Văn sơn cung phụng. Thái tử hồi lộ vàng, ngọc cho Ngột Lương Hợp Thai để y xin với Hốt Tất Liệt cho Thái tử làm An Nam quốc vương. Y đồng ý, y ra lệnh cho Thái tử yết kiến Hốt Tất Liệt để nhận sắc phong. Sư phụ tôi muốn nhân dịp này thoát khỏi vùng Khâu bắc, Văn sơn, nên người thuyết Thái tử rằng :

" Muốn Hốt Tất Liệt nể, thì Thái tử phải tỏ ra có thực lực. Thái tử phải mang sư phụ tôi theo, rồi nói cho Hốt Tất Liệt biết rằng : Khi Mông cổ tái nhập Đại Việt, ngoài quân của Khâu Bắc, Văn Sơn ra Thái tử còn một lực lượng 6 nghìn thủy quân với hai hạm đội hiện ẩn ở Cao ly. Cả hai nơi cùng kéo quân về làm tiên phong cho Mông cổ. Mông cổ chỉ có bộ binh, kỵ binh, họ rất yếu về thủy quân. Nay họ được 6 vạn thủy quân của Thái tử thì việc Thái tử muốn được phong làm An Nam quốc vương đâu có khó ?"

Long Vân càng nghe nói, càng tỏ ra bức tức. Như Lan tiếp :

– Thái tử dẫn sư phụ tôi theo cùng Ngũ hổ tướng tới Côn minh yết kiến Ngột Lương Hợp Thai. Giữa lúc đó tên gian tế Trịnh Ngọc trở về báo cho Ngột Lương Hợp Thai biết rằng cống vật là 7 cô gái Việt đẹp như tiên nga bị Hoa sơn ngũ hiệp cướp mang đi. Y ra lệnh cho Thái tử phải đi bắt lại. Thái tử lú lú tuôn lệnh, dẫn Ngũ hổ tướng đi Ô Giang. Y tặng viện cho Thái tử vợ chồng tên gian tế Trịnh Ngọc và thằng con tên Trịnh Long. Biết rằng khó địch lại Hoa sơn ngũ hiệp, Thái tử bày ra cuộc đánh thuốc mê, bắt chấp sư phụ tôi phản đối.

– Tôi làm gì có thuốc mê mà đánh. Người đánh thuốc mê là gã Trịnh Ngọc.

Như Lan cười chế nhạo :

– Thái tử khoe rằng Thái tử có Ngũ hổ tướng, vô địch thiên hạ, trung thành. Nhưng Thái tử đâu biết rằng họ vốn là hậu duệ của các Tiên đế triều Lý chính tông. Vì họ nghe lời bịp bợm của Thái tử, mà bỏ nước sang nhập đảng cướp. Biết bị lừa, họ căn rằng làm thân Câu Tiễn qua ngày, chờ dịp giết Thái tử để trừ cho Đại Việt một tên tướng cướp. Sư phụ tôi biết thế, nên đã âm thầm bàn với họ, thu họ làm đệ tử. Cho nên hồi nãy, khi đấu với Dã Tượng, họ vờ dùng nội lực tự hất văng đao của họ đi. Họ chịu để Dã Tượng điểm huyết. Chứ bản lĩnh họ cao thâm khôn lường.

Nàng bĩu môi khinh rẻ:

– Thôi, bây giờ Thái tử hãy trở về với ông tổ trộm trâu của mình đi. Thái tử không nên, không thể mạo nhận họ Lý của tôi nữa. Hãy nhận họ Thân, nhận ông tổ Thân Lợi trộm trâu.

Nàng cười lớn chỉ vào mặt Long Vân:

– Này tên trộm trâu con, hôm nay mi đừng hòng trốn thoát tay bản cô nương. Mi muốn chạy ư? Khó lắm.

Nghe Như Lan thuật, bây giờ Thanh Hoa mới hiểu rõ sự thực. Nàng nhủ thầm: mình không biết chân tướng cái con Như Lan, mà đã chửi nó. Cũng may nó chưa lấy tính mạng mình.

Long Vân ra lệnh cho Ngũ hổ tướng:

– Năm vị tướng quân của ta đâu? Mau ra tay.

Nhanh như chớp, hổ tướng Lý Kiệt đứng dậy:

– Tuân chỉ điện hạ.

Nói xong y túm lấy hai tay Long Vân bẻ quẹo ra sau, rồi dùng sợi dây đeo sau lưng trói y lại. Long Vân quát:

– Các người phản ta ư? Ta sẽ cho hình binh đem cả nhà người ra xử cối ngựa gỗ.

Hắn kêu lớn :

– Phu nhân Trịnh Ngọc đâu, mau cứu giá.

Có tiếng nói trong trẻo vọng vào :

– Đất này là nơi nào mà bọn gian nhân Mông cổ có thể lộ hành ?

Vù, vù, vù, ba thân người từ ngoài bay vào, rơi ngay cạnh bàn. Dã Tượng nhìn lại thì ra vợ chồng gã Trịnh Ngọc và đứa con bị điểm huyết nằm thẳng cứng. Rồi Vương Kiên xuất hiện với phu nhân là Minh Anh, Kim sơn tam kiệt.

Giữa lúc đó một người từ trên mái nhà đáp xuống nhẹ như chiếc lá. An Nhất, An Nhị đồng xuất chưởng tấn công người kia. Người kia cười xì một tiếng, đẩy chưởng của An Nhất vào chưởng của An Nhị. Bùng một tiếng, anh em họ An bật lui trở lại. Người kia nói tiếng Hoa vùng Thục:

– Xin lỗi Kim Sơn tam kiệt. Chúng ta là người nhà cả mà.

Nghe tiếng người ấy nói, Dĩ Tượng cảm thấy ấm áp trong lòng, vì y chính là Nguyễn Địa Lô.

Dĩ Tượng ôm chầm lấy Địa Lô:

– Chú năm! Em sang đây bao giờ?

Dĩ Tượng đi một vòng giới thiệu:

– Người này là em kết nghĩa của tại hạ.

Mọi người nhìn Địa Lô: dáng người phong lưu tiêu sái, da trắng môi hồng, như cây ngọc trước gió.

Chàng nói với Dĩ Tượng:

– Anh cả! Em tới đây đã hai ngày, tìm anh khắp nơi hôm nay mới thấy.

Như Lan, Thúy Hường thấy dung quang của Địa Lô, bất giác cả hai cùng nghĩ thầm:

– Ôi! Tại sao trên đời lại có người uy vũ, khôi ngô thế kia?

Địa Lô chấp tay vái Vương Kiên, chàng nói tiếng Hán vùng Thục:

– Vương đại nhân! Từ Đại Việt xa xôi, tại hạ đã nghe danh đại nhân như sấm nổ bên tai. Nhưng mấy hôm nay đi tìm nghĩa huynh khắp vùng Kim sa giang, Trường giang, thấy tướng binh hùng tráng, kỷ luật, dân chúng yên vui, tại hạ thầm phục đại nhân quả có tài như Gia Cát Vũ hầu. Bái phục, bái phục.

– Đa tạ Đô thống quá khen.

Có tiếng Nhất Hổ rên vì đau nhức. Địa Lô đến bên Nhất Hổ chẩn mạch:

– Cả hai xương ống quyển trái bị anh Dĩ Tượng dùng nội lực trấn gãy. Còn ống quyển phải chỉ bị dập bấp thịt thôi. Đại sư Huệ Đăng đã bó cho, nhưng không đúng khớp, vì vậy Nhất Hổ mới bị đau đớn. Nếu không trị ngay, thì chân trái bị úng máu, phải cắt đi.

Chàng móc trong bọc ra một hộp kim, tay gỡ hai thanh gỗ bó chân Nhất Hổ, rồi dùng kim châm vào huyệt Thần môn, Đại lũng:

– Tôi dùng hai huyệt này để trấn tĩnh thần trí cho huynh đã.

Thấy thủ pháp của Địa Lô, đại sư Huệ Đăng biết đây là danh y. Ông chấp tay:

– Xin Đô thống ra tay tiên cứu cho đệ tử của bản tăng.

Địa Lô mỉm cười, nụ cười tươi như hoa:

– A Di Đà Phật. Bây giờ đệ tử phải dùng kim làm tê ống quyển của Nhất Hổ, sau đó dùng dao mổ cho máu bầm chảy ra, bây giờ mới bó xương được.

Rồi chàng dùng kim châm vào huyệt Dương lăng tuyền, Âm lăng tuyền, Tam âm giao, Huyền chung; lại dùng ngón tay búng kim liên tiếp. Một lát, chân Nhất Hổ hoàn toàn tê; chàng lấy con dao trong bọc rạch chỗ dập, máu tím tuôn ra chan chứa. Đợi máu tím ra hết, chàng dùng thuốc cao dán lên, rồi quấn vải quanh vết thương. Cuối cùng dùng hai thanh gỗ nhỏ bó lại và nhổ kim ra.

Mặt Nhất Hổ tươi hồng trở lại:

– Đa tạ Đô thống.

Trong khi Địa Lô chữa trị, người người mở to mắt ra nhìn thủ pháp của chàng, mà từ trước đến nay họ chưa từng nghe, chưa từng thấy.

Vương Kiên hất hàm hỏi Long Vân :

– Tên mặt dơi, tai chuột kia. Tổ tiên nhà mi được Đại tổng ban cho hai châu Khâu Bắc, Văn Sơn làm chỗ dung thân, trải đã 5 đời. Thế mà bây giờ mi lại phản triều đình, theo Mông cổ, mưu đánh phía sau Tổng. Mi thực là bọn răn rết, không thể nào tha thứ.

Nói dứt Vương hô:

– Đem chúng ra chặt đầu.

Long Vân kinh hoàng, nói với Dã Tượng:

– Trăm lạy tướng quân, nghìn lạy tướng quân! Bề gì tôi với tướng quân cũng là người Việt. Nếu được ân xá tôi xin đầu hàng triều đình. Tôi thề đem hai châu Khâu bắc, Văn sơn sát nhập vào cương thổ Đại Việt. Tôi xin đem tất cả lực lượng bộ binh, kỵ binh đi tiên phong đánh Mông cổ. Chứ tướng quân giết cái mạng kiến ruồi này, tôi vô ích.

Đạ Lô nói với Vương Kiên:

– Vương Tiết độ sứ. Xin Tiết độ sứ giao bọn này cho anh em tôi. Anh em tôi phải dùng bọn chúng thì mới bình định được các châu Khâu bắc, Văn sơn.

Vương Kiên nói với Dã Tượng:

– Trần tướng quân! Long Vân là khâm phạm của Đại Việt, xin để Đại Việt xử chúng. Hai châu Văn sơn, Khâu bắc trước kia, khi thì thuộc Tống, khi thì thuộc Đại lý. Bây giờ dân chúng trong hai châu toàn người Việt. Vậy xin tướng quân dẹp bọn thổ phỉ Long Vân, rồi tổ chức cai trị. Tống không biết đến bọn mặt dơi tai chuột này.

Về tới dinh tổng trấn Vương Kiên nói với Dã Tượng:

– Cứu binh như cứu hỏa. Bây giờ tên Long Vân bị cầm tù. Ngũ hổ tướng của hai châu Khâu bắc, Văn sơn đã trở về với Đại Việt. Trần tướng quân có thể điều quân từ Đại Việt sang chiếm ngay hai châu này không? Để lâu e sinh biến.

Dã Tượng chấp tay:

– Đa tạ Vương Tiết độ sứ.

Ghi chú

(1) Chiêu thắng, tức niên hiệu Anh Vũ Chiêu thắng thời vua Lý Nhân Tông.

(2) Đinh Tỵ, tức năm 1077.

(3) Quách Quỳ, Triệu Tiết, tướng tư lệnh, tư lệnh phó quân Tống sang đánh Đại Việt.

(4) Như nguyệt một đoạn sông Cầu, nay thuộc Bắc Ninh, nơi ngài Lý Thường Kiệt làm phòng tuyến chống Tống.

(5) Miêu Lý, Lưu Mân, Trương Thế Cự là các danh tướng Tống vượt qua chiến lũy Như nguyệt tiến về Thăng long bị công chúa Thiên Ninh đánh bật về Bắc Như nguyệt.

(6) Vương đế chỉ Vương An Thạch, Tể tướng của vua Tống Thần Tông, chủ xâm lăng Đại Việt.

(7) Trong dịp thăm Hoa-sơn, Bắc hàn năm 1981, tôi xin người đại diện tộc Lý cho phép được mượn thợ khắc vào một phiến đá bài thơ cổ phong bằng chữ Trung-quốc (Hán, Nho), đặt cạnh tấm bia trên, gọi là chút lòng của người sau, tế người trước. Xin phiên âm như sau:

Điều Kiến Bình vương.
Phúc tại Tiêu-sơn lĩnh,
Thất đại bồn Bắc Cao,
Bình Mông danh vạn đại,
Tử tôn giai phong hầu.
Học phong nhân bất cập.

*Vọng quốc hồn phiêu phiêu,
Kim tải quá bát bách,
Hà thời quy cố hương?*



*Cổng trong đền thờ Bà chúa kho (Công chúa Thiên-Ninh)
tại Thị-cầu Bắc-ninh.*



Sau cổng trong tối tiền đình đền thờ Bà chúa kho

(Ngài là người họ Lý, được hưởng phúc tại ngọn núi Tiêu-sơn. Kể từ vua Lý Thái-tổ tới ngài là đời thứ bảy, phải bôn tẩu đến xứ Bắc Cao-ly. Nhờ chiến công đánh Mông-cổ, mà con cháu ngài đều được phong hầu. Ngoài ra, ngài là người đem học phong tới Cao-ly, công đức ấy không ai sánh kịp. Thế nhưng trải trên tám trăm năm, hồn ngài lúc nào cũng phiêu phưởng, không biết bao giờ được về cố hương ?).

Ngày nay trên ngọn đồi Julbang thuộc xã Đổ-môn (Tô-mơ-ki) cách núi Hoa-sơn 10 cây số về phía Tây còn lăng mộ ngài và con, cháu cho đến ba đời. Trên Quảng-đại sơn có Vọng-quốc đàn, nơi cuối đời ngài thường lên đó, ngày ngày nhìn về phương Nam, ôm mặt khóc, tưởng nhớ cố quốc. Mỏm đá mà ngài đặt chân đầu tiên lên bờ biển Cao-ly, được gọi là Việt-thanh nham, tức đá xanh in vết tên Việt.

Trên Hoa-sơn còn rất nhiều di tích kỷ niệm huân nghiệp của vương. Khi đến Hoa-sơn hành hương, thay vì chào nhau, du khách được hướng dẫn viên du lịch dạy cho nói câu: Hữu khách, Hữu khách, kỵ bạch mã. Nghĩa là Có người khách cỡi ngựa trắng, tức Lý Long Tường.

Tương truyền một đạo binh thiện chiến do Vương huấn luyện, trở thành đạo binh bảo quốc, đời nọ sang đời kia đều lấy tên là Bạch-mã. Hồi chiến tranh Việt-Nam (1960-1975) sư đoàn Bạch-mã có tham chiến, trấn đóng tại vùng Bồng-sơn, Quy-nhơn, Bình-định.

Cho đến nay, giòng họ Lý Hoa-sơn truyền trải 28 đời. Tại Nam-hàn chỉ có khoảng hơn nghìn hộ. Tại Bắc-hàn thì đông lắm, không thống kê được. Lý tộc tại Nam-hàn, hầu hết họ là những gia đình có địa vị trọng yếu về giáo dục, kinh tế, kỹ nghệ. Hồi 1953-1957, Tổng thống Lý Thừa Vãn là cháu 25 đời Kiến bình vương.

Theo tấm bia trên mang tên Thụ-hàng môn bi ký, thì Kiến Bình vương Long Tường có nhiều con trai, tất cả đều hiển đạt. Không thấy nói tới Lý Long Hiền, cùng tông tộc hơn 200 người ở lại đảo (Đài-loan ?). Lý Cán Đại lĩnh Đề-học nghệ văn quán, Kim-tử quang lộc đại phu. Lý Huyền Lương, Tham-nghị lễ tào, Chính-nghị đại phu. Lý Long Tiền Giám-tu quốc sử.

Theo quan chế Tống, hồi đó thì chức Chiêu-văn quan đại học sĩ, giám tu quốc sử là danh tự để chỉ chức Tế-tướng. Không biết quan chế Cao-ly có giống Tống không ? Nếu giống thì Lý Long Tiền đã làm Tế-tướng.

Ngày nay, tại Bắc-hàn, cứ đến dịp tết Nguyên-đán, hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường khắp lãnh thổ Đại-hàn đều kéo về Hoa-sơn để dự lễ tế tổ. Luật pháp Nam-Bắc Hàn đều cấm ngặt người Nam-Hàn du lịch Bắc-Hàn. Thế nhưng, hầu hết các hậu duệ tại Nam-hàn đã dùng phi cơ sang Trung-quốc, rồi từ Trung-quốc vào Bắc-hàn. Khi những hậu duệ Nam-Bắc Hàn gặp nhau, họ ôm nhau khóc nức nở. Sự kiện này chính phủ Nam-Bắc Hàn nhắm mắt lờ đi, vì tộc Lý dù ở Nam hay Bắc họ đều giữ những chức vụ trọng yếu. Khởi đầu của cuộc tế, đánh chín tiếng trống, gọi là Tâm-thanh để mọi người cùng tưởng nhớ cố quốc. Theo gia phả của chi Thuận-xuyên, sở dĩ đánh chín tiếng, vì muốn ghi lại triều Lý trải 9 đời vua, kể cả Lý Chiêu-hoàng.

Năm 1995, con cháu của Kiến Bình vương Lý Long Tường, quy tụ hơn trăm người trở về Đình-bảng, huyện Tiên-sơn, tỉnh Bắc-ninh hành hương lăng mộ tám vị vua triều Lý, tu bổ đền thờ Lý Bát đế, cùng dự lễ hội làng vào ngày rằm tháng ba Âm-lịch. Tại thiên chi linh, hẳn 9 đời vua triều Tiêu-

sơn, cũng như Kiến Bình vương Lý Long Tường đã thỏa nguyện: Những đứa cháu lưu lạc, nay trở về châu tổ ».

(8) Đoạn này Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép như sau:

Người thầy bói tên Thân Lợi nổi loạn.

Tân Dậu năm thứ hai (năm 1141)

(Tổng năm Thiệu Hưng thứ 11). Sai bọn Lưu Vũ Xúng đi đánh Thân Lợi ở Bồ dinh, bị thua trận.

Trước đây Thân Lợi tự xưng là con vua Lý Nhân Tông, đem đồ đảng đến châu Thái Nguyên, từ Tây Nông kéo ra, qua đất Lục Lệnh, vào giữ châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông. Y tụ tập những kẻ vong mạng, chiêu mộ thổ binh, định mưu nổi loạn. Lợi tự xưng là Bình vương, lập hậu phi, phong vương hầu, ban quan tước cho bè đảng. Bấy giờ đồ đảng Thân Lợi chỉ chừng hơn một nghìn người, đi đến đâu cũng nói phao lên rằng Thân Lợi giỏi thuật dùng binh, để bịp những dân ở các khe động nơi biên giới. Đâu đấy đều sợ hãi, không ai dám chống cự lại. Khi tin từ biên giới cáo cấp về, nhà vua sai Giám Nghị đại phu Lưu Vũ Xúng đi đường bộ, Thái phó Hứa Viêm đi đường thủy, đem quân đến đánh. Bộ tướng của Vũ Xúng là bọn Tô Tiêm và Trần Tiêm kéo quân đi trước. Gặp thủy quân Thân Lợi, hai bên giao chiến, Tô Tiêm thua, bị chết tại trận. Thân Lợi đắp ải Bắc Nhựt để chống lại quan quân. Vũ Xúng đánh hết sức mới hạ được. Khi Vũ Xúng kéo quân về đất Bồ dinh, Thân Lợi tung cả thủy quân ra đánh. Vũ Xúng thua, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ :

Nay xét : Năm Thiệu Hưng thứ 9 (1139) nhà Tống, Quảng Tây sớ ty nói rằng : « Thời Lý Nhân Tông có người cung thiếp sinh được con trai, vua Nhân Tông không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, lấy tên Trí Chi, tự xưng là Nam Bình vương. Kịp khi Thần Tông mất rồi, hắn quay về nước muốn tranh ngôi với Lý Anh Tông. Anh Tông đem quân chống lại, Trí Chi cầu xin nhà Tống xuất quân cứu giúp”. Sớ ty đem sự đó tâu lên, nhưng vua Tống xuống chiếu từ chối. Vậy có lẽ Trí Chi với Thân Lợi cùng là một người : Khi tự giới thiệu ở Quảng Tây để xin Tống cứu viện thì lấy tên là Trí Chi, và nói dối là con vợ lẽ Lý Nhân Tông để lừa gạt nhà Tống đấy thôi. Còn xưng hiệu là Nam Bình vương cũng là chứng cứ hợp với sử chép Thân Lợi tiếm hiệu là Bình vương ; nhưng không biết được gốc ngọn của Thân Lợi ra sao.

Tháng 4, mùa hạ. Thân Lợi phá phủ Phú Lương. Nhà vua sai Đỗ Anh Vũ đi đánh : Thân Lợi thua chạy, Tô Hiến Thành đuổi bắt được Lợi.

Thân Lợi ra giữ Tây Nông, đem người các xứ Thượng Nguyên, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông...đánh phá phủ Phú Lương, chiếm phá phủ lý, rồi cùng với đồ đảng mưu cướp kinh đô. Nhà vua sai Anh Vũ đem quân đi đánh. Bấy giờ Thân Lợi tiến đóng ở Quảng Dịch, gặp quân Anh Vũ đánh kịch liệt, quân Lợi thua, chết không biết bao nhiêu mà kể. Đảng nó là Dương Mục thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và Chu Ái thủ lĩnh động Kim Khê đều bị bắt. Thân Lợi trốn thoát chạy sang châu Lục Lệnh. Nhà vua lại sai Anh Vũ đi đánh, bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người làm tù binh. Thân Lợi chạy sang Lạng châu. Nhà vua xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đuổi đánh, bắt được Thân Lợi, đưa sang đến quân doanh Anh Vũ, đóng cũi mang về kinh đô ; giao cho quan lại trị tội : chém Thân Lợi và những kẻ đồng mưu 20 người, còn thì cứ theo nặng nhẹ mà trị tội.

(Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Chính biên, Q4, Viện sử học Việt Nam dịch chú giải, nhà xb Giáo dục 1998, trg394-396)

